

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

----- 02 80 -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP THỤY LÂM,
XÃ THỤY LÂM, HUYỆN ĐÔNG ANH”

Địa điểm: Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(nay là xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội)



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thanh

TP Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ.....	6
MỞ ĐẦU.....	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1. Tên chủ Dự án đầu tư.....	9
2. Tên dự án đầu tư	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án.....	11
3.1. Công suất hoạt động của dự án	11
3.2. Quy trình công nghệ sản xuất	18
3.3. Sản phẩm của Dự án	26
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở	27
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và hoá chất sử dụng cho Dự án:	27
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	32
5.1. Quy mô sử dụng đất của Dự án.....	32
5.2. Quy mô các hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật đã được xây dựng ...	38
5.3. Công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thiện	42
5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án.....	43
5.5. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định	45
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	47
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	47
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	47
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	50
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	50
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	50
1.2. Thu gom, thoát nước thải	51
1.3. Xử lý nước thải	52
1.3.1 Yêu cầu đối với các đơn vị thứ cấp.....	52

1.3.2 Yêu cầu đối với CCN Thụy Lâm	52
2. Các công trình, biện pháp xử lý khí thải	70
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	82
3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt	82
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	82
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	83
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	85
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án	86
6.1. Đối với sự cố hệ thống trạm xử lý nước thải	86
6.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải	88
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	89
7.1. Đối với sự cố cháy nổ, chập điện	89
7.2. Biện pháp an toàn giao thông	89
7.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động	89
7.4. Đối với sự cố bão lũ, lũ lụt	90
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước coogn trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi	90
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	91
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	91
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	92
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	92
2. Nội dung đề nghị cấp phép khí thải	94
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	94
4. Nội dung chương trình quản lý đối với chất thải	95
Chương V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	97
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	97
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	97
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	97
1.2.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải	97

1.2.2. Đối với hệ thống xử lý khí thải.....	98
1.2.3. Đơn vị đo đạc, quan trắc dự kiến.....	98
1.2.4. Phương án vận hành thử nghiệm	99
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	103
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	103
2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục.....	104
Chương VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	105

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SS	Chất rắn lơ lửng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	Tổng lượng chất rắn lơ lửng
TT-BTNMT	Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường
TT-BXD	Thông tư của Bộ Xây dựng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên – Môi trường
CTSH	Chất thải sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
CTSX	Chất thải sản xuất

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí thực hiện Dự án	10
Bảng 1. 2: Tổng hợp các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư của CCN	11
Bảng 1. 3. Phân khu chức năng của CCN	15
Bảng 1. 4. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm.....	24
Bảng 1. 5. Dự kiến nhu cầu sử dụng hóa chất của trạm XLNTTT	27
Bảng 1. 6. Tiêu chuẩn cấp nước.....	28
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước của cả CCN.....	30
Bảng 1. 8. Nhu cầu thoát nước thải.....	31
Bảng 1. 9. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất theo chức năng CCN Thụy Lâm	32
Bảng 1. 10. Quy hoạch kết cấu sử dụng đất.....	34
Bảng 1. 11. Thống kê khối lượng giao thông.....	39
Bảng 1. 12. Bảng thống kê khối lượng thoát nước mưa của CCN	42
Bảng 1. 13. Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải của CCN	43
Bảng 3. 1. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm.....	53
Bảng 3. 2. Các công trình chính của hệ thống	62
Bảng 3. 3. Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải.....	62
Bảng 3. 4. Danh mục thiết bị xử lý mùi	81
Bảng 3. 5. Thành phần CTNH phát sinh tại Trung tâm điều hành, TXLNT, các công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN.....	83
Bảng 3. 6. Biện pháp quản lý, kiểm soát chất thải phát sinh trong CCN	84
Bảng 3. 7. Các sự cố có thể xảy ra đối với thiết bị và biện pháp khắc phục	87

DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ

Hình 1. 1: Vị trí thực hiện Dự án	10
Hình 1. 2. Sơ đồ hệ thống cấp nước chữa cháy cho CCN	40
Hình 1. 3. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án.....	45
Hình 3. 1. Sơ đồ tổ chức thoát nước mưa của CCN Thụy Lâm.....	50
Hình 3. 2. Hệ thống thu gom nước thải tại CCN Thụy Lâm	51
Hình 3. 3. Sơ đồ cân bằng nước của Dự án.....	55
Hình 3. 4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 500 m ³ /ngđ	Error! Bookmark not defined.
Hình 3. 5. Quy trình hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động	72

MỞ ĐẦU

Cụm công nghiệp Thụy Lâm đã được thành lập theo Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với diện tích 17ha tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình. Cụm công nghiệp được thành lập nhằm tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ, mộc dân dụng, trạm khắc mỹ nghệ, sơn mài,...; các ngành nghề sản xuất kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu).

Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh” đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2021.

Sau khi phê duyệt ĐTM, chủ đầu tư tiến hành xin các thủ tục pháp lý có liên quan khác và đi vào triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

Năm 2025, để đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với quy chuẩn hiện hành đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và các doanh nghiệp đầu tư, Công ty thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch và đã được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 5816/QĐ-UBND ngày 22/04/2025 phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm. Trong đó, nội dung điều chỉnh chỉ sắp xếp, bố cục lại vị trí các ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp trên nguyên tắc không thay đổi diện tích đất xây dựng: Nhà máy, xí nghiệp; trung tâm quản lý điều hành; dịch vụ hỗ trợ, mạng lưới đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính xung quanh khu đất theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt.

Đến nay, hạ tầng kỹ thuật của dự án đã được xây dựng hoàn thiện theo quy hoạch được phê duyệt đảm bảo đủ điều kiện đi vào vận hành.

- Tổng mức vốn đầu tư dự án: 326.243.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng*) - Dự án thuộc nhóm B được phân loại theo tiêu chí tại khoản 2, điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày

29/11/2024.

Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh” thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V, Nghị định 05/2025/NĐ - CP ngày 06/01/2025. Theo khoản 1, điều 39 và theo điểm c, khoản 3, Điều 41 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án thuộc đối tượng phải lập giấy phép môi trường theo mẫu tại phụ lục VIII, Nghị định số 05/2025/NĐ - CP ngày 06/01/2025 trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thẩm định, phê duyệt.

CHƯƠNG I

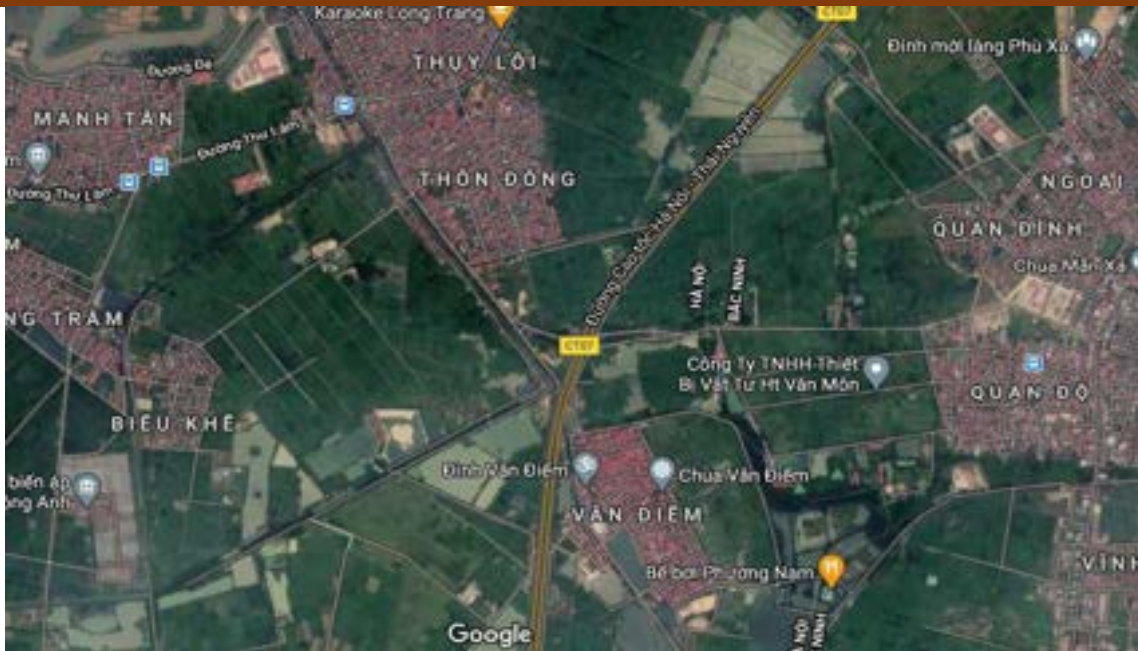
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ Dự án đầu tư

- Tên chủ Dự án: Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình.
- Địa chỉ: Xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội).
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
Đại diện: Trần Văn Thanh Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 02/10/1964 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101481500 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 21/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”.
- Địa chỉ thực hiện Dự án: xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội).
- Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Khu đất thực hiện Dự án có vị trí tiếp giáp như sau:
 - + Phía Bắc giáp đất nông nghiệp Thôn Thụ Lô;
 - + Phía Nam giáp đất thổ cư thôn Vân Diêm, xã Vân Hà, huyện Đông Anh;
 - + Phía Đông giáp một phần đất nông nghiệp, một phần tiếp giáp với ranh giới xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
 - + Phía Tây giáp đường gom cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên.
- Tổng diện tích nghiên cứu: 19,3 ha. Diện tích thực hiện Dự án: 17 ha.



Hình 1. 1: Vị trí thực hiện Dự án

Khu đất nằm ở vị trí có nhiều thuận lợi về giao thông, vừa có trục giao thông bộ tuyến đường Hà Nội – Thái Nguyên (Quốc lộ 3 mới), cách ga đường sắt khoảng 6km và ngoài ra còn có tuyến đường gom dọc theo tuyến Hà Nội – Thái nguyên, tuyến đường đi Vân Hà và tuyến đường kết nối từ xã Thụy Lâm sang thị trấn Từ Sơn, Bắc Ninh.

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí thực hiện Dự án

Tên điểm	X (m)	Y (m)
A	594 592,52	2 340 856,05
B	594 649,08	2 341 131,11
C	594 676,68	2 341 205,76
D	595 007,80	2 341 632, 16
E	595 009,45	2 341 222,40
F	595 011,55	2 341 181,46
G	595 024,49	2 340 954,84

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Giấy phép xây dựng số 362/2024/GPXD ngày 28/03/2024 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp.
- Cơ quan cấp giấy phép môi trường của dự án: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định

số 382/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp.

- Quy mô của Dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng vốn đầu tư 326.243.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng*) - Dự án thuộc nhóm B được phân loại theo tiêu chí tại khoản 2, điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án nhóm III thuộc mục số 2, mục II, phụ lục V nghị định 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

3.1. Công suất hoạt động của dự án

Dự án thành lập với mục tiêu xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Cụm công nghiệp Thụy Lâm đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định, ưu tiên phát triển mô hình cụm công nghiệp theo hướng hiện đại.

Quy mô: Dự án được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích thực hiện Dự án là 17 ha, trong đó bao gồm diện tích đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ; đất xây dựng nhà xưởng sản xuất; đất xây dựng các công trình kỹ thuật; đất bãi để xe; đất dịch vụ hỗ trợ và cây xanh.

Hiện tại, CCN đã xây dựng hoàn thiện hạ tầng đảm bảo thu hút đầu tư.

Ngành nghề thu hút đầu tư của CCN cụ thể như sau:

Bảng 1. 2: Tổng hợp các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư của CCN

TT	Nhóm ngành nghề	Mã ngành nghề	Ngành nghề
I	Ngành nghề công nghiệp chế biến, chế tạo		
1	Sản xuất đồ uống	11	Sản xuất đồ uống như đồ uống không cồn và nước khoáng (sản xuất đồ uống có cồn chủ yếu thông qua lên men, bia và rượu,

			sản xuất đồ uống có cồn qua chưng cất).
2	Sản xuất, chế biến gỗ, sản xuất chế biến sản phẩm từ gỗ và tre nứa, sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	16	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ như: gỗ xẻ, gỗ dán, lớp gỗ mặt (của gỗ dán), thùng đựng hàng bằng gỗ, gỗ làm sàn, gỗ làm dân giáo và gỗ dựng nhà làm sẵn. Quá trình sản xuất bao gồm xẻ, bào, tạo khuôn, xẻ mỏng, lắp ráp sản phẩm gỗ bắt đầu từ gỗ tròn được cắt thành từng khúc hoặc tấm, sau đó được cắt nhỏ tiếp hoặc được định khuôn bằng tiện hoặc các dụng cụ tạo hình khác. Gỗ khúc hoặc gỗ đã định hình khác có thể được bào hoặc làm nhẵn và lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng như thùng đựng hàng bằng gỗ (không bao gồm sản xuất giấy, bột giấy, ván sợi)
3	In, sao chép bản ghi các loại	18	In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, thiệp chúc mừng, các mẫu văn bản thương mại và các tài liệu khác và thực hiện hoạt động hỗ trợ như đóng sách, dịch vụ làm đĩa và tạo hình
4	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	22	Sản xuất sản phẩm từ cao su; Sản xuất sản phẩm từ plastic (không bao gồm chế biến mũ cao su, sản xuất cao su);
5	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	23	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu (không bao gồm sản xuất clinker, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao);
6	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	25	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; (không bao gồm công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất)
7	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	26	Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;

			sản xuất đồng hồ; Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học
8	Sản xuất thiết bị điện	27	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất pin và ắc quy; Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác
9	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	28	Sản xuất máy thông dụng; Sản xuất máy chuyên dụng; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da; Sản xuất máy chuyên dụng khác
10	Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	321	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan; Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan;
11	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	33	Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
13	Công nghiệp môi trường	-	Sản xuất sản phẩm xử lý nước cấp, bồn bể phốt, mô đun xử lý nước thải, tấm năng lượng mặt trời dùng cho bình nước nóng
II Ngành công nghiệp hỗ trợ			
14	Sản xuất nguyên vật liệu, phụ kiện, phụ tùng linh kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, chế biến, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng	Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp, công nghệ cao theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015.	- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao; - Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp; - Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị

			nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC,...); - Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo; - Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa; - Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường, cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất,...; - Các loại động cơ thể hệ mới: Động cơ điện, động cơ ồ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính; - Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao.
III	Vận tải, kho bãi		
15	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải
16	Bưu chính và chuyển phát	53	Bưu chính, Chuyển phát

- Số lượng Doanh nghiệp dự kiến thu hút vào CCN khoảng: 70-100 doanh nghiệp đầu tư vào CCN, diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được chia thành 12 lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp từ lô CN 01 đến CN 12.

*** Phân khu chức năng của CCN Thụy Lâm như sau:**

- Khu Bắc của Dự án (Lô CN 01- CN06): Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch và logistic.

- Khu Nam của Dự án (Lô CN 07 – CN 12): Sản xuất kinh doanh chế biến gỗ (gỗ xẻ, gỗ dán); sản xuất các sản phẩm gỗ dân dụng. Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch và logistic.

Bảng 1. 3. Phân khu chức năng của CCN

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Phân khu chức năng
A	Khu vực thực hiện Dự án		
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	Nhà điều hành của Cụm công nghiệp
1	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	- Trung tâm làm việc của BQL CCN, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất dịch vụ khác.
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN	Nhà xưởng công nghiệp, kho, văn phòng của các nhà máy thứ cấp , trưng bày các sản phẩm, các khu vực phục vụ hoạt động sản xuất
1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN 01	- Phân khu các ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo hướng công nghiệp sạch, một số ngành nghề đại diện như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học: Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị điện: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị điện khác; - Nhà xưởng kết hợp kho bãi, bãi xe vận chuyển, tập kết

			hàng hóa, phòng điều hành, trưng bày sản phẩm
2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN 02	
3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN 03	
4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN 04	
5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN 05	
6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 06	CN 06	
7	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 07	CN 07	- Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch và logistic.
8	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 08	CN 08	
9	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 09	CN 09	
10	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 10	CN 10	- Sản xuất Kinh doanh chế biến gỗ: gỗ xẻ, gỗ dán; sản xuất các sản phẩm gỗ dân dụng, - Nhà xưởng kết hợp kho bãi, bãi xe vận chuyển, tập kết hàng hóa, phòng điều hành, trưng bày sản phẩm: đồ nội thất, đồ gia dụng, ...
11	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 11	CN 11	
12	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 12	CN 12	
13	Đất xây dựng nhà máy,	CN 13	

	xí nghiệp 13		
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật	HTKT	
1	Hạ tầng kỹ thuật 1	HTKT1	Trạm bơm cấp nước, PCCC, Trạm biến áp
2	Hạ tầng kỹ thuật 2	HTKT2	Gồm các công trình trạm xử lý nước thải, kho chứa chất thải
IV	Đất cây xanh		
1	Đất cây xanh - Mặt nước 1	CX-MN1	Cây xanh cảnh quan mặt nước, phục vụ thoát nước điều hòa và cảnh quan
2	Đất cây xanh - Mặt nước 2	CX-MN2	
3	Đất cây xanh - Mặt nước 3	CX-MN3	
4	Đất cây xanh - Mặt nước 4	CX-MN4	Cây xanh tập trung, cảnh quan không gian điều hòa
5	Đất cây xanh - Mặt nước 5	CX-MN5	Cây xanh tập trung, cảnh quan tập khoảng cách ly tới khu vực dân cư theo quy hoạch
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		
1	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT1	Công trình hỗ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện khu trung bày giới thiệu sản phẩm tập trung.
2	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT2	Công trình dịch vụ: cây xăng dầu kết hợp trạm sạc điện
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		
1	Đất giao thông	-	Đường giao thông nội bộ Dự án
2	Bãi đỗ xe 1	P1	Bãi đỗ xe CCN

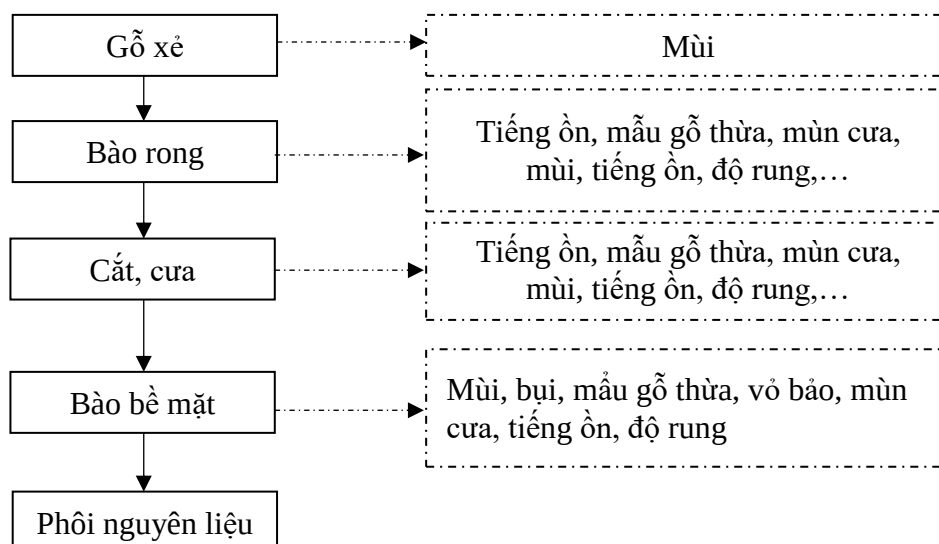
3	Bãi đỗ xe 2	P2	Bãi đỗ xe CCN
B	Khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật		
I	Đất cây xanh cách ly	-	Không thuộc phạm vi Dự án
II	Đất xây dựng các công trình giao thông	-	Không thuộc phạm vi Dự án

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế cơ sở của Dự án – Chủ Dự án)

Căn cứ báo cáo đầu tư của Dự án, số lượng lao động dự kiến: 2.040 lao động.

3.2. Quy trình công nghệ sản xuất một số ngành nghề của CCN như sau:

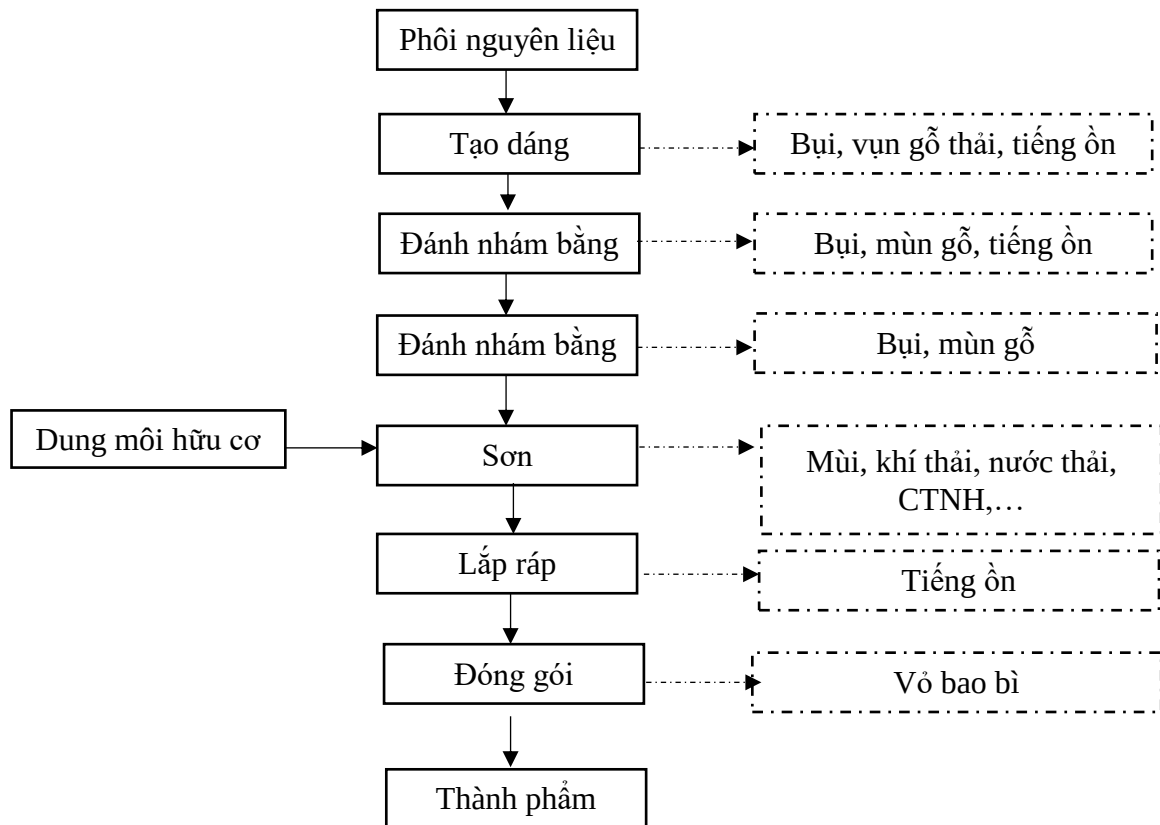
a. Sản xuất, chế biến gỗ



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sản xuất, chế biến phoi gỗ

Thuyết minh quy trình sản xuất, chế biến phoi gỗ: Tại các doanh nghiệp sản xuất, chế biến gỗ sẽ nhập nguyên liệu gỗ tươi về tại nhà máy, thực hiện chế biến xẻ gỗ. Tiến hành bóc lớp vỏ và bào rong, cắt cưa các khúc gỗ theo kích thước yêu cầu của khách hàng. Sau đó bào về mặt để thành phoi nguyên liệu theo yêu cầu của khách hàng.

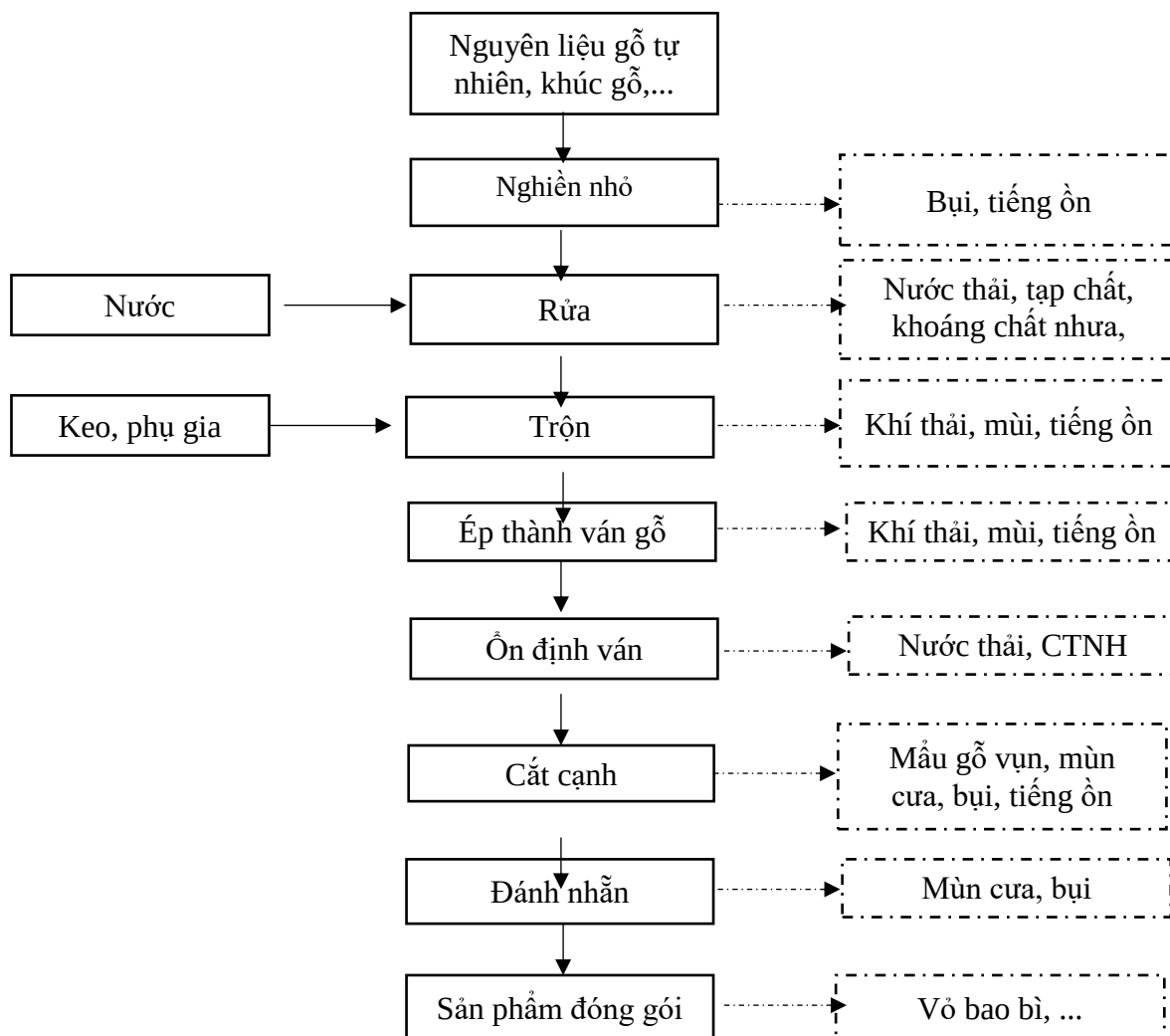
b. Sản xuất, gia công chi tiết, hoàn thiện sản phẩm từ gỗ cơ bản



Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình gia công chi tiết hoàn thiện sản phẩm cơ bản

Thuyết minh quy trình gia công chi tiết hoàn thiện sản phẩm cơ bản: Tại các nhà máy sản xuất, gia công chi tiết các sản phẩm cơ bản như đồ gia dụng, gỗ dán, ép: Phôi nguyên liệu được nhập về được tạo dáng thành hình sản phẩm cơ bản sau đó được đánh nhám bằng máy và bằng tay. Sản phẩm được sơn và lắp ráp thành sản phẩm và được đóng gói nhập kho hoặc được trưng bày để bán sản phẩm.

c. Quy trình sản xuất gỗ ván



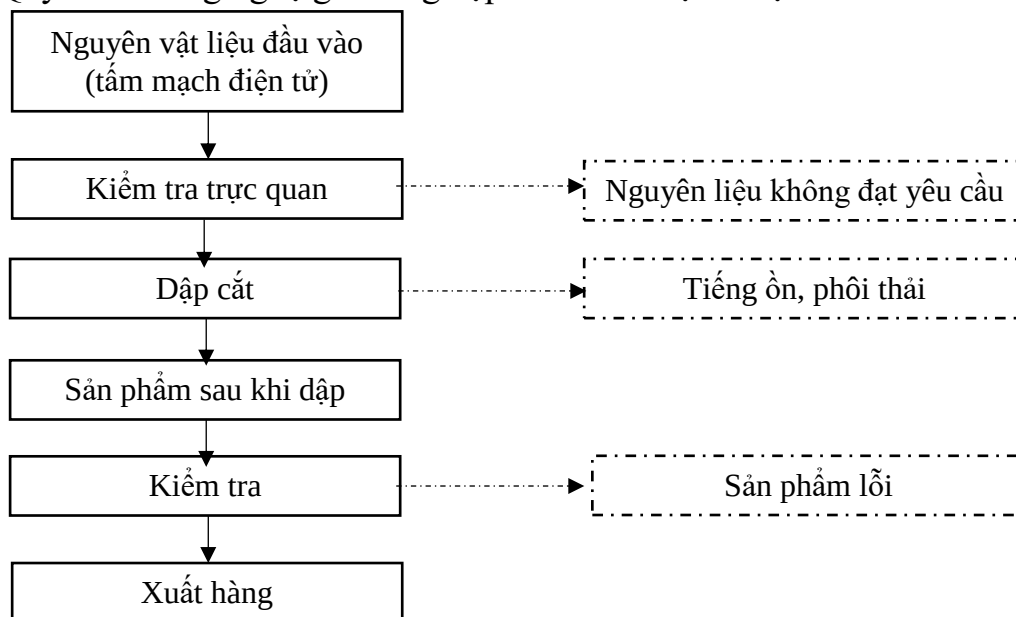
Hình 1. 4. Sơ đồ quy trình sản xuất gỗ ván ép

Thuyết minh quy trình sản xuất gỗ ván ép: Nguyên liệu là những mảnh vụn, nhánh cây, mẩu gỗ thừa tự nhiên được nghiền thành các sợi nhỏ cellulose, sau đó đưa qua bồn rửa để loại bỏ tạp chất, nhựa cây, ... sau khi rửa, các sợi cellulose được cho vào máy trộn để trộn cùng các chất kết dính, keo đặc chủng, chất bảo vệ gỗ,... và được ép thành ván gỗ. Sau khi ổn định, ván gỗ sẽ cắt cạnh theo kích thước yêu cầu của khách hàng, và được đánh nhẵn bề mặt. Sản phẩm sau cùng được kiểm tra đóng gói thành sản phẩm hoàn thiện.

CCN Thụy Lâm với định hướng quy hoạch tập trung phục vụ làng nghề sản xuất gỗ Thụy Lâm và một số ngành nghề khác phù hợp với quy hoạch phát triển CCN của thành phố Hà Nội. Đối với sản xuất gỗ thì hầu hết đầu vào là các phối nguyên liệu đã được sơ chế và xử lý thô, hoặc các ván gỗ công nghiệp đã được sơ chế xẻ thành từng tấm rồi chế biến ra các sản phẩm gỗ tiêu dùng. Do đó quá trình sản xuất làm gỗ trong cụm không phát sinh nhiều nước thải.

d. Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm điện, điện tử

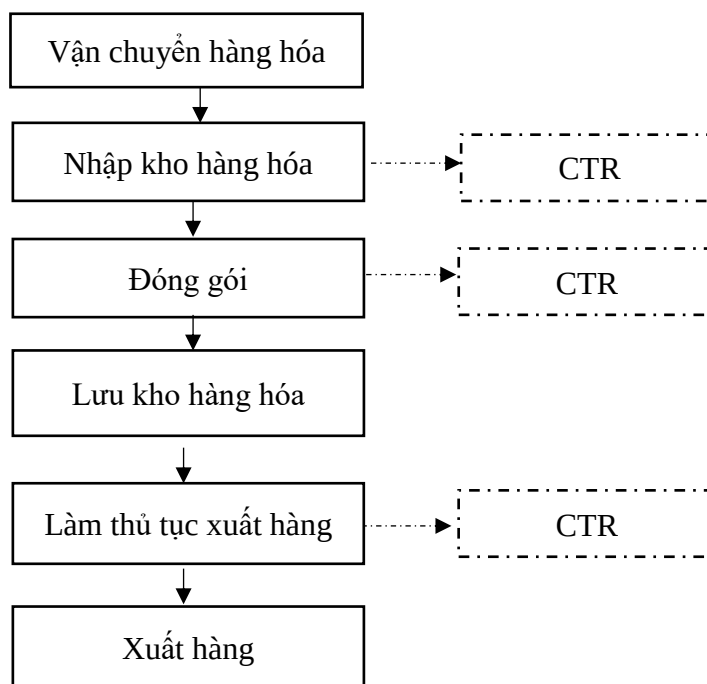
Quy trình công nghệ gia công dập tách tấm mạch điện tử



Hình 1. 5. Sơ đồ quy trình công nghệ gia công dập tách tấm mạch điện tử

Thuyết minh quy trình dập mạch điện tử: Nguyên vật liệu nhập về là các tấm panel hàng (các tấm to gồm các con hàng nhỏ dính liền nhau). Nguyên liệu sau khi kiểm tra trực quan đạt yêu cầu sẽ được dập cắt theo hình dạng và kích thước yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm sau dập được chuyển sang phòng kiểm tra đạt yêu cầu đóng gói và xuất hàng.

e. Quy trình vận hành kho bãi, logistic



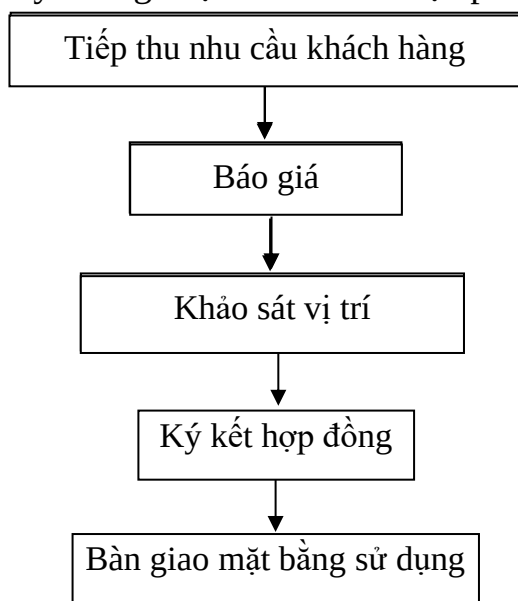
Hình 1. 6. Quy trình vận hành kho hàng hóa, logistic

Quá trình hoạt động của các Doanh nghiệp nằm trong phần diện tích của Dự án sẽ phát sinh các loại chất thải từ quá trình sản xuất, sinh hoạt của bên thuê nhà xưởng (bụi, khí thải, nước thải sản xuất, sinh hoạt, rác thải,...). Các loại chất thải này sẽ do các công ty có trách nhiệm quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường. Việc phân tích thành phần, tải lượng phát sinh cũng như đánh giá tác động của các nguồn chất thải của từng đơn vị thuê nhà xưởng sẽ được trình bày chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng công ty.

Chi tiết cơ sở lựa chọn công nghệ của từng nhà máy thứ cấp được trình bày trong hồ sơ môi trường của từng doanh nghiệp, nhà máy.

f. Quy trình cho thuê đất của dự án đầu tư

CCN Thụy Lâm chủ đầu tư thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cho các đơn vị thứ cấp thuê đất để hoạt động sản xuất với các ngành nghề thu hút đầu tư theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư đã được phê duyệt, quy trình cụ thể như sau:



Hình 1. 7. Quy trình cho thuê đất tại CCN

*** Thuyết minh:**

- Bước 1: Căn cứ vào nhu cầu thuê của khách hàng công ty tiến hành nhận các thông tin, liên hệ làm việc với khách hàng để đưa ra vị trí cho thuê phù hợp với thông tin và nhu cầu sử dụng.

- Bước 2: Lập báo giá và các nội dung điều khoản, hợp đồng cho khách hàng tham khảo.

- Bước 3: Cùng đi khảo sát các hạng mục cho thuê.

- Bước 4: Sau khi thống nhất các nội dung đề ra tiến hành ký hợp đồng.

- Bước 5: Bàn giao mặt bằng và hợp đồng cho khách hàng.

Đơn vị thuê đất sử dụng độc lập, tự chịu trách nhiệm làm các thủ tục môi trường, đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải, xây dựng kho chứa và ký hợp đồng thu gom xử lý chất thải với đơn vị có chức năng; tự lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất (nếu có) đảm bảo đạt yêu cầu về chất lượng theo thỏa thuận và phải đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

Chi tiết cơ sở lựa chọn công nghệ của từng nhà máy thứ cấp được trình bày trong hồ sơ môi trường của từng doanh nghiệp, nhà máy.

Các loại chất thải từ quá trình hoạt động CCN gây tác động xấu đến môi trường chủ yếu gồm:

- Chất thải rắn thông thường: Chủ yếu là các đầu mẩu gỗ, vụn thừa, phôi boi, bụi mặt cưa, kim loại, nhựa, các loại vỏ bọc, thùng nhựa, thùng catton, bao bì,...

- Nước thải:

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến gỗ: Thành phần nước thải của ngành sản xuất, gia công gỗ chủ yếu là độ màu cao, TSS, COD, N, P, lignin, dung môi hữu cơ, ...

+ Nước thải từ lò hơi: Cặn, BOD, ...

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất các sản phẩm điện, điện tử: Lượng nước thải phát sinh từ các ngành gia công, sản xuất các linh kiện điện tử, công nghệ sạch, kho bãi, logistic không lớn, thành phần chủ yếu là SS, kim loại nặng, dầu khoáng;

+ Nước thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu: BOD, TSS, dầu mỡ, NH_4^+ , NO_3^- , sunfua, ...

- Chất thải nguy hại: Các CTNH phát sinh từ quá trình sản xuất giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hoặc nhiễm thành phần nguy hại, các sản phẩm, linh kiện điện tử nhiễm thành phần nguy hại, bùn thải nhiễm thành phần nguy hại,

❖ Trách nhiệm bảo vệ môi trường của chủ đầu tư và các nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong CCN:

• **Đối với chủ đầu tư:**

- Chủ Dự án chịu trách nhiệm quản lý về hạ tầng kỹ thuật của Dự án (hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống cây xanh, giao thông...).

- Thu gom toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp hoạt động trong CCN để xử lý đạt cột A, QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chủ đầu tư có các bộ phận quản lý - kỹ thuật - môi trường để thực hiện các công tác quản lý môi trường CCN nói chung, thực hiện giám sát môi trường định kỳ, vận hành hệ thống XLNT tập trung, quản lý hệ thống cấp điện trong phạm vi CCN, quản lý công tác vệ sinh môi trường và thu gom rác thải sinh hoạt, chăm sóc và bảo vệ hệ thống cây xanh. Bên cạnh đó, các bộ phận trên tham gia vào công tác quản lý, giám sát các vấn đề môi trường bên ngoài hàng rào các nhà máy sản xuất, đảm bảo các nhà máy tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

* Yêu cầu chất lượng nước thải đầu vào của các nhà đầu tư thứ cấp vào Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN:

- Nước thải phát sinh tại Cụm công nghiệp Thụy Lâm được thu gom bằng hệ thống cống đến chân công trình chảy về Trạm xử lý nước thải công suất 500m³/ngày.đêm trên khu đất xây dựng các công trình kỹ thuật có diện tích 864m² phía Đông khu đất thực hiện Dự án.

- Nước thải của các cơ sở công nghiệp thứ cấp phải được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của CCN trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN. Tùy thuộc vào tính chất đặc thù ngành nghề, lưu lượng nước thải của từng cơ sở sẽ có phương án xử lý nước thải riêng.

- Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm như sau:

Bảng 1. 4. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
1.	Nhiệt độ	⁰ C	10 đến 45
2.	Màu	Pt/Co	170
3.	pH	-	5,5 đến 9
4.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	100
5.	COD	mg/l	300
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7.	Asen	mg/l	0,2
8.	Thủy ngân	mg/l	0,015
9.	Chì	mg/l	1

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
10.	Cadimi	mg/l	0,5
11.	Crom (VI)	mg/l	0,5
12.	Crom (III)	mg/l	1
13.	Đồng	mg/l	3
14.	Kẽm	mg/l	3
15.	Niken	mg/l	1
16.	Mangan	mg/l	1,2
17.	Sắt	mg/l	6
18.	Tổng Xianua	mg/l	0,3
19.	Tổng Phenol	mg/l	1
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
21.	Sunfua	mg/l	1,5
22.	Florua	mg/l	15
23.	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24.	Tổng Nito	mg/l	50
25.	Tổng Phot pho (tính theo P)	mg/l	8
26.	Clorua	mg/l	1000
27.	Clo dư	mg/l	2
28.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,15
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	1
30.	Tổng PCB	mg/l	0,01
31.	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	7,500
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

(Nguồn: Chủ Dự án)

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau khi được xử lý của CCN Thụy Lâm là mương thoát nước Mạnh Tân phía Đông Nam của ranh giới khu đất Dự án.

• **Đối với các nhà đầu tư thứ cấp:**

- Chịu sự giám sát, quản lý của chủ đầu tư CCN Thụy Lâm.
- Hoàn thiện thủ tục môi trường (giấy phép môi trường, đăng ký môi trường) trước khi đi vào hoạt động chính thức. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

- Xây dựng các công trình đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt; đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo yêu cầu; đường giao thông nội bộ đảm bảo cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Hoàn thiện hệ thống thu thoát nước mưa; hệ thống thu gom nước thải.

- Xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (nếu phát sinh nước thải) đạt bằng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN.

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải (nếu có phát sinh khí thải) đạt yêu cầu theo quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện thu gom triệt để và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Đối với các nhà máy hiện trạng, yêu cầu phối hợp với chủ đầu tư cải tạo các công trình chưa phù hợp để đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của toàn cụm.

3.3. Sản phẩm của Dự án

Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội” của Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình được thực hiện tại xã Thụy Lâm, thành phố Hà Nội với diện tích 17ha không thuộc Dự án sản xuất do đó không có sản phẩm cụ thể.

Sau khi đi vào vận hành chính thức, Dự án thu hút các doanh nghiệp thuê mặt bằng xây dựng nhà xưởng sản xuất, hoạt động phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của CCN bao gồm: Doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ, mộc dân dụng, trạm khắc mỹ nghệ, sơn mài, ...; các ngành nghề sản xuất kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển CCN thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)

Đồng thời, Chủ Dự án thực hiện quản lý, vận hành các cơ sở hạ tầng đã xây dựng bao gồm:

- Nhà điều hành;
- Hệ thống giao thông;
- Hệ thống cấp điện, nước;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải;

- Trạm xử lý nước thải công suất 500m³/ngày đêm.

- Yêu cầu chất lượng xả thải: Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A) với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và hoá chất sử dụng cho Dự án:

Nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn vận hành Dự án chủ yếu là nguyên liệu cung cấp cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Nhu cầu hóa chất cho các cơ sở sản xuất phụ thuộc vào công nghệ, loại hình sản xuất, yêu cầu về chủng loại, hình thức sản phẩm nên sẽ sử dụng các loại hóa chất và liều lượng khác nhau. Cụ thể khối lượng thành phần chi tiết sẽ được thể hiện trong hồ sơ môi trường của mỗi cơ sở.

*** Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống XLNT tập trung:**

Dựa trên tính toán thực tế và tham khảo như cầu sử dụng hóa chất của một số trạm xử lý nước thải tập trung của một số CCN, KCN để tính toán lượng hóa chất cần sử dụng cho HTXLNT tập trung của CCN Thụy Lâm khi trạm hoạt động với công suất cực đại là: 500m³/ngày.đêm, cụ thể như sau:

Bảng 1. 5. Dự kiến nhu cầu sử dụng hóa chất của trạm XLNTTT

STT	Tên hóa chất	Định mức sử dụng	Khối lượng hóa chất cần dùng cho HTXLNT cho 1 ngày	Ghi chú
1	PAC	20 g/m ³	10 kg/ngày	Keo tụ
2	Polymer	2,5 g/m ³	1,25 kg/ngày	Tạo bông
2	NaOH	40g/m ³	20 kg/ngày	Điều chỉnh pH
3	Clorine	5 g/m ³	2,5 kg/ngày	Khử trùng

(Nguồn: Dựa trên hoạt động thực tế một số trạm xử lý của các CCN có loại hình tương tự Dự án)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước cho Dự án:

❖ Nhu cầu sử dụng điện:

Nguồn cấp điện: Theo quy hoạch điểm dân cư xã Thụy Lâm nguồn điện cấp cho cụm công nghiệp Thụy Lâm được lấy từ trạm 110KV Đông Anh. Tổng nhu cầu sử dụng hơn 5MVA dẫn đường cáp trung áp từ trạm Đông Anh tới cụm công nghiệp Thụy Lâm.

❖ **Nhu cầu sử dụng nước:**

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho Dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước của Dự án cấp nước sạch cho khu vực Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch số 1 Aquaone.

- Nhu cầu nước cấp cho CCN Thụy Lâm chủ yếu bao gồm nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt, các nhà máy sản xuất, công trình hành chính, dịch vụ, nước tưới cây, rửa đường, nước hao phí, rò rỉ của các đường ống, cụ thể:

Bảng 1. 6. Tiêu chuẩn cấp nước

TT	Hạng mục	Đơn vị	Tiêu chuẩn	QC/TC áp dụng
1	Nước cấp CCN	m ³ /ha/ngày	20	TCVN 13606:2023
2	Cấp nước sinh hoạt (chỉ tiêu lao động tối đa là 120 người/ha. Nền lượng lao động dự kiến là 2.040 công nhân)	l/ng/ca	70	Bảng 2-TCVN 13606:2023
2	Trung tâm điều hành	l/m ² .sàn.ngày	5	Mục 2.10.2. Nhu cầu sử dụng nước - QCVN 01:2019/BXD
3	Cấp nước tưới cây	l/m ² .ngày	3	Mục 2.10.2. Nhu cầu sử dụng nước - QCVN 01:2019/BXD
4	Cấp nước rửa đường, bãi đỗ xe	l/m ² .ngày	0,5	Mục 2.10.2. Nhu cầu sử dụng nước - QCVN 01:2019/BXD
5	Cấp nước đất hạ tầng kỹ thuật	m ³ /ha/ngày	22	Mục 2.10.2. Nhu cầu sử dụng nước - QCVN 01:2019/BXD
6	Công trình dịch vụ hỗ trợ	l/m ² .sàn.ngày	5	Mục 2.10.2. Nhu cầu sử dụng nước - QCVN 01:2019/BXD
7	Cấp nước cho cứu hỏa (tính cho 1 đám cháy) ^(*)	l/s.đám cháy	30	Bảng 13, mục 10.5. TCVN 2622-1995
8	Dự phòng	%	4%(Qcn +Qcc+Qt +Qr)	Mục 3.3. Lưu lượng ngày tính toán cho hệ thống cấp nước tập trung – TCVN 13606:2023

^(*) Lưu lượng nước chữa cháy với diện tích CCN dưới 150ha tính cho 1 đám cháy.

- **Căn cứ tính toán nhu cầu sử dụng nước của CCN như sau:**

* Lưu lượng nước thải công nghiệp trong ngày dùng nước trung bình:

$$Q_{cn} \text{ ngày} = (q \times F)(m^3/ng\ddot{a})$$

Trong đó:

- Q_{cn} ngày: lượng nước dùng trong công nghiệp (m³/ngđ)

- F: Diện tích đất công nghiệp (ha)

- q: Tiêu chuẩn cấp nước

* Lưu lượng cấp cho các công trình công cộng, dịch vụ:

$$Q_{cc} = (F_{cc} \times q_{cc})/1000 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

Trong đó:

- Q_{cc} : Lưu lượng nước dùng cho công trình công cộng ($\text{m}^3/\text{ngđ}$).

- F_{cc} : diện tích (m^2 sàn).

- q_{cc} : tiêu chuẩn cấp nước cho các công trình công cộng

* Lưu lượng nước tưới cây:

$$Q_t = (F_T \times q_T)/1000 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

Trong đó:

- Q_t : lượng nước tưới cây ($\text{m}^3/\text{ngđ}$)

- q_T : Tiêu chuẩn tưới ($\text{lít}/\text{m}^2$ ngày đêm)

- F_T : Diện tích cây xanh được tưới (m^2)

* Lưu lượng nước rửa đường:

$$Q_r = (F_r \times q_r) / 1000 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

Trong đó:

- Q_r : lượng nước rửa đường ($\text{m}^3/\text{ngđ}$)

- q_r : Tiêu chuẩn rửa ($\text{lít}/\text{m}^2$ ngày đêm)

- F_r : Diện tích đường được rửa (m^2)

* Lượng nước dự phòng, thất thoát rò rỉ đường ống:

$$Q_{dp} = 15\% (Q_{cn} + Q_{cc} + Q_t + Q_r) \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

* Tổng lưu lượng nước cấp cho ngày dùng nước trung bình:

$$Q_{tb} = (Q_{cn} + Q_{cc} + Q_t + Q_r + Q_{dp}) \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

* Tổng lưu lượng nước cấp cho ngày dùng nước lớn nhất:

$$Q_{\text{ngày max}} = Q_{tb} \times 1,2 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

* Lưu lượng nước chữa cháy được tính như sau:

- Số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy

- Lưu lượng nước cấp cho một đám là 30 l/s

- Thời gian dập tắt đám là 3 giờ

- Lưu lượng nước chữa cháy được tính:

$$Q_{cc} = (3 \times 30 \times 3600) / 1000 = 324 \text{ (m}^3/\text{ngđ)}$$

Tính toán nhu cầu sử dụng nước của CCN cụ thể như sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước của cả CCN

TT	Hạng mục	Tiêu chuẩn	Diện tích	Chỉ tiêu cấp nước	Lưu lượng (m ³ /ng.đêm)
1	Nước cấp CCN	20m ³ /ha/ngày	9,8118 ha	= 20 x 9,8118	196,24
2	Cấp nước sinh hoạt (chỉ tiêu lao động tối đa là 120 người/ha. Nên lượng lao động dự kiến là 2.040 công nhân)	70 l/ng/ca	2040 người	= 70 x 2040 / 1000	142,8
3	Trung tâm điều hành	5 l/m ² .sàn.ngày	1.106 m ²	= 5 x 1.106/1000	5,53
4	Cấp nước tưới cây	3 l/m ² .ngày	26.875 m ²	= 3 x 26.875 / 1000	80,61
5	Cấp nước rửa đường, bãi đỗ xe	0.5 l/m ² .ngày	30.681 m ²	= 0,5 x 30.681 /1000	15,34
6	Cấp nước đất hạ tầng kỹ thuật	22 m ³ /ha/ngày	0,1405 ha	= 22 x 0,1405	3,1
7	Công trình dịch vụ hỗ trợ	5 l/m ² .sàn.ngày	11.234 m ²	= 5 x 11.234 /1000	56,17
8	Dự phòng, thất thoát rò rỉ đường ống	4% Q	-	= 4% x (196,24+142,8+5,53+80,61+15,34+56,17+3,1)	20,00
Tổng lượng nước cấp cho ngày dùng nước trung bình					519,79
Tổng lưu lượng nước cấp cho ngày dùng lớn nhất (k=1,2)					623,75
9	Cấp nước cho cứu hỏa (tính cho 1 đám cháy) ^(*)	30 l/s.đám cháy	-	= (30 x 3 x 3600) /1000	324,00
Tổng nhu cầu sử dụng nước					947,75
10	Dung tích bể ngầm =(70% nhu cầu cấp nước sinh hoạt (không bao gồm thất thoát tưới cây rửa đường)+Nước cấp chữa cháy)={70%(1+2+3+6+7)+9}				523,5
11	Chọn dung tích bể ngầm (m ³)				650

→ Tổng lượng nước cấp cho ngày dùng nước trung bình: 519,79 m³/ngày.đêm. Tổng nhu cầu sử dụng nước cấp cho hoạt động của CCN khoảng 947,75 m³/ngày.đêm (bao gồm nước cấp cho cứu hỏa).

❖ **Nhu cầu xả thải:**

Bảng 1. 8. Nhu cầu thoát nước thải

TT	Hạng mục	Công suất (m ³ /ng.đêm)	Chỉ tiêu xả thải	Nhu cầu xả thải (m ³ /ng.đêm)
1	Nước cấp CCN	196,24	80% nước cấp	157,00
2	Cấp nước sinh hoạt (chỉ tiêu lao động tối đa là 120 người/ha. Nên lượng lao động dự kiến là 2.040 công nhân)	142,8	100% nước cấp	142,80
3	Trung tâm điều hành	5,53	100% nước cấp	5,53
4	Cấp nước tưới cây	80,61	-	0
5	Cấp nước rửa đường, bãi đỗ xe	15,34	-	0
6	Cấp nước đất hạ tầng kỹ thuật	3,1	80% nước cấp	2,48
7	Công trình dịch vụ hỗ trợ	56,17	100% nước cấp	56,17
8	Dự phòng, thất thoát rò rỉ đường ống	20,00	-	0
	Tổng	519,79	-	363,98

Tổng lưu lượng nước thải Dự án là: 379,67 m³/ngày.đêm. Để đảm bảo tính an toàn khi xử lý, chủ đầu tư sẽ xây dựng trạm XLNT với hệ số an toàn 1,3 (đây là hệ số tham khảo thực tế tại các công trình tương tự với quy mô CCN, KCN).

Lưu lượng tính toán: $Q_{tt} = 379,67 \times 1,3 = 493,57 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

➔ Chủ đầu tư đã xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung công suất: 500m³/ngày.đêm.

Trong quá trình hoạt động của Dự án, khi Dự án phát sinh lượng nước thải lớn hơn do bổ sung thêm ngành nghề và số lượng công nhân viên so với dự kiến, Chủ Dự án sẽ xây dựng, tăng quy mô trạm xử lý lên công suất lên 1.000m³/ngày.đêm theo quy hoạch xây dựng chi tiết CCN tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Hiện tại, Chủ đầu tư đã xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của CCN Thụy Lâm đủ điều kiện đi vào vận hành theo đúng quy hoạch được phê duyệt, bao gồm:

- Nhà điều hành;
- Hệ thống giao thông;
- Hệ thống cấp điện, nước;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Trạm xử lý nước thải công suất 500m³/ngày đêm. Yêu cầu chất lượng xả thải: Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A) với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.
- Kho chứa chất thải rắn tổng diện tích 50m².

Hiện CCN đang trong quá trình thu hút các doanh nghiệp đầu tư, chưa đi vào hoạt động.

5.1. Quy mô sử dụng đất của Dự án

Căn cứ Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND huyện Đông Anh (cũ) về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quyết định số 5816/QĐ-UBND ngày 22/04/2025 phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm và các bản vẽ đi kèm, cơ cấu sử dụng đất theo chức năng của Dự án như sau:

Bảng 1. 9. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất theo chức năng CCN Thụy Lâm

TT	Loại đất	Theo QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020		Theo QĐ số 5816/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ
A	Khu vực thực hiện Dự án				
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	967	0,57	967	0,57
II	Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp	98.818	53,13	98.818	53,15
III	Đất xây dựng các công	1.405	0,83	1.405	0,83

TT	Loại đất	Theo QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020		Theo QĐ số 5816/QĐ-UBND ngày 22/04/2025	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ
	trình kỹ thuật				
IV	Đất cây xanh	26.875	15,81	27.107	15,95
V	Đất dịch vụ hỗ trợ	11,234	6,61	11,234	6,61
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông	30.681	11,68	30.402,5	17,89
	Tổng diện tích thực hiện Dự án	170.000	100,00	169.933,5	100,00
B	Khu vực khớp nối hạ tầng kỹ thuật				
	Đất cây xanh cách ly	11.208	49,04	11.869	51,79
	Đất xây dựng các công trình giao thông	11.645	50,96	11.049,7	48,21
	Tổng diện tích khớp nối HTKT	22.853	100,00	22.919,1	100,00
	Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch	192.853		192.852,6	

(Nguồn: Thiết kế cơ sở của Dự án)

Số liệu quy hoạch kết cấu sử dụng đất của Dự án như sau:

Bảng 1. 10. Quy hoạch kết cấu sử dụng đất

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Theo QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020					Theo QĐ số 5816/QĐ-UBND ngày 22/04/2025				
			Diện tích (m²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ (%)	Diện tích (m²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ (%)
				Mật độ XD (%)	Tầng (tầng)	Hệ số SĐĐ (lần)			Mật độ XD (%)	Tầng (tầng)	Hệ số SĐĐ (lần)	
A	Khu vực thực hiện Dự án											
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967				0,57	967				0,57
	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967	40	3,0	1,20		967	40	3,0	1,20	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN	98.818				58,13	98.818				58,15
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN1	7.036	64	1-3	1,92		7.031	70	1-3	2,10	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN2	9.623	57	1-3	1,71		5.341	70	1-3	2,10	
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN3	4.555	70	1-3	2,10		5.065	70	1-3	2,10	
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN4	14.527	51	1-3	1,53		14.897	70	1-3	2,10	
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN5	10.497	55	1-3	1,65		13.127	70	1-3	2,10	
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí	CN6	9.248	58	1-3	1,74		9.248	58	1-3	2,10	

	ngành 06											
2.7	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 07	CN7	8.852	59	1-3	1,77		8.852	70	1-3	2,10	
2.8	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 08	CN8	4.025	70	1-3	2,10		4.025	70	1-3	2,10	
2.9	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 09	CN9	4.815	70	1-3	2,10		4.847	70	1-3	2,10	
2.10	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 10	CN10	10.511	55	1-3	1,65		11.035	70	1-3	2,10	
2.11	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 11	CN11	6.318	66	1-3	1,98		6.658	70	1-3	2,10	
2.12	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 12	CN12	8.811	59	1-3	1,77		7.579	70	1-3	2,10	
2.13	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 13	CN13	0	0	0	0		1.113	70	1-3	2,10	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		1.405				0,83	1.405				0,83
3.1	Công trình kỹ thuật 1	HTKT 1	541									
3.2	Công trình kỹ thuật 2	HTKT 2	864									
IV	Đất cây xanh		26.875				15,81	27.107				15,95
4.1	Cây xanh - Mặt nước 1	CX-MN1	985					1.837				
4.2	Cây xanh - Mặt nước 2	CX-MN2	5.092					5.091				
4.3	Cây xanh - Mặt nước 3	CX-MN3	2.187					3.595				

4.4	Cây xanh - Mặt nước 4	CX-MN4	770					770				
4.5	Cây xanh - Mặt nước 5	CX-MN5	17.841					15.815				
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		11.234				6,61	11.234				6,61
5.1	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT1	8.724	40	8,0	3,20		8.719	40	5,0	2,00	
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT2	2.510	40	2,0	0,80		2.514	40	2,0	0,80	
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		30.692				18,05	30.402,5				17,89
6.1	Đất giao thông		26.459					26.161,3				
6.2	Bãi đỗ xe 1	P1	2.277					2.277				
6.3	Bãi đỗ xe 2	P2	1.965					1.965				
Tổng diện tích thực hiện Dự án			170.000				100	169.933,5				100
B	Khu vực khớp nối HTKT											
I	Đất cây xanh cách ly		11.208				49,04	11.869				51,79
II	Đất xây dựng các công trình giao thông		11.645				50,96	11.049,7				48,21
Tổng diện tích khớp nối HTKT			22.853				100	22.919,1				100
TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH			192.853					192.852,6				

Khu đất phạm vi Dự án hiện tại có tổng diện tích 170.000m² được chia thành 02 khu vực phía Bắc và phía Nam. Trong đó, khu vực phía Bắc có quy mô khoảng 60,098m², khu vực phía Nam với diện tích 109.902m². Chức năng sử dụng đất của dự án theo đúng các hồ sơ đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- **Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp:** Tổng diện tích khoảng 98.818m², chiếm 58,15% diện tích đất Dự án. Bao gồm 13 khu đất ký hiệu từ CN1 đến CN13. Khi xây dựng, các lô đất được thực hiện đảm bảo, tuân thủ theo quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD và các quy định hiện hành.

- **Đất xây dựng trung tâm quản lý, điều hành:** Tổng diện tích khoảng 967m², chiếm 0,57% diện tích đất Dự án. Gồm 01 ô đất ký hiệu QLĐH, bao gồm chức năng: Nhà điều hành, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 03 tầng.

- **Đất cây xanh:** Tổng diện tích khoảng 27.107m², chiếm 15,95% diện tích đất Dự án. Bao gồm 05 ô đất ký hiệu CX-MN, trong đó CX-MN1 và CX-MN5 chỉ cho phép trồng cây, hoa tạo cảnh quan, kết hợp đỗ xe và tổ chức điểm tập kết trung chuyển chất thải rắn.

- **Đất dịch vụ hỗ trợ:** Tổng diện tích khoảng 11.234m², chiếm 6,61% diện tích đất Dự án. Bao gồm 02 ô đất ký hiệu DVHT1 và DVHT2. Chức năng của 02 khu đất này là Công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu sản phẩm và bán sản phẩm tập trung.

- **Đất xây dựng các công trình kỹ thuật:** Tổng diện tích khoảng 1.405m², chiếm 0,83% diện tích Dự án. Bao gồm 02 ô đất ký hiệu HTKT1 và HTKT2, có chức năng xây dựng các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật như trạm biến áp, trạm bơm cấp nước, bể chứa nước thải sinh hoạt và PCCC, trạm xử lý nước thải của CCN và các công trình nhà quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật.

- **Đất xây dựng các công trình giao thông:** Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong Cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 30.402,5m², chiếm tỷ lệ 17,89% diện tích đất Cụm công nghiệp. Trong đó, 2 ô đất ký hiệu P1, P2 có chức năng là bãi đỗ xe với tổng diện tích 4.242m², chiếm tỷ lệ 2,5% diện tích đất Cụm công nghiệp.

- **Đất không thuộc phạm vi Cụm công nghiệp:** Diện tích không thuộc

phạm vi Cụm công nghiệp (Khớp nối hạ tầng kỹ thuật): Khoảng 22.919,1m² chiếm 11,85% tổng diện tích đất lập Quy hoạch. Trong đó:

- + Đất đường khu vực theo quy hoạch khoảng 11.049,7m², chiếm tỷ lệ 6,04% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Bao gồm các tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 17m đi qua khu vực lập quy hoạch chi tiết;

- + Đất cây xanh cách ly khoảng 11.869 m², chiếm tỷ lệ khoảng 5,81% tổng diện tích đất lập quy hoạch.

5.2. Quy mô các hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật đã được xây dựng

- Nhà điều hành: Diện tích lô đất 967m², diện tích xây dựng: 386 m²; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng: 1.106 m²; chiều cao công trình 14m. Công năng sử dụng của các tầng:

- + Tầng 1: bao gồm sảnh, không gian văn phòng và cầu thang nằm sát khu vực vệ sinh, với chiều cao là 3,6 m;

- + Tầng 2 và tầng 3: bố trí tương tự giống tầng 1, với chiều cao là 3,4 m;

- + Tầng tum: gồm văn phòng, nhà kho và khu vệ sinh, với chiều cao là 2,7 m.

- Bãi đỗ xe chung của CCN: Gồm 02 bãi đỗ xe tập trung tại các vị trí đất cây xanh cảnh quan có tổng diện tích 4.242m² trong đó: Bãi đỗ xe tập trung P1 diện tích 2.277 m² và bãi đỗ xe tập trung P2 diện tích 1.956 m².

- Hệ thống đường giao thông:

- + Giao thông ngoại gồm tuyến đường Hà Nội – Thái Nguyên (quốc lộ 3 mới), tuyến đường gom dọc theo đường Hà Nội – Thái Nguyên, tuyến đường đi Vân Hà và tuyến đường kết nối từ xã Thụy Lâm sang thị trấn Từ Sơn Bắc Ninh, nên mối liên hệ về giao thông giữa cụm công nghiệp và các khu vực lân cận rất thuận lợi.

- + Giao thông nội bộ: Sử dụng kết cấu áo đường bằng bê tông nhựa đảm bảo chịu được tải trọng trục P =120 KN, vận tốc tính toán 40km/h. Đường nội bộ chiều rộng mặt đường từ 3,5-17,5m đảm bảo lưu thông hai chiều thông suốt; Các tuyến đường giao thông N1, N2, N3 và các nút giao N1, N2, N3-N4, N5, N6, N7-N8, N9, N10, N11, N12 áp dụng kết cấu mặt đường loại I có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155 \text{Mpa}$. Các tuyến đường giao thông N4, N5 và các nút giao N13, N14 và một phần nút các nút giao N7-N8, N10, N11 áp dụng kết cấu mặt đường loại II có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} = 155 \text{Mpa}$.

- Kết cấu bãi đỗ xe: Tải trọng trục xe tối đa 180kN. Kết cấu theo thứ tự từ trên xuống dưới gồm: 30cm bê tông cốt thép M350; Giấy dầu chống thấm; 15cm

cấp phối đá dăm loại 1 lớp trên; 18cm cấp phối đá dăm loại 2 lớp dưới; 30cm đất san nền đầm chặt K=0,98.

Bảng 1. 11. Thống kê khối lượng giao thông

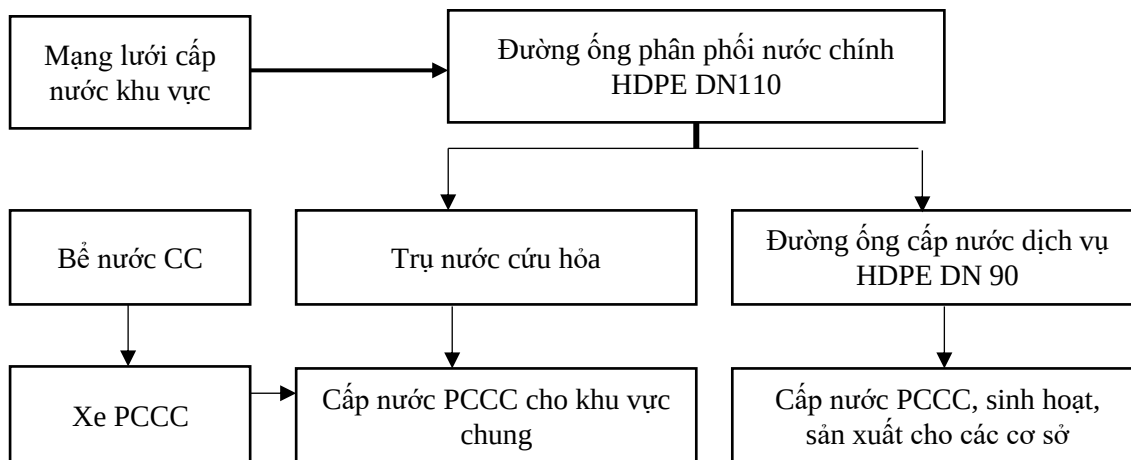
STT	Hạng mục	Giao thông đối nội			
		Mặt cắt 1-1	Mặt cắt 2-2	Mặt cắt 3-3	Mặt cắt 4-4
I	Trong ranh giới CCN				
1	Bề rộng mặt cắt (m)	3,0+11,5+3,0	3,0+7,5+3,0	5	3,5
2	Cấp đường	Đường chính	Đường chính	Đường nhánh	Đường nhánh
3	Chiều dài (m)	896,51	199,20	449,53	441,95
4	Long đường (m ²)	10.309,87	1.494,00	2.247,65	1.546,83
5	Via hè (m ²)	10.914,58	1.195,20	-	-
6	Tổng diện tích (m ²)	21.224,45	25.689,20	2.247,65	1.546,83
7	Bãi đỗ xe	-	-	-	4.242
8	Tổng				30.402,5
II	Giao thông khớp nối hạ tầng				11.050

- Hệ thống cấp nước: Mạng lưới đường ống chính HDPE Ø100mm đầu nối từ tuyến ống của khu vực dẫn về trạm bơm tăng áp xây dựng tại khu đất hạ tầng kỹ thuật. Nước từ trạm bơm theo các tuyến ống phân phối Ø110mm và các tuyến ống dịch vụ Ø90mm đến các công trình. Chiều sâu chôn ống cấp nước phân phối tối thiểu 0,7m so với mặt hè (tính đến đỉnh ống). Chiều sâu chôn ống cấp nước dịch vụ tối thiểu 0,5m so với mặt hè (tính đến đỉnh ống). Mạng lưới đường ống cấp nước cho cụm công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt và cấp nước cứu hỏa.

+ Bể chứa nước PCCC V 650 m³ (22mx7,5mx4,4m); xây ngầm. Kết cấu bê tông cốt thép M250#, đáy bê tông dày 250mm. Bể xây dựng tại khu đất trồng cây xanh. Khi có cháy trong những giờ không bơm, nước chữa cháy được lấy từ bể này. Trong khu công nghiệp có xe bơm chữa cháy riêng.

+ Trạm bơm tăng áp: Diện tích 23m², H = 3m. Kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn cách nhiệt. Trong trạm bơm bố trí 2 cụm bơm: bơm sinh hoạt và bơm cứu hỏa. Bơm sinh hoạt gồm 2 bơm (1 bơm làm việc, 1 bơm dự phòng) sử dụng loại bơm chạy điện công suất Q=50m³/h, H=40m. Bơm cứu hỏa sử dụng

bơm trục ngang chạy điện, CM50-250C, công suất 15Kw, lưu lượng 27-78m³/h cột áp 70,8-50,5m.



Hình 1. 8. Sơ đồ hệ thống cấp nước chữa cháy cho CCN
Thông kê khối lượng cấp nước

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D90	M	1030
2	ống HDPE D110	M	2080
3	Trụ cứu hỏa	Trụ	11
4	Trạm bơm tăng áp+cứu hỏa công suất 1000m ³ /ngđ	Trạm	1
5	Bể nước 650 m ³	Bể	1

- **Hệ thống cấp điện:** Dự án được đấu nối nguồn cấp từ cột điện trung thế 22kV ở hướng Tây Nam từ Trạm 110kV/22kv Đông Anh về để cấp nguồn cho toàn bộ cụm công nghiệp.

+ Mạng lưới điện Trung thế: Đường dây điện trung thế 22kV đoạn đi qua CCN được hạ ngầm từ cột điện chủ đầu tư xây dựng ở vị trí phía Tây Nam đi qua các trạm TBA – QH08, TBA-QH07, TBA-QH06, TBA-QH05, TBA-QH04, TBA-QH03, TBA-QH02, TBA-QH01 sau đó trở về vị trí cột điện xây dựng mới phía Nam. Có tổng cộng 8 trạm biến áp với công suất từ 560KVA đến 1250KVA/trạm (22kV/0.4kV) gồm :

TBA-QH01: Công suất 1000kV-22/0,4kV.

TBA-QH02 : Công suất 750kV-22/0,4kV.

TBA-QH03 : Công suất 560kV-22/0,4kV.

TBA-QH04 : Công suất 1500kV-22/0,4kV.

TBA-QH05 : Công suất 630kV-22/0,4kV.

TBA-QH06 : Công suất 1000kV-22/0,4kV.

TBA-QH07 : Công suất 560kV-22/0,4kV.

TBA-QH08 : Công suất 630kV-22/0,4kV.

Trạm biến áp mới xây dựng kiểu trạm kios 03 buồng có kích thước DxRxC: 4220X3300X3120; 4210X3550X2400. Trạm được thiết kế kiểu hộp bộ, toàn bộ các thiết bị trung hạ thế được đặt trong vỏ kim loại. Cánh và mái che làm bằng thép tấm dày 2-3mm, dập định hình, có khe hở, trạm được làm mát bằng thông gió tự nhiên và qua cầu thông gió lắp tại đỉnh vỏ tủ. Vị trí đặt trạm đảm bảo các điều kiện vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng và phòng chống cháy nổ.

+ Mạng lưới hạ thế 0,4kV: Lắp đặt hệ thống tủ điện, lưới điện hạ áp được cấp nguồn từ TBA – QH04 để phục vụ các công trình công cộng, hỗ trợ, nhà điều hành, công trình giao thông.... của cụm công nghiệp.

+ Hệ thống chiếu sáng: Dạng cột bát giác liền cần đơn cao 8m, đèn LED 100W, 75W; Lắp đặt 02 tủ điều khiển chiếu sáng ngoài trời 600V-100A, để điều khiển toàn bộ hệ thống đèn chiếu sáng thông qua hệ thống cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25+1x16mm² và dây đến tại các vị trí đèn chiếu sáng sử dụng cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10mm². Để đảm bảo an toàn người vận hành, bảo dưỡng tủ điều khiển chiếu sáng. Tại mỗi tủ điều khiển chiếu sáng được bố trí 01 hệ thống tiếp đất.

+ Hành lang an toàn lưới điện: Để đảm bảo khoảng cách an toàn lưới điện đối với đường dây điện 22Kv, tại khu vực hành lang an toàn lưới điện ưu tiên trồng các loại cây có tán nhỏ, thấp chủ yếu là cây cảnh, thảm cỏ, cây trồng hoa để tạo cảnh quan cho khu vực, quá trình cây đảm bảo khoảng cách an toàn đối với hành lang lưới điện theo quy định của luật điện lực.

- **Hạng mục cây xanh:** Cây xanh tập trung, cây xanh đường phố, cây xanh cách ly đảm bảo kiến trúc cảnh quan xanh hóa CCN. Trong đó:

+ Khu vực CX-MN 1 có chức năng cây xanh cảnh quan, điều hòa và cảnh quan khu vực hành lang bảo vệ khu vực thực hiện Dự án, giảm thiểu tối đa tiếng ồn, ô nhiễm không khí với các khu vực lân cận.

+ Khu vực CX-MN2, CX-MN 3, CX-MN5 có chức năng cây xanh cảnh quan mặt nước, phục vụ mặt nước, điều hòa và cảnh quan khu vực hành lang bảo vệ kênh mương tại khu vực thực hiện Dự án, giảm thiểu tối đa tiếng ồn, ô nhiễm không khí với các khu vực lân cận.

+ Khu vực CX-MN 4 có chức năng là cây xanh tập trung, có chức năng

cây xanh cảnh quan mặt nước, điều hòa và cảnh quan khu vực trạm xử lý nước thải tập trung, khu lưu chứa chất thải rắn của CCN.

5.3. Công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thiện

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn đi dưới lòng đường D600, D800, D1000, D1250 và hệ thống rãnh nắp đan B500, cống bản 3(3x3)m qua đường. Trên hệ thống cống bố trí các ga thăm, ga thu nước được nối với nhau bằng cống BTCT D400. Nước mưa trong khu Dự án sau khi đã lắng cặn qua các hố ga bên trong khu đất được đầu nối vào hệ thống mương tiêu thoát nước Mạnh Tân và thoát ra sông Ngũ Huyện Khê.

CCN có 2 lưu vực thu gom và thoát nước, cụ thể như sau:

- *Lưu vực 1:* Gồm khu vực phía Bắc tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 5,92ha. Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa của dự án và thoát ra mương tiếp nhận tại cửa xả số CX 01.

- *Lưu vực 2:* Gồm khu vực phía Nam tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 11,08ha. Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa của dự án và thoát ra tại các cửa xả số CX2, CX3, CX4, CX5.

(Bản vẽ sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của Dự án).

Bảng 1. 12. Bảng thống kê khối lượng thoát nước mưa của CCN

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh nắp đan B500	m	1560
2	Cống ngang nối ga thu với ga thăm BTCT D400	m	250
3	Cống BTCT D600	m	420
4	Cống BTCT D800	m	823
5	Cống BTCT D1000	m	114
6	Cống D1250	m	163
7	Cống bản 3x(3x3)m	m	30
8	Ga thu	Ga	62
9	Ga thăm	Ga	66
19	Cửa xả	Cái	5

b. Hệ thống thu gom nước thải

Toàn bộ nước thải từ các đơn vị thứ cấp sẽ được xử lý đạt quy chuẩn đầu

nối vào hệ thống thu gom của CCN sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải của CCN Thụy Lâm.

Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải theo đường ống HDPE D300, D400 qua các hố ga lắng cặn đi về trạm xử lý của CCN công suất 500m³/ng.đ để xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, Cột A (($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) trước khi thoát ra mương tiếp nhận tại 01 cửa xả.

Bảng 1. 13. Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải của CCN

STT	Hạng mục	Khối lượng
1	Ống HDPE D300	1748 m
2	Cống BTCT D400	80 m
3	Hố ga thoát nước	57 cái
4	Cửa xả	01 cái

+ Trạm xử lý nước thải:

- Vị trí: Trạm xử lý nước thải nằm ở lô đất Hạ tầng kỹ thuật (HTKT).
- Quy mô đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải công suất: 500 m³/ngày.đêm.
- Yêu cầu chất lượng xả thải: Nước thải sau khi xử lý phải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột A) với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.
- Nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của CCN Thụy Lâm là kênh Mạnh Tân sau đó chảy ra sông Ngũ Huyện Khê (sông liên tỉnh giữa Bắc Ninh và Hà Nội).
- Công nghệ: Công nghệ Hóa lý - Sinh học.

c. Khu lưu trữ chất thải rắn

- Khu vực thu gom, lưu giữ chất thải rắn, CTNH: Được xây có tổng diện tích 50m². Trong đó: Kho chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m²; kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 30m²; kho chất thải nguy hại có diện tích 10m². Kho có kết cấu tường xây gạch, nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có biển báo, có vách ngăn và có rãnh thu gom chất lỏng. Các chất thải nguy hại được phân ra từng loại thùng riêng biệt, có gắn biển hiệu cảnh báo CTNH.

5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

a. Tiến độ thực hiện Dự án

Tiến độ thực hiện Dự án theo dự kiến đi vào vận hành từ năm 2022. Tuy nhiên do tình hình dịch covid-19 dẫn đến hoạt động thi công dừng và kéo dài

đến nay. Hiện tại, Chủ đầu tư đã hoàn thiện việc xây dựng các hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đi vào vận hành theo đúng ĐTM đã phê duyệt.

Tiến độ thực hiện Dự án hiện tại như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị triển khai, xây dựng: Hoàn thành vào tháng 06/2025.
- Hoàn thiện thủ tục môi trường: Từ tháng 6/2025 đến tháng 09/2025.
- Giai đoạn hoạt động: Dự án đi vào hoạt động: Tháng 9/2025.

Trong đó:

- + Giai đoạn vận hành thử nghiệm: tháng 9/2025 đến tháng 03/2026;
- + Giai đoạn vận hành thương mại: Tháng 04/2026 trở đi.

b. Tổng vốn đầu tư

- Tổng mức vốn đầu tư: 326.243.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có của nhà đầu tư (30%): 97.872.900.000 đồng (*Chín mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

+ Vốn huy động và vốn vay (70%): 228.370.100.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám tỷ ba trăm bảy mươi triệu một trăm nghìn đồng*).

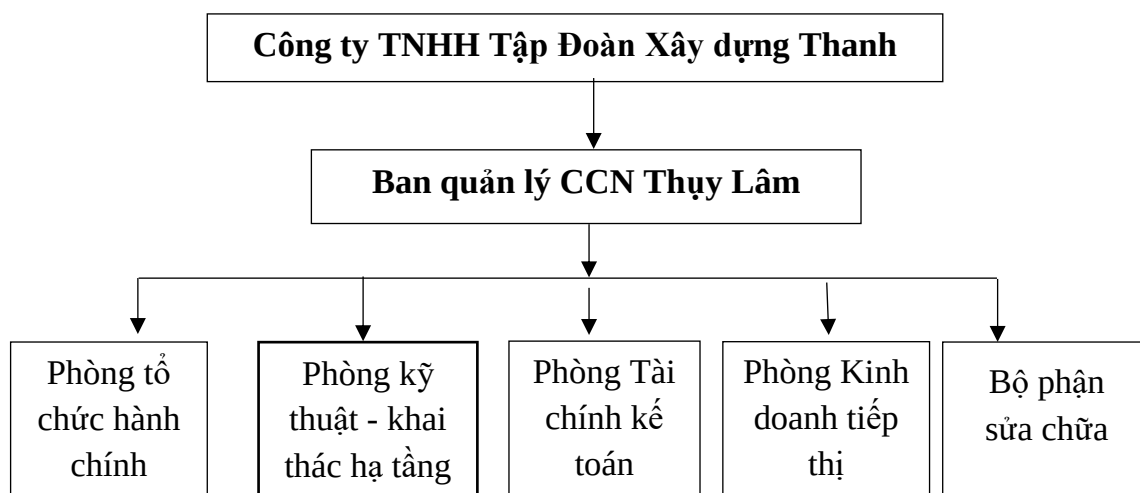
c. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình - Chủ đầu tư Dự án sẽ tổ chức hỗ trợ các nhà đầu tư vào thuê đất trong khu vực diện tích Dự án. Chủ Dự án sẽ phối hợp với các nhà đầu tư để đảm bảo việc thực hiện các Dự án đầu tư theo đúng trình tự và quy định của luật pháp Việt Nam. Đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường năm hiện hành.

*Bố trí nhân sự Ban Quản lý Dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm như sau:

- Nhu cầu lao động: Lao động của dự án 27 người.
- Số ngày làm việc trong năm: 312 ngày/năm; 1 ca/ngày; 8h/ca.
- Tăng ca nếu có sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp và công nhân. Chế độ tăng ca theo quy định pháp luật.

- Các ngày lễ, tết theo quy định của Pháp luật Việt Nam.



Hình 1. 9. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án

➤ **Trách nhiệm của Chủ Dự án:**

1. Đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành.
2. Không được mở rộng Cụm công nghiệp, tiếp nhận thêm Dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp trong trường hợp Cụm công nghiệp chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định;
3. Nộp các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
4. Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Quản lý môi trường, khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hằng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
5. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành;
6. Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi về cơ quan quản lý theo đúng yêu cầu quy định hiện hành.

5.5. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500m³/ngày đêm công nghệ xử lý bằng phương pháp hóa lý kết hợp sinh học. Khoảng cách từ hệ thống xử lý nước thải của dự án đến khu dân cư khoảng 50m đáp ứng Khoảng cách an toàn về môi trường (>15m) theo quy định tại QCVN 01:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khoảng cách an

toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Dự án Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh phù hợp với Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021– 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nhấn mạnh quy hoạch xây dựng các Cụm công nghiệp là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô được thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với Vùng

- Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

- Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại thành phố Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt theo quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

Do vậy, Dự án CCN Thụy Lâm hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

2. Sự phù hợp của Dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và không có sự thay đổi nào, cụ thể:

a. Đối với môi trường nước

- Nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn thỏa thuận đấu nối với Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Sau đó, được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung

của cụm công nghiệp. Trạm xử lý nước thải đặt ở khu vực đất hạ tầng kỹ thuật nằm tại phía Nam cụm công nghiệp với công suất thiết kế $500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trước khi xả ra khu vực mương tưới tiêu Mạnh Tân.

+ Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung được quản lý như chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp đảm bảo các yêu cầu sau: có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, công tơ điện độc lập; điểm xả thải có biển báo rõ ràng; sàn công tác có diện tích tối thiểu 01 m^2 , lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Chủ đầu tư phải có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng tiếng Việt được ghi chép đầy đủ (lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải), lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN: Tự xử lý sơ bộ nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp mình đảm bảo yêu cầu và đầu nối vào HTXL nước thải tập trung của CCN.

- Đối với bụi, khí thải:

+ Khí thải từ các nhà máy, xí nghiệp (nguồn cố định), CCN yêu cầu từng nhà máy phải có các thiết bị xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường QCTĐHN 01:2014/BTNMT trước khi thải vào không khí, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xử lý bụi, NO_x , SO_2 và andehyde trong khí thải dây chuyền sản xuất, lò hơi, lò sấy, ... nhằm bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh và môi trường lao động;

+ Khí thải, mùi phát sinh từ các bể xử lý của Trạm xử lý nước thải được thu gom và xử lý qua tháp hấp phụ bằng than hoạt tính có kích thước (đường kính $D1000\text{mm}$; chiều cao thân bồn $H=2700\text{mm}$, đường ống dẫn khí sau tháp hấp phụ cao 1000mm).

- Chất thải rắn:

+ Các CTR phát sinh tại Trung tâm điều hành, TXLNT, các công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN, Chủ Dự án chịu trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng

đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Các nhà máy thứ cấp đầu tư trong CCN phải tự xây dựng kho chứa chất thải thông thường, kho chứa chất thải nguy hại trong khuôn viên đất của từng nhà máy theo đúng quy định. Kho chứa chất thải phải đảm bảo có mái che, có rãnh thu gom nước chảy tràn, hố thu và được dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định, có thiết bị PCCC, ứng phó sự cố chảy tràn chất thải lỏng. Các doanh nghiệp tự bố trí thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định dưới sự quản lý của Ban quản lý CCN.

Chương III

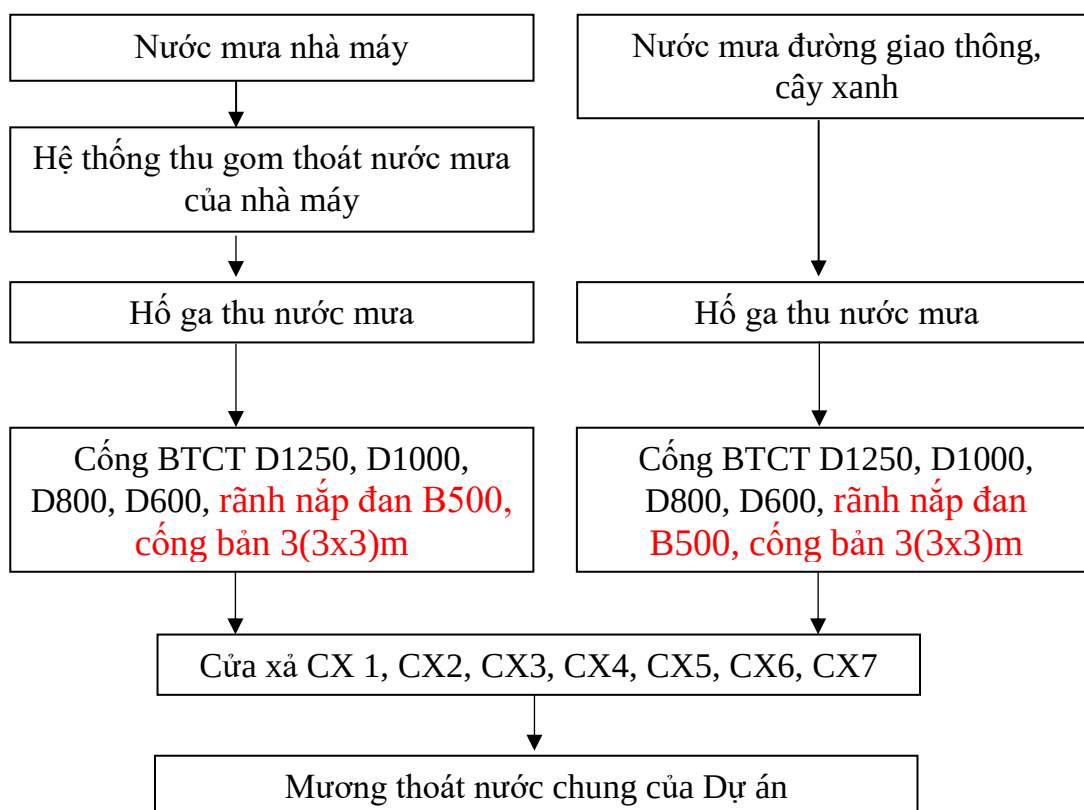
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được xây dựng hoàn thiện theo đúng ĐTM đã được phê duyệt, cụ thể:

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Dự án như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ tổ chức thoát nước mưa của CCN Thụy Lâm

Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn đi dưới lòng đường D600, D800, D1000, D1250 và hệ thống rãnh nắp đan B500, cống bản 3(3x3)m qua đường. Trên hệ thống cống bố trí các ga thăm, ga thu nước được nối với nhau bằng cống BTCT D400. Nước mưa trong khu Dự án sau khi đã lắng cặn qua các hố ga bên trong khu đất được đầu nối vào hệ thống mương tiêu thoát nước Mạnh Tân và thoát ra sông Ngũ Huyện Khê.

CCN có 2 lưu vực thu gom và thoát nước, cụ thể như sau:

- Lưu vực 1: Gồm khu vực phía Bắc tuyến đường nhựa hiện có, diện tích

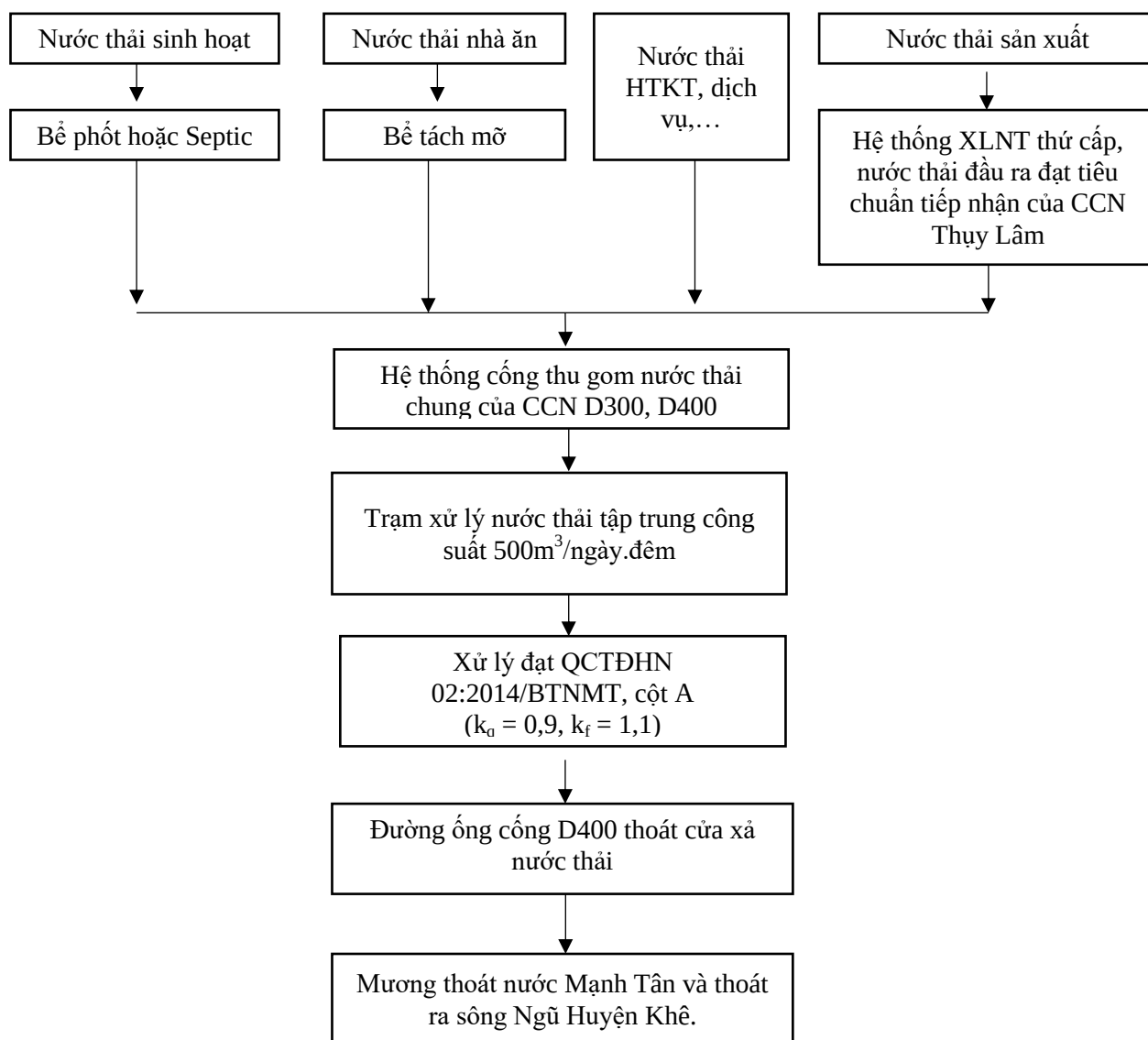
lưu vực khoảng 5,92ha. Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa của dự án và thoát ra mương tiếp nhận tại cửa xả số CX 01.

- *Lưu vực 2*: Gồm khu vực phía Nam tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 11,08ha. Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước mưa của dự án và thoát ra tại các cửa xả số CX2, CX3, CX4, CX5.

(Bản vẽ sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của Dự án).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Sơ đồ thoát nước thải trong Cụm công nghiệp Thụy Lâm như sau:



Hình 3. 2. Hệ thống thu gom nước thải tại CCN Thụy Lâm

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực hạ tầng kỹ thuật được đã xử lý sơ bộ cùng nước thải từ các đơn vị thứ cấp trong CCN đã được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối theo đường ống thu gom về Hệ thống XLNT của CCN Thụy Lâm

công suất 500m³/ngày.đêm.

- Hệ thống thu gom nước thải gồm ống HDPE D300, D400 tổng chiều dài 1.828m nằm dưới hè đường qua 57 hố ga lắng chặn dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, Cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$).

- Nước thải sau hệ thống xử lý theo đường ống UPVC400, $i = 0,25\%$, dài 23m đầu nối vào mương tiếp nhận tại 01 điểm xả phía Đông Nam Dự án. Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiếu 3⁰): X(m) = 2355575; Y1(m) = 659267.

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án: Nước thải của Dự án được thoát ra mương thoát nước Mạnh Tân sau đó thoát ra sông Ngũ Huyện Khê. Sông Ngũ Huyện Khê là một chi lưu của sông Đuống, bắt nguồn từ địa phận huyện Đông Anh, Hà Nội và chảy vào tỉnh Bắc Ninh tại thị xã Từ Sơn. Cuối cùng, sông Ngũ Huyện Khê đổ vào sông Cầu tại xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. Do sông Ngũ Huyện Khê là sông liên tỉnh, đổ ra sông Cầu, nước sông Cầu dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên nước thải của Dự án xử lý đạt cột A của QCTĐHN 02:2014/BTNMT.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1 Yêu cầu đối với các đơn vị thứ cấp

- Tiến hành xử lý nước thải của đơn vị đạt quy chuẩn đầu nối trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý chung của CCN Thụy Lâm.

- Xây dựng tách biệt hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống thu gom nước mưa.

- Thực hiện các thủ tục thỏa thuận, đầu nối nước mưa, thoát và xử lý nước thải đối với Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình bằng văn bản trước khi xây dựng. Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom của CCN tại điểm đầu nối đã được phê duyệt và chỉ được đầu nối khi đã được chủ đầu tư đồng ý tiếp nhận.

- Tiến hành kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của đơn vị trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý chung của cụm công nghiệp.

1.3.2 Yêu cầu đối với CCN Thụy Lâm

- Tiếp nhận nước thải sau khi xử lý sơ bộ từ bể phốt, bể tách mỡ... từ các khu vực hạ tầng kỹ thuật của CCN Thụy Lâm.

- Tiếp nhận nước thải đã được xử lý đạt quy chuẩn đầu nối của các đơn vị đầu tư thứ cấp.

- Chủ đầu tư CCN Thụy Lâm thực hiện công tác thu gom các nguồn nước thải của các nhà máy trong CCN và xử lý đạt loại A, QCTĐHN 02:2014/BTNMT ($kq=0,9$, $kf=1,1$) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất $500m^3$ /ngày.đêm.

- Tiêu chuẩn chất lượng đầu vào hệ thống xử lý nước thải chung của CCN Thụy Lâm đối với các nhà máy thành viên như sau:

Bảng 3. 1. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm

TT	Thông số	Đơn vị	Gía trị C (CCN)
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	10 đến 45
2.	Màu	Pt/Co	170
3.	pH	-	5,5 đến 9
4.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	100
5.	COD	mg/l	300
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7.	Asen	mg/l	0,05
8.	Thủy ngân	mg/l	0,005
9.	Chì	mg/l	1
10.	Cadimi	mg/l	0,5
11.	Crom (VI)	mg/l	0,5
12.	Crom (III)	mg/l	1
13.	Đồng	mg/l	3
14.	Kẽm	mg/l	3
15.	Niken	mg/l	1
16.	Mangan	mg/l	1,2
17.	Sắt	mg/l	6
18.	Tổng Xianua	mg/l	0,3
19.	Tổng Phenol	mg/l	1
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
21.	Sunfua	mg/l	1,5
22.	Florua	mg/l	15
23.	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24.	Tổng Nito	mg/l	50
25.	Tổng Phot pho (tính theo P)	mg/l	8
26.	Clorua	mg/l	1000

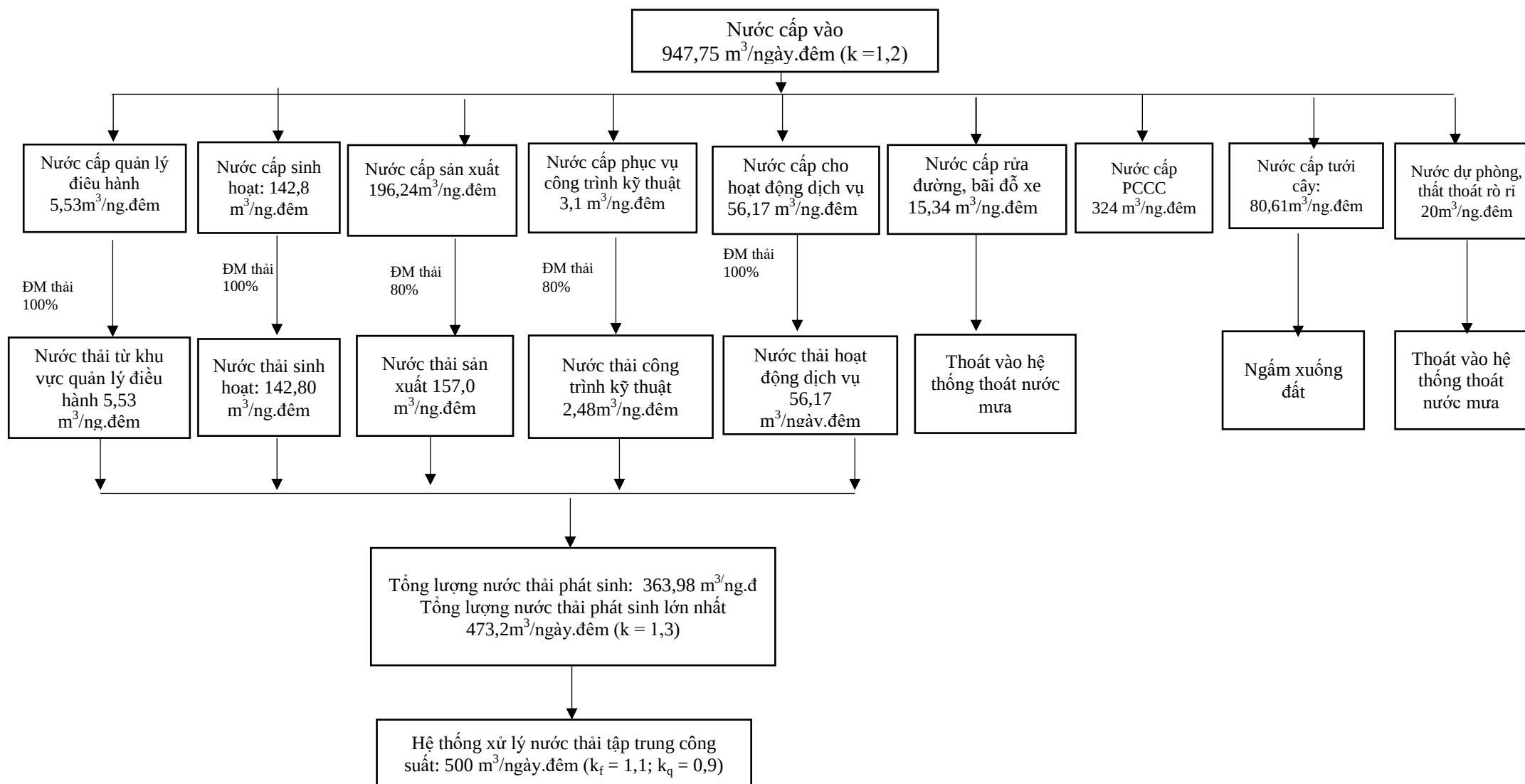
TT	Thông số	Đơn vị	Gía trị C (CCN)
27.	Clo dư	mg/l	2
28.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,05
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,3
30.	Tổng PCB	mg/l	0,01
31.	Tổng Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	7,500
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

(Nguồn: Chủ Dự án)

❖ **Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Thụy Lâm**

Theo tính toán dự kiến khối lượng nước của Dự án tại báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, tổng lượng nước thải phát sinh tại CCN là: $Q_T = 379,67 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Sơ đồ cân bằng nước thải trong giai đoạn vận hành Dự án:



Hình 3. 3. Sơ đồ cân bằng nước của Dự án

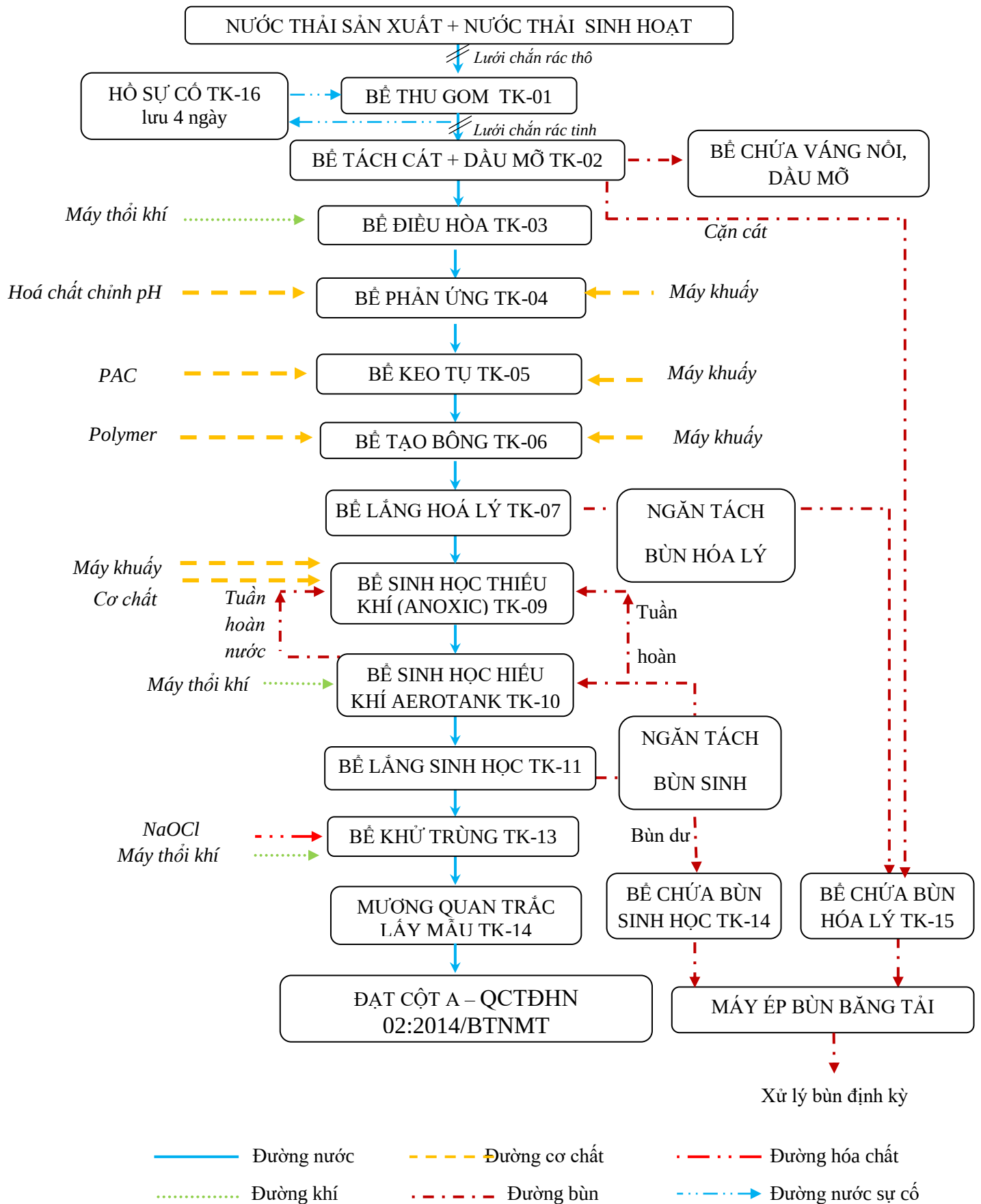
Nhu cầu xả thải trung bình của CCN Thụy Lâm khoảng $379,67\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, lấy hệ số an toàn là $K = 1,3$ thì lưu lượng nước thải lớn nhất của Dự án là: $493,57\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Chủ đầu tư đã xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải công suất $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại khu đất HTKT2 ở phía Đông Nam Dự án với diện tích 864m^2 . Hệ thống được xây dựng không thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

- Hợp đồng: Số 17102024-VNX/HĐKT ngày 17/10/2024 giữa Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình và Công ty TNHH môi trường Vinaxanh v/v cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải CCN Thụy Lâm-Đông Anh công suất $500\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và hệ thống xử lý mùi.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH môi trường Vinaxanh
- Thời gian thi công: Từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2025.
- Thời gian nghiệm thu: Ngày 20/06/2025.

- Quy trình công nghệ vận hành trạm XLNT như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải CCN 500 m³/ngày đêm

- **Thuyết minh quy trình công nghệ**

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt theo hệ thống đường ống thu gom chung của cụm công nghiệp được đưa về bể gom.

Trước khi đi vào bể gom nước thải được đi qua lưới chắn rác thô. Rác có kích thước to hơn lỗ lưới tách rác được giữ lại trên bề mặt và được vệ sinh thu gom hằng ngày đưa vào thùng chứa rác lưu trữ để chuyển giao cho đơn vị thu gom chất thải.

Nước thải sau khi tách rác được chảy vào **Bể Thu Gom TK-01**. Từ bể thu gom nước thải được bơm trung chuyển tập trung vào **Bể Tách Cát, Dầu Mỡ TK-02**. Nước thải được đi qua lưới tách rác tinh trước khi đưa vào bể đi qua 4 ngăn ziczac, nước thải được thay đổi hướng dòng chuyển động của nước khi đi qua mỗi ngăn. Cặn cát có tỉ trọng nặng hơn nước sẽ được lắng xuống đáy bể. Dầu mỡ có tỉ trọng nhẹ hơn nước sẽ được nổi lên trên. Nước sau khi tách cát, tách dầu mỡ được tự chảy sang **Bể Điều Hoà TK-03**.

Bể điều hoà có chức năng ổn định lưu lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt.

Từ bể điều hoà nước thải được dùng bơm để ổn định lưu lượng thông qua đồng hồ đo lưu lượng điện tử để điều chỉnh lưu lượng trước khi vào **Bể Phản ứng TK-04** và **Bể Keo Tụ TK-05**. Tại bể phản ứng châm hoá chất chỉnh pH, tại bể keo tụ châm phèn PAC, bể phản ứng và keo tụ được lắp đặt máy khuấy nhanh để hoà trộn hoá chất vào nước thải giúp cho phản ứng keo tụ được diễn ra.

Khi chất keo tụ phèn PAC cho vào nước và nước thải, các hạt keo trong nước bị mất tính ổn định, tương tác với nhau, kết cụm lại hình thành các bông cặn. Quá trình mất tính ổn định của hạt keo là quá trình lý hóa dựa trên các cơ chế sau:

- + Giảm điện thế Zeta tới giá trị mà tại đó dưới tác dụng của lực hấp dẫn Vander Waals cùng với năng lượng khuấy trộn cung cấp thêm, các hạt keo trung hòa điện kết cụm và tạo thành bông cặn.

- + Các hạt kết cụm do sự hình thành cầu nối giữa các nhóm hoạt tính trên hạt keo.

- + Các bông cặn hình thành khi lắng xuống sẽ bắt giữ các hạt keo trên quỹ đạo lắng xuống.

Tiếp theo nước thải sau khi phản ứng keo tụ đã hình thành bông cặn nhỏ được dẫn đến **Bể Tạo Bông TK-06**. Bể phản ứng tạo bông cặn được châm thêm

hoá chất trợ keo tụ là polymer vào bể giúp bông cặn hình thành to hơn. Bể tạo bông được lắp đặt máy khuấy chậm để tạo điều kiện môi trường khuấy chậm cho bông cặn nhỏ được các phân tử polymer tạo cầu nối bắt dính lại với nhau tạo thành bông cặn to hơn dễ dàng lắng tách khi lắng trọng lực.

Nước thải sau khi keo tụ tạo bông được đưa sang **Bể Lắng Hoá Lý TK-07** để thực hiện quá trình lắng trọng lực. Hỗn hợp bông cặn và nước thải được đưa vào ống trung tâm, dưới tác dụng của trọng lực bông cặn được tách ra khỏi nước. Nước sau lắng được thu qua máng thu nước trên bề mặt bể lắng và được chảy về **Bể Thiếu Khí TK-09**.

Tại **Bể Lắng Hoá Lý TK-07** phần cặn bùn lắng xuống đáy bể lắng hoá lý được hệ thống cào bùn đưa về rón trung tâm bể và theo nguyên lý bình thông nhau chảy sang **Ngăn Tách Bùn Hoá Lý TK-08**. Bùn từ ngăn tách bùn được bơm về **Bể Chứa Bùn Hóa Lý TK-15**. Bùn từ bể nén bùn được bơm vào máy ép bùn băng tải để ép khô. Bùn sau khi ép được thu gom xử lý chất thải định kỳ.

Nguồn nước thải chứa cặn lơ lửng, độ màu, chất hữu cơ đã được xử lý sau khi qua quá trình xử lý hoá lý được xử lý. Phần chất hữu cơ có khả năng phân huỷ sinh học, Nito còn lại trong nước thải được tiếp tục đưa sang xử lý ở công đoạn tiếp theo bằng công nghệ sinh học.

Nước thải từ bể hoá lý tiếp tục được tự chảy sang **Bể Thiếu Khí TK-09**.

Bể Thiếu Khí TK-09. Bản thân nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng các chất hữu cơ, thành phần đậm đặc. Chính vì thế, phần lớn các chất ô nhiễm có nguồn gốc hữu cơ được xử lý hầu hết tại bể Sinh Học Hiếu Khí (công đoạn sau). Song sau khi nguồn thải được xử lý thông qua công đoạn trên vẫn còn tồn tại một phần chất đậm dưới dạng Nitrat (NO_3^-). Thành phần Nito hữu cơ sẽ nhanh chóng chuyển sang Nitrat có khả năng làm tái ô nhiễm nguồn nước thải được xử lý. Vì vậy, nguồn nước thải trước tiên sẽ được đưa vào Bể Sinh Học Thiếu Khí Anoxic. Tại đây, lượng Nito dưới dạng muối Nitrat chuyển hóa thành Nito tự do thoát khỏi nước thải.

Trong bể thiếu khí Anoxic được thiết kế hệ thống cánh khuấy, mục đích làm khuấy động dòng nước tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí hoạt động trên toàn bộ bể và tránh không cho bùn lắng phía dưới đáy bể. Nếu modul đảo bùn của bể không hoạt động đồng nghĩa với việc chất lượng nước đầu ra không thể đạt được tiêu chuẩn môi trường và bùn vi sinh tại bể này bị lắng đọng và chết một thời gian sẽ nổi lên mặt bể.

Từ bể thiếu khí nước thải tiếp tục dẫn qua **Bể Hiếu Khí TK-10** để thực hiện quá trình xử lý sinh học tiếp theo. Trong bể sinh học hiếu khí lơ lửng, nước thải được cung cấp dưỡng khí oxy. Lượng khí oxy trên được cung cấp liên tục trong ngày, chúng có đủ thời gian để nuôi dưỡng các chuẩn vi sinh vật trong nước tồn tại và tăng trưởng. Oxy còn có tác dụng xáo trộn nước thải liên tục, làm tăng thời gian tiếp xúc giữa khí – nước thải. Quá trình trên diễn ra liên tục sẽ làm tăng lượng oxy hòa tan trong nước thải, tạo điều kiện thích nghi nhanh của vi sinh vật đặc trưng xử lý nước thải bằng quá trình hiếu khí.

Các chất hữu cơ ô nhiễm sinh học được chủng vi sinh vật đặc trưng dần thích nghi, chuyển hoá bằng cơ chế hấp thụ, hấp phụ ở bề mặt và bắt đầu quá trình phân huỷ chất thải hữu cơ gây ô nhiễm sinh học, tạo ra CO_2 ; H_2O ; H_2S ; CH_4 ... cùng với tế bào vi sinh vật mới. Việc thổi khí liên tục, nhằm tạo điều kiện cho vi sinh vật sử dụng oxy phát triển để xử lý các chất ô nhiễm có khả năng phân huỷ sinh học nhanh hơn, và giảm bớt mùi hôi do các chất ô nhiễm hữu cơ gây ra. Trong bể sinh học hiếu khí, vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ hoà tan và không hoà tan trong nước thải làm nguồn dinh dưỡng để tồn tại, dính bám thành các bông cặn có khả năng lắng được dưới tác dụng của trọng lực.

Song song với quá trình xử lý chất hữu cơ quá trình Nitrat hoá cũng được diễn ra. Đầu tiên là ammonia (NH_4^+) được chuyển thành nitrite (NO_2^-) sau đó nitrite (NO_2^-) được oxy hóa thành nitrate (NO_3^-). Hỗn hợp nước thải cuối quá trình hiếu khí tạo ra sản phẩm (NO_3^-) được tuần hoàn quay trở lại bể sinh học thiếu khí Anoxic để thực hiện quá trình khử nitrate tạo ra sản phẩm cuối cùng là nito (N_2) tự do bay lên trong không khí.

Để tăng hiệu quả xử lý trong bể sinh học hiếu khí MBBR TK-08 được thiết kế có giá thể di động dạng hình cầu D150mm. Bể MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor) được hoạt động với hệ thống cấp khí được cung cấp liên tục để tạo điều kiện cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng phát triển, giá thể luôn ở trạng thái lơ lửng và chuyển động xáo trộn liên tục trong suốt quá trình phản ứng. Vi sinh vật có khả năng phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ dính bám và phát triển trên bề mặt các giá thể cầu. Các vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa các chất hữu cơ trong nước thải để phát triển thành sinh khối. Quần xã vi sinh sẽ phát triển dính bám lên bề mặt giá thể và dày lên rất nhanh chóng tạo thành lớp màng sinh học. Lớp màng sinh học này với mật độ vi sinh ngày càng tăng làm cho hiệu quả xử lý cao hơn so với bể sinh học Aerotank.

Sau khi qua bể sinh học hiếu khí, hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải tiếp tục chảy sang **Bể Lắng Sinh Học TK-11** để thực hiện việc lắng tách pha nước và bùn hoạt tính. Tại đây, nước thải tự chảy qua bể lắng thông qua ống lắng trung tâm. Ống lắng trung tâm có nhiệm vụ tạo dòng nước luân tĩnh lắng và phân bố xuống đáy của bể lắng. Việc sử dụng cơ chế hấp phụ bề mặt, hấp thu vào cơ thể của vi sinh vật có trong nước thải làm toàn bộ chất ô nhiễm tạo thành những mảng bông cặn, các chất lơ lửng kết dính với nhau, các chất vô cơ có trọng lượng nặng hơn trọng lượng của nước. Chúng sẽ lắng tập trung xuống đáy bể dưới tác dụng trọng lực.

Trong bể lắng sinh học được lắp đặt hệ thống gạt bùn ly tâm, toàn bộ bùn lắng tại vách lắng sẽ được thu về rón thu bùn và được thông đáy sang **Bể tách bùn sinh học TK-12**. Ngăn tách bùn sinh học được thiết kế với thể tích rất nhỏ, khi bơm bùn trong ngăn tách bùn hoạt động, theo nguyên lý bình thông nhau bùn tại rón thu bùn của bể lắng sẽ tự động tràn sang ngăn tách bùn thông qua ống thông đáy.

Tại bể lắng tâm chấn bùn được lắp đặt làm nhiệm vụ chấn một số lượng bùn chết nổi trên mặt nước không cho sang quá trình tiếp theo. Lượng bùn sẽ được bơm tuần hoàn trong **Bể tách bùn sinh học TK-12** bơm về bể thiếu khí và bể sinh học hiếu khí với mục đích sử dụng lượng bùn này để bổ sung bùn với nồng độ bùn cần thiết cho cơ chế xử lý 2.500mg/L-4.000mg/L. Lượng bùn dư sẽ được bơm về **Bể chứa bùn sinh học TK-14**. Bùn được lưu chứa tại bể dưỡng vi sinh với mục đích lưu trữ dự phòng vi sinh sử dụng cấp bù bổ sung vi sinh khi cần thiết cho hệ thống.

Nước thải sau **Bể Lắng Sinh Học TK-11** sẽ được tự chảy vào **Bể Khử Trùng TK-13** để tiếp tục quá trình xử lý cuối cùng là khử trùng nước thải.

Nước thải sau khi lọc được tiếp tục xử lý tại **Bể Khử Trùng TK-13** để loại bỏ hoàn toàn Vi Sinh Vật gây hại còn sót lại trong nước thải. Quá trình tiếp xúc giữa nước thải với hóa chất khử trùng diễn ra trong bể khử trùng. Nước thải sau khi xử lý bằng quá trình hóa lí, quá trình sinh học, khử trùng bằng tác nhân oxy hóa mạnh Clorine lúc này đã đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$) và được tự chảy qua **Mương quan trắc nước thải** để quan trắc liên tục các thông số: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni trước khi thải ra nguồn tiếp nhận vào mương thoát nước phía Bắc của KCN, sau đó dẫn vào Mương thoát nước Mạnh Tân và thoát ra sông Ngũ Huyện Khê.

Hồ sự cố TK-16: Trạm xử lý nước thải được thiết kế hồ sự cố với dung tích chứa nước là 2.190 m³ với thời gian lưu nước thải sự cố là 4 ngày. Lúc có sự cố xảy ra nước thải được hệ thống bơm thu gom bơm ra hồ sự cố. Trong thời gian lưu nước 4 ngày ở hồ sự cố sẽ tiến hành các công việc sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống. Sau khi hoàn thành khắc phục sửa chữa sự cố vận hành lại hệ thống bình thường. Nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm quay vòng lại bể thu gom để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Các thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống:

Bảng 3. 2. Các công trình chính của hệ thống

STT	Tên công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu nước (h)
1	Bể gom	3,4	2	3	20,4	0,5
2	Bể điều hòa	7	6	4,5	189,00	8
3	Thiết bị tuyển nổi khí hòa tan ADF	6	2	1,9	22,80	5/12
4	Bể trung gian 1	6	3	4.5	81,00	3
5	Bể thiếu khí	5	4	4.5	90,00	3,571
6	Bể hiếu khí	7.5	5	4.5	168,75	6,4
7	Bể trung gian 2	4.3	2.4	4.5	46,44	2
8	Bể lắng	5	5	4.5	112,50	-
9	Cột lọc	-	-	2.150	-	-
10	Bể khử trùng	4	2.4	4.5	40,41	1,5
11	Bể chứa bùn	4.3	2.4	4.5	17,71	96
12	Bể quan trắc	4	2.4	4.5	18,71	-
13	Tổng xây dựng				787,32	
14	Hồ sự cố	-	-	-	2.190,00	≥48

*** Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải:**

Bảng 3. 3. Danh mục các thiết bị phụ trợ của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	THIẾT BỊ CHÍNH					
1	Hồ thu gom (T-01)					

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.1	Song chắn rác thô	- Kích thước khe hở: 10-20mm - Vật liệu: Inox 304 - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
1.2	Bơm nước thải bể gom	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: Q= 18 m ³ /h - Cột cấp: H= 12 m - Công suất: 1,5 kW; 380V/50Hz;	<i>Tsurumi - Japan</i>	<i>Cái</i>	2	Model: 80U21.5
1.3	Phao báo mức cho bơm	- Phao nhựa	<i>Mac3-Italy</i>	<i>Bộ</i>	3	
1.4	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng, xích inox....	<i>Việt Nam</i>	<i>bộ</i>	1	
2	Bể điều hòa (T-02)					
2,1	Rọ chắn rác	- Vật liệu: Inox 304; - Sản xuất theo thiết kế;	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
2,2	Bơm nước thải bể điều hòa	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: Q = 18m ³ /h, - Cột áp: H = 12 m - Công suất: 1.5kW, 380v/50Hz	<i>Tsurumi - Japan</i>	<i>Cái</i>	2	Model: 80U21.5
2.3	Phao báo mức cho bơm	- Phao nhựa	<i>Mac3-Italy</i>	<i>bộ</i>	3	
2,4	Máy thổi khí cho bể điều hòa	-Loại: Root - Cột áp: H = 5 mH ₂ O - Công suất: P = 3,7 kW - Voltage: 380V/50Hz/3 pha	<i>Longtech - Taiwan</i>	<i>Cái</i>	1	
2,5	Hệ thống phân phối khí thô đáy bể điều hòa	- Phân phối khí thô dạng ống đục lỗ - Vật liệu: PVC, Inox	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
2,6	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối, xích inox....	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
3	Bể keo tụ- tạo bông(T-03)					
3.1	Động cơ khuấy trộn	- Motor: n= 72.5 v/p - P = 0.75KW 3phase/380V-50Hz. IP55, Class F - Trục cánh khuấy - Vật liệu: Inox 304	<i>Tunglee - Taiwan</i>	<i>Cái</i>	2	Model: PF28-0750-20S3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
3,2	Thiết bị đo pH	- Dải đo: 0-14 - Dải nhiệt độ: -10-110oC - Dải đo (mV): -999 đến 1000mV - Độ chính xác: -0.01 đến 0.01	HANNA - Romani	Cái	1	Model: BL981 411-1
3,3	Bồn pha chế hóa chất	- Vật liệu: Composite / PVC - Thể tích: 1000L	Việt Nam	Cái	3	
3,4	Bơm định lượng hóa chất	- Loại: Bơm màng - Lưu lượng: 100l/h - Cột áp: 4 bar - Công suất: 0,2kW/380V/50Hz	Italia	Cái	6	
3,5	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối	Việt Nam	Bộ	1	
4	Bể tuyển nổi(T-04)					
4,1	Bể tuyển nổi	- Vật liệu: Inox 304/FRP - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bể	1	
4,2	Máng gạt bùn	- Vật liệu: STS304 - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	2	
4,3	Động cơ gạt bùn	- Công suất 0.4 kW - Điện áp 380V, 3 pha 50Hz	Tunglee - Taiwan	Cái	1	
4,4	Máy nén khí	- Công suất 5HP - Điện áp 380V, 3 pha 50Hz	Puma- Trung Quốc	Cái	1	
4,4	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối, mái che....	Việt Nam	Bộ	1	
5	Bể trung gian 1(T-06)					
5,1	Bơm nước thải bể điều hòa	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: Q = 18m3/h, - Cột áp: H = 12 m - Công suất: 1.5kW, 380v/50Hz	Tsurumi - Japan	Cái	2	Model: 80U21. 5
5,2	Phao báo mức cho bơm	- Phao nhựa	Mac3- Italy	bộ	3	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
5,3	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng, xích inox....	<i>Việt Nam</i>	<i>bộ</i>	1	
5,4	Hệ thống phân phối khí thô đáy bể	- Phân phối khí thô dạng ống đục lỗ - Vật liệu: PVC, Inox	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
6	Bể thiếu khí (T-06)					
5.1	Máy khuấy chìm	- Công suất 0.75 kW - Điện áp 380V, 3 pha 50Hz - Vật liệu: Thân: gang xám Cánh: gang xám	<i>Taiwan</i>	<i>Cái</i>	2	Model: EFM 10T
5,2	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối nhanh, xích inox....	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	2	
5.2	Bồn pha chế hóa chất	- Thể tích: 1.000 L - Vật liệu: Composite / PVC	<i>Việt Nam</i>	<i>Cái</i>	1	
6,2	Bơm định lượng hóa chất	- Loại: Bơm màng điện tử - Lưu lượng: 0-100 l/h - Cột áp: 4 bar - Công suất: 0,2 kW/220v/50Hz	<i>Italy</i>	<i>Cái</i>	2	
6	Bể hiếu khí (T-07)					
6.1	Máy thổi khí cạn	- Loại: Root - Lưu lượng: Q = 11 m ³ /p - Cột áp: H = 5 mH ₂ O - Công suất: P = 15 kW - Voltage: 380V/50Hz/3 pha - Mức bảo vệ động cơ: IP55	<i>Longtech - Taiwan</i>	<i>Cái</i>	2	Model: LT-100
6,2	Đĩa phân phối khí tinh	- Loại: Đĩa - Lưu lượng: 0-9m ³ /h - Vật liệu: EDPM	<i>Jaeger - Germani</i>	<i>Bộ</i>	1	Model: HD-270
6,4	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng, xích inox....	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
7	Bể lắng(T-08)					

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
7.1	Hệ gạt bùn bề lắng	- Motor: P= 0.37 - 0.75 kw/3phase/380V-50Hz. + Tốc độ vòng quay: n = 0.05- 0.15 v/p - Gàn cào bùn + Vật liệu: SUS304 + Chế tạo theo thiết kế - Phễu thu bọt nổi	Tunglee - Taiwan	Cái	1	Model: PF50-0750-12000S 3
7,2	Hệ thống ống trung tâm	- Vật liệu: Inox 304 - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	
7,3	Máng thu nước, tấm chắn bọt	- Vật liệu: SUS304 - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	
7,4	Bơm bùn bề lắng	- Loại: Bơm li tâm cánh hở - Lưu lượng: 3 - 36 m ³ /h - Cột áp: 19 - 4mH ₂ O - Công suất: 3kW / 380V/50Hz	Italia	Cái	1	Model: Q3/B2 T
7,5	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: Chân đế, mái che của bơm, động cơ gạt bùn....	Việt Nam	Bộ	1	
8	Bể trung gian 2(T-09)					
8,1	Bơm bể trung gian	- Loại: Bơm cặn, li tâm - Lưu lượng: Q = 450l/phút - Cột cấp: H = 22 m H ₂ O - Công suất: 3 kW/380V/50Hz - Vật liệu: + Thân, cánh: bằng gang + Trục: Inox	Italia	Cái	2	Model: 32-160A
8,2	Phao báo định mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 03 mức	Taiwan	Cái	2	
8,3	Cột lọc áp lực	- Vật liệu: Composite - Kích thước theo thiết kế - Bao gồm cả giá đỡ và vật liệu lọc - Lưu lượng: 26,2 m ³ /h Kích thước: D1.200 x 2.150mm	Việt Nam	Cái	2	
8,4	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối, chân đế, mái che, đồng hồ đo áp....	Việt Nam	Bộ	1	
9	Hệ thống ép bùn					

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
9,1	Máy ép bùn bang tải	- Q=4m3/h	<i>Việt Nam</i>			
9,1	Hệ thống ống trợ lắng trung tâm	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: theo thiết kế	<i>EnvirGreen</i>	<i>Cái</i>	1	
9,2	Máng thu nước	- Vật liệu: STS304 - Chế tạo theo thiết kế	<i>EnvirGreen</i>	<i>Bộ</i>	1	
9.3	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối , phụ kiện giảm rung,...	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
10	Hệ thống khử trùng					
10,1	Bồn pha chế hóa chất khử trùng	- Thể tích: 1.000 L - Vật liệu: Composite / PVC	<i>Việt Nam</i>	<i>Cái</i>	1	
10,2	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	- Loại: Bơm màng điện tử - Lưu lượng: 0-100 l/h - Cột áp: 4 bar - Công suất: 0,2 kW/220v/50Hz	<i>Italy</i>	<i>Cái</i>	2	
10,3	Các loại phụ kiện kèm theo cho hệ	Bao gồm: các loại khớp nối	<i>Việt Nam</i>	<i>Bộ</i>	1	
11	Hạng mục khác					
11,1	Hệ thống đường ống công nghệ, van, phụ kiện; giá đỡ ống	- Ống bơm nước thải, bùn thải PVC - Ống cấp khí: Thép mạ kẽm - Van: PVC, đồng, gang - Giá đỡ đường ống: + Trong bể: Thép mạ kẽm. + Ngoài bể: Thép mạ kẽm.	<i>Việt Nam</i>	<i>Hệ</i>	1	
<i>a</i>	Đường ống cấp khí	- <i>Vật liệu:</i> + <i>Ngoài bể: Thép mạ kẽm.</i> + <i>Trong bể: u.PVC</i>	<i>Việt Nam</i>	<i>Hệ</i>	1	
<i>b</i>	Đường ống bơm và dẫn nước thải	- <i>Vật liệu: u.PVC</i>	<i>Việt nam</i>	<i>Hệ</i>	1	
<i>c</i>	Đường ống bơm bùn thải	- <i>Vật liệu: u.PVC</i>	<i>Việt nam</i>	<i>Hệ</i>	1	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
d	Giá đỡ ống	- Vật liệu: + Ngoài bể: Thép mạ kẽm + Trong bể: Thép mạ kẽm.	Việt nam	Hệ	1	
e	Đường ống hóa chất	- Vật liệu: u.PVC	Việt nam	Hệ	1	
f	Đường ống cấp nước sạch	- Vật liệu: u.PVC	Việt nam	Hệ	1	
g	Phụ kiện (côn, tê, cút, bích, bulông,...)	Theo yêu cầu thực tế	Việt Nam	Hệ	1	
11,2	Hệ thống điện, tự động hóa	Tủ điện: Loại: Tủ trong nhà; Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện; Bao gồm: Thiết bị đóng cắt; nút bấm, đèn báo, còi cảnh báo. Hoạt động theo 2 chế độ: Tự động + thủ công Lập trình: Logo, PLC Cấp điện: LS/ Cadisun + ống luồn cáp Sino	Link kiện Đức, Hàn Quốc, Việt Nam, Taiwan, ...	Hệ	1	
II	CHI PHÍ KHÁC					
1	Vận chuyển thiết bị, vật tư và thiết bị thi công	- Vận chuyển vật tư, thiết bị từ kho tới công trình	Việt Nam	Trọn gói	1	
2	Lắp đặt toàn bộ thiết bị, máy móc theo bản vẽ thi công được duyệt	- Lắp đặt toàn bộ máy móc thiết bị - Lắp đặt đường ống công nghệ - Lắp đặt hệ điện điều khiển - Lắp đặt hệ giá đỡ và các chi tiết cơ khí	Việt Nam	Trọn gói	1	
3	Nhân công vận hành chạy thử, đào tạo chuyển giao công nghệ	Công việc gồm: - Vận hành, đào tạo, chuyển giao công nghệ. Theo dõi và vận hành trong 1 tháng.	Việt Nam	Trọn gói	1	
4	Chi phí quản lý	Chi phí quản lý hành chính, thiết kế, hoàn thiện bản vẽ, chi phí phục vụ công tác giám sát, kỹ thuật, chi phí công tác, họp hành, ... của nhà thầu	Việt Nam	Trọn gói	1	

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
5	Hóa chất, dinh dưỡng n b uôi hệ vi sinh	Vi sinh và hóa chất vận hành trong vòng 1 tháng	Việt Nam	Trộn gói	1	
6	Chi phí phân tích	Phân tích nước thải đầu vào, đầu ra Lấy mẫu nước thải tại hiện trường Phân tích mẫu trong quá trình tinh chỉnh hệ thống	Việt Nam	Hệ	1	

Nguồn: Thuyết minh vận hành trạm xử lý nước thải CCN

*** Nhu cầu hóa chất sử dụng:**

Bảng 3. 4: Nhu cầu sử dụng hóa chất

STT	Tên hóa chất	Định mức sử dụng	Khối lượng hóa chất cần dùng cho HTXLNT cho 1 ngày	Ghi chú
1	PAC	20 g/m ³	10 kg/ngày	Keo tụ
2	Polymer	2,5 g/m ³	1,25 kg/ngày	Tạo bông
2	NaOH	40g/m ³	20 kg/ngày	Điều chỉnh pH
3	Clorine	5 g/m ³	2,5 kg/ngày	Khử trùng

(Nguồn: Thuyết minh công nghệ trạm xử lý nước thải)

❖ Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Bước 1: Pha hóa chất:

1, Pha chế NaOH:

- Đóng van xả đáy thiết bị, mở van nước sạch chảy vào thiết bị chứa hóa chất đến gần đầy thùng.
- Bật động cơ khuấy.
- Đổ từ từ 25 kg NaOH vào thùng 1.000 lít.
- Khuấy cho đến khi xút tan hoàn toàn trong nước (Khoảng 25 - 30 p).
- Tắt động cơ khuấy pha hóa chất.
- Điều chỉnh bơm định lượng ở mức thích hợp.

2, Pha chế PAC:

- Đóng van xả đáy thiết bị, mở van nước sạch chảy vào thiết bị chứa hóa chất đến gần đầy thùng và bật động cơ khuấy.
- Đổ 125 kg PAC vào thùng chứa 1000 lít.
- Khuấy cho đến khi PAC tan hoàn toàn trong nước (Khoảng 15p).
- Tắt động cơ khuấy.

- Điều chỉnh bơm định lượng ở mức thích hợp.

3, Pha chế Polymer:

- Đóng van xả đáy thiết bị, mở van nước sạch chảy vào thiết bị chứa hóa chất đến gần đầy thùng.

- Bật động cơ khuấy.
- Đổ 1kg Polymer vào thùng chứa thể tích 2000 lít.
- Khuấy cho đến khi Polymer tan hoàn toàn trong nước (Khoảng 45 p).
- Tắt động cơ khuấy pha chế Polymer.
- Điều chỉnh bơm định lượng ở mức thích hợp.

4, Hóa chất khử trùng (Javen):

- Tính toán chính xác tỉ lệ hóa chất và nước cho vào (17,5 lít Javen cho vào bồn 1000 Lít nước). Cho nước vào trước sau đó cho từ từ hóa chất vào và khuấy liên tục.

5, Hóa chất sinh trưởng (cơ chất) cấp cho bể sinh học thiếu khí:

- Tính toán chính xác tỉ lệ hóa chất và nước cho vào (2kg/ngày đối với cơ chất vàng và 30kg/ngày đối với cơ chất trắng cho vào bồn 2000 lít nước dùng). Cho nước vào trước sau đó cho từ từ hóa chất vào và sục khí liên tục.

- Mở van điều chỉnh hóa chất cho 24h
- Khối lượng cơ chất có thể thay đổi tùy vào tính chất nước thải

Bước 2: Vận hành an toàn hệ thống:

- Bật attomat tổng trong tủ điện. Bật attomat cấp điện các thiết bị máy thổi khí (01 chiếc), bơm nước thải (01 chiếc), các động cơ khuấy, bơm định lượng.

- Bật máy thổi khí đảo trộn nước thải trong bể điều hòa.

- Kiểm tra pH tại bể điều hòa, nếu có sự thay đổi so với lần vận hành trước cần tiến hành làm thí nghiệm xác định lượng NaOH cần thiết để trung hòa nước thải.

- Bật động cơ khuấy bể điều chỉnh pH và 2 bể phản ứng tạo bông lắng.

- Bật bơm định lượng cấp NaOH, Polymer và PAC. Chỉnh núm vặn của bơm định lượng (vạch từ 1 đến 9 của lưu lượng max). Tùy theo tình hình thực tế điều chỉnh tăng hoặc giảm lưu lượng cấp hóa chất (hoặc có thể pha đặc hoặc loãng hóa chất).

- Bật bơm nước thải tại bể điều hòa, điều chỉnh van tuần hoàn để lưu lượng lên hệ thống thiết bị đạt công suất của hệ thống theo lượng nước thải vào.

- Thường xuyên kiểm tra độ pH của nước thải trong bể để điều chỉnh lượng NaOH thích hợp (từ 7,5 đến 8,0).

- Điều chỉnh bơm định lượng Polymer và PAC cho đến khi phản ứng tạo bông diễn ra hoàn toàn. Lượng Polymer và PAC cần thiết được xác định dựa

trên thực nghiệm và kinh nghiệm của người vận hành. Đơn vị tư vấn đề xuất lượng PAC là 20 gram và Polymer là 2.5 gram cho 01 m³ nước thải.

Lưu ý:

- Khi chất lượng nước thải không có sự biến động lớn về tính chất, lưu lượng và hệ thống thiết bị vận hành ổn định, nước thải đầu ra đạt chất lượng, người vận hành chỉ cần không chế một lần trong toàn bộ quá trình vận hành của hệ thống.

- Các hóa chất sử dụng đều rất dễ hút ẩm, làm thay đổi khối lượng và biến đổi tính chất, giảm tác dụng. Do vậy cần bảo quản hóa chất ở nơi khô ráo, buộc chặt miệng bao nilông với những bao dùng chưa hết tránh hút ẩm trong không khí hoặc bị nước lọt vào bao.

*** Yêu cầu công việc cần thực hiện của công nhân vận hành:**

- Kiểm tra thông số đầu vào của nước thải trong bể điều hòa như pH, nhiệt độ, mùi, màu. Nếu có sự khác biệt lớn có thể gây ảnh hưởng nặng nề tới khả năng xử lý của toàn hệ thống (pH quá cao hoặc quá thấp, nhiệt độ nước thải lớn hơn 40°C) thì ngừng cấp nước vào bể Aerotank, báo với người có trách nhiệm đề xin ý kiến xử lý.

- Kiểm tra các chỉ tiêu pH, DO,... đo tại hệ thống. Nếu có sai số lớn so với các ca trước ($\pm 20\%$) thì báo cho kỹ thuật viên phụ trách thiết bị kiểm tra lại.

- Kiểm tra xả bùn tại bể lắng (nếu có).

- Chuyển chế độ chạy/ngủ của các máy thổi khí và bơm chìm theo hướng dẫn.

- Pha hóa chất xử lý đúng liều lượng, kiểm tra bơm định lượng hóa chất đúng mức theo hướng dẫn. Nếu phát hiện máy thổi khí, bơm, động cơ khuấy có tiếng kêu lạ, rung, mùi khét thì dừng hoạt động để báo với người có trách nhiệm. Riêng với máy thổi khí phải luôn duy trì hoạt động của 1 máy để cung cấp oxy cho sinh vật hiếu khí.

- Ghi chép đầy đủ thông số của hệ thống xử lý vào nhật ký vận hành.

- Công việc định kỳ: Bảo dưỡng các bơm chìm, bơm định lượng. Bảo dưỡng các máy thổi khí, bảo dưỡng các thiết bị khuấy trộn.

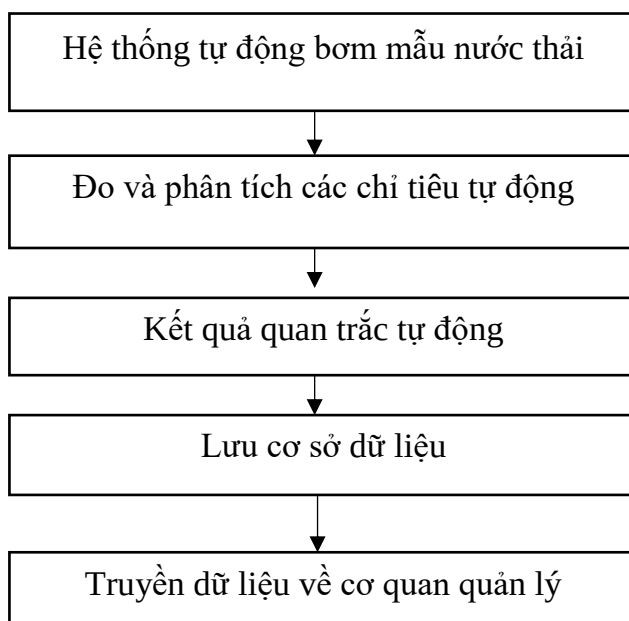
(Hướng dẫn vận hành đính kèm tại phụ lục)

1.3.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Căn cứ điểm a, Khoản 4, Điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 CCN có lưu lượng nước thải phát sinh 500m³/ng.đ thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động. Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Chủ đầu tư thực hiện việc lắp đặt trạm quan trắc tự động cụ thể như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống
- Thời gian lắp đặt: Trước khi vận hành thử nghiệm, thời gian dự kiến vào khoảng tháng 10/2025.
- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.
- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm nghiệm, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.
- Vị trí lắp đặt: Tại bể quan trắc.
- Thông số quan trắc chính của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng (Đầu vào, đầu ra), COD, TSS, pH, amoni, nhiệt độ.

Quy trình hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động:



Hình 3. 5. Quy trình hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động

*** Các thiết bị chính và phụ trợ của trạm quan trắc tự động bao gồm:**

TT	MÔ TẢ VẬT TƯ THIẾT BỊ	Đơn vị	Số lượng
I	Hệ thiết bị quan trắc tự động đo các chỉ tiêu COD, TSS, pH và nhiệt độ:		
1,1	Bộ kết nối, xử lý, hiển thị số liệu trung tâm cho chỉ tiêu COD, TSS, pH và nhiệt độ. Model: MPG-6099. Xuất xứ: BQ, Trung Quốc. - Kết nối trực tiếp với các cảm biến COD, TSS,	Bộ	1

	COD, Amoni, pH và nhiệt độ. - Hiện thị: màn hình 7 inch cảm ứng. - Output: RS485 or RS-232, USB - Software for managing platform, sensors and data - Kích thước: 320*270*121 (mm) - Nguồn cung cấp: 220V/24V - Cấp bảo vệ :IP65. - Kiểu loại: gắn tường, vỏ PVC và mặt nhựa trong suốt		
1.2	Sensor đo COD: Model: BH-485. Xuất xứ: BQ, Trung Quốc. - Nguyên lý đo: quang học hấp thụ - Dải đo: 0~1000mg/l COD - Độ phân dải: 0.01 mg/L - Độ chính xác: $\pm 5\%$ - Sai số lặp lại: $\pm 2\%$ - Nhiệt độ làm việc: 0-45⁰C - Cấp độ bảo vệ: IP68/NEMA6P - Vật liệu: SUS316L - Nguồn cung cấp: 9-36V - Communication: MODBUS RS485 - Kích thước: 69*391mm - Cáp tín hiệu: 10 mét	cái	1
1.3	Sensor đo TSS: Model: ZDYG-208. Xuất xứ: Trung Quốc. - Nguyên lý: Quang học - Dải đo: 0-500mg/L - Sai số: $\pm 1\%$ FS hoặc ± 0.1NTU - Tốc độ dòng chảy: ≤ 2.5m/s、8.2ft/s - Nhiệt độ làm việc: 0-45⁰C - Communication interface: RS485 - Nguồn cung cấp: DC12V - Chất liệu: SUS316L + PVC - Kích thước: 60mm* 256mm - Cấp bảo vệ: IP68	cái	1

	- Cấp tín hiệu: 10 mét		
1.4	Sensor đo Ammoni: Model: BH-485-NH. Xuất xứ: BQ, Trung quốc. - Nguyên lý: phương pháp điện cực chọn lọc ion. - Dải đo: 0.1-1000 mg/L- Chu kỳ đo: ≤ 2 minutes. - Độ phân dải: 0.01 mg/l - Nhiệt độ làm việc: 0-40°C - Độ chính xác: $\pm 5\%$ or ± 0.2 mg/L - Giao thức: MODBUS RS485 - Kích thước: 55mm×340mm(Diameter*Length) - Cấp độ bảo vệ: IP68/NEMA6P - Chiều dài cáp tín hiệu: 10 mét	cái	1
1.5	Sensor đo pH & Nhiệt độ: Model: BH-485-pH. Xuất xứ: BQ, Trung Quốc. - Nguyên lý đo pH: điện cực - Dải đo: 0.0~14.0 (pH) - Độ chính xác: ± 0.1 pH - Dải đo nhiệt độ: 0-120°C - Độ phân dải: ± 0.5 °C - Giao tiếp: RS485(Modbus RTU) - Nguồn cung cấp: 24V DC - Communication mode: Modbus RS485 - Material: ABS - Kích thước: 230mm× D30mm - Cấp tín hiệu: 10 meters	cái	1
1.6	Thiết bị đo lưu lượng đầu ra kiểu kênh hở: Model: BQ-OCFM. Hãng sx: Boqu, Trung quốc. - Power Supply: 220VAC / DC24V - Ambient Temperature: 0°C~60°C - Protect Grade: IP65 - Resolution: 0,1 m3/h hoặc 0,1l/s - Độ chính xác: $< 3\%$ - Flow Rate Range: 0.0000~99999L/S or m3/h - Parameter set up: 3 induction buttons	Bộ	2

	- Hiện thị: LCD - Output Current: 4-20mA/ RS485 Modbus - Measuring range: 0.00~2.00m(Level) - Probe Cable Length: 10m		
1.7	Thiết bị lấy mẫu nước tự động Model: AWS-B805 Xuất xứ: BQ, Trung quốc. Thông số kỹ thuật: - Thiết bị lấy mẫu nước tự động theo nguyên lý hút mẫu chân không với khả năng kiểm soát ổn nhiệt. - Chức năng lấy mẫu và bảo quản lạnh khi có thông số quan trắc vượt ngưỡng, hoặc khi có yêu cầu từ xa - Bảo vệ khi tắt nguồn: bảo vệ tự động khi tắt nguồn, và tự động tiếp tục công việc sau khi bật nguồn. - Tự động làm sạch: trước mỗi lần lấy mẫu, làm sạch đường ống với mẫu nước cần kiểm tra. Tự động làm rỗng: Sau mỗi lần lấy mẫu, đường ống sẽ tự động được làm trống và đầu lấy mẫu bị thổi ngược trở lại. - Số lượng mẫu lấy: 25 chai, 1000ml/chai - Dung tích lấy mẫu: (10~1000)ml - Nhiệt độ bảo quản: 2°C~6°C; - Chiều cao hút mẫu 8 m - Khả năng kết nối: + Communication Interface: RS-232/RS-485 + Analog interface: 4mA~20mA + Digital input interface: Switch	Bộ	1
II	TỦ ĐIỆN QUAN TRẮC VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ		
2.1	Thiết bị datalogger: Model: ECA-GPIs6.6DA Xuất xứ: Việt Nam. Kết nối tới các thiết bị đo để lưu trữ, hiển thị và truyền các giá trị đo lường về Trung tâm dưới dạng file txt. Bộ giám sát điều khiển trung tâm là một máy tính nhúng HĐH Linux với tốc độ SoC 1200Mhz, 1GB RAM, 16GB dữ liệu. Có cổng kết nối mạng Ethernet 100Mbps và 4 cổng USB2.0 (kết nối mở rộng chuyển	cái	1

	đổi USB sang RS232, RS485,..) - Bộ trung tâm đọc, xử lý, lưu trữ hiện thi thời gian thực trên màn hình LCD 7 inch TFT - Có 6 đầu ra điều khiển: điều khiển tiếp điểm * Datalogger cho phép cài đặt và hiệu chuẩn các đầu đo ngay tại hiện trường và qua phần mềm kết nối với máy tính. * Phần mềm web server, truy cập vào thông qua IP của thiết bị, đăng nhập bảo mật bằng password. * Dữ liệu gửi về server dạng file txt qua FTP1 với tần suất cài đặt được từ 1 phút đến 999 phút gửi 1 lần, dữ liệu gửi đi đồng thời được lưu trữ trên thiết bị với dung lượng bộ nhớ 16GB. Dữ liệu có thể xem, download, vẽ biểu đồ trực tiếp trên máy tính kết nối qua cổng mạng Ethernet. Định dạng dữ liệu theo thông tư 24 của bộ TNMT. Thiết bị bao gồm: * 01 Thiết bị trung tâm thu thập dữ liệu * 01 Màn hình màu LCD TFT 7 inch 1024x800 kết nối với bộ trung tâm qua HDMI, hiển thị giá trị hiện thời và giá trị cài đặt. Kèm theo 1 bàn phím có chuột không dây. * 01 Tủ điện trong nhà 400x300x150mm có nguồn dự phòng UPS 12V/3A, có Acquy 12V/7Ah và 1 mạch sạc tự động cho acquy dự phòng. Cung cấp nguồn điện cho bộ trung tâm có lọc nhiễu AC Filter.. Tích hợp phát hiện mất điện và có điện và tủ điện kích thước 400x300x100mm có quạt. * Nhiệt độ vận hành : -40~70°C- Kiểu lắp đặt : DIN 35 rail/ Wall Mount- Nguồn cung cấp : 230 VAC / 24VDC		
2.2	Tủ quan trắc - Tủ điện kích thước: (DxRxC):1200*600*1800, 2 lớp cánh, sơn tĩnh điện, bao gồm: + Module điều khiển tự động bơm luân phiên	tủ	1

	+ Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch cho bơm và thiết bị nhà trạm + Thiết bị bảo vệ chống sét lan truyền + Thiết bị hiển thị nhiệt độ, độ ẩm trong phòng + Thiết bị chiếu sáng, thông gió tự động trong tủ điện + Biến áp cách ly nguồn - Bồn đo trung gian : vật liệu inox 304 -Các phụ kiện khác như: rơ le, ổ cắm, bóng điện, domino, đầu cos, nguồn DC, ống nhựa, đầu nối và các vật tư khác cho tủ điện - Bơm nước mẫu 02 cái nhãn hiệu Panasonic 125W-220V -Xuất xứ: Việt Nam		
2.3	Bộ lưu điện UPS (2KVA) Công suất nguồn ra: 2000 VA / 1200 W Điện áp nguồn ra: 220 VAC $\pm$ 10% Tần số: 50 Hz $\pm$ 1 Hz	bộ	1
2.4	Hệ thống Camera giám sát bao gồm: Hệ thống Camera giám sát trạm quan trắc Đáp ứng theo thông tư 24/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường. Cung cấp bao gồm: - Camera IP hồng ngoại - Đầu ghi hình camera IP 4 kênh - Ổ cứng HDD 4TB - Phụ kiện lắp đặt	Bộ	1
2.5	Thiết bị báo cháy, báo khói và chữa cháy, Bao gồm:1x Trung tâm báo cháy1x Đầu báo khói kèm đế1x Còi báo cháy1x Nút nhấn khẩn cáo cháy (chìm)Nhãn hiệu Firesmart, Việt NamThiết bị chữa cháy, tiêu lệnh PCCC1x Tủ chữa cháy 400x600x200, 5zem (ngang*cao*sâu), Việt Nam1x Bình chữa cháy CO2 3kg kèm tem (Dragon, Việt Nam)2x Bình chữa cháy ABC 4kg kèm tem (Dragon, Việt Nam)1x Nội	Bộ	1

	quy + tiêu lệnh chữa cháy		
III	Vật tư lắp đặt khác (thiết bị đo lưu lượng, camera, bơm nước mẫu...)	Gói	1

2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của CCN bao gồm các nguồn sau:

- Bụi và khí thải phương tiện vận chuyển và đi lại ra vào CCN;
- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN;

- Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình lưu giữ CTR và hệ thống XLNT.

2.1. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động giao thông

- Trồng cây xanh cách ly dọc các tuyến đường trong CCN.
- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn, phun nước định kỳ (nhất là mùa khô) trên các tuyến đường trong CCN.
- Bê tông hóa toàn bộ đường nội bộ để hạn chế bụi đất phát tán.
- Quy định tốc độ giới hạn (≤ 20 km/h) trong nội khu để tránh bụi cuốn.
- Quy định nội bộ của Ban quản lý KCN: tất cả xe vận chuyển phải được vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ, không để rò rỉ dầu mỡ.

2.2. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các nhà máy

CCN Thụy Lâm thu hút các ngành nghề như: tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ, mộc dân dụng, trạm khắc mỹ nghệ, sơn mài,...; Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu).

Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh chủ đầu tư CCN và các đơn vị đầu tư thứ cấp đều phải thực hiện các biện pháp phù hợp.

a. Đối với các đơn vị thứ cấp

- Xây dựng đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo yêu cầu của CCN.
- Lắp đặt hệ thống xử lý thu hồi bụi, khí thải (nếu có phát sinh và cần xử lý) nhằm đảm bảo khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường QCTĐHN 01:2014/BTNMT trước khi cho phát tán bằng ống thải ra ngoài môi trường. Các biện pháp giảm thiểu đều phải được các cơ quan chức năng đánh giá và thông qua trước khi lắp đặt hoặc xây dựng.

b. Đối với chủ đầu tư CCN Thụy Lâm

- Chỉ tiếp nhận các Công ty, nhà máy có loại hình sản xuất mà CCN được phép tiếp nhận.

- Thực hiện bố trí các loại hình sản xuất của các đơn vị trong CCN theo phân khu chức năng đã được phê duyệt.

- Giám sát hoạt động của các đơn vị thứ cấp, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý khí thải phát sinh.

- Khuyến khích các nhà máy hoạt động trong CCN sử dụng công nghệ sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường. Các dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín, không hoặc ít phát sinh hơi, mùi, khí thải ra bên ngoài. Nhiên liệu sử dụng (nếu có) ưu tiên những nhà máy sử dụng khí gas, LPG, hay các nhiên liệu hóa thạch truyền thống có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Trách nhiệm xử lý khí thải thuộc về chủ các doanh nghiệp phát sinh.

- Đảm bảo khoảng cách ATMT của các đối tượng gây ô nhiễm trong cụm công nghiệp, kho tàng và cụm công nghiệp là các nhà xưởng sản xuất, kho chứa vật liệu, thành phẩm, phế thải có tính chất độc hại và các công trình phụ trợ có phát sinh chất thải ngoài dân dụng khác;

- Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp, kho tàng và cụm công nghiệp với chiều rộng ≥ 10 m. Căn cứ Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đối với các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của CCN như các trạm XLNT tập trung, khu vực lưu chứa tạm rác thải phải thực hiện theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Giảm thiểu tối đa việc phát sinh mùi, khí thải từ hệ thống XLNT và khu vực lưu chứa rác thải tạm. Đảm bảo không gian và tỷ lệ cây xanh trong khu vực.

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro, sự cố môi trường có thể gây ô nhiễm môi trường không khí như cháy nổ cho toàn bộ CCN. Phối kết hợp với các cơ quan chức năng thẩm định phương án PCCC cho toàn CCN và định kỳ tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó với sự cố phát sinh.

- Thực hiện giám sát môi trường không khí CCN định kỳ theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các nguồn thải khí, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi, tiếng ồn của các nhà máy, xí nghiệp trong CCN trong phạm vi chức năng và quyền hạn của chủ đầu tư CCN theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2.3. Đối với mùi từ hệ thống xử lý nước thải

Mùi hôi phát sinh từ các khí thải H_2S , NH_3 , Mercaptan,... của quá trình lên men, phân hủy các vật chất hữu cơ từ quá trình xử lý nước thải.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo khoảng cách an toàn, đáp ứng các yêu cầu của QCVN 01:2019/BXD, trạm xử lý nước thải sẽ có một khu vực đệm với khoảng cách ít nhất 300m đến khu dân cư gần nhất, trong đó bố trí trồng cây xanh và đất cỏ xung quanh khuôn viên của trạm XLNT với chiều rộng khoảng 3m.

- Lắp đặt hệ thống thu gom xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hợp đồng: Số 17102024-VNX/HĐKT ngày 17/10/2024 giữa Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình và Công ty TNHH môi trường Vinaxanh v/v cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải CCN Thụy Lâm-Đông Anh công suất 500 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý mùi.

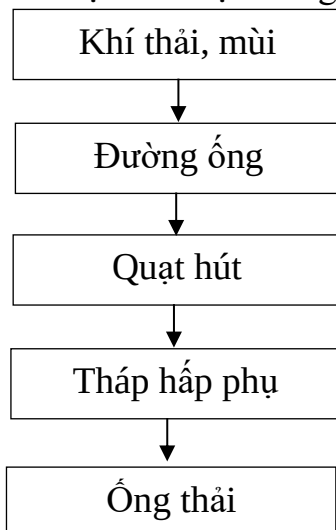
- Đơn vị thi công: Công ty TNHH môi trường Vinaxanh

- Thời gian thi công: Từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2025.

- Thời gian nghiệm thu: Ngày 20/06/2025.

+ Công suất tối đa của một hệ thống xử lý mùi: 1.500 m³/h.

+ Công nghệ xử lý khí thải được thể hiện trong dưới đây:



Sơ đồ công nghệ quy trình xử lý mùi

- Thuyết minh:

Khí thải được thu từ các bể của trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống uPVC D60 về tháp hấp phụ. Khí thải từ đường ống được quạt hút đẩy vào tháp hấp phụ. Tại tháp hấp phụ các quá trình hấp phụ các khí thải được thực hiện. Khí gây mùi được than hoạt tính hấp phụ trên bề mặt, thành phần bản trong dòng khí sẽ được giữ lại trên bề mặt than hoạt tính. Phần khí sạch thoát ra ngoài đảm bảo theo quy định hiện hành.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCTĐNH 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_v = 0,7$, $K_p = 1,0$) và QCVN 19:2024/BTNMT).

Để đảm bảo quá trình thu gom và xử lý khí hiệu quả chủ đầu tư đưa ra kế hoạch vệ sinh đường ống thu gom khí thải 1 lần/tháng bằng cách tháo đường ống, rửa và lau khô đường ống.

Công trình được lắp đặt theo đúng hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống:

Bảng 3. 5. Danh mục thiết bị xử lý mùi

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Đường ống thu gom	Đường ống nhựa PVC D110	
2	Tháp hấp phụ	- Thân tháp FRP: dày 7mm. Mặt bích FRB: dày 10mm. Sàn đỡ: dày 10mm. - Đế tháp hình vuông: 1200*1200mm, dày 10mm - 4 góc đế tháp có gân tăng cứng 1 góc 45 độ - Lớp than hoạt tính: - Xuất xứ: Việt Nam	1 bộ
3	Quạt hút khí	Lưu lượng: 1.000m ³ /h – 1.500m ³ /h Cột áp: 200-400Pa. Công suất: 0.75 kW/1phase/220V/50Hz. Vật liệu: Thép - Xuất xứ: Việt Nam	1 bộ
4	Cửa thoát khí	D300mm	1 cái

- Than hoạt tính kích cỡ 1,3 – 1,5mm, tỷ trọng 450g/l. Tần suất thay thế: 1 lần/năm.

- Ngoài việc sử dụng tháp khử mùi, Dự án còn áp dụng một số biện pháp để giảm mùi, cụ thể như sau:

+ Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

+ Cắt cử người thường xuyên dọn sạch sẽ khu vực trạm xử lý nước thải.

2.4. Mùi, khí thải từ khu vực lưu giữ chất thải CCN:

- Yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp lưu trữ các chất thải rắn sinh hoạt bằng

các thùng chứa rác (loại thùng kín) đặt tại khu vực kho lưu giữ của mỗi đơn vị.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển hằng ngày để hạn chế mùi phát sinh.

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hằng ngày từ đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và từ kho lưu giữ chất thải. Các chất thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và mang đi xử lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Khi CCN đi vào hoạt động ổn định sẽ có số lượng lao động khoảng 2040 người. Lượng chất thải rắn sinh hoạt mỗi ngày thải ra khoảng 0,3 – 0,5kg/ngày (Theo nguồn Giáo trình “Quản lý chất thải rắn” – NXB xây dựng – GS.TS Trần Hiếu Nhuệ). Với lượng chất thải rắn sinh hoạt lớn nhất là 0,5kg/người/ngày thì tổng khối lượng CTR sinh hoạt của CCN Thụy Lâm ước tính khoảng 1.020 kg/ngày. Trong đó, Ban quản lý CCN có khoảng 27 người với lượng CTRSH khoảng: 13,5 kg = 0,0135 tấn/ngày. Đây là loại chất thải rắn có khả năng phân hủy, gây mùi tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái của khu vực.

- Đối với rác thải phát sinh từ khu hạ tầng kỹ thuật, văn phòng của CCN: Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp:

- + Bố trí các thùng rác tại khu văn phòng, khu làm việc, khu hạ tầng kỹ thuật.

- + Bố trí 2 lao công dọn dẹp khu vực.

- + Bố trí kho chứa tại khu hạ tầng kỹ thuật 2, diện tích kho chứa là 10m².

- Đối với rác thải từ các đơn vị thứ cấp: Các đơn vị đầu tư thứ cấp phải tự thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh từ đơn vị của mình sau đó thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với rác thải phát sinh từ nhà điều hành, trạm xử lý nước thải, công trình hạ tầng của CCN:

Các loại chất thải này do chủ đầu tư CCN quản lý chủ yếu phát sinh từ hệ thống rãnh thu gom và thoát nước mưa, nước thải, khối lượng dự kiến khoảng 10.000kg/năm.

Để giảm thiểu tác động của các loại chất thải này, chủ đầu tư thực hiện: Định kỳ 12 tháng/lần, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng đến nạo hút bùn, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các đơn vị thứ cấp:

Tùy theo từng loại ngành nghề thu hút mà lượng chất thải phát sinh tại các đơn vị đầu tư thứ cấp khác nhau. Các đơn vị sẽ có các biện pháp thu gom, xử lý riêng phù hợp. Các biện pháp này phải được phê duyệt, thông qua trong các hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với rác thải nguy hại phát sinh tại nhà điều hành, trạm xử lý nước thải, công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN:

Các loại chất thải nguy hại có khả năng phát sinh cụ thể như sau

Bảng 3. 6. Thành phần CTNH phát sinh tại Trung tâm điều hành, TXLNT, các công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
1	Dầu thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn, lỏng	17 02 03	2
2	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau dính dầu, dung môi, vật liệu nhiễm dầu....)	Rắn	18 02 01	1,5
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6
5	Thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	Rắn	15 01 09	3
6	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung	Rắn	12 06 05	24.300
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	3
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	100
	Tổng			24.419

Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại, Chủ đầu tư thực hiện các

biện pháp sau:

- + Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, bên ngoài dán nhãn cảnh báo.
- + Bố trí kho chứa rác thải nguy hại, diện tích 10m² tại khu vực hạ tầng kỹ thuật 2; kho 5m² tại khu vực nhà điều hành. Kho có kết cấu tường xây gạch, mái tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát. Bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại.
- + Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các đơn vị thứ cấp:

Các đơn vị sẽ có các biện pháp thu gom, xử lý riêng phù hợp. Các biện pháp này phải được phê duyệt, thông qua trong các hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

Các biện pháp quản lý và kiểm soát chất thải phát sinh tại CCN được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 3. 7. Biện pháp quản lý, kiểm soát chất thải phát sinh trong CCN

STT	Nội dung	Trách nhiệm thực hiện	Giám sát
I	Quản lý chất thải rắn sinh hoạt		
1	Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (nhà máy), nhà điều hành BQL	Các nhà máy thành viên	Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình hướng dẫn nhà máy thành viên thực hiện và giám sát quá trình thực hiện của nhà máy thành viên
2	Thu gom và lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt tại các nhà máy vào các thùng chứa quy định		
3	Hợp đồng với công ty có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý		
II	Quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại		
1	Phân loại chất thải rắn công nghiệp không nguy hại tại nguồn	Các nhà máy thành viên	Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình hướng dẫn nhà máy thành viên thực hiện và giám sát quá trình thực hiện của nhà máy thành viên
2	Thu gom chất thải rắn công nghiệp không nguy hại vào các thùng chứa quy định		
3	Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương thu gom và vận chuyển đi xử lý		
III	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại		
1	Kê khai chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam	Các nhà máy thành viên	Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình hướng dẫn nhà
2	Thu gom chất thải nguy hại công		

STT	Nội dung	Trách nhiệm thực hiện	Giám sát
	nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn		máy thành viên thực hiện và giám sát quá trình thực hiện của nhà máy thành viên
3	Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý		
IV	Quản lý và xử lý chất thải tại khu nhà điều hành, khu xử lý nước thải, chất thải		
1	Nạo vét bùn, hút bùn tại hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom, thoát nước	Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình	
2	Phân loại, thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại khu điều hành, xử lý nước thải		
3	Ký hợp đồng vận chuyển chất thải với đơn vị có chức năng		

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Phân luồng giao thông đối với các đơn vị ra vào khu vực CCN; sử dụng gờ giảm tốc để giảm tốc độ.

- Đối với hoạt động phương tiện cá nhân của người lao động: Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng phương tiện công cộng đưa đón CBCNV nhằm hạn chế phương tiện cá nhân ra vào CCN nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh.

- Đối với tiếng ồn từ máy móc thiết bị của các nhà máy, xí nghiệp: Yêu cầu các nhà máy định kỳ kiểm định, kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị nhằm thay thế hoặc tra dầu mỡ kịp thời khi thiết bị hư hại, khô kẹt nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh khi làm việc. Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất được lắp đệm, roăng cao su nhằm hạn chế độ rung khi hoạt động. Ngoài ra phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân lao động trực tiếp trong khu vực có nguy cơ gây tiếng ồn cao;

- Đối với các thiết bị gây ồn như máy bơm, máy nén khí, máy sục khí tại khu xử lý nước thải tập trung được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và sử dụng các bơm chìm sẽ hạn chế được ồn phát sinh;

- Tăng cường diện tích trồng cây xanh của CCN nói chung và từng nhà máy, xí nghiệp trong CCN cũng dành tối thiểu 10% diện tích trồng cây xanh giảm lan truyền tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

6.1. Đối với sự cố hệ thống trạm xử lý nước thải

*** Các biện pháp phòng ngừa:**

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước đầu vào của hệ thống xử lý.
- Thực hiện chế độ nghiêm ngặt chế độ duy tu, bảo dưỡng; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của đơn vị chuyển giao công nghệ.
- Các công trình xây dựng phải được theo dõi định kỳ nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.
- Ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải. Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố hỏng hóc thiết bị máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện các bước kiểm tra trước khi đi vận hành hệ thống: Kiểm tra các bể xử lý: lưu lượng nước, chất lượng đầu vào, các đầu đo, hệ thống, hệ thống bơm, khuấy, ...; Kiểm tra hệ thống điện và đường ống dẫn chính; Kiểm tra tình trạng hoạt động các thiết bị, máy móc trong HTXL; Kiểm tra đường ống dẫn nước thải, hóa chất; kiểm tra mực nước trong bể có đủ để hệ thống bơm chạy; Kiểm tra nguồn cấp điện, công tắc, dây dẫn điện đến các thiết bị xử lý.
- Trang bị dự phòng các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.
- Yêu cầu các đơn vị thứ cấp kiểm tra chất lượng nước thải tại điểm đầu nối định kỳ và gửi lên chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.
- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát các chỉ tiêu chính của nước thải tại để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Hà Nội (cột A) trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của Dự án.
- Xây dựng hồ sự cố: Chủ Dự án Xây dựng hồ sự cố với dung tích 2.190m³ tại khu đất cạnh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. (Vị trí hồ sự cố được thể hiện trên bản vẽ khu vực trạm xử lý nước thải trong Phụ lục báo cáo).

Kết cấu hồ sự cố như sau: Kích thước mặt: BxL=24,18 x 21,68m; Kích

thước kê đá hộp: BxL=24,18mx21,68m; Kích thước tại cos -3,00 đỉnh móng kê đá hộp: BxL=20,18x17,68m; Kích thước tại cos -7,00 đáy hồ sự cố: BxL=11,18x8,68m; hệ số mái dốc kê m =1:1. Kết cấu đáy hồ từ dưới lên gồm lớp đất đầm chặt K95, màng HDPE dày 1mm, lớp cát hạt thô dày 300mm.

Với thể tích của hồ sự cố có dung tích bằng 2190m³, thành và đáy lót màng chống thấm HDPE đảm bảo nước thải không rò rỉ ra ngoài môi trường, hồ có khả năng quay vòng nước thải, dung tích hồ đảm bảo lưu chứa nước thải trong trường hợp khi trạm xử lý nước thải gặp sự cố, tối thiểu 04 ngày bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp có sự cố của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo thời gian khắc phục sự cố sau đó nước thải được bơm lại hệ thống để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

Khi có sự cố: Nước thải xả trực tiếp vào hồ sự cố theo phương án tự chảy. Cos mực nước tại hồ sự cố luôn thấp hơn cos xả thải của các bể của trạm xử lý.

*** Các biện pháp khắc phục sự cố:**

Đối với từng loại sự cố, chủ đầu tư đưa ra các biện pháp khắc phục cụ thể.

- Đối với các sự cố do thiết bị:

Bảng 3. 8. Các sự cố có thể xảy ra đối với thiết bị và biện pháp khắc phục

TT	Hạng mục	Sự cố	Biện pháp
1	Bồn hóa chất	Mức hóa chất còn trong bể	Kiểm tra, bổ sung nếu thiếu
		Ăn mòn/ rò rỉ	Kiểm tra, vá bọc sơn lại chỗ sét rỉ
2	Van, hệ thống ống	Rò rỉ	Kiểm tra hệ thống van, hệ thống ống, sửa chữa hoặc thay thế
3	Thiết bị trong tủ điện	Sự rung động hay vật lạ vướng vào role hoặc công tắc	Siết lại bulong, lấy vật lạ ra
		Nổ cầu chì	Kiểm tra công suất và tìm hiểu nguyên nhân
		Mối nối không chặt	Tìm nguyên nhân và xử lý
4	Cảm biến mực nước/phao nước	Hoạt động sai hoặc không hoạt động	Kiểm tra điểm đấu nối, dây truyền tín hiệu

- Khi hệ thống gặp sự cố về chất lượng nước thải đầu ra không đạt tiêu

chuẩn xả thải, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp:

- + Tạm thời ngừng xả nước thải ra ngoài môi trường.
- + Nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để khắc phục.
- + Thông báo cho các doanh nghiệp đồng thời dẫn nước thải phát sinh về hồ sự cố.

- + Bơm nước thải ra hồ sự cố.
- + Nhanh chóng khắc phục, sửa chữa kiểm tra để vận hành lại hệ thống.

Khi trạm xử lý nước thải phải ngừng hoạt động trong thời gian dài, Chủ đầu tư cần liên hệ với các ban ngành để giải quyết kịp thời (ví dụ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển khối lượng nước thải chưa xử lý đi xử lý theo đúng quy định, ...).

+ Sau khi sửa chữa xong thông báo đã khắc phục sự cố tới các doanh nghiệp và tiếp nhận lại nguồn nước thải của các doanh nghiệp vào TXLNT.

- Trong trường hợp hệ thống bơm nước thải gặp sự cố: Kiểm tra hệ thống bơm, các ống van, kịp thời sửa chữa, đồng thời sử dụng máy bơm dự phòng để Trạm XLNT vận hành.

6.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

*** Đối với hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ trạm xử lý nước thải**

- Biện pháp phòng ngừa:
 - + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, các đường ống dẫn.
 - + Trang bị các thiết bị dự phòng: 01 quạt thu khí (lưu lượng 1.500 m³/h; công suất 4kW; 380V/3ph/50Hz; trang bị dự phòng than hoạt tính).
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị.
- Biện pháp ứng phó sự cố:
 - + Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.
 - + Thông báo cho phụ trách, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).
 - + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).
 - + Trong trường hợp không khắc phục được luôn, chủ đầu tư tạm thời sử dụng các đầu bịt để bịt các đường ống phát sinh khí từ các bể xử lý.
 - + Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Chủ đầu tư phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để cùng khắc phục.

*** Đối với khí thải từ các đơn vị thứ cấp**

Đối với mỗi ngành phát sinh khí thải có thành phần khí thải khác nhau, biện pháp xử lý khác nhau, công trình phòng ngừa ứng phó sự cố cũng khác nhau. Các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố khí thải sẽ do các đơn vị thứ cấp thực hiện đồng thời các công trình này sẽ được thể hiện trong các hồ sơ môi trường được phê duyệt của các đơn vị.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Đối với sự cố cháy nổ, chập điện

- Xây dựng nội quy PCCC chung cho CCN Thụy Lâm, yêu cầu toàn bộ các nhà máy thành viên trong CCN phải xây dựng phương án và trang bị thiết bị PCCC cho từng nhà máy.

- Xây dựng bể chứa cháy, trạm bơm chữa cháy, hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho bảo vệ, nhân viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra.

- Thường xuyên bổ sung phương án PCCC và tổ chức tập huấn phương án chữa cháy chung cho toàn CCN.

7.2. Biện pháp an toàn giao thông

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn cho các cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty về an toàn giao thông đường bộ;

- Phân luồng giao thông đối với các tuyến đường nội bộ trong CCN.

- Xây dựng các gờ giảm tốc trên các tuyến đường nội bộ.

- Treo các biển báo giao thông, quy định tốc độ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các lao động địa phương.

- Khuyến khích sử dụng phương tiện đưa đón công nhân để giảm thiểu lưu lượng xe lưu thông trên đường.

7.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

Chủ Dự án phối hợp, nhắc nhở các nhà máy thành viên thực hiện các biện pháp như sau:

- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người quản lý và người lao động theo quy định trước khi vào làm việc;

- Kiểm tra sức khỏe của người lao động trước khi vào làm việc, khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho người lao động;

- Xây dựng và niêm yết nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động;
- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các loại máy, thiết bị vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động trước khi đưa vào sử dụng, đăng ký sử dụng và kiểm định kỹ thuật định kỳ theo quy định;
- Định kỳ đo, kiểm tra môi trường lao động;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, các trang phục này bao gồm quần áo bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, găng tay, ủng, kính bảo vệ mắt cho công nhân tại nhà xưởng sản xuất. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động;
- Phổ biến các tài liệu hướng dẫn thao tác vận hành máy móc an toàn. Các thiết bị máy móc phải được kiểm tra định kỳ;
- Trang bị rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã, điện giật;
- Định kỳ tập huấn về an toàn lao động cho công nhân;
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà kho theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động;
- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở xưởng sản xuất cũng như trong các khu vực của công ty.

7.4. Đối với sự cố bão lũ, lũ lụt

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét hệ thống kênh, mương tiêu thoát nước của Dự án đảm bảo cho việc thoát nước của khu vực, tránh hiện tượng ngập úng, không tiêu thoát nước.
- Chủ Dự án có thông báo cụ thể đến các cơ sở hoạt động trong CCN về phòng ngừa, ứng phó các sự cố bão lũ diễn ra trên địa bàn hoạt động của Dự án.
- Chủ Dự án và các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp có phương án phòng ngừa, ứng phó các sự cố bão lũ cụ thể, chủ động ứng phó kịp thời.
- Phối hợp với các cơ quan, sở, ban ngành chỉ đạo, thực hiện tốt các công tác phòng, chống thiên tai, bão lụt và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do bão lụt gây ra.

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước coogn trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi

Toàn bộ nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải được thải vào mương thoát nước Mạnh Tân.

Mương Mạnh Tân là có vai trò trong tưới tiêu thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp của nhân dân địa phương. Nước thải, nước mưa sau khi thoát ra mương Mạnh Tân sẽ đổ ra sông Ngũ Huyện Khê, Sông có vai trò dùng tiêu thoát nước vào mùa mưa, lấy nước phục vụ bà con nông dân sản xuất nông nghiệp vào mùa khô.

Mương thoát nước Mạnh Tân tiếp nhận nước thải, nước mưa của Dự án, ngoài ra, trên đoạn đổ ra sông Ngũ Huyện Khê, mương Mạnh Tân tiếp nhận nước thải của Bể bơi Phương Nam thuộc xã Hương Mạc, huyện Đông Anh, Hà Nội, ngoài ra, mương còn tiếp nhận nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình (trong bán kính 2km), với các thông số đặc trưng ô nhiễm của nguồn nước là: pH, BOD, chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, chất rắn hòa tan, dầu mỡ, sunfua, amoni, nitrat, tổng photpho, coliform, ...

Để đảm bảo môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung, đảm bảo nước thải được thu gom triệt để và xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện giám sát chất lượng nước thải sau xử lý với tần suất, thông số quan trắc đảm bảo theo quy định.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không có.

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

Không có.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà điều hành, khu hạ tầng kỹ thuật của CCN.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ các đơn vị thứ cấp.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 500 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải từ sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Hà Nội (cột A với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$). Các chất ô nhiễm cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³	-	Miễn quan trắc định kỳ	Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	pH	-	6÷9		
4	COD	mg/l	74,25		
5	TSS	mg/l	49,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Độ màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	Thông số không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7		
9	Asen	mg/l	0,0495		
10	Thủy ngân	mg/l	0,00495		
11	Chì	mg/l	0,099		
12	Cadimi	mg/l	0,0495		
13	Crom (VI)	mg/l	0,0495		
14	Crom (III)	mg/l	0,198		
15	Đồng	mg/l	1,98		

16	Kẽm	mg/l	2,97		
17	Niken	mg/l	0,198		
18	Mangan	mg/l	0,495		
19	Sắt	mg/l	0,99		
20	Tổng xianua	mg/l	0,0693		
21	Tổng phenol	mg/l	0,099		
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
23	Sunfua	mg/l	0,198		
24	Florua	mg/l	4,95		
25	Tổng Nito	mg/l	19,8		
26	Tổng P (tính theo P)	mg/l	3,96		
27	Clorua	mg/l	495		
28	Clo dư	mg/l	0,99		
29	Coliform	MPN/ 100ml	3.000		
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495	01 năm/lần	
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,297		
32	Tổng PCB	mg/l	0,00297		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		

- Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X(m) = 2355575; Y1(m) = 659267.

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức tự động bằng phao.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả vào mương tiêu.

- Chế độ xả thải: Liên tục 24/24h.

- Nguồn tiếp nhận: Nước thải của Dự án thoát ra mương thoát nước Mạnh Tân sau đó chảy ra sông Ngũ Huyện Khê.

2. Nội dung đề nghị cấp phép khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (mùi) phát ra từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi).
- Lưu lượng khí thải phát sinh tối đa: 1.500m³/h.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCTĐNH 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Kv = 0,7 huyện Đông Anh thuộc phần vùng loại 2), Kp = 1,0 (lưu lượng nguồn thải <20.000 m³/h) và QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	H ₂ S	mg/Nm ³	5,25	Không thực hiện
2	NH ₃ (amoniac và các hợp chất amoni)	mg/Nm ³	35	
3	Metyl Mercaptan	mg/Nm ³	15	

- Vị trí xả khí thải tại khu vực lắp đặt ống xả thải của hệ thống xử lý mùi được lắp đặt trong khuôn viên xây dựng Trạm xử lý nước thải.
- Toạ độ xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰’, vĩ độ 3⁰): X(m) = 2342313; Y1(m) = 595042.
- Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng các quạt hút ly tâm; xả thải 24/24h.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: toạ độ vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰’, vĩ độ 3⁰): X(m) = 2342296; Y1(m) = 595298.
- Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

Ghi chú: Từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn cho phép của các thông số về tiếng ồn phải tuân thủ theo QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

Ghi chú: Ghi chú: Từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn cho phép của các thông số về độ rung phải tuân thủ theo QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Yêu cầu quản lý chất thải, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên (dự tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg)
1	Dầu thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn, lỏng	17 02 03	2
2	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau dính dầu, dung môi, vật liệu nhiễm dầu....)	Rắn	18 02 01	1,5
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	6
5	Thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	Rắn	15 01 09	3
6	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung	Rắn	12 06 05	24.300
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	3
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	100
	Tổng			24.419

- Khối lượng, chủng loại chất thải sản xuất phát sinh thường xuyên: Không có.

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: khoảng 4,212 tấn/năm.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

+ Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng chứa riêng, loại có nắp đậy, bên ngoài có dán mã chất thải.

+ Kho lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 5m² tại khu nhà điều hành và diện tích 10m² tại khu chứa CTR có diện tích 50m² tại khu HTKT 2.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

+ Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng chứa riêng, loại có nắp đậy, tại khu vực công cộng, dịch vụ và kho chứa chất thải rắn thông thường.

+ Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường: Diện tích 30m² tại khu chứa CTR có diện tích 50m² tại khu HTKT 2.

Chất thải rắn thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

+ Bố trí các thùng rác 50 lít/thùng tại khu văn phòng và khu làm việc các thùng rác tại trung tâm quản lý điều hành của CCN.

+ Kho lưu chứa chất thải sinh hoạt: Diện tích 10m² tại khu chứa CTR có diện tích 50m² tại khu HTKT 2.

Thực hiện việc phân loại tại nguồn theo quy định. Chất thải rắn sinh hoạt được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình xử lý chất thải gồm:
 - + 01 hệ thống xử lý nước thải chung công suất 500m³/ng.đ;
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.500m³/h.
- Thời gian vận hành thử nghiệm đề xuất: Tối đa 06 tháng bắt đầu từ ngày có thông báo vận hành thử nghiệm công trình.
- Công suất dự kiến của các hệ thống khi vận hành thử nghiệm: đạt tối thiểu 50% công suất.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh thời gian vận hành thử nghiệm, Chủ dự án sẽ gửi văn bản báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí quan trắc: 02 điểm (01 điểm tại bể thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý; 01 điểm sau hệ thống xử lý).
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH; BOD5; COD, TSS; thủy ngân, chì, cadimi, crom (IV), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua; florua, tổng nito, tổng Photpho, clorua, clo dư, Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ; Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; tổng PCB, Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

- Quy chuẩn so sánh:

+ Nước thải đầu vào: Theo Bảng 1. 14. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Thụy Lâm.

+ Nước thải đầu ra: QCTĐHN 02:2014/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Hà Nội (cột A với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$).

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

1.2.2. Đối với hệ thống xử lý khí thải

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi)

- Thông số quan trắc: Lưu lượng; H_2S , NH_3 (amoniac và các hợp chất amoni) ; Metyl Mercaptan.

- Quy chuẩn so sánh : QCTĐNH 01:2014/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_v = 0,7$, $K_p = 1,0$) và QCVN 19:2024/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

1.2.3. Đơn vị đo đạc, quan trắc dự kiến

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty cổ phần công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương (Giấy chứng nhận số hiệu VIMCERTS 210).

- Đại diện: Tạ Quốc Bình – Giám đốc Công ty

- Địa chỉ: số 47, đường Lê Duẩn, Khu đô thị Ecoriver, phường Tân Hưng, Thành phố Hải Phòng.

1.2.4. Phương án vận hành thử nghiệm

Hiện tại, do CCN chưa có các nhà đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động, do vậy giai đoạn vận hành thử nghiệm chủ dự án đưa ra phương án tạo nguồn nước thải giả (tải giả) bằng nguồn nước mặt tại mương thoát nước Mạnh Tân - bổ sung thêm các hóa chất cần thiết để tạo nồng độ ô nhiễm tương đương nước thải đầu vào, cụ thể:

- Nguồn nước: Nước sông được lấy từ mương thoát nước Mạnh Tân cạnh khu vực hệ thống xử lý nước thải, cách bể xử lý nước thải khoảng 10m, phía Đông Nam của ranh giới khu đất Dự án.

- Chất lượng nước mương: Được phân tích để xác định các thông số ban đầu như BOD, COD, amoni, TSS, TN, TP...(kết quả phân tích đính kèm sau).
Kết quả phân tích cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				25.1216.NM.01	Giá trị giới hạn
1	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	18	≤ 6 ⁽¹⁾
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	43	≤ 15 ⁽¹⁾
3	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,6	0,3
4	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500.N.C:2023	5,6	≤ 1,5 ⁽¹⁾
5	Tổng Phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	<0,09	≤ 0,3 ⁽¹⁾
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH(2)	≤ 5.000 ⁽¹⁾

- Thông số nước giả: Căn cứ theo nồng độ nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp: BOD₅ : 100 mg/l; COD : 300 mg/; TSS : 200 mg/l; Amoni: 20 mg/l; Tổng N : 50 mg/l; Tổng P: 8 mg/l; pH: 5,5 – 9,...

- Pha hóa chất: Bổ sung các hóa chất công nghiệp để giả lập nước thải có tải ô nhiễm tương đương nước thải đầu vào dự kiến, cụ thể:

Hóa chất	Mô phỏng chỉ tiêu	Hiệu suất sử dụng
Mật rỉ	BOD	1 g BOD ≈ 0.6 g mật rỉ
Methanol	COD	1 g COD ≈ 1.5 g methanol
Urea	Amoni + Tổng Nitơ	Urea chứa 46% N nguyên tố
Phân NPK (16-16-8)	Tổng Photpho (P)	P nguyên tố ≈ 3.5% trong NPK 16-16-8
Đất thường	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	100 g/m ³ đất để tăng từ TSS 100 → 200 mg/L

- Tính toán khối lượng hóa chất pha tương ứng tạo nước thải giả như sau:

Chỉ tiêu	Mục tiêu	Hiện tại	Cần tăng thêm	Hóa chất mô phỏng	Ghi chú
BOD	100	18	82	Mật rỉ	1 g BOD $\approx$ 0.6 g mật rỉ
COD	300	43	257	Methanol	1 g COD $\approx$ 1.5 g methanol
Amoni + N tổng	50	5.6	44.4	Urea	46% N
Photpho	8	0.09	7.91	Phân NPK (16-16-8)	$\sim$ 3.5% P nguyên tố
TSS	200	100	100	Đất thường nghiền khô	Giả lập chất lơ lửng

Bảng tổng hợp hóa chất tạo tải giả theo lưu lượng như sau:

Lưu lượng (m ³)	Mật rỉ (kg)	Methanol (kg)	Urea (kg)	Phân NPK (kg)	Đất thường (kg)
150	20.51	25.70	14.48	33.90	15.00
250	34.18	42.83	24.13	56.50	25.00
500	68.35	85.65	48.25	113.00	50.00

- Lưu lượng chạy thử từ 30% công suất đến 100% công suất thiết kế: 150-500 m³/ngày đêm tương đương 6,25-20,83 m³/giờ.

1.2.5. Quy trình vận hành chạy thử hệ thống xử lý nước thải

1) Nguồn nước thải giả

- Nước kênh được bơm chủ động vào hồ sự cố với lưu lượng chiếm khoảng 60% thể tích chứa của hồ tương đương 1.314m³. Tiến hành bổ sung cơ chất đảm bảo nước thải được chứa tại hồ có tính chất tương tự như nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung.

2) Công tác chuẩn bị:

- Lắp đặt bơm nước từ nguồn vào bể điều hòa trạm xử lý nước thải đảm bảo công suất đưa ra.

- Chuẩn bị hóa chất: mật rỉ, methanol, urea, NPK, ...

- Chuẩn bị dụng cụ pha hóa chất, hóa chất được pha đổ trực tiếp vào bể điều hòa theo tính toán.

Giai đoạn 1: Kiểm tra cơ học – không tải

- Kiểm tra bơm, van, ống dẫn, máy thổi khí, máy ép bùn...

- Chạy không tải bằng nước sạch để phát hiện rò rỉ, sai sót kỹ thuật.

Giai đoạn 2: Chạy thử tải giả

- Bắt đầu cấp nước sông pha tải giả theo đúng nồng độ mục tiêu.
- Cấp vào bể điều hòa, tiếp tục qua các công trình xử lý hóa lý- sinh học.
- Theo dõi chặt chẽ các thông số vận hành: lưu lượng, pH, DO, nhiệt độ, MLSS, SVI...

Giai đoạn 3: Kiểm tra hiệu quả xử lý

- Lấy mẫu đầu vào, sau mỗi công đoạn chính và đầu ra.
- So sánh với tiêu chuẩn

3) Quy trình vận hành chạy thử:

a. Quy trình nuôi cấy tảo vi sinh

- Thời gian: 07 ngày.
- Cấp nước sông vào đầy ½ bể hiếu khí và thiếu khí sau đó cấp bùn vi sinh vào bể, sục khí và đảo trộn, để vi sinh thích nghi.
- Cấp nước dần vào bể hiếu khí và thiếu khí sao cho đến 7 ngày đầy 2 bể, bổ sung mật rỉ và methanol để nuôi cấy vi sinh.

b. Quy trình chạy thử 30% công suất:

- Thời gian: 05 ngày.
- Các bước thực hiện:
 - + Bước 1: Cấp tải giả với lưu lượng 150m³/ngày.
 - + Bước 2: Bơm nước vào bể điều hòa, pha hóa chất với khối lượng, tỷ lệ và đổ vào bể, bật đảo trộn bằng hệ thống sục khí thô trong bể.
 - + Bước 3: Vận hành theo đúng quy trình theo sơ đồ công nghệ.
 - + Bước 4: Căn chỉnh hệ thống, chạy ổn định. Đánh giá hệ thống.

Bảng tính toán hóa chất pha tạo tại giả theo lưu lượng như sau:

Lưu lượng (m ³)	Mật rỉ (BOD) (kg)	Methanol (COD) (kg)	Urea (amoni, Tổng N) (kg)	Phân NPK (P Tổng) (kg)	Đất thường (TSS) (kg)
150	20.51	25.70	14.48	33.90	15.00

c. Quy trình chạy thử 50% công suất:

- Thời gian: 5 ngày.
- Các bước thực hiện: Tương tự quy trình chạy thử 30%:
 - + Bước 1: Cấp tải giả theo tính toán ở trên với lưu lượng 250m³/ngày.

+ Bước 2: Bơm nước vào bể điều hòa, pha hóa chất đổ vào bể, bật đảo trộn bằng hệ thống sục khí thô trong bể.

+ Bước 3: Vận hành theo đúng quy trình theo sơ đồ công nghệ..

+ Bước 4: Căn chỉnh hệ thống, chạy ổn định. Đánh giá hệ thống.

Bảng tính toán hóa chất pha tạo tại giả theo lưu lượng như sau:

Lưu lượng (m ³)	Mật rỉ (BOD) (kg)	Methanol (COD) (kg)	Urea (amoni, Tổng N) (kg)	Phân NPK (P Tổng) (kg)	Đất thường (TSS) (kg)
250	34.18	42.83	24.13	56.50	25.00

c. Quy trình chạy thử 100% công suất:

- Thời gian: 7 ngày

- Các bước thực hiện

+ Bước 1: Cấp tải giả theo tính toán ở trên với lưu lượng 500m³/ngày.

+ Bước 2: Bơm nước vào bể điều hòa, pha hóa chất đổ vào bể, bật đảo trộn bằng hệ thống sục khí thô trong bể.

+ Bước 3: Vận hành theo đúng quy trình theo sơ đồ công nghệ..

+ Bước 4: Căn chỉnh hệ thống, chạy ổn định. Đánh giá hệ thống.

Bảng tính toán hóa chất pha tạo tại giả theo lưu lượng như sau:

Lưu lượng (m ³)	Mật rỉ (BOD) (kg)	Methanol (COD) (kg)	Urea (amoni, Tổng N) (kg)	Phân NPK (P Tổng) (kg)	Đất thường (TSS) (kg)
500	68.35	85.65	48.25	113.00	50.00

3. Giám sát – lấy mẫu – phân tích

- Thời gian: 3 ngày.

- Các bước thực hiện:

+ Bước 1: Sau khi đánh giá vận hành ổn định 100% công suất, tiếp tục vận hành hệ thống và tiến hành lấy mẫu phân tích giai đoạn ổn định trong 3 ngày liên tiếp theo kế hoạch.

+ Bước 2: Đơn vị có chức năng lấy mẫu nước thải theo yêu cầu và kế hoạch trong 03 ngày liên tiếp và phân tích.

+ Bước 3: Trong thời gian chờ kết quả phân tích chất lượng nước, duy trì nước để nuôi cụm vi sinh.

4. Kết thúc chạy thử – đánh giá

- Hệ thống xử lý hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý các thông số cơ bản theo thiết kế.
- Trong quá trình vận hành các thiết bị hoạt động ổn định.
- Việc sử dụng nước thải giả cho phép kiểm chứng chính xác hiệu suất hệ thống.
- Sau khi có doanh nghiệp đầu tư, cần tiếp tục theo dõi và điều chỉnh vận hành theo lượng nước thải phát sinh thực tế.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Chương trình quan trắc khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b. Chương trình quan trắc định kỳ môi trường nước thải

Theo khoản 3 điều 97, Nghị định 08/2022/BTNMT Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, lưu lượng nước thải phát sinh của dự án thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tập trung.
- Tần suất quan trắc:
 - + 03 tháng/lần với các thông số gồm: độ màu, BOD₅; thủy ngân, chì, cadimi, crom (IV), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua; florua, tổng nito, tổng Photpho, clorua, clo dư, Coliform.
 - + 01 năm/lần với các thông số: Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ; Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ; tổng PCB, , Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .

(các thông số: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni đã được quan trắc tự động).

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục

- Dự án lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội.

- Thông số giám sát: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- Tần suất: hằng ngày.

- Thời gian dự kiến lắp đặt hoàn thiện: Trước khi vận hành thử nghiệm.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc đề xuất của chủ dự án
Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

- Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường dự kiến khoảng: 50 triệu/năm.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ Đầu tư cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chủ Đầu tư cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

- Xử lý nước thải đảm bảo QCTĐHN 02:2014/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Hà Nội (cột A với $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 48 Nghị định 08/2022 NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải và gửi đến các cơ quan đơn vị theo quy định, định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó theo hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 125, Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- *Tiếng ồn*: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- *Độ rung*: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở sẽ đạt quy chuẩn cho phép bao gồm: QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về độ rung; QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân xung quanh cơ sở trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định khác.

- Dừng ngay hoạt động xả nước thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan có chức năng ở địa phương đề xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

1. Bản sao giấy đăng ký kinh doanh; QĐ thành lập Cụm công nghiệp, QĐ điều chỉnh thành lập CCN.
2. Giấy tờ về đất đai.
3. Bản vẽ hoàn công các hệ thống xử lý nước thải tập trung. Biên bản nghiệm thu, bàn giao.
4. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải từ HTXL nước thải kèm theo. Biên bản nghiệm thu, bàn giao.
5. Bản vẽ quy hoạch chi tiết CCN.
6. Quyết định phê duyệt ĐTM và Báo cáo ĐTM kèm theo.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0101481500

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 04 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 22 tháng 01 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH BÌNH CONSTRUCTION CORPORATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Thụy Lôi, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 8815038

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

200.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN THANH	Việt Nam	Thôn Thụy Lôi, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	104.180.000.000	52,090	001064005116	
2	TRẦN THỊ VÂN	Việt Nam	Tổ 36, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	54.160.000.000	27,080	001186018588	
3	TRẦN VĂN DIỄN	Việt Nam	Thôn Thụy Lôi, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	41.660.000.000	20,830	011812545	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



Họ và tên: **TRẦN VĂN THANH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/10/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001064005116*

Ngày cấp: *02/11/2015*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thụy Lôi, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thụy Lôi, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 5838/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ ban hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương về Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 11175/BCT-CTĐP ngày 27/11/2017 của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ: Thông báo số 444/TB-UBND ngày 04/5/2018 của UBND Thành phố thông báo kết luận của tập thể lãnh đạo UBND Thành phố tại cuộc họp về việc xem xét, thống nhất một số nội dung liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội; Thông báo số 519/TB-UBND ngày 06/5/2019 của UBND Thành phố; Thông báo số 801/TB-UBND ngày 10/7/2019 của UBND Thành phố;

Căn cứ Thông báo số 2231-TB/TU ngày 30/9/2019 của Thường trực Thành ủy về chủ trương thành lập các Cụm công nghiệp: Liên Hà 2, Dục Tú, Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND huyện Đông Anh tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 24/5/2018; Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 24/05/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm; và của Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 337/BC-SCT ngày 20/11/2018; Báo cáo số 152/BC-SCT ngày 06/6/2019, Tờ trình số 2716/TTr-SCT ngày 06/6/2019, công văn số 4956/SCT-QLCN ngày 15/10/2019 về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với các nội dung sau:



1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Thụy Lâm.

2. Địa điểm: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (Phạm vi, ranh giới sẽ được chuẩn xác khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật).

3. Diện tích: 17 ha (Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Thụy Lâm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật).

4. Ngành nghề hoạt động chủ yếu: Tập trung thu hút doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ, mộc dân dụng, trạm khắc mỹ nghệ, sơn mài,...; các ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác theo hướng công nghiệp sạch, phù hợp với Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030; dịch vụ hỗ trợ cụm công nghiệp (kể cả xăng dầu)...

5. Mục tiêu:

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Cụm công nghiệp Thụy Lâm đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường theo quy định; ưu tiên phát triển mô hình cụm công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong xã Thụy Lâm và khu vực lân cận nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ cháy nổ trong khu dân cư, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.

6. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam.

- Mã số doanh nghiệp 0101481500; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 24/4/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/10/2017; Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Thanh; Sinh ngày: 02/10/1964; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số: 010668741 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 23/2/2004; Địa chỉ thường trú tại: Thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam; Chức danh: Giám đốc.

7. Tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức vốn đầu tư khoảng: 326,243 tỷ đồng

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có của nhà đầu tư (30%): 97.872.900.000 đồng

- Vốn huy động và vốn vay (70%): 228.370.100.000 đồng.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

Từ Quý IV năm 2019 đến Quý IV năm 2021.



Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Lập, phê duyệt và triển khai Dự án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng và môi trường; đảm bảo tuân thủ quy hoạch, chức năng sử dụng ô đất được duyệt;

- Liên hệ các Sở, ngành: Công Thương, Quy hoạch Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn, thực hiện các thủ tục có liên quan về lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

- Triển khai công tác, giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ đề xuất; đảm bảo về sổ vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn huy động để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật;

- Được thuê đất để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm theo quy định tại Điều 149 Luật Đất đai; Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất; Đảm bảo các điều kiện để được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghiêm cấm thực hiện việc chuyển nhượng dự án và huy động vốn trái quy định pháp luật dưới mọi hình thức để triển khai dự án, trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi, xử lý theo đúng quy định của pháp luật;

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về đánh giá tác động môi trường của dự án; xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp và đảm bảo các quy định về hệ thống phòng cháy, chữa cháy;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố;

- Tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định ;

- Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19, 20, 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu UBND Thành phố thực



hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Các Sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; UBND huyện Đông Anh; Cục Thuế thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện thủ tục về quy hoạch, đất đai, xây dựng, nghĩa vụ tài chính và các thủ tục khác liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố và chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 2231-TB/TU ngày 30/9/2019.

3. UBND huyện Đông Anh có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cụm công nghiệp Thụy Lâm theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động tạo được sự đồng thuận của người dân; chuẩn bị tốt phương án đền bù, giải phóng mặt bằng không để phát sinh khiếu kiện phức tạp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Quy hoạch Kiến trúc, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Đông Anh, Giám đốc Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND thành phố;
- VPUB: PCVP V.T.Anh; KT, ĐT, TKBT.
- Lưu: VT, KT. *YAT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH** *TM*



Nguyễn Đức Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 2184/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản số 454/CTĐP-CCN ngày 16/6/2022 của Cục Công Thương địa phương về việc thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ kèm theo các Văn bản của Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình: số 02/2022/VB-TB ngày 19/01/2022 đơn đề nghị về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư (kèm theo Đơn đề nghị số 02/2022/VB-TB ngày 19/01/2022); số 03/2022/CV-TB ngày 20/01/2022 về việc Điều chỉnh tiến độ dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; số 01/2022/CV-TB ngày 19/01/2022 Cam kết thực hiện dự án;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 919/KH&ĐT-KTN ngày 11/3/2022; Sở Tài chính tại Văn bản số 1304/STC-TCĐT ngày 15/3/2022; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2619/STNMT-



QHKHSDD ngày 25/4/2022; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Văn bản số 6993/CTHN-QLD ngày 03/3/2022; UBND huyện Đông Anh tại Văn bản số 567/UBND-KT ngày 28/3/2022; Sở Công Thương tại Báo cáo thẩm định số 143/BC-SCT ngày 26/3/2022, văn bản số 2554/SCT-QLCN ngày 17/6/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh đã được phê duyệt tại Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội như sau:

Tiến độ thực hiện:

- Chuẩn bị đầu tư: Từ Quý IV/2019 đến tháng 7/2022;
- Hoàn thành việc bàn giao đất, xin cấp phép và khởi công xây dựng: Tháng 8/2022;
- Hoàn thành xây dựng công trình và đưa dự án vào hoạt động: Quý III/2023.

Điều 2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo nội dung đã được quy định tại Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải tuân thủ đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng... của pháp luật và Thành phố; Thực hiện đúng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và phương án kiến trúc được phê duyệt; phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bố trí đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản của Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình: số 02/2022/VB-TB ngày 19/01/2022 đơn đề nghị về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư (kèm theo Đơn đề nghị số 02/2022/VB-TB ngày 19/01/2022); số 03/2022/CV-TB ngày 20/01/2022 về việc Điều chỉnh tiến độ dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; số 01/2022/CV-TB ngày 19/01/2022 Cam kết thực hiện dự án. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND. Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh; Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Thường trực: Lê Hồng Sơn;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVP.N.M.Quyền; KTN, DT, TH;
- Lưu: VT.

2023- 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền





**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

83 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản số 454/CTDP-CCN ngày 16/6/2022 của Cục Công Thương địa phương về việc thực hiện một số nội dung quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCS ngày 26/10/2023 của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về việc tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai, thực hiện các cụm công nghiệp thành lập theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;

Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố điều chỉnh Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ kèm theo các văn bản Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); Đơn đề nghị số 50/2023/VB-TB ngày 26/9/2023 đề nghị gia hạn thời gian thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Văn bản số 53/2023/VP-TB ngày 26/9/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Báo cáo số 51/2023/CV-TB ngày 26/9/2023 báo cáo tình hình



thực hiện Dự án; Bảo cáo số 60/BC-TB ngày 16/11/2023 bảo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư; Văn bản số 52/2023/CV-TB ngày 26/9/2023 cam kết thực hiện dự án; Văn bản số 59/2023/CV-TB ngày 16/11/2023 cam kết triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ được điều chỉnh;

Xét ý kiến thẩm định của các Sở, ngành: Sở Tài chính tại văn bản số 6234/STC-TCĐT ngày 23/10/2023; Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 8963/STNMT-DKTKĐĐ ngày 20/11/2023; Cục Thuế thành phố Hà Nội tại văn bản số 75320/CTHN-QLĐ ngày 23/10/2023; UBND huyện Đông Anh tại văn bản số 2616/UBND-TNMT ngày 17/10/2023; Bảo cáo thẩm định số 335/BC-SCT ngày 14/12/2023 của Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và Điều 1 Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội như sau:

"8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

- Quyết định giao đất, cho thuê đất; cấp phép xây dựng; triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Tháng 01/2024;

- Hoàn thành xây dựng công trình và đưa vào hoạt động: Tháng 12/2024."

Điều 2. Các nội dung khác không thay đổi, thực hiện theo Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 và Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh; Chịu trách nhiệm và đảm bảo về vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư phải thực hiện trách nhiệm đã quy định tại Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội; tuân thủ đúng quy định về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường... của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội; phối hợp UBND huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, hoàn thiện các thủ tục về đất đai theo quy định pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Liên hệ với Công an thành phố Hà Nội để được hướng dẫn và thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy; Liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện



ngành và tài chính đúng quy định pháp luật hiện hành và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 363/TB-UBND ngày 16/4/2018.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình theo quyết định giao đất, cho thuê đất. Không được chuyển đơn vị khác thực hiện dự án khi chưa được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận.

- Tuyệt đối không được bỏ tri đơn vị ở, lưu trú, trung tâm thương mại trong phạm vi ranh giới cụm công nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết, đúng tiến độ đã đề nghị điều chỉnh tại các văn bản Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội): Đơn đề nghị số 50/2023/VB-TB ngày 26/9/2023 đề nghị gia hạn thời gian thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Văn bản số 53/2023/VP-TB ngày 26/9/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Báo cáo số 51/2023/CV-TB ngày 26/9/2023 báo cáo tình hình thực hiện Dự án; Báo cáo số 60/BC-TB ngày 16/11/2023 báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư; Văn bản số 52/2023/CV-TB ngày 26/9/2023 cam kết thực hiện dự án; Văn bản số 59/2023/CV-TB ngày 16/11/2023 cam kết triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ được điều chỉnh. Trường hợp vi phạm, sẽ bị thu hồi không bồi hoàn.

2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai tiếp theo của dự án cho Chủ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quy hoạch Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Đông Anh; Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền;
- VPUB: PCVP, M&QT, DT, TNMT, TTE;
- Lưu: VT; KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số 1073 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình thuê 169.933,5 m² đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023) của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3574/TTr-STNMT-ĐKTKĐĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Tờ trình bổ sung số 840/TTrBS-STNMT-QHKHSDD ngày 01 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình thuê 169.933,5 m² (Một trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba phẩy năm mét vuông) đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh (đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng theo xác nhận của UBND huyện Đông Anh tại Văn bản số 3218/UBND-TNMT ngày 30/12/2022) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm theo các Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, điều chỉnh một





số nội dung tại Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 01/QĐ-TB ngày 06/01/2024 của Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thực hiện dự án được xác định tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất QH-04, tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh do Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây lắp Thành Nam lập và hoàn thành tháng 06/2020, được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020; Bản định vị tọa độ mốc giới do Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao ngày 14/08/2020; Thông báo tính diện tích số 26/TBDT-STNMT-ĐDBĐVT ngày 24/4/2023 của Phòng Đo đạc bản đồ và viễn thám - Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 21/10/2069 (ngày hết thời gian 50 năm kể từ ngày Quyết định thành lập cụm công nghiệp); Hình thức: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình có trách nhiệm:

1. Liên hệ với Sở Tài nguyên và môi trường để được xác định tiền thuê đất; làm thủ tục về hợp đồng thuê đất theo quy định;
2. Liên hệ với Cục Thuế Thành phố để nộp tiền thuê đất theo quy định;
3. Sau khi thực hiện xong các nội dung trên, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để được bàn giao đất trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định;
4. Liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn triển khai đồng bộ các hạng mục công trình, hoàn trả các công trình thủy lợi nội đồng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tưới, tiêu và phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi (nếu có);
5. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định;
6. Sử dụng diện tích đất được giao trong phạm vi mốc giới và đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này; thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng; định vị công trình xây dựng đúng theo quy hoạch được chấp thuận và giấy phép xây dựng;
7. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, môi trường và các Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, số 2784/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và số 83/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND Thành phố;

8. Thực hiện đúng Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/10/2022) của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Xác định giá đất tính thu tiền thuê đất và các nghĩa vụ về tài chính khác (nếu có) theo đúng quy định;

- Ký Hợp đồng thuê đất, Bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động đất đai vào hồ sơ địa chính theo quy định.

- Thực hiện giám sát, thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường của người sử dụng đất theo quy định.

2. Cục Thuế Hà Nội có trách nhiệm thu tiền thuê đất, nộp thuế sử dụng đất hàng năm và các nghĩa vụ tài chính khác còn thiếu (nếu có) theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai đồng bộ các hạng mục công trình, hoàn trả các công trình thủy lợi nội đồng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tưới, tiêu và phù hợp với quy định của Luật Thủy lợi (nếu có) theo quy định.

4. Sở Xây dựng hướng dẫn Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình thực hiện thủ tục xin phép xây dựng theo quy định (nếu có) theo quy định.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

6. UBND huyện Đông Anh: chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác quản lý đất đai tại địa phương; giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất được giao, thuê trong phạm vi ranh giới, mốc giới; sử dụng đất đúng mục đích cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật; đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa, Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình vẫn chưa đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định

này thì UBND Thành phố thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; Chủ tịch UBND: huyện Đông Anh, xã Thụy Lâm; Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
- Phó Chủ tịch UBND TP: Nguyễn Trọng Đông;
- VPUB: PCVP C.N.Trang; P.TNMT;
- Lưu VT.

HS 573.05028.2024.31000/ab

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 168 /HĐTD-STNMT-KTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND Thành phố về việc cho Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình thuê 169.933,5m² đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh;

Căn cứ Thông báo số 25806/TB-CTHN-QLĐ ngày 04/5/2024 của Cục thuế thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước.

Hôm nay, ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: số 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Quân.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Địa chỉ trụ sở: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Thanh.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Mã số doanh nghiệp: 0101481500.
- Số tài khoản: 118000086771 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.





III. Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho thuê khu đất như sau:

1. Địa điểm thửa đất: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thực hiện dự án được xác định tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất QH-04, tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh do Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây lắp Thành Nam lập và hoàn thành tháng 06/2020, được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020; Bản định vị tọa độ mốc giới do Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao ngày 14/8/2020; Thông báo diện tích số 26/TBĐT-STNMT-ĐĐBĐVT ngày 24/4/2023 của Phòng Đo đạc bản đồ và viễn thám - Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Diện tích đất thuê: 169.933,5m² đất (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi ba phẩy năm mét vuông đất*).

3. Mục đích sử dụng đất: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất:

- Đơn giá thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm là: 22.330 đồng/m²/năm. (*Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng một mét vuông một năm*).

- Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 27/02/2024 đến hết ngày 26/02/2029;

Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu trên, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định kế tiếp; Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

2. Bên thuê đất có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm được chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% tổng số tiền thuê đất hàng năm trước ngày 31 tháng 5, kỳ thứ 2 nộp trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Đông Anh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 Hợp đồng thuê đất này và Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất này.

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có): Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định Hợp đồng thuê đất này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng thuê đất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế thành phố Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Đông Anh.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thanh

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Quân

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIỚI

Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm

Đơn vị bàn giao mốc giới: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Đơn vị nhận mốc giới: Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình

Địa điểm: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

HÀ NỘI, THÁNG 11 NĂM 2024

Mã HS: 32517/BGMG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO MỐC GIỚI TRÊN THỰC ĐỊA

Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình thuê 169.933,5 m² đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh;

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thực hiện dự án được xác định tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất QH-04, tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh do Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Thành Nam lập và hoàn thành tháng 06/2020, được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020; Bản định vị tọa độ mốc giới do Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao ngày 14/8/2020; Thông báo tính diện tích số 26/TBĐT-STNMT-ĐDBĐVT ngày 24/4/2023 của Phòng Đo đạc bản đồ và viễn thám - Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hôm nay, ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại thực địa:

1) BÊN BÀN GIAO MỐC GIỚI: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- | | |
|-----------------------------|---|
| + Ông: Nguyễn Anh Quân | Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường |
| + Ông: Vũ Xuân Trường | Phó Trưởng phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám |
| + Bà: Nguyễn Cửu Lan Phương | Chuyên viên phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám |

2) BÊN NHẬN MỐC GIỚI: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| + Ông: Trần Văn Thanh | Chức vụ: Giám đốc |
|-----------------------|-------------------|

3) CÁC BÊN THAM GIA:

- | | |
|-------------------------|---|
| + Ông: Nguyễn Văn Ánh | Chuyên viên Phòng TN và MT huyện Đông Anh |
| + Ông: Vũ Văn Thu | Phó Chủ tịch UBND xã Thụy Lâm |
| + Ông: Nguyễn Văn Thành | Công chức địa chính xã Thụy Lâm |

4) BÊN THỰC HIỆN CẮM MỐC GIỚI: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| + Ông: Nguyễn Đức Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| + Ông: Nguyễn Viết Lân | Giám đốc Xí nghiệp đo đạc bản đồ số 3 |

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành bàn giao các mốc giới (đã được xác định trên thực địa) cho Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình.

* Tổng diện tích dự án: 169.933,5 m², giới hạn bởi các mốc (từ M1, M2, M2-1, M3, M3-1 đến M3-5, M4 đến M11, M1) và (M12 đến M20, M20-1, M21, M22, M22-1, M23, M23-1, M24, M25, M26, M26-1, M26-2, M26-3, M27 đến M32, M32-1, M32-2, M32-3, M33, M34, M34-1, M34-2, M34-3, M35 đến M40, M12). Trong đó:

I. Diện tích đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành (thửa QLĐH): 967,0 m² giới hạn bởi các mốc 121, 122, M17, 123, 124, 121.

II. Diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: 98.818,0 m², gồm có:

- + Thửa CN1: 7.036,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ M2, M2-1, M3, 67, 68, 75, M2;
- + Thửa CN2: 9.623,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 69 đến 74, 69;
- + Thửa CN3: 4.555,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 1, 2, 16 đến 31, 1;
- + Thửa CN4: 14.527,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 50 đến 66, M3-1, M3-2, M3-3, 76, 50;
- + Thửa CN5: 10.497,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 38 đến 50, 76, M3-4, M3-5, M4, M5, M6, 77, 38;
- + Thửa CN6: 9.248,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 105 đến 108, 163, 164, 105;
- + Thửa CN7: 8.852,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 103, 104, 165, 166, 173, 174, 103;
- + Thửa CN8: 4.025,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 101, 102, 175, 176, 177, 101;
- + Thửa CN9: 4.815,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 99, 100, 178, 180, M22, M22-1, 99;
- + Thửa CN10: 10.511,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 92, 93, 94, 188 về 181, 139 đến 144, 92;
- + Thửa CN11: 6.318,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 95, 96, 219, 220, 95;
- + Thửa CN12: 8.811,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 97, 98, M23, M23-1, 206 đến 218, 97.

III. Diện tích đất xây dựng các công trình kỹ thuật: 1.405,0 m², gồm có:

- + Thửa HTKT1: 541,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 111 đến 116, 119, 118, 117, 111;
- + Thửa HTKT2: 864,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 144 đến 147, 91, 92, 144.

IV. Diện tích đất cây xanh: 26.808,5 m², gồm có:

- + Thửa CX-MN1: 985,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 15 về 1, M9, M10, M11, M1, 15;
- + Thửa CX-MN2-1: 1.384,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc 126, 127, M21, 180, 178, 179, 126;
- + Thửa CX-MN2-2: 1.810,1 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 167 đến 172, 167;
- + Thửa CX-MN2-3: 1.897,9 m² đất, giới hạn bởi các mốc 109, 110, 159 đến 162, 109;
- + Thửa CX-MN3: 2330,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 78 đến 84, 90, 158 về 128, M37, M38, M39, 78;
- + Thửa CX-MN4: 770,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 147 đến 158, 90, 91, 147;
- + Thửa CX-MN5: 17.631,5 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 189 đến 206, M23-1, M24, M25, M26, M26-1, M26-2, M26-3, M27 đến M32, M32-1, M32-2, M32-3, M33, M34, M34-1, M34-2, M34-3, M35, M36, 128, 129, 189.

V. Diện tích đất dịch vụ hỗ trợ: 11.234,0 m², gồm có:

- + Thửa DVHT1: 8.724,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ M18, M19, M20, M20-1, 127 về 123, M18;
- + Thửa DVHT2: 2.510,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc M12, M13, M14, 89 về 78, M40, M12.

VI. Diện tích đất xây dựng các công trình giao thông: 30.701,0 m², gồm có:

- + Thửa P1: 2.277,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc từ 32 đến 38, 77, M7, 32;
- + Thửa P2: 1.965,0 m² đất, giới hạn bởi các mốc M15, M16, 122, 121, 120, 118, 119, M15;
- + Thửa GT1 + GT2: 26.459,0 m² đất là phần diện tích còn lại.

(Có sơ đồ phác họa và toạ độ mốc kèm theo)

Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất đến hết ngày 21/10/2069 (ngày hết thời gian 50 năm kể từ ngày Quyết định thành lập cụm công nghiệp); Hình thức: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Biên bản được lập, các bên thống nhất thông qua và cùng nhau ký. Mỗi bên tham gia bàn giao lưu 01 bản để theo dõi và thực hiện./.

BÊN BAN GIAO MỘC GIỚI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Quân

BÊN NHẬN MỘC GIỚI
CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH



Trần Văn Thanh

CÁC BÊN THAM GIA

PHÒNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỆN THẨM

Vũ Xuân Trường

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HUYỆN ĐÔNG ANH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỤY LÂM



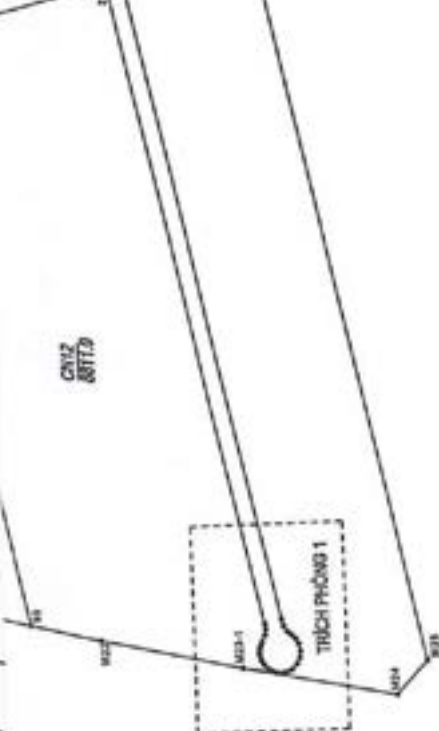
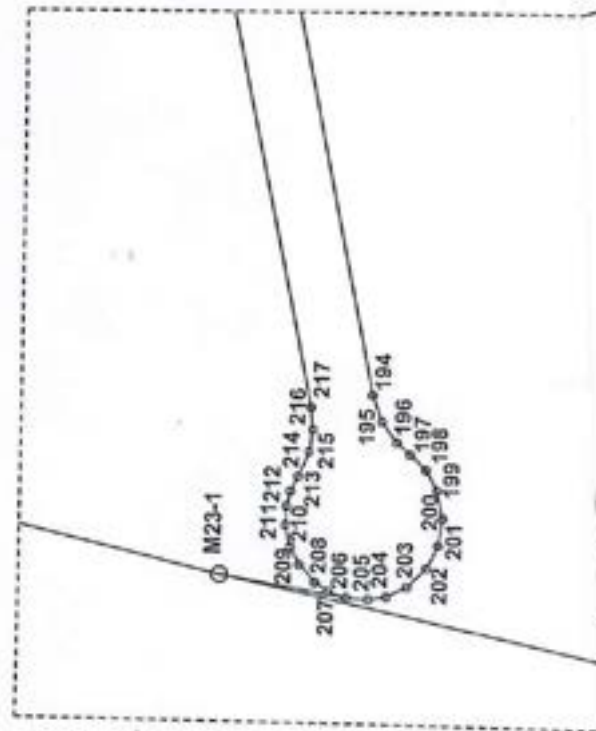
PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Văn Thu

BÊN THỰC HIỆN CẢM MỘC GIỚI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHÍNH HÀ NỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Việt

SƠ ĐỒ PHÁC HẠ



Bảng kê tọa độ mốc (hệ tọa độ VN-2000)

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
1	1	2341923.67	595044.60
2	2	2341925.19	595044.39
3	3	2341925.00	595045.78
4	4	2341925.28	595047.10
5	5	2341926.05	595048.34
6	6	2341927.10	595049.15
7	7	2341928.61	595049.61
8	8	2341930.06	595049.48
9	9	2341931.22	595048.95
10	10	2341932.14	595048.10
11	11	2341933.30	595047.09
12	12	2341934.74	595046.60
13	13	2341982.59	595040.00
14	14	2342004.88	595024.65
15	15	2342202.68	595009.02
16	16	2341925.73	595043.32
17	17	2341926.67	595042.37
18	18	2341927.75	595041.83
19	19	2341929.12	595041.63
20	20	2341930.80	595042.06
21	21	2341931.98	595042.77
22	22	2341933.17	595043.13
23	23	2341934.27	595043.13
24	24	2341981.29	595036.65
25	25	2342003.79	595021.14
26	26	2342000.38	594978.10
27	27	2341972.22	594980.34
28	28	2341921.76	594990.97
29	29	2341917.13	594995.74
30	30	2341915.57	595000.24
31	31	2341914.65	595007.67
32	32	2341906.06	594961.70
33	33	2341909.44	594968.30
34	34	2341912.11	594971.32
35	35	2341918.23	594973.82
36	36	2341962.07	594964.58
37	37	2341970.29	594954.94
38	38	2341971.31	594934.82
39	39	2341977.10	594819.35
40	40	2341973.77	594813.49
41	41	2341969.73	594810.01
42	42	2341966.72	594805.60
43	43	2341964.96	594800.56
44	44	2341964.55	594795.24
45	45	2341965.53	594789.99
46	46	2341967.84	594785.17
47	47	2341971.31	594781.11
48	48	2341975.71	594778.09
49	49	2341980.74	594776.30
50	50	2341986.06	594775.88

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
51	51	2341991.30	594776.85
52	52	2341996.13	594779.13
53	53	2342000.20	594782.58
54	54	2342003.24	594786.96
55	55	2342005.05	594791.98
56	56	2342005.50	594797.29
57	57	2342004.56	594802.54
58	58	2342002.30	594807.38
59	59	2341998.87	594811.46
60	60	2341994.50	594814.52
61	61	2341990.59	594820.02
62	62	2341983.86	594953.90
63	63	2341991.44	594961.26
64	64	2342069.53	594955.09
65	65	2342082.10	594942.15
66	66	2342087.51	594834.30
67	67	2342104.42	594845.85
68	68	2342099.29	594948.08
69	69	2342099.14	594951.55
70	70	2342098.19	594970.36
71	71	2342003.87	594977.84
72	72	2342007.28	595020.94
73	73	2342199.14	595005.79
74	74	2342198.60	594956.55
75	75	2342202.07	594953.24
76	76	2341986.24	594772.28
77	77	2341906.34	594931.56
78	78	2341847.07	595063.50
79	79	2341840.53	595032.49
80	80	2341841.46	595028.33
81	81	2341841.87	595024.08
82	82	2341841.77	595019.81
83	83	2341841.14	595015.58
84	84	2341839.61	595008.30
85	85	2341860.94	595003.80
86	86	2341867.09	595006.29
87	87	2341872.14	595011.29
88	88	2341878.27	595014.88
89	89	2341883.21	595020.04
90	90	2341823.91	595011.61
91	91	2341786.02	595019.61
92	92	2341752.65	595026.64
93	93	2341726.80	595032.10
94	94	2341698.58	594898.33
95	95	2341697.55	594893.44
96	96	2341674.16	594782.55
97	97	2341673.12	594777.65
98	98	2341643.17	594635.64
99	99	2341662.09	594640.52
100	100	2341678.83	594719.89

Bảng kê tọa độ mốc (hệ tọa độ VN-2000)

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
101	101	2341679.63	594723.70
102	102	2341689.43	594770.14
103	103	2341692.11	594782.86
104	104	2341713.85	594885.92
105	105	2341716.53	594898.64
106	106	2341737.83	594999.62
107	107	2341752.05	595008.88
108	108	2341816.87	594995.21
109	109	2341820.30	594994.49
110	110	2341832.04	594992.01
111	111	2341844.76	594989.33
112	112	2341857.24	594986.70
113	113	2341861.83	594981.93
114	114	2341863.28	594977.26
115	115	2341865.70	594973.04
116	116	2341866.97	594966.02
117	117	2341840.02	594986.24
118	118	2341836.48	594969.48
119	119	2341866.13	594963.23
120	120	2341828.44	594931.40
121	121	2341822.48	594903.08
122	122	2341851.79	594896.90
123	123	2341850.51	594866.29
124	124	2341816.22	594873.54
125	125	2341790.75	594752.85
126	126	2341785.90	594753.88
127	127	2341769.04	594673.96
128	128	2341645.15	595086.31
129	129	2341672.78	595080.05
130	130	2341673.29	595081.49
131	131	2341674.07	595082.56
132	132	2341675.12	595083.40
133	133	2341676.68	595084.01
134	134	2341678.37	595084.06
135	135	2341679.64	595083.71
136	136	2341680.96	595082.89
137	137	2341681.94	595081.75
138	138	2341682.54	595080.33
139	139	2341685.26	595079.71
140	140	2341702.68	595075.76
141	141	2341721.67	595070.26
142	142	2341727.15	595068.15
143	143	2341751.65	595058.70
144	144	2341758.69	595055.65
145	145	2341762.22	595054.12
146	146	2341785.62	595042.11
147	147	2341790.54	595041.06
148	148	2341809.89	595036.97
149	149	2341812.73	595036.13
150	150	2341815.44	595034.82

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
151	151	2341817.90	595033.13
152	152	2341820.04	595031.08
153	153	2341821.84	595028.71
154	154	2341823.27	595026.09
155	155	2341824.26	595023.29
156	156	2341824.81	595020.36
157	157	2341824.89	595017.38
158	158	2341824.50	595014.43
159	159	2341835.13	594987.27
160	160	2341811.77	594876.50
161	161	2341809.40	594874.96
162	162	2341795.70	594877.85
163	163	2341792.27	594878.57
164	164	2341719.62	594893.90
165	165	2341718.59	594889.00
166	166	2341791.24	594873.68
167	167	2341794.66	594872.96
168	168	2341808.37	594870.07
169	169	2341809.91	594867.70
170	170	2341787.35	594760.72
171	171	2341784.98	594759.18
172	172	2341771.28	594762.07
173	173	2341767.85	594762.79
174	174	2341695.20	594778.12
175	175	2341694.17	594773.22
176	176	2341766.82	594757.90
177	177	2341756.17	594707.39
178	178	2341758.79	594702.85
179	179	2341770.24	594757.18
180	180	2341751.43	594667.96
181	181	2341682.68	595078.82
182	182	2341682.35	595077.29
183	183	2341681.70	595076.13
184	184	2341680.54	595075.00
185	185	2341679.75	595074.35
186	186	2341678.76	595073.06
187	187	2341678.09	595071.31
188	188	2341644.03	594909.84
189	189	2341672.75	595078.38
190	190	2341673.17	595076.97
191	191	2341673.81	595075.76
192	192	2341674.23	595074.33
193	193	2341673.97	595072.18
194	194	2341581.70	594634.66
195	195	2341581.29	594632.98
196	196	2341580.33	594631.68
197	197	2341579.45	594630.93
198	198	2341578.42	594629.99
199	199	2341577.67	594628.71
200	200	2341577.30	594626.96

Bảng kê tọa độ mốc (hệ tọa độ VN-2000)

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
201	201	2341577.54	594625.27
202	202	2341578.26	594623.86
203	203	2341579.52	594622.66
204	204	2341580.79	594622.05
205	205	2341581.93	594621.83
206	206	2341583.32	594621.93
207	207	2341584.48	594622.32
208	208	2341585.32	594622.84
209	209	2341586.38	594623.94
210	210	2341586.96	594625.03
211	211	2341587.28	594626.40
212	212	2341587.24	594627.58
213	213	2341587.01	594628.49
214	214	2341586.56	594629.43
215	215	2341585.88	594631.01
216	216	2341585.68	594632.40
217	217	2341585.82	594633.79
218	218	2341618.59	594789.16
219	219	2341619.61	594794.06
220	220	2341643.00	594904.95
221	M1	2342202.72	595012.53
222	M11	2342006.09	595028.06
223	M10	2341983.89	595043.36
224	M9	2341925.34	595051.43
225	M8	2341907.30	594977.61
226	M3	2342113.13	594851.79
227	M2-1	2342158.22	594884.58
228	M2	2342201.68	594917.85
229	M3-3	2342017.43	594790.12
230	M3-2	2342050.15	594810.01
231	M3-1	2342082.34	594830.77
232	M6	2341913.93	594886.16
233	M5	2341920.86	594748.25
234	M4	2341930.32	594742.71
235	M3-5	2341950.45	594752.98
236	M3-4	2341984.19	594771.11
237	M7	2341904.55	594942.26
238	M13	2341891.75	595060.18
239	M12	2341873.54	595064.72
240	M40	2341855.83	595066.92
241	M14	2341890.61	595044.68
242	M16	2341852.75	594907.92
243	M15	2341860.08	594943.08
244	M18	2341852.73	594824.86
245	M20-1	2341775.21	594676.15
246	M20	2341816.27	594691.70
247	M19	2341827.61	594705.20
248	M17	2341849.98	594876.13
249	M39	2341798.98	595044.73
250	M38	2341691.28	595088.04

Số TT	Tên mốc	Tọa độ mốc giới	
		X(m)	Y(m)
251	M37	2341655.88	595094.10
252	M21	2341760.38	594670.88
253	M22-1	2341665.72	594641.46
254	M22	2341703.67	594652.40
255	M36	2341608.62	595059.79
256	M35	2341616.10	595041.51
257	M34-3	2341617.89	595036.34
258	M34-2	2341619.22	595031.03
259	M34-1	2341620.10	595025.64
260	M34	2341620.50	595020.18
261	M33	2341620.67	595014.73
262	M32-3	2341620.68	595005.41
263	M32-2	2341620.13	594996.12
264	M32-1	2341619.01	594986.87
265	M32	2341617.33	594977.71
266	M31	2341601.66	594904.64
267	M30	2341600.13	594898.52
268	M29	2341589.82	594862.52
269	M28	2341588.34	594856.56
270	M27	2341579.79	594815.35
271	M26-3	2341581.43	594810.03
272	M26-2	2341582.29	594804.53
273	M26-1	2341582.35	594798.97
274	M26	2341581.61	594793.45
275	M25	2341546.03	594623.57
276	M24	2341553.81	594615.61
277	M23-1	2341591.34	594623.23
278	M23	2341626.10	594631.23

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3140/QĐ-UBND

Đông Anh, ngày 17 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm,
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thủ đô năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung và ban hành tại Văn bản hợp nhất số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 08/01/2012 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Anh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị Huyện tại Tờ trình số 655/TTr-QLĐT ngày 05/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm với những nội dung sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm.

Địa điểm: Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

2.1. Vị trí và ranh giới lập quy hoạch:

Vị trí khu đất: Khu đất dự kiến xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm tại khu vực thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Ranh giới khu đất giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp đất nông nghiệp thôn Thụy Lôi;
- Phía Nam giáp đất thổ cư thôn Vân Diêm, xã Vân Hà, huyện Đông Anh;
- Phía Tây giáp đường gom cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên;
- Phía Đông một phần là đất nông nghiệp, một phần tiếp giáp với ranh giới xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Diện tích nghiên cứu quy hoạch chi tiết xây dựng khoảng: 192.853 m².

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Anh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh đã được phê duyệt.

- Thành lập Cụm công nghiệp để thu hút và đáp ứng nhu cầu di dời của các cơ sở sản xuất có khả năng ô nhiễm hiện có từ khu đông dân cư, các dự án đầu tư mở rộng sản xuất tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, phù hợp với mục tiêu và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Đông Anh và thành phố Hà Nội.

- Góp phần chuyên nghiệp hóa hoạt động sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, thương hiệu làng nghề.

- Giữ gìn và phát triển các nghề thủ công truyền thống đồng thời giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường của các làng nghề.

- Làm cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý chặt chẽ, đúng quy định của Nhà nước việc hình thành, phát triển Cụm công nghiệp, lập các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh, phát triển hạ tầng kỹ thuật và xây dựng các công trình công nghiệp, nhà máy, kho tàng tại khu vực.

4. Nội dung quy hoạch:

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết có tổng diện tích khoảng 192.853m², trong đó:

- Diện tích đất thuộc phạm vi Cụm công nghiệp: Khoảng 170.000m², chiếm tỷ lệ 88,15% tổng diện tích đất lập quy hoạch được chia thành 02 khu vực: Phía Bắc và phía Nam. Trong đó: khu vực phía Bắc quy mô khoảng 60.098m² và khu vực phía Nam quy mô khoảng 109.902m². Cụm công nghiệp gồm các chức năng sử dụng đất chính như sau:

- + Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp

Tổng diện tích khoảng 99.036m², chiếm 58,26% diện tích đất dự án. Bao gồm 12 ô đất ký hiệu từ CN1 đến CN12. Chức năng các ô đất ký hiệu CN1 đến CN12 là nhà xưởng sản xuất kết hợp kho bãi, bãi xe vận chuyển, bãi tập kết hàng hoá, container, văn phòng điều hành, phòng trưng bày sản phẩm và nhà xưởng sản xuất làng nghề. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng thuần tối đa là 65-70% tùy theo diện tích ô đất, tầng cao trung bình 1-3 tầng.

+ Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành

Tổng diện tích khoảng 967m², chiếm 0,57% diện tích đất dự án. Gồm 01 ô đất ký hiệu QLDH, bao gồm chức năng: Nhà điều hành trung tâm nơi làm việc của ban quản lý Cụm công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác. Các chỉ tiêu quy hoạch bao gồm: Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 03 tầng.

+ Đất cây xanh:

Tổng diện tích khoảng 26.875m², chiếm 15,81% diện tích đất dự án. Bao gồm 05 ô đất ký hiệu CX-MN. Trong đó các ô đất ký hiệu CX-MN1, CX-MN2, CX-MN3 có chức năng là cây xanh cảnh quan mặt nước, phục vụ thoát nước, điều hòa và cảnh quan. Ô đất CX-MN4 là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo không gian điều hòa. Ô đất CX-MN5 là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo khoảng cách ly tới khu vực dân cư theo quy hoạch. Các chỉ tiêu quy hoạch gồm: Các ô đất ký hiệu CX-MN2, CX-MN3 nằm trong hành lang bảo vệ kênh mương tuyệt đối không xây dựng công trình, chỉ cho phép trồng cây xanh tầm thấp, cây bụi, hoa, cỏ tạo cảnh quan; Ô đất CX-MN1 và ô đất CX-MN5 không xây dựng công trình và đỗ xe, chỉ cho phép trồng cây, hoa tạo cảnh quan, kết hợp đỗ xe và tổ chức điểm tập kết trung chuyển chất thải rắn.

+ Đất dịch vụ hỗ trợ:

Tổng diện tích khoảng 11.234m², chiếm 6,61% diện tích đất dự án. Bao gồm 02 ô đất ký hiệu DVHT1, DVHT2. Chức năng các ô đất ký hiệu DVHT gồm: Công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; Mật độ xây dựng thuần tối đa là 40%, tầng cao 2-8 tầng.

+ Đất xây dựng các công trình kỹ thuật

Tổng diện tích khoảng 1.405m², chiếm tỷ lệ 0,83% diện tích đất dự án. Bao gồm 02 ô đất ký hiệu: HTKT 1 và HTKT 2. Ô đất ký hiệu HTKT có chức năng đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật như: Trạm biến áp, trạm bơm cấp nước, bể chứa nước sinh hoạt và PCCC, trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp và các công trình nhà quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật.

+ Đất xây dựng các công trình giao thông

Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong Cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 30.483m², chiếm tỷ lệ 17,93% diện tích đất Cụm công nghiệp. Trong đó 2 ô đất ký hiệu P1, P2 có chức năng là bãi đỗ xe với tổng diện tích 4.242m², chiếm tỷ lệ 2,5% diện tích đất Cụm công nghiệp.

- Diện tích không thuộc phạm vi Cụm công nghiệp (khó hợp nối hạ tầng kỹ thuật):
Khoảng 22.853m² chiếm 11,85% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Trong đó:

+ Đất đường khu vực theo quy hoạch khoảng 11.645m², chiếm tỷ lệ 6,04% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Bao gồm các tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 17m đi qua khu vực lập quy hoạch chi tiết.

+ Đất cây xanh cách ly khoảng 11.208m², chiếm tỷ lệ khoảng 5,81% tổng diện tích đất lập quy hoạch.

Bảng tổng hợp số liệu quy hoạch sử dụng đất theo chức năng

TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu (theo quyết định 1292/QĐ-UBND Hà Nội)	Chỉ tiêu (Bảng 2.3- QCXDVN 01:2008/BXD)
		(m ²)	(%)	(%)	(%)
A	Khu vực thực hiện dự án				
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	967	0,57	0,5-1	≥1
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	98.818	58,13	65-70	≥55
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật	1.405	0,83	0,5-1	≥1
IV	Đất cây xanh	26.875	15,81	18-21	≥10
V	Đất dịch vụ hỗ trợ	11.234	6,61		
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông	30.692	18,05	10- 12	≥8
	Tổng diện tích thực hiện dự án	170.000	100		
B	Khu vực khớp nối HTKT				
I	Đất cây xanh cách ly	11.208	49,04		
II	Đất xây dựng các công trình giao thông	11.645	50,96		
	Tổng diện tích khớp nối HTKT	22.853	100		
	Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch	192.853			

Bảng thống kê số liệu quy hoạch sử dụng đất

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD tối đa (lần)
A	Khu vực thực hiện dự án						
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967	0,57			
	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967		40	3	1,20
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp ^(*)	CN	98.818	58,13			
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN1	7.036		64	1-3	1,92

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SĐĐ tối đa (lần)
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN2	9.623		57	1-3	1,71
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN3	4.555		70	1-3	2,1
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN4	14.527		51	1-3	1,53
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN5	10.497		55	1-3	1,65
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN6	9.248		58	1-3	1,74
2.7	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN7	8.852		59	1-3	1,77
2.8	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN8	4.025		70	1-3	2,1
2.9	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN9	4.815		70	1-3	2,1
2.10	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN10	10.511		55	1-3	1,65
2.11	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN11	6.318		66	1-3	1,98
2.12	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	CN12	8.811		59	1-3	1,77
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		1.405	0,83			
3.1	Công trình kỹ thuật 1	HTKT 1	541				
3.2	Công trình kỹ thuật 2	HTKT 2	864				
IV	Đất cây xanh		26.875	15,81			
4.1	Cây xanh - Mật nước 1	CX-MN1	985				
4.2	Cây xanh - Mật nước 2	CX-MN2	5.092				
4.3	Cây xanh - Mật nước 3	CX-MN3	2.187				
4.4	Cây xanh - Mật nước 4	CX-MN4	770				
4.5	Cây xanh - Mật nước 5	CX-MN5	17.841				
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		11.234	6,61			
5.1	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT1	8.724		40	8	3,20
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT2	2.510		40	2	0,80
VI	Đất xây dựng công trình giao thông		30.692	18,05			
6.1	Đất giao thông		26.459				
6.2	Bãi đỗ xe 1	P1	2.277				
6.3	Bãi đỗ xe 2	P2	1.965				
Tổng diện tích thực hiện dự án			170.000	100,00			
B Khu vực khốp nổi HTKT							
I	Đất cây xanh cách ly		11.208	49,04			
II	Đất xây dựng công trình giao thông		11.645	50,96			
Tổng diện tích khốp nổi HTKT			22.853	100,00			
Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch			192.853				

Ghi chú: Trong các lô đất xây dựng công trình được bố trí đủ diện tích đỗ xe phục vụ cho công trình với chỉ tiêu chỗ đỗ xe (ô tô, xe đạp, xe máy) theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy định hiện hành.

Các chỉ tiêu cụ thể tại hồ sơ bản vẽ và thuyết minh tổng hợp được xác nhận kèm theo.

() Diện tích các ô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp tại bảng thống kê (CN1-CN12) được xác định trên cơ sở mạng giao thông chính của cụm công nghiệp. Trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng có thể được chia thành các lô đất với quy mô đảm bảo phù hợp mô hình, công nghệ và ngành nghề sản xuất của từng cơ sở sản xuất. Các chỉ tiêu của từng lô đất gồm mật độ xây dựng thuần, chiều cao công trình và hệ số sử dụng đất sẽ được xác định theo quy mô diện tích lô đất, đảm bảo tuân thủ quy định tại Bảng 2.4 – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD và các quy định hiện hành.*

4.2. Tổ chức và kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan:

a. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

Tổng thể khu quy hoạch được phân khu chức năng rõ ràng, các hạng mục công trình được bố trí hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng và thuận tiện cho việc quản lý vận hành Cụm công nghiệp.

Khu vực tiếp giáp dân cư thôn Vân Diêm tại phía Nam được bố trí dải cây xanh, mặt nước cách ly đảm bảo quy chuẩn hiện hành với khoảng cách từ công trình công nghiệp đến khu dân cư tối thiểu 50m, tại khoảng đệm cây xanh bố trí tiểu cảnh kết hợp cây xanh bóng mát.

Trong quá trình xây dựng và quản lý Cụm công nghiệp chủ đầu tư tổ chức hàng rào cây xanh xung quanh ranh giới Cụm công nghiệp và bố trí các cổng ra vào để quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn cho hoạt động của Cụm công nghiệp. Tuyệt đối không để tình trạng có người cư trú trong Cụm công nghiệp.

Quy định về cây xanh: Cây xanh tập trung, cây xanh đường phố, cây xanh cách ly đảm bảo kiến trúc cảnh quan xanh hóa Cụm công nghiệp.

b. Quy định kiểm soát kiến trúc, cảnh quan chính

Các quy định về kiểm soát kiến trúc, cảnh quan trình cụm công nghiệp thực hiện theo Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết và nội dung Tờ trình của Phòng Quản lý đô thị.

4.3. Giao thông:

a. Mạng lưới đường giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Đường khu vực từ đường gom cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên đi xã Vân Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đi qua khu vực nghiên cứu tiếp giáp với cả 02 khu vực phía Bắc và phía Nam: Bề rộng mặt cắt ngang dao động từ khoảng 21-33m.

- Tuyến đường gom phía Đông Quốc lộ 3 mới tiếp giáp phía Tây Cụm công nghiệp từ 2 đến 3 làn xe, thực hiện theo dự án riêng.

- Đường khu vực (trong ranh giới quy hoạch) phía Nam Cụm công nghiệp: Bề

rộng mặt cắt ngang $B=17\text{m}$. Trong đó lòng đường rộng 11m , vỉa hè hai bên rộng $2 \times 3\text{m}$ (mặt cắt 1-1).

** Giao thông nội bộ Cụm công nghiệp :*

- Giao thông nội bộ phục vụ cụm công nghiệp: Gồm các tuyến đường có mặt cắt 1-1, mặt cắt 2-2 và 3-3:

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 1-1 (đường chính cụm công nghiệp) có mặt cắt ngang $17,5\text{m}$. Trong đó lòng đường $11,5\text{m}$, vỉa hè mỗi bên 3m ;

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 2-2 (đường chính cụm công nghiệp): có mặt cắt ngang $13,5\text{m}$. Trong đó lòng đường $7,5\text{m}$, vỉa hè mỗi bên 3m ;

- Đường giao thông có mặt cắt ngang 3-3 (đường nhánh trong cụm công nghiệp) có mặt cắt ngang 5m .

b/ Các nút giao thông:

Trong khu vực lập quy hoạch bố trí các nút giao thông cùng mức. Bán kính bó vỉa trong phạm vi nút trung bình 12m (tối thiểu không nhỏ hơn 8m).

c/ Giao thông tĩnh

Trong ranh giới cụm công nghiệp bố trí 2 bãi đỗ xe tập trung tại các vị trí gần lối tiếp cận chính từ tuyến đường khu vực. Tổng diện tích bãi đỗ xe khoảng 4.242m^2 . Ngoài ra trong lô đất đều bố trí đỗ xe tự đảm bảo nhu cầu cho từng công trình.

Đối với các công trình nhà công nghiệp, nhà điều hành hành chính, dịch vụ trong quá trình thiết kế phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe cho bản thân các công trình này với tiêu chuẩn phù hợp với quy định hiện hành.

4.4. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang kết hợp các thông số kỹ thuật cụ thể ghi trực tiếp trên bản vẽ.

Chỉ giới xây dựng: Được xác định bằng khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ. Trị số khoảng lùi phụ thuộc vào cấp đường, tính chất đường, công trình dọc trên đường đảm bảo khoảng lùi từ $0-6\text{m}$.

4.5. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

Cao độ xây dựng lựa chọn cho khu vực dự án được lựa chọn tuân thủ theo định hướng cao độ khống chế của khu vực từ $6,20\text{m}$ đến $6,60\text{m}$.

Cao độ các ô đất san nền được vượt nổi với cao độ xác định tại mép vỉa hè của các tuyến đường giao thông trong dự án.

Phần tiếp giáp của khu đất xây dựng với khu vực ven kênh tiêu thoát nước được xử lý bằng kè taluy đảm bảo ổn định cho nền đất.

b. Thoát nước mưa:

Hướng thoát nước chính của dự án: Thoát về tuyến mương tiêu thoát nước khu vực phía Đông Nam khu đất dự án.

Hệ thống cống thoát nước mưa được bố trí dưới đường. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: Giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra...

đảm bảo khoảng cách trung bình giữa các giếng theo quy định hiện hành.

** Phân chia lưu vực thoát nước chính:*

Khu đất quy hoạch được phân chia thành 2 lưu vực thoát nước chính:

Lưu vực 1: Gồm khu vực phía Bắc tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 5,92ha.

Lưu vực 2: Gồm khu vực phía Nam tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 11,08ha.

** Mạng lưới thoát nước mưa:*

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn: nước mưa riêng, nước bẩn riêng.

Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán thiết kế đảm bảo thu gom và vận chuyển nước mưa ra khỏi lưu vực một cách nhanh nhất, tránh úng ngập đường phố và cụm công nghiệp, phù hợp với tình hình hiện trạng khu vực, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng

Nước mưa được thu gom và dẫn đến các điểm xả theo con đường ngắn nhất bằng tự chảy, tận dụng triệt để độ dốc địa hình tự nhiên để giảm độ sâu chôn cống.

Đảm bảo thoát nước tốt cho khu vực dự án và các khu dân cư lân cận.

Sử dụng cống tròn đường kính từ D600- D1250 để thu gom thoát nước mưa sau đó thoát về mương. Hệ thống mương được trong dự án được thoát ra kênh mương hiện trạng qua hệ thống cống ngang $B \times H = 2 \times (3 \times 2) \text{m}$.

4.6. Cấp nước:

a. Nguồn cấp:

- Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước của dự án cấp nước sạch cho khu vực do Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch số 1 AQUAONE là chủ đầu tư. Trong giai đoạn tiếp theo, Chủ đầu tư xây dựng HTKT cụm công nghiệp cần liên hệ với cơ quan quản lý nước sạch để thỏa thuận đầu nối. Vị trí đầu nối cụ thể sẽ do cơ quan quản lý nước sạch thỏa thuận chi tiết.

b. Mạng lưới cấp nước:

Thiết kế mạng lưới cấp nước dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh cụt, đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn cho khu vực.

Vật liệu ống cấp nước trong đồ án lấy là ống HDPE, cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng.

Các ống cấp nước được đặt trên hè, đảm bảo khoảng cách quy định với các tuyến hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định hiện hành.

c. Cấp nước cứu hỏa:

- Dọc các tuyến đường có đường ống cấp nước có đường kính $\geq 110 \text{mm}$ trở lên, bố trí các trụ cứu hỏa. Khoảng cách các họng cứu hỏa trên mạng lưới được bố trí theo quy định hiện hành.

4.7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Trạm xử lý nước thải:

Dự kiến xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho dự án tại phía Nam Cụm công nghiệp trong khu đất có ký hiệu HTKT2. Công suất trạm xử lý dự kiến khoảng 1.000m³/ngày đêm. Trạm xử lý áp dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước bên ngoài.

b. Mạng lưới thoát nước:

Mạng lưới thoát nước thải cụm công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng.

Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo tiêu chuẩn Thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của cụm công nghiệp rồi dẫn về trạm xử lý tập trung. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường được xả ra hệ thống thoát nước mưa.

Mạng lưới thoát nước thải dùng ống tròn HDPE đi trên hè, có đường kính ống D300 với chiều sâu chôn ống tối thiểu là 1,0m tính từ mặt hè đến đáy ống.

c. Vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn tại Cụm công nghiệp, bắt buộc phải phân loại tại nguồn, bố trí các thùng đựng chất thải rắn có nắp đậy kín. Sau khi thu gom tại nguồn, chất thải được đưa tới khu xử lý hạ tầng để tạm thu, phân loại. Sau đó được vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của Thành phố và khu vực.

d. Nhà vệ sinh công cộng:

Trên các trục đường chính, các khu dịch vụ công cộng, khu cây xanh và các nơi công cộng khác...phải bố trí nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo khoảng cách theo quy định.

4.8. Cấp điện và chiếu sáng đô thị:

a. Nguồn cấp:

Nguồn điện cấp cho Cụm công nghiệp từ trạm 110KV Đông Anh và tuyến điện trung thế 22KV hiện có của khu vực.

b. Lưới điện và trạm biến áp

Đường cấp điện cho khu vực quy hoạch là đường cáp ngầm 22KV được thiết kế ở dạng mạch vòng vận hành hồ.

Phương án cấp điện: Dự kiến xây dựng trạm biến áp riêng và trạm cắt trung thế cho từng ô đất trong Cụm công nghiệp để chờ đấu nối điện cho trạm biến áp của các lô đất công nghiệp sau này.

c. Trạm biến áp phân phối:

Dự kiến xây dựng 1 trạm kios 1500KVA đặt tại khu đất trạm xử lý để cấp điện cho các khu công trình công cộng, trạm xử lý, bến xe, chiếu sáng đường, khu cây xanh.

Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V, gồm các tuyến cáp ngầm 0,4kV xuất phát từ lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các khu công cộng, cây xanh,...

d. Chiếu sáng:

Nguồn điện chiếu sáng cho đèn được lấy ra từ trạm 2 trạm biến áp TBA 01 đặt tại lô đất CN1 và TBA04 khu vực CN4. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm

nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

Đèn đường được bố trí trên trục đường, phương án chiếu sáng thuộc vào độ chói yêu cầu và kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường.

Sử dụng đèn Led làm nguồn sáng để chiếu sáng đường đi, vườn hoa ...

4.9. Thông tin liên lạc:

a. Nguồn cấp:

Nguồn cấp tín hiệu cho khu vực được lấy từ Host Đông Anh. Nguồn đầu nổi chính qua trạm vệ tinh gần nhất tại phía Tây khu vực dẫn tín hiệu thông tin về các tủ cáp quy hoạch dự kiến. Sau đó từ tủ cáp dẫn tiếp cáp thông tin đến các lô công nghiệp.

b. Mạng lưới thông tin liên lạc:

Cáp thông tin được đặt trong ống và chui dưới đất.

Tại các vị trí ngã giao nhau giữa các tuyến ống luôn cáp bố trí các ga thăm thông tin để phục vụ cho việc bảo trì và kéo cáp (các vị trí ga thăm thông tin sẽ được xác định ở bước lập dự án đầu tư).

Vị trí các tủ cáp, tủ phân phối và hướng đi cáp thông tin chỉ có tính chất định hướng và sẽ được cụ thể ở các bước thiết kế tiếp theo.

Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh

4.10. Đánh giá môi trường chiến lược:

Khi triển khai lập dự án đầu tư, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch và bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Các phương án bảo vệ môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường với dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.11. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Dọc theo các trục đường giao thông bố trí hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải... Tùy theo mật độ đường ống kỹ thuật và khoảng cách bố trí theo quy định hiện hành có thể sử dụng tuynel, hào kỹ thuật hoặc bó cáp.

5. Các hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng đường giao thông đảm bảo kết nối đến các tuyến đường khu vực xung quanh theo quy hoạch;

- Đầu tư xây dựng các hạng mục HTKT thuộc dự án (san nền, giao thông, cấp điện, cấp, thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc...);

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (công viên cây xanh, vườn hoa, trạm điện, trạm cấp nước, xử lý nước thải...);

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình khác.

6. Quy định quản lý:

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm kèm theo Quyết định này.

Việc quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cần tuân thủ quy hoạch và Quy định quản lý kèm theo. Ngoài ra, phải tuân thủ các Luật, quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn liên quan.

Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch và nội dung Quy định quản lý phải được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Đông Anh chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ, Quy định quản lý của đồ án phù hợp với nội dung Quyết định này; phối hợp với UBND xã Thụy Lâm, Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình tổ chức công bố công khai nội dung Đồ án Quy hoạch chi tiết được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định;

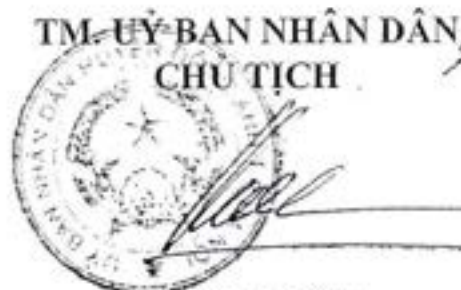
- Chủ tịch UBND xã Thụy Lâm và Đội quản lý trật tự đô thị Huyện có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, quản lý, giám sát việc xây dựng đồng bộ về quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

- Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới đồ án Quy hoạch chi tiết ngoài thực địa theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Đông Anh, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Chủ tịch UBND xã Thụy Lâm, Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình và các cá nhân, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Các sở: QH-KT HN, Công thương HN;
- TT HU, UBND huyện;
- Lưu: VP, QLĐT^(07b).



Lê Trung Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH

Số: 816/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Anh, ngày 22 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Cụm công nghiệp Thụy Lâm**

Địa điểm: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 năm 2020

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND

thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Văn bản số 1188/UBND-KTN ngày 22/4/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường công tác chấp hành quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai và đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND huyện Đông Anh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh;

Căn cứ Văn bản số 3006/UBND-QLĐT ngày 28/10/2024 của UBND huyện Đông Anh về việc thống nhất về nguyên tắc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm

Theo đề nghị của Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình tại Tờ trình số 22/TTr-TB ngày 09/4/2025 và các Báo cáo thẩm định của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Huyện số: 08/BC-QLĐT ngày 14/2/2025; số 31/BC-KTHT&ĐT ngày 18/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm với những nội dung chính như sau

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm.

Địa điểm: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô lập điều chỉnh quy hoạch:

- Khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch nằm trong ranh giới Cụm công nghiệp Thụy Lâm. Cụ thể:

- Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch: khoảng 192.852,6m².

- Quy mô điều chỉnh: điều chỉnh cục bộ tại ô đất dịch vụ hỗ trợ DVHT2; ô đất bãi đỗ xe tập trung P1; các ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp (ký hiệu CN2, CN3, CN5, CN10, CN11, CN12, CN13), các ô đất cây xanh – mặt nước (ký hiệu CX-MN1, CX-MN3, CX-MN5) với tổng diện tích khoảng 71.328m².

3. Nội dung và lý do điều chỉnh:

- Nội dung điều chỉnh:

+ Hoán đổi vị trí chức năng sử dụng đất Dịch vụ hỗ trợ 2 (DVHT2) và một phần ô đất đất xây dựng nhà máy xí nghiệp (CN12); đồng thời bổ sung thêm ký hiệu ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp (ký hiệu CN13) tại vị trí ô đất DVHT2 trước đây;

+ Hoán đổi vị trí năng sử dụng đất bãi đỗ xe (P1) và một phần ô đất đất xây dựng nhà máy xí nghiệp (CN2);

+ Bổ sung thêm diện tích đất cây xanh, mặt nước CX-MN1, CX-MN3;

+ Vi chỉnh lại diện tích các ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp và bổ sung thêm diện tích đất cây xanh, mặt nước CX-MN1, CX-MN3;

+ Chuẩn xác lại diện tích các ô đất theo thực tế giao đất.

+ Điều chỉnh giảm tầng cao khu đất dịch vụ - công cộng (ký hiệu DVHT1) từ 08 tầng về 05 tầng để đảm bảo định hướng phát triển không gian khu vực quy định tại đồ án Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt và Quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Lâm được UBND Huyện phê duyệt tại Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 13/6/2023.

+ Các nội dung không liên quan đến việc điều chỉnh cục bộ nêu trên giữ theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm đã được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020.

+ Vi chỉnh lại một số tuyến hạ tầng kỹ thuật để thống nhất với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh.

- Lý do điều chỉnh:

+ Để đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã Thụy Lâm và huyện Đông Anh trong những năm tiếp theo. Đồng thời để khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất hơn, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và các doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng, sản xuất tại Cụm công nghiệp đã được quy hoạch, quản lý (phục vụ lợi ích cộng đồng).

+ Cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất của đồ án theo Quy chuẩn hiện hành (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng); định hướng quy hoạch chung xã Thụy Lâm tỷ lệ 1/5000 được UBND Huyện phê duyệt tại Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 (có sự thay đổi của quy hoạch cấp trên).

4. Nguyên tắc điều chỉnh:

Điều chỉnh chỉ sắp xếp, bố cục lại vị trí các ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp trên nguyên tắc không thay đổi diện tích đất xây dựng: Nhà máy, xí nghiệp; Trung tâm quản lý điều hành; Dịch vụ hỗ trợ; mạng lưới đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính xung quanh khu đất theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

Điều chỉnh chỉ tiêu mật độ xây dựng tối đa tại các ô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với quy chuẩn hiện hành Quy chuẩn (QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng). Đồng thời giảm tầng cao công trình Dịch vụ hỗ trợ phù hợp với định hướng tầng cao công trình tối đa của khu vực theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Lâm tỷ lệ 1/5000 được duyệt.

Xác định sơ bộ phương án phân lô trong phạm vi các ô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp với diện tích các lô đất tối thiểu 1.000m² đảm bảo phù hợp Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Kết quả sau điều chỉnh:

a. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết có tổng diện tích khoảng 192.852,6m², bao gồm:

- Diện tích đất thuộc phạm vi cụm công nghiệp: khoảng 169.933,5m², chiếm tỷ lệ 88,12% tổng diện tích đất lập quy hoạch được chia thành 02 khu vực. Trong đó: khu vực phía Bắc quy mô khoảng 60.070m² và khu vực phía Nam quy mô khoảng 109.864m², gồm các chức năng sử dụng đất chính như sau:

+ Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp: Tổng diện tích khoảng 99.818m², chiếm 58,15% diện tích đất dự án, bao gồm 13 ô đất ký hiệu từ CN1 đến CN13. Chức năng các ô đất ký hiệu CN1 đến CN13 là nhà xưởng sản xuất kết hợp kho bãi, bãi xe vận chuyển, bãi tập kết hàng hoá, container, văn phòng điều hành, phòng trưng bày sản phẩm và nhà xưởng sản xuất làng nghề. Các chỉ tiêu quy hoạch chính: mật độ xây dựng thuần tối đa là 70% tùy theo diện tích ô đất, tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành.

Tổng diện tích khoảng 967m², chiếm 0,57% diện tích đất dự án. gồm 01 ô đất ký hiệu QLĐH, bao gồm chức năng: nhà điều hành trung tâm nơi làm việc của Ban Quản lý cụm công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung, khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác. Các chỉ tiêu quy hoạch chính: mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao tối đa 03 tầng.

+ Đất cây xanh:

Tổng diện tích khoảng 27.107m², chiếm 15,95% diện tích đất dự án. bao gồm 05 ô đất ký hiệu CX-MN. trong đó các ô đất ký hiệu CX-MN1, CX-MN2, CX-MN3 có chức năng là cây xanh cảnh quan mặt nước, phục vụ thoát nước, điều hòa và cảnh quan. Ô đất CX-MN4 là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo không gian điều hòa. Ô đất CX-MN5 là cây xanh tập trung, cảnh quan tạo khoảng cách ly tới khu vực dân cư theo quy hoạch.

+ Đất dịch vụ hỗ trợ:

Tổng diện tích khoảng 11.234m², chiếm 6,61% diện tích đất dự án. bao gồm 02 ô đất ký hiệu DVHT1, DVHT2. Chức năng các ô đất ký hiệu DVHT gồm: công trình phụ trợ, hỗ trợ sản xuất, văn phòng đại diện, khu trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tập trung; trạm xăng dầu kết hợp với trạm sạc điện; mật độ xây dựng thuần tối đa là 40%, tầng cao 2-5 tầng.

+ Đất xây dựng các công trình kỹ thuật:

Tổng diện tích khoảng 1.405m², chiếm tỷ lệ 0,83% diện tích đất dự án. Bao gồm 02 ô đất ký hiệu: HTKT1 VÀ HTKT2. Ô đất ký hiệu HTKT có chức năng đất

xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật như: trạm biến áp, trạm bơm cấp nước, bể chứa nước sinh hoạt và PCCC, trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp và các công trình nhà quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật.

+ Đất giao thông:

Gồm các tuyến đường giao thông nội bộ trong cụm công nghiệp và các công trình giao thông, có tổng diện tích 30.402,5m², chiếm tỷ lệ 17,89% diện tích đất cụm công nghiệp. Trong đó 2 ô đất ký hiệu P1, P2 có chức năng là bãi đỗ xe với tổng diện tích 4.242m², chiếm tỷ lệ 2,5% diện tích đất cụm công nghiệp.

- Diện tích đất không thuộc phạm vi cụm công nghiệp: khoảng 22.919,1m² chiếm 11,88% tổng diện tích đất lập quy hoạch. Trong đó:

+ Đất đường khu vực theo quy hoạch khoảng 11.049,7m², chiếm tỷ lệ 5,73% tổng diện tích đất lập quy hoạch. bao gồm các tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 17m đi qua khu vực lập quy hoạch chi tiết.

+ Đất cây xanh cách ly khoảng 11.869m², chiếm tỷ lệ khoảng 6,15% tổng diện tích đất lập quy hoạch.

(Chỉ tiêu quy hoạch trước và sau điều chỉnh theo Phụ lục gửi kèm)

b. Phương án phân lô các ô đất xây dựng nhà máy xí nghiệp:

Các lô đất xây dựng công trình trong từng ô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được xác định sơ bộ với môđun diện tích tối thiểu 1.000m² phù hợp Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội.

Lưu ý: Quá trình vận hành, hoạt động của Dự án trong giai đoạn sau, tùy nhu cầu sử dụng đất từng loại hình nhà máy xí nghiệp, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp có thể nghiên cứu điều chỉnh phương án phân lô, hợp khối các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (đảm bảo môđun diện tích tối thiểu, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tối đa của ô đất xây dựng công trình theo Quy chuẩn hiện hành), báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

c. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu đất hài hòa với cảnh quan chung khu vực, phù hợp với tính chất sử dụng công trình, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, môi trường chung của cụm công nghiệp.

- Giải pháp thiết kế kiến trúc, bố trí công năng sử dụng trong các hạng mục công trình nhà quản lý điều hành cần thống nhất về hình thức, phong cách kiến trúc tổng thể cho toàn bộ khu vực, đáp ứng yêu cầu sử dụng, PCCC theo quy định và tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, về an toàn cháy cho nhà và công trình. Công trình sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, không sử dụng màu sắc chói, đậm, gây phản cảm. Nghiên cứu hình thức, vật liệu xây dựng tường rào bao quanh khu đất đảm bảo mỹ quan đô thị, không che chắn tầm

nhìn; bố trí vịnh tại lối ra vào chính đảm bảo an toàn giao thông, tổ chức đầu nối giao thông nội bộ với mạng lưới giao thông bên ngoài hợp lý.

- Thiết kế cần đảm bảo diện tích cây xanh, diện tích đỗ xe theo quy định. Thiết kế sân vườn, cây xanh, tiểu cảnh, giao thông nội bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu đất đảm bảo khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực theo quy hoạch.

d. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Vi chỉnh lại một số tuyến hạ tầng kỹ thuật để thống nhất với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình và đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Chịu trách nhiệm về pháp lý tổ chức lập (bao gồm cả quy trình; phạm vi, đối tượng, thời gian, hình thức, kết quả tổng hợp... ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan), chất lượng, số liệu, tính chính xác, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống bản vẽ, thuyết minh.

- Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Huyện kiểm tra, xác nhận bản vẽ điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh cục bộ chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm phù hợp với nội dung Quyết định này; Lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

- Giao Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, UBND xã Thụy Lâm và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết để các cơ quan, tổ chức có liên quan và nhân dân biết.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Đông Anh; Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Tài chính – Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Thụy Lâm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở: QHKT; Công Thương;
- Các PCT UBND Huyện;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Dũng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 5816/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Đông Anh)

Bảng kê chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trước và sau điều chỉnh

TT	Chức năng sử dụng đất	Theo Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND Huyện Đông Anh						Điều chỉnh					Ghi chú		
		Ký hiệu lô đất	Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất					
					Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa			Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa			
														(m2)	(%)
A	Khu vực thực hiện dự án														
I	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967	0,57				967	0,57						
	Đất xây dựng trung tâm quản lý điều hành	QLĐH	967			40	3	1,20	967			40	3	1,20	
II	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp (*)	CN	98.818	58,13				98.818	58,15	70	1-3	2,10			
2.1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 01	CN1	7.036			64	1-3	1,92	7.031			70	1-3	2,10	
2.2	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 02	CN2	9.623			57	1-3	1,71	5.341			70	1-3	2,10	
2.3	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 03	CN3	4.555			70	1-3	2,10	5.065			70	1-3	2,10	
2.4	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 04	CN4	14.527			51	1-3	1,53	14.897			70	1-3	2,10	
2.5	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 05	CN5	10.497			55	1-3	1,65	13.127			70	1-3	2,10	
2.6	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 06	CN6	9.248			58	1-3	1,74	9.248			70	1-3	2,10	
2.7	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 07	CN7	8.852			59	1-3	1,77	8.852			70	1-3	2,10	

TT	Chức năng sử dụng đất	Theo Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND Huyện Đông Anh						Điều chỉnh					Ghi chú
		Ký hiệu lô đất	Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất			
					Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa			Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa	
2.8	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 08	CN8	4.025		70	1-3	2,10	4.025		70	1-3	2,10	
2.9	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 09	CN9	4.815		70	1-3	2,10	4.847		70	1-3	2,10	
2.10	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 10	CN10	10.511		55	1-3	1,65	11.035		70	1-3	2,10	
2.11	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 11	CN11	6.318		66	1-3	1,98	6.658		70	1-3	2,10	
2.12	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 12	CN12	8.811		59	1-3	1,77	7.579		70	1-3	2,10	
2.13	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp 13	CN13						1.113		70	1-3	2,10	
III	Đất xây dựng các công trình kỹ thuật		1.405	0,83				1.405	0,83				
3.1	Công trình kỹ thuật 1	HTKT 1	541					541					Trạm cấp nước
3.2	Công trình kỹ thuật 2	HTKT 2	864					864					Trạm xử lý nước thải
IV	Đất cây xanh		26.875	15,81				27.107	15,95				
4.1	Cây xanh - Mặt nước 1	CX-MN1	985					1.837					
4.2	Cây xanh - Mặt nước 2	CX-MN2	5.092					5.091					
4.3	Cây xanh - Mặt nước 3	CX-MN3	2.187					3.595					
4.4	Cây xanh - Mặt nước 4	CX-MN4	770					770					

TT	Chức năng sử dụng đất	Theo Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND Huyện Đông Anh						Điều chỉnh					Ghi chú	
		Ký hiệu lô đất	Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Diện tích	Tỷ lệ	Các chỉ tiêu sử dụng đất				
					Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa			Mật độ Xây dựng	Tầng cao	Hệ số SDD tối đa		
			(m2)	(%)	(%)	(tầng)	(lần)	(m2)	(%)	(%)	(tầng)	(lần)		
4.5	Cây xanh - Mặt nước 5	CX-MN5	17.841					15.815						
V	Đất dịch vụ hỗ trợ		11.234	6,61				11.234	6,61					
5.1	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT1	8.724		40	8	3,20	8.719		40	5	2,00		
5.2	Công trình dịch vụ hỗ trợ	DVHT2	2.510		40	2	0,80	2.514		40	2	0,80	Trạm xăng dầu kết hợp với trạm sạc điện	
VI	Đất xây dựng các công trình giao thông		30.692	18,05				30.402,5	17,89					
6.1	Đất giao thông		26.459					26.161,3						
6.2	Bãi đỗ xe 1	P1	2.277					2.277						
6.3	Bãi đỗ xe 2	P2	1.965					1.965						
Tổng diện tích thực hiện dự án			170.000	100,0				169.933,5	100,0					
B	Khu vực khớp nối HTKT													
I	Đất cây xanh cách ly		11.208	49,04				11.869	51,79					
II	Đất xây dựng các công trình giao thông		11.645	50,96				11.049,7	48,21					
Tổng diện tích khớp nối HTKT			22.853	100,0				22.919,1	100,0					
Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch			192.853					192.852,6						

Đông Anh, Ngày 08 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 362 /2024/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Thanh Bình.

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Cụm công nghiệp Thụy Lâm.

- Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.
- Do: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Thành Nam lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Linezone Việt Nam.
- Vị trí xây dựng: xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất: theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Đông Anh phê duyệt tại Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 17/6/2020.

Gồm các nội dung sau:

2.1. Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật.

* San nền: Hướng dốc từ giữa khu đất sang hai bên đường giao thông. Cao độ san nền từ +6,20m đến +6,60m.

* Đường giao thông:

- Các tuyến đường giao thông mặt cắt 1-1, 2-2 trong khu đất được thiết kế dạng 2 mái và mặt cắt 3-3 thiết kế một mái. Mặt cắt ngang điển hình của các tuyến đường:

+ Mặt cắt ngang 1-1 (đường trục chính): $B = 11,5m + 2 \times 3,0m = 17,5m$.

+ Mặt cắt ngang 2-2 (đường chính): $B = 7,5m + 2 \times 3,0m = 13,5m$.

+ Mặt cắt ngang 3-3 (đường nhánh): $B = 5,0m$.

Kết cấu áo đường Bê tông nhựa. Vía hè lát gạch block tự chèn. Bó vỉa hè và đan rãnh sử dụng viên BTXM đúc sẵn 26x23x100cm và 25x50x5cm. Bãi đỗ xe bằng BTCT M350 dày 30cm.

* Thoát nước mưa: Phân chia làm 2 lưu vực chính gồm:

- Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 5,92 ha. Mạng lưới thoát nước gồm các tuyến cống bằng BTCT có kích thước D600-D1000 và các tuyến rãnh B500

- Lưu vực 2: Khu vực phía Nam tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 11,08 ha. Mạng lưới thoát nước gồm các tuyến cống bằng BTCT có kích thước D600-D800 và các tuyến rãnh B500

* Cấp nước:

- Mạng lưới đường ống cấp nước theo dạng mạch vòng kết hợp mạng cụt gồm tuyến ống phân phối HDPE 110 nằm dưới vỉa hè và tuyến ống dịch vụ HDPE 75 và 50



- Bể chứa kết cấu BTCT, kích thước $D \times R \times C = 22 \times 7,5 \times 4,4\text{m}$ với dung tích bể 650 m³

- Trên tuyến ống phân phối bố trí trụ cứu hỏa D110

- Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp + cứu hỏa tại vị trí lô đất hạ tầng kỹ thuật.

* Thoát nước thải:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 1000m³/ngđ, chia làm 2 giai đoạn, mỗi giai đoạn công suất 500 m³/ngđ.

- Nước thải sau khi được xử lý thoát ra hệ thống cống UPVC D200 – D300 đi trên vỉa hè.

* Chiếu sáng:

Mạng lưới cáp chiếu sáng từ Trạm biến áp đến các tủ điện khiển sử dụng cáp 0,6/1kV – Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25+16mm². Cáp trực chính cấp nguồn từ tủ điện đến các cột đèn sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+10mm². Cột đèn cao H= 8m, sử dụng đèn Led 100W.

* Thông tin liên lạc:

- Thiết kế hệ thống bó ống kỹ thuật gồm 2 ống HDPE D130/110 trên vỉa hè

- Bố trí các ga kỹ thuật đồ bằng BTCT M200, nắp dĩa tấm BTCT M200.

2.2. Hạng mục nhà điều hành.

- Cốt nền xây dựng công trình: + 0,45 m so với cốt sân;

- Màu sắc công trình: hài hòa với màu sắc kiến trúc của các công trình xung quanh;

- Diện tích xây dựng: 344,4 m²;

- Tổng diện tích sàn: 1.148,6 m², trong đó: tầng 1: 344,4 m²; tầng 2, 3: 368,6 m²; tầng tum: 67,0 m²

- Số tầng: 3 tầng + 1 tầng tum.

- Chiều cao công trình tính từ cốt sân đến cốt đỉnh mái: 13,60 m, trong đó: tầng 1: 3,60 m; tầng 2, 3: 3,30 m; tum: 2,95 m.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND Thành phố về việc cho công ty TNHH tập đoàn xây dựng Thanh Bình thuê 169.933,5 m² đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thụy Lâm, huyện Đông Anh.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: chưa.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên chủ đầu tư phải xin cấp gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND Huyện;
- Đ/c PCT UBND Huyện phụ trách;
- Đội Quản lý trật tự XD đô thị Huyện;
- UBND xã Thụy Lâm;
- Lưu: QLĐT.

(Bản đóng
dấu treo)



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thông báo bằng văn bản về ngày khởi công tới UBND xã Thụy Lâm trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 của Luật xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.
6. Trước khi khởi công xây dựng công trình, phải đảm bảo các điều kiện theo Khoản 1 Điều 107 của Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (có mặt bằng thi công xây dựng, có biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình...); Trong quá trình xây dựng công trình, phải đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội (biện pháp thi công được phê duyệt, biên bản khảo sát hiện trạng công trình liền kề (nếu có), cam kết đền bù thiệt hại về người, công trình, tài sản nếu được xác định do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra, đảm bảo trật tự, trị an, hợp đồng thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng đổ đúng nơi quy định...)

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép:

.....

Đông Anh, Ngày.....tháng.....năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

.....



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH
34B Linh Lang, P.Cống Vị, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội - Việt Nam
Email: info.vinaxanh@gmail.com Website: www.vinaxanh.net
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
----oOo----

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

PHẦN II: CÔNG NGHỆ

CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH
CÔNG TRÌNH	: XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CCN THỤY LÂM
CÔNG SUẤT	: Q=500 M3/NGÀY ĐÊM
QCVN	: ĐẠT CỘT A QCTĐHN 02:2014/BTNMT
ĐỊA ĐIỂM	: XÃ THỤY LÂM - HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI
ĐƠN VỊ THI CÔNG	: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thanh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

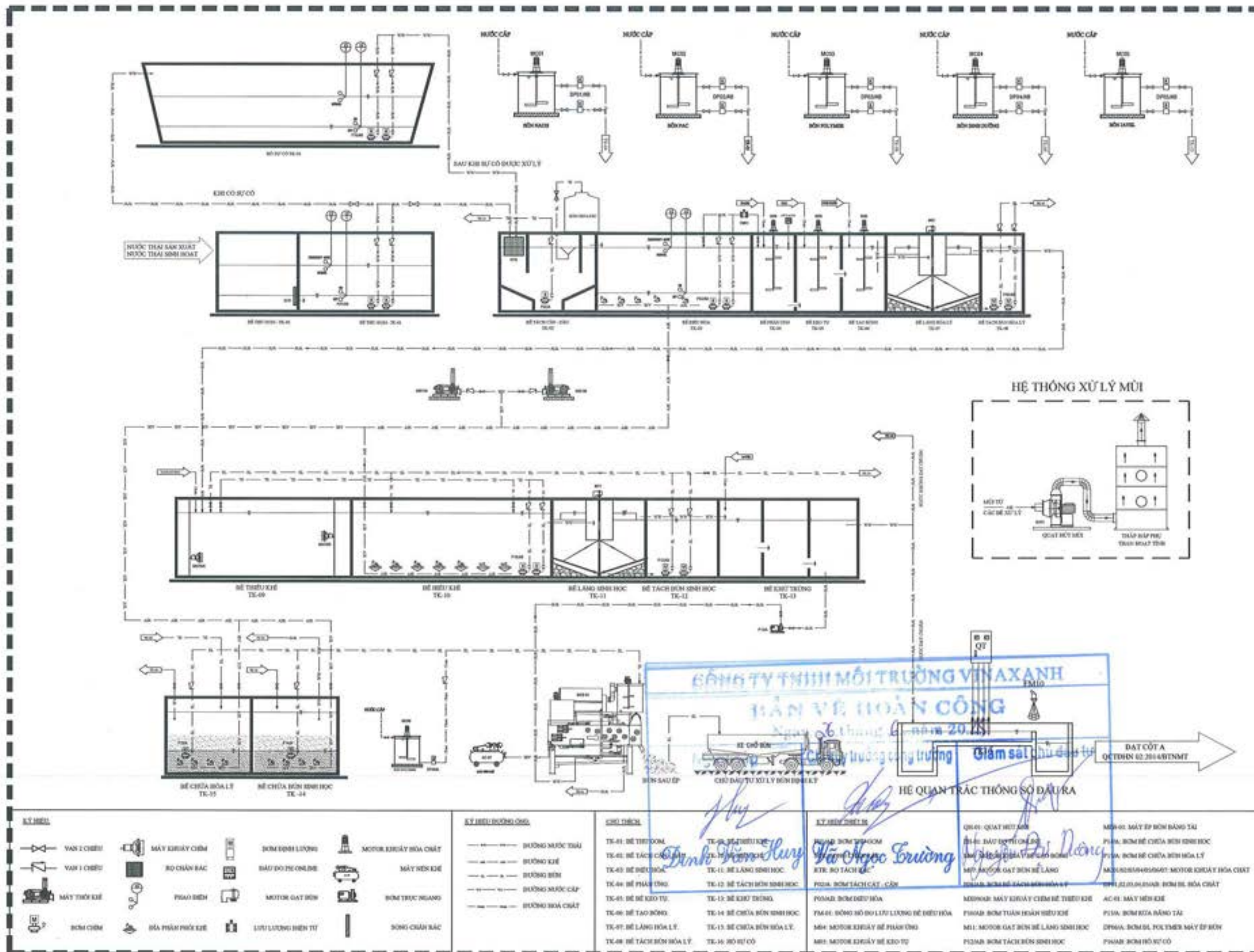


GIÁM ĐỐC
NGÔ HỒNG CẨM

TP HÀ NỘI, NĂM 2025

HẠNG MỤC I: ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỤM CÔNG NGHIỆP CÔNG SUẤT 500 M3/NGÀY ĐÊM



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Công Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.5632 - Hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.vn
Email: info.vinaxanh@gmail.com

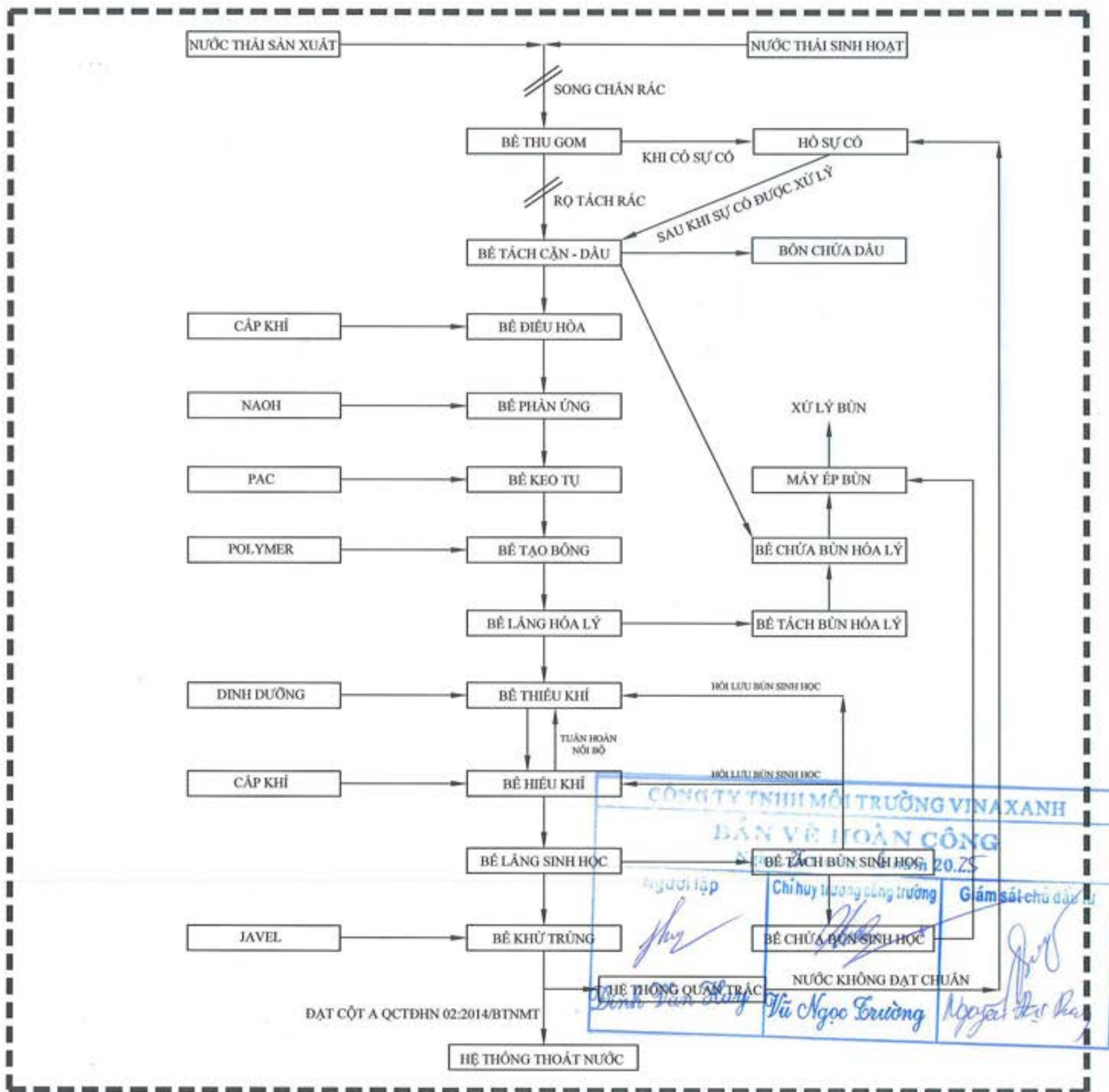
GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
HÀ NỘI
NGUYỄN HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Ngày hoàn thành: ...
Số hiệu bản vẽ: CN-01

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM :

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ :
Số 34B Linh Lang, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.5082 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vietnaxanh.net
Email: info.vietnaxanh@gmail.com

GIAM ĐỐC


NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

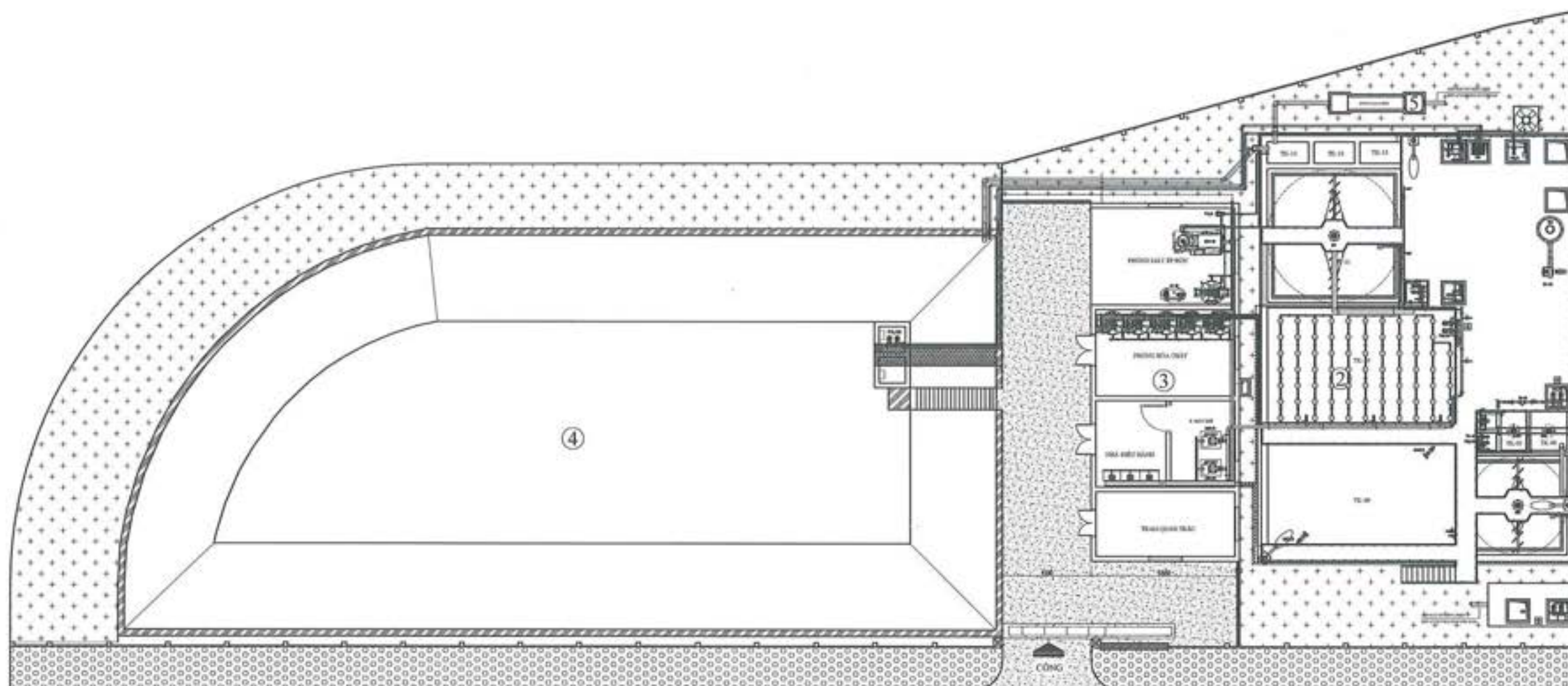
Lương Văn Luân

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ

NGÀY HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU KẾ TOÁN
	CN-02

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH:

- 1- BỂ THU GOM
- 2 - CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- 3 - NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 4 - HỒ SỰ CỐ
- 5 - MƯƠNG QUAN TRẮC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH		
HÀN VỊ HOÀN CÔNG		
Ngày 26 tháng 6 năm 2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trường	Giám sát chủ đầu tư
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Đinh Văn Huy	Vũ Ngọc Trường	Nguyễn Đại Cường

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Cộng Vũ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.886
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

[Signature]
NGÔ HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG
ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG

Ngày hoàn thành

Số hiệu bản vẽ

CN-03

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÓNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH Bùn HÓA LÝ.
TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH Bùn SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA Bùn SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA Bùn HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

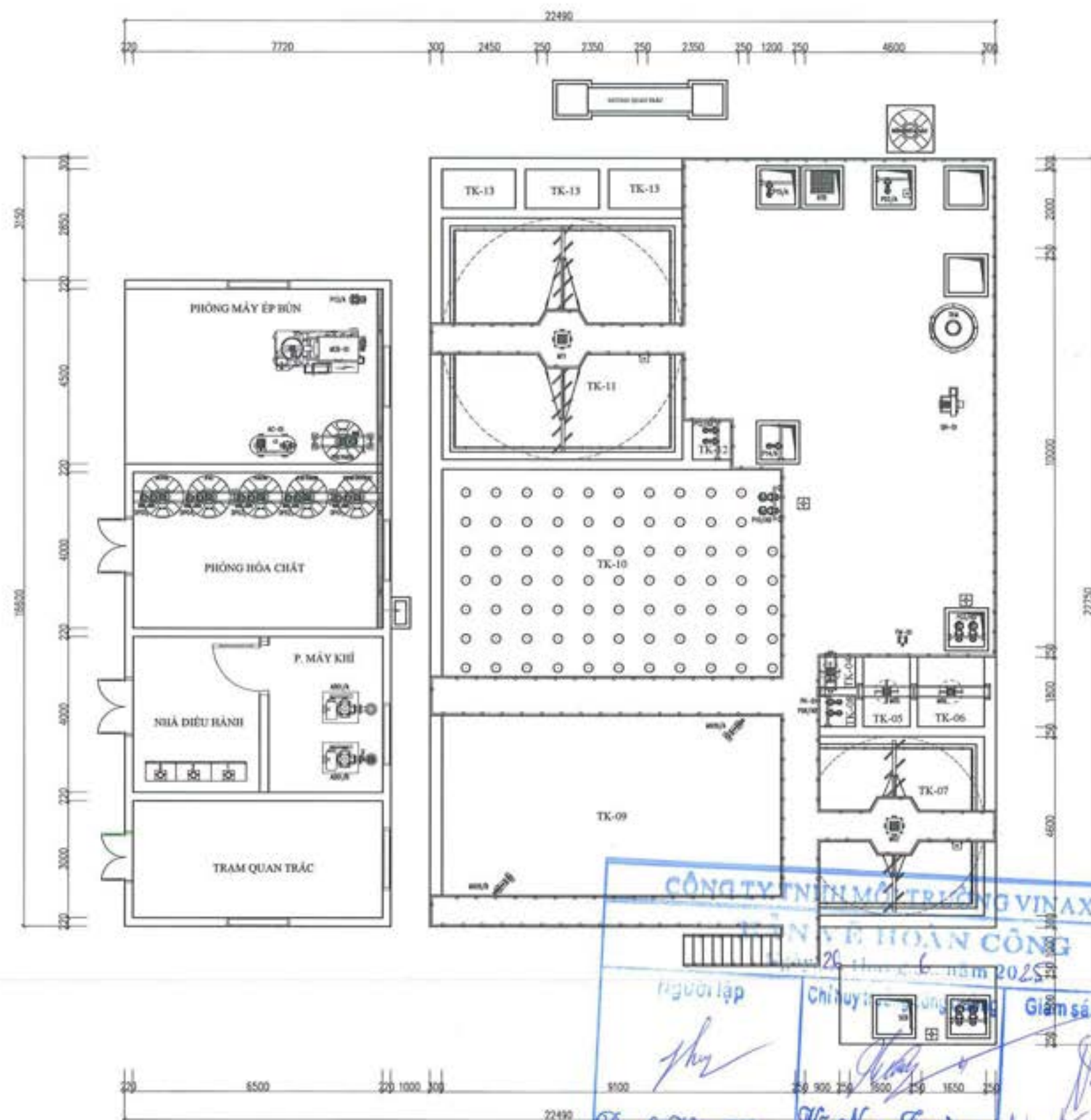
P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHÂN RẮC
RTR: RỌ TÁCH RẮC
P02/A: BƠM TÁCH CÁT - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: DỒNG HỒ DO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
PH-01: ĐẦU DO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CH
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM ĐL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM ĐL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
THIẾT BỊ DƯỚI MẶT BÊ

© 2004 Blackwell Publishing Ltd

CN-01

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRÊN MẶT BÈ



CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CÂN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BÉ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÓNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SONG CHÂN RÁC
- RTR: RƠ TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CÁT - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHIUAY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHIUAY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHIUAY BỂ TẠO BÓNG
- M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
- P06/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHIUAY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHIUAY HÓA CHẤT
- DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÙN
- P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÙN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 034.6286.3582 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIẤM ĐỐC:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
Đ. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

NGÔ HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

Leang laan

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

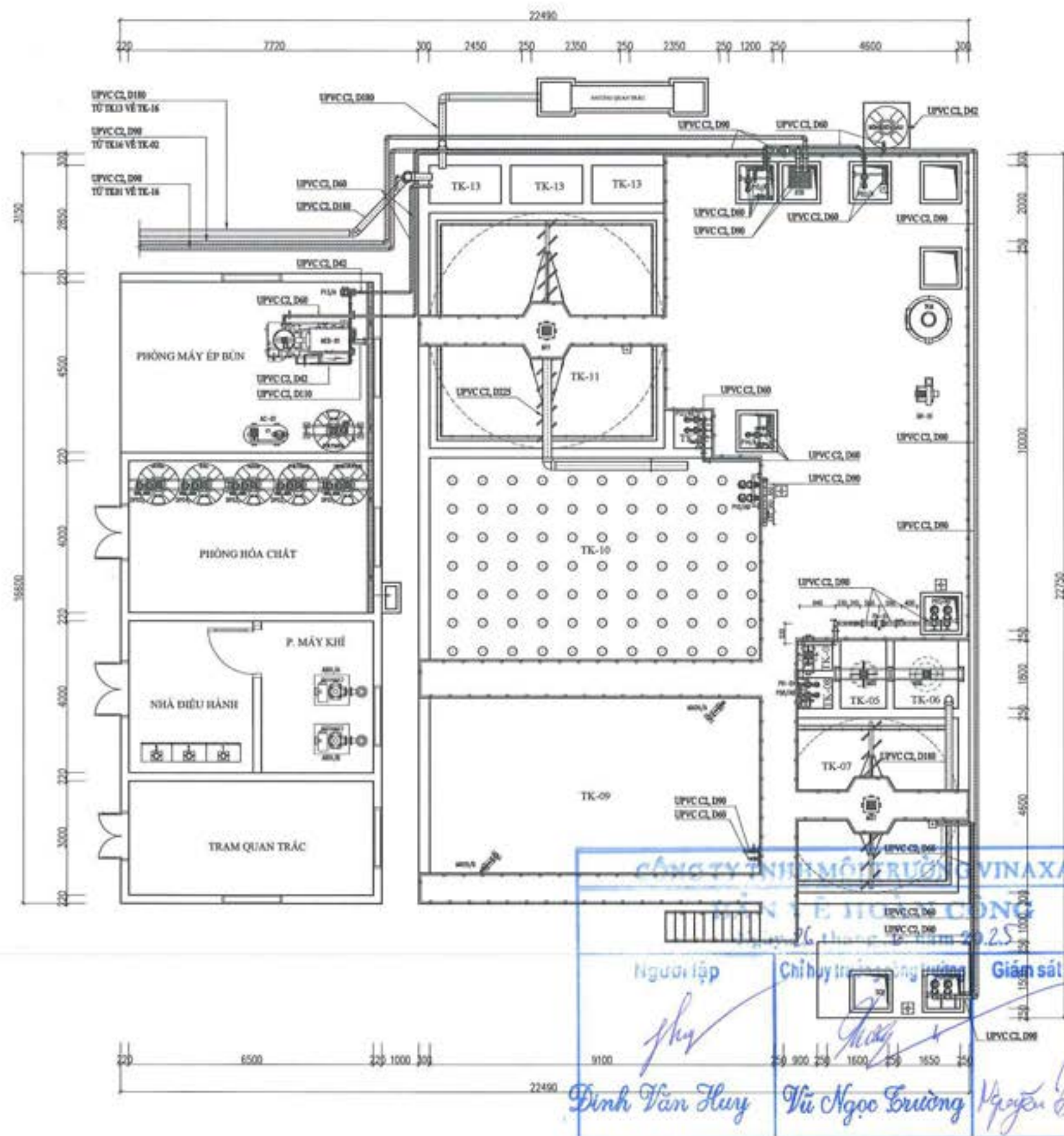
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
THIẾT BỊ TRÊN MẶT BÈ

MÀNG HOÀN THIỆN

SỐ HỒ SƠ BẢN VẼ

CN-05

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC TRÊN MẶT BÊ



CHỦ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÒA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIỆU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SONG CHẶN RÁC
- RTR: RƠ TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHUẤY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIỆU KHÍ
- M11: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ
- MC01,02,03,04,05,06,07: MOTOR KHUẤY HÒA CHẤT
- DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÒA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
- P13/A: BƠM RỬA BẰNG TÁI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1603 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

(Signature)
NGUYỄN HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

(Signature)
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

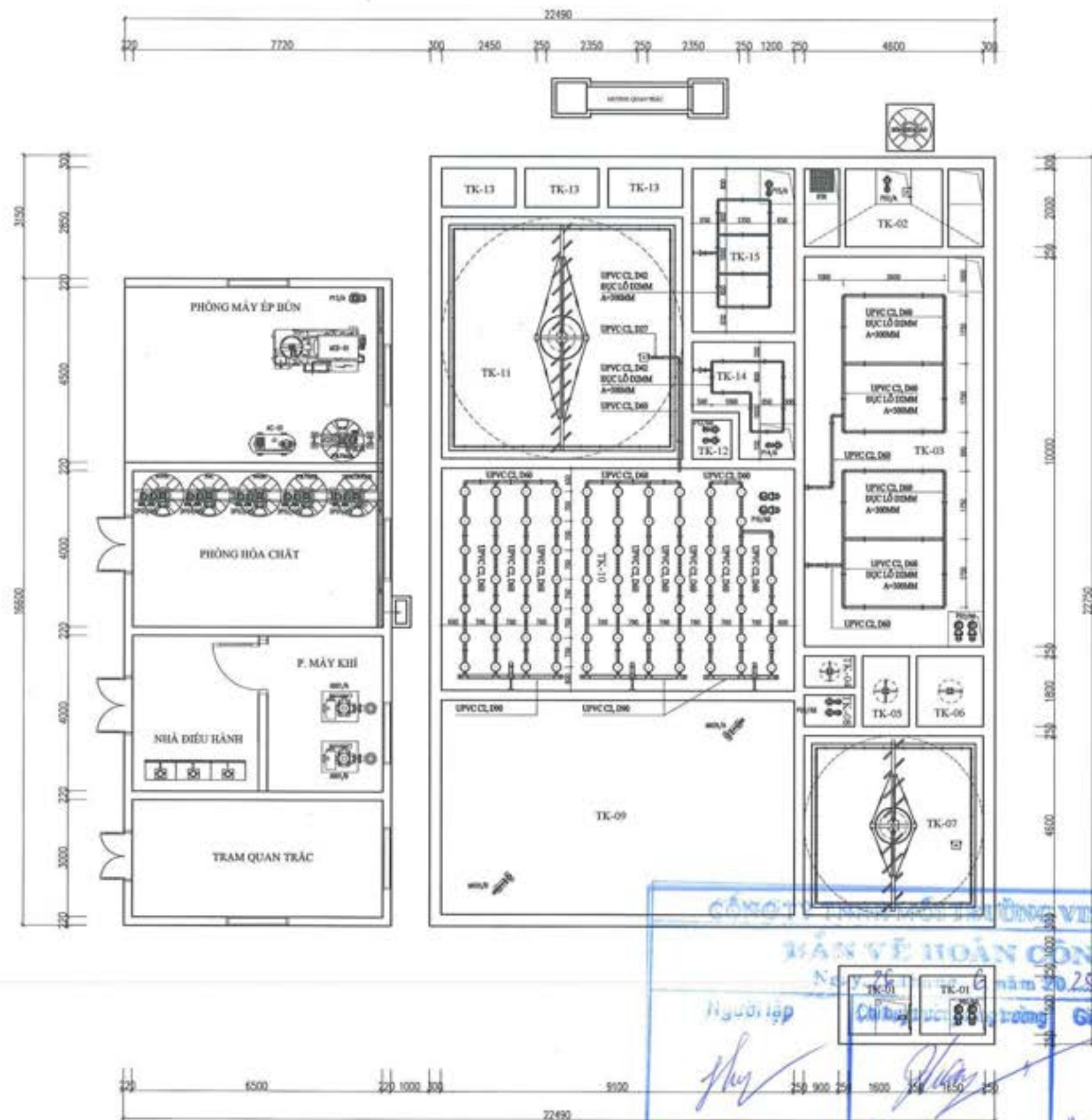
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC
TRÊN MẶT BÊ

NGÀY HOÀN THÀNH

SỐ NỘI BẢN VẼ

CN-07

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ DƯỚI MẶT BÈ



CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SONG CHẶN RÁC
- RTR: RO TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHUẤY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
- DP01/02/03/04/05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
- P13/A: BƠM RỬA BĂNG TÁI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - Hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIẤM ĐỌC:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
Đ. LA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

NGÔ HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

Signature

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

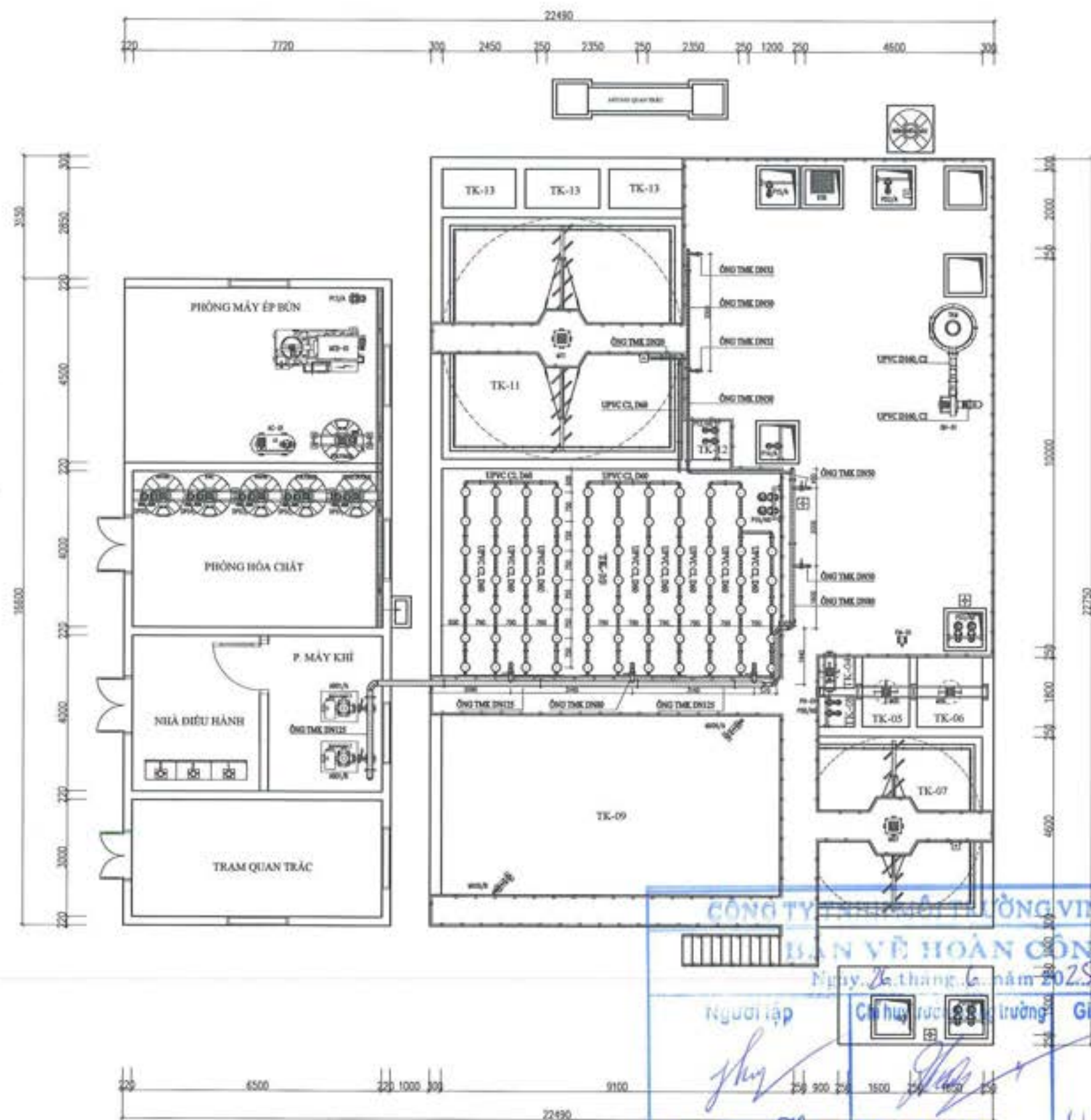
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ
DƯỚI MẶT BÈ

MÀU BỐN THANG

MÔ HÌNH BẢN VẼ

CN-08

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ TRÊN MẶT BÊ



CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SÔNG CHÂN RÁC
- RTR: RỌ TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHIUẨY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHIUẨY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHIUẨY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHIUẨY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GAT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHIUẨY HÓA CHẤT
- DP01/02/03/04/05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
- P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Người lập: *Đinh Văn Hưng*
 Chủ trì: *Vũ Ngọc Trường*
 Giám sát chủ đầu tư: *Nguyễn Đại Quang*

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 300M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Công Vĩ, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 034.6386.1682 - hotline: 0966.871.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIẤM ĐỌC:

(Signature)
NGUYỄN HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

(Signature)
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

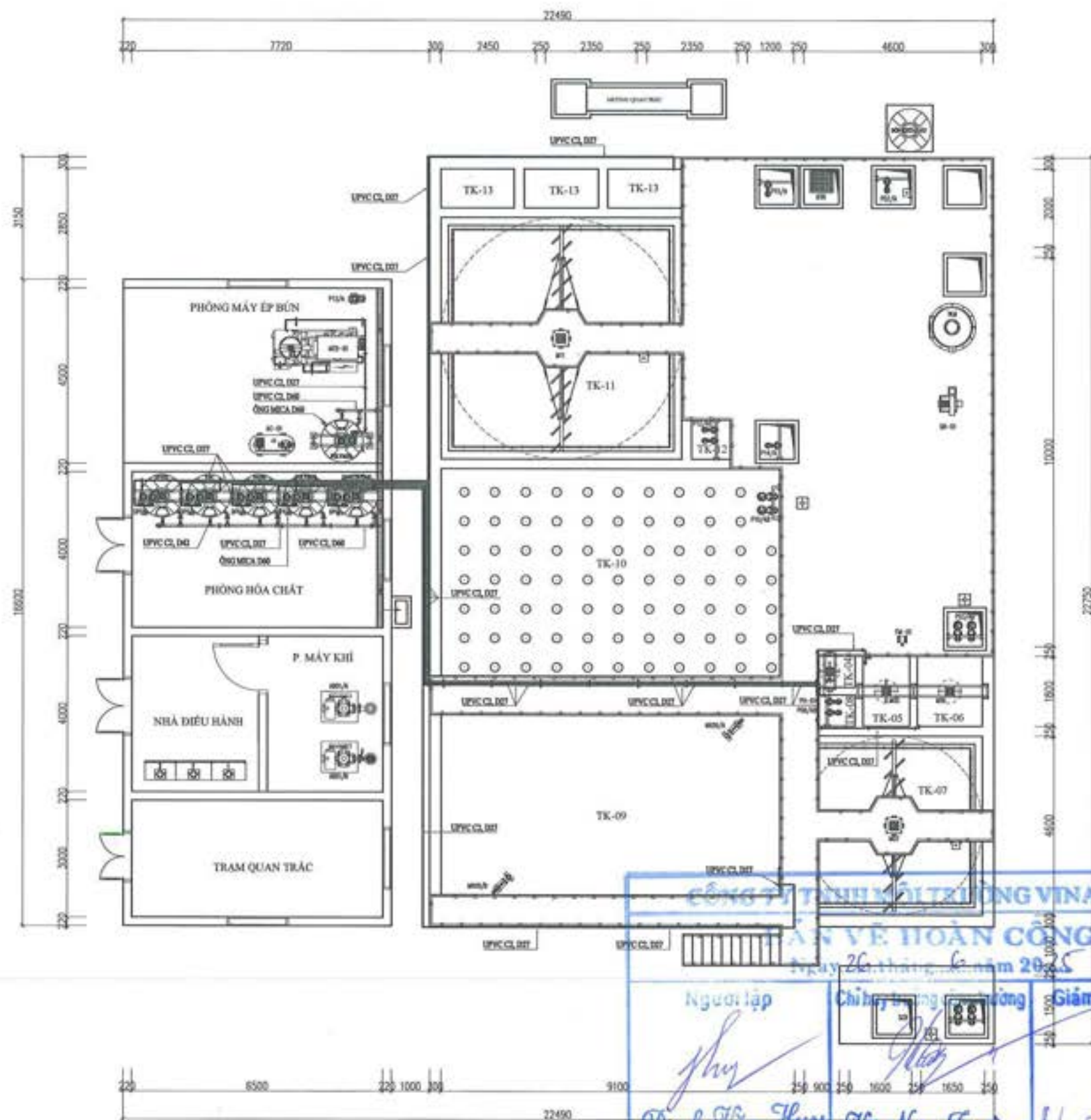
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ
TRÊN MẶT BÊ

Máy in bản vẽ

Số nội bản vẽ

CN-09

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống HÓA CHẤT



CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÒA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SÔNG CHÂN RÁC
- RTR: RƠ TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHUẤY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÒA CHẤT
- DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÒA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
- P13/A: BƠM RỬA BẢNG TÀI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6285.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

(Signature)
NGÔ HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

(Signature)
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

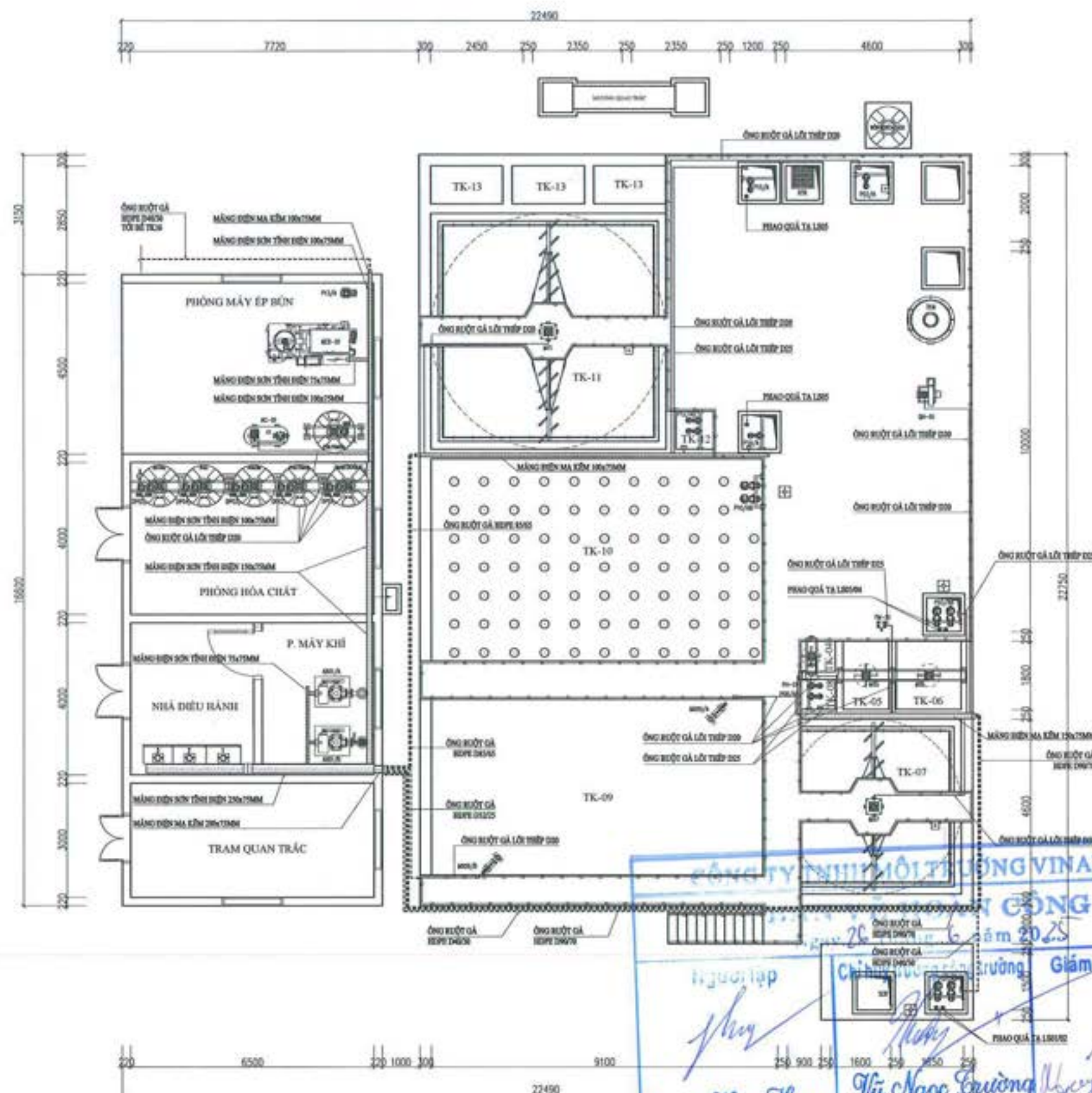
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ống HÓA CHẤT

Ngày xuất bản

Số nội bản vẽ

CN-10

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN



CHỦ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BÈ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SONG CHẤN RẮC
- RTR: RƠ TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
- PIE-01: ĐẦU DO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- PT04: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
- DP01/02/03/04/05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
- P13/A: BƠM RỬA BẢNG TẢI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
- P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Linh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1687 - Hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.vn
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM PỨ HẠM
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
H. Đ. B. Đ. H. TP. HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

Công ty TNHH Môi Trường VINAXANH

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

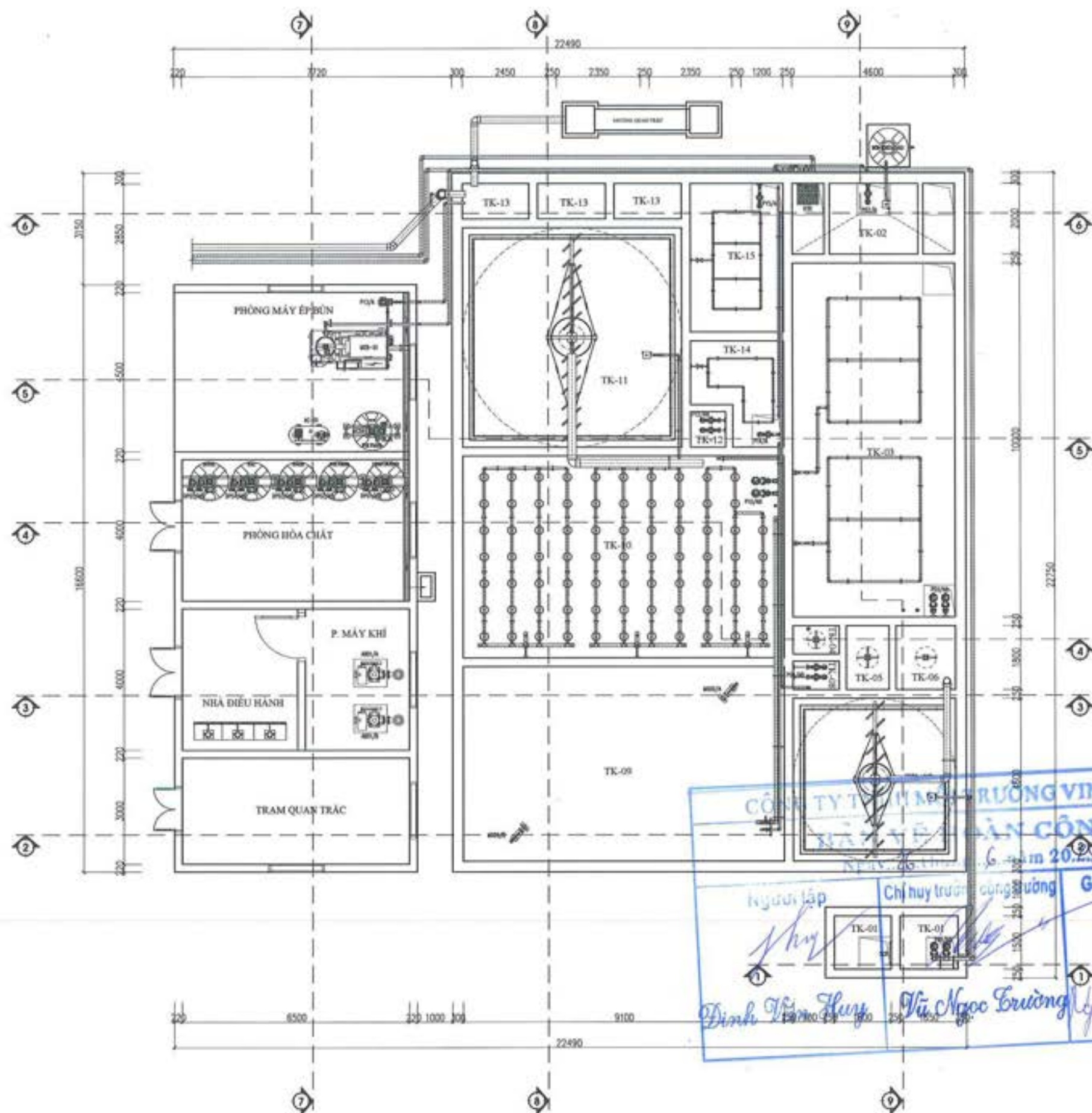
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN

HOẠT ĐỘNG

SỐ HIỆU BẢN VẼ

CN-11

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ DƯỚI MẶT BÊ



CHÚ THÍCH:

- TK-01: BỂ THU GOM.
- TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
- TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
- TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
- TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
- TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
- TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
- TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.
- TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
- TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
- TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
- TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
- TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
- TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
- TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
- TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
- SCR: SONG CHẶN RÁC
- RTR: RO TÁCH RÁC
- P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
- P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
- FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
- M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
- M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ
- PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
- M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
- M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
- P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
- MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÈM BỂ THIỂU KHÍ
- P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
- M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
- P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC
- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
- P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
- MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
- DP01/02/03/04/05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
- AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÙN
- P13/A: BƠM RỬA BẢNG TẢI
- DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÙN
- PH06/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Lang, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6285.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
Đ. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ
DƯỚI MẶT BÊ

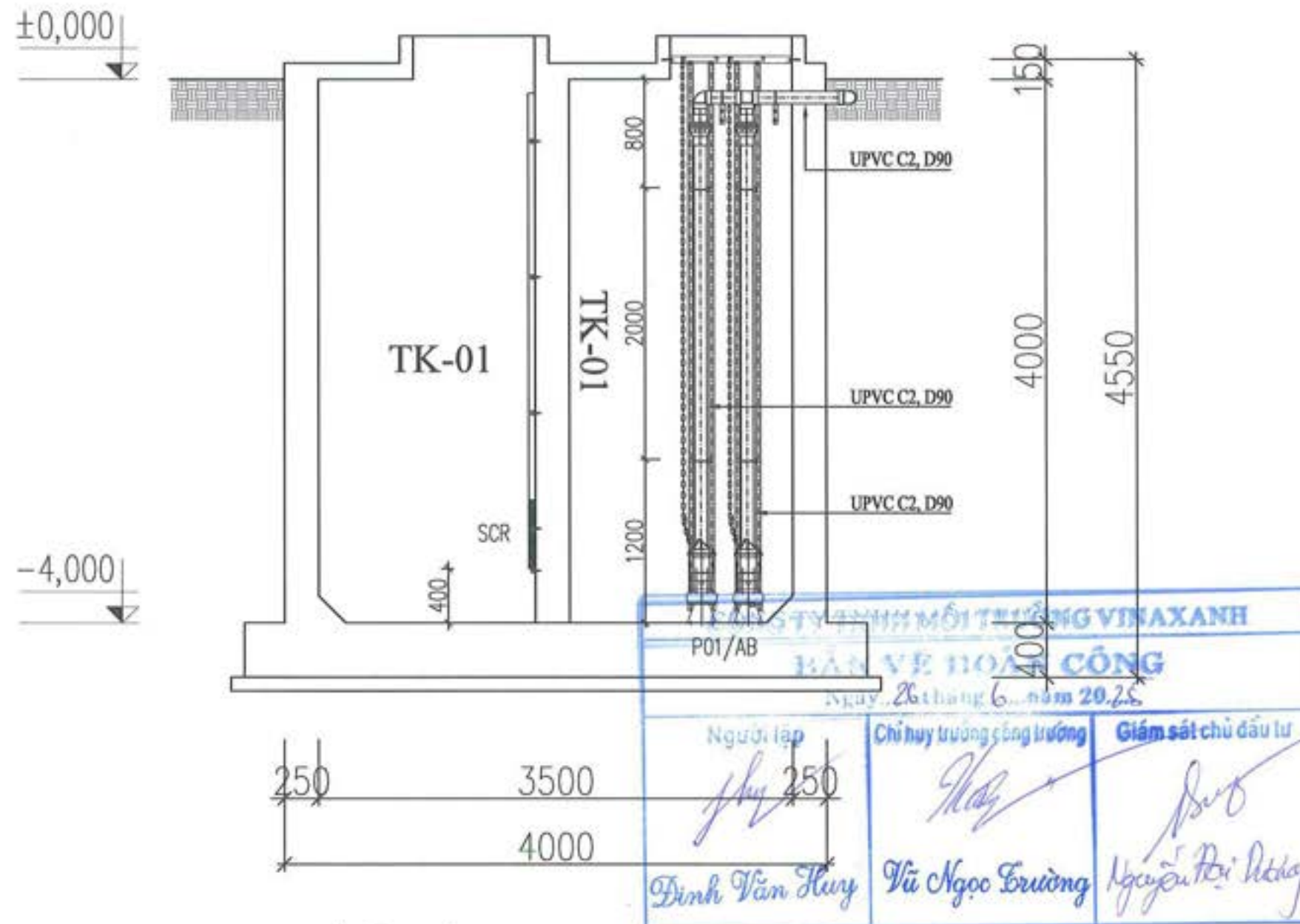
NGÀY BAN HÀNH

SỐ NHÛNG BẢN VẼ

CN-12

NGÀY BAN HÀNH	SỐ QUYỀN HÀNH
	CN-13

MẶT CẮT 1-1



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - ĐẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BỂ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÓNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÒA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ.

TK-09: BỂ THIẾU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SÔNG CHẤN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

PH-01: ĐẦU DO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÓNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIẾU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÒA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM ĐL HÒA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM ĐL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 034.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

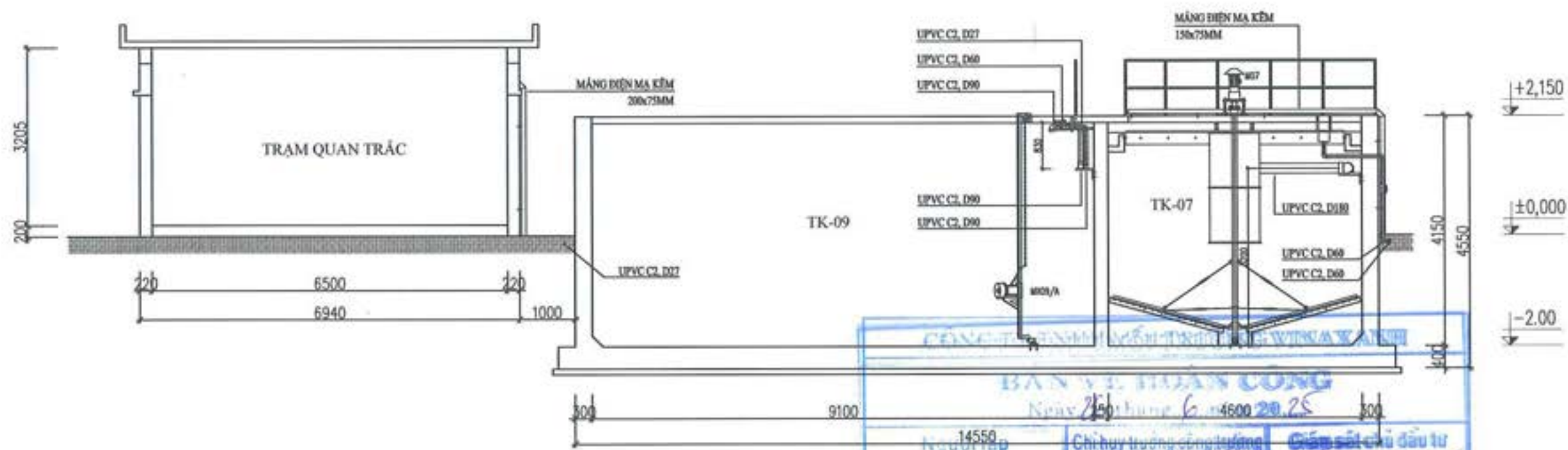
GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ĐOÀN BÌNH - TP HÀ NỘI
NGUYỄN ĐOÀN BÌNH

KỸ THUẬT:
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT 1-1

NGÀY HOÀN THIỆN: SỐ MẪU BẢN VẼ:
CN-14

MẶT CẮT 2-2



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BỂ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CÁT - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

Đinh Văn Hury Vũ Ngọc Trường Nguyễn Hải Nguyên

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Linh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

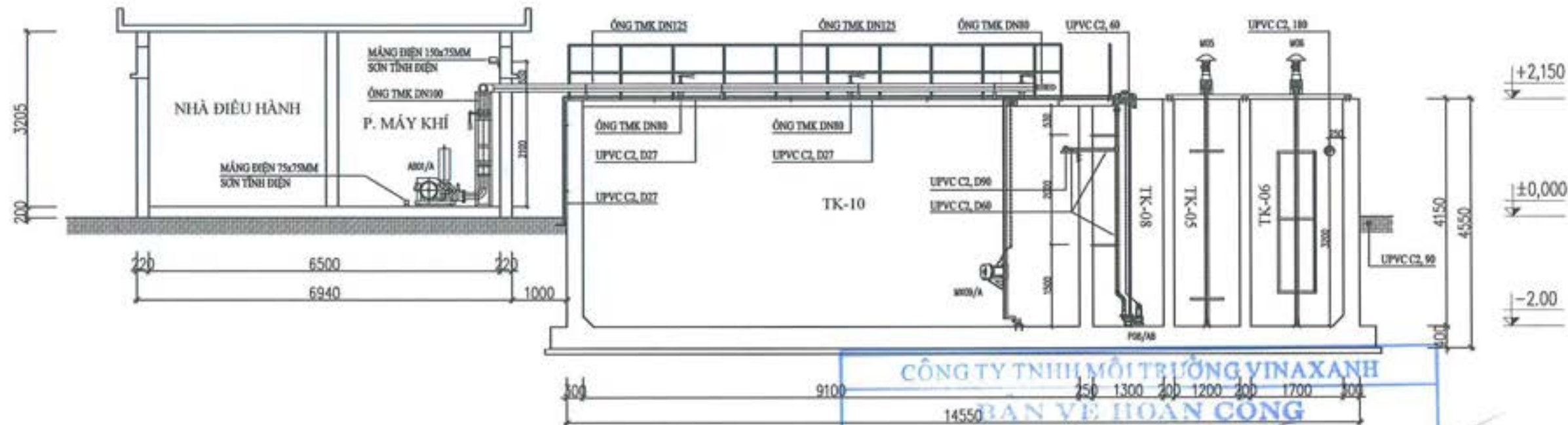
GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT 2-2

HOẠT ĐỘNG: SỐ NỘI BẢN VẼ
CN-15

MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Người lập

Chỉ huy trưởng công trường

Giám sát chủ đầu tư

Đinh Văn Huy
Đinh Văn Huy

Vũ Ngọc Trường
Vũ Ngọc Trường

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BÉ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÓNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIỆU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÓNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIỆU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Cổ Nhuế, Q. Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.886
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

Nguyễn Văn Hùng
NGUYỄN VĂN HÙNG

KỸ THUẬT:

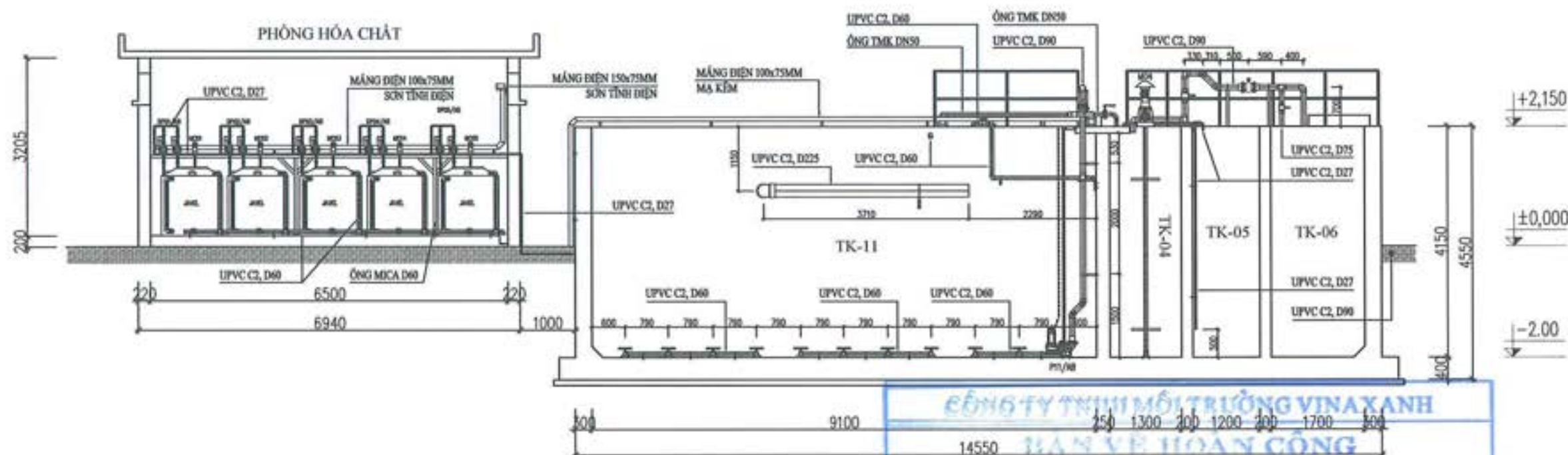
Lương Văn Luân
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT 3-3

MÀNG MÀN TRẮNG
SỐ MÀN SẮC VẼ
CN-16

MẶT CẮT 4-4



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BÈ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÚNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ DO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

PH-01: ĐẦU DO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH
ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

Ngày: 26 tháng 6 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng công trường	Giám sát chủ đầu tư
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Đinh Văn Hưng	Vũ Ngọc Trường	Nguyễn Đức Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Cổ Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

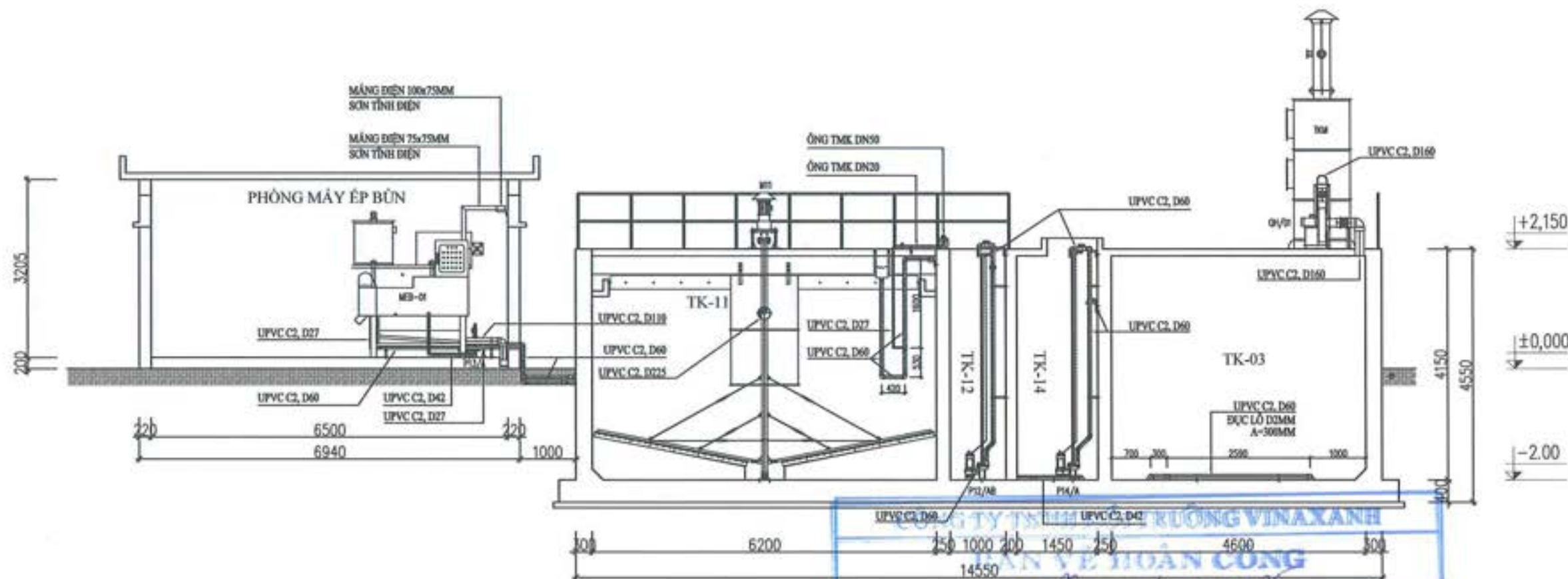
GIÁM ĐỐC:
[Signature]
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT 4-4

MÁY HOÀN THIỆN
SỐ HIỆU BẢN VẼ
CN-17

MẶT CẮT 5-5



CHÚ THÍCH:

- | | |
|----------------------------|------------------------------|
| TK-01: BÊ THU GOM. | TK-09: BÊ THIẾU KHÍ. |
| TK-02: BÊ TÁCH CẶN - DẦU. | TK-10: BÊ HIẾU KHÍ. |
| TK-03: BÊ ĐIỀU HÒA. | TK-11: BÊ LẮNG SINH HỌC. |
| TK-04: BÊ PHẢN ỨNG. | TK-12: BÊ TÁCH BÚN SINH HỌC. |
| TK-05: BÊ BÊ KEO TỤ. | TK-13: BÊ KHỬ TRÙNG. |
| TK-06: BÊ TẠO BÓNG. | TK-14: BÊ CHỨA BÚN SINH HỌC. |
| TK-07: BÊ LẮNG HÓA LÝ. | TK-15: BÊ CHỨA BÚN HÓA LÝ. |
| TK-08: BÊ TÁCH BÚN HÓA LÝ. | TK-16: HỒ SỰ CỎ |

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

- P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SÔNG CHẤN RẮC
RTR: RỌ TÁCH RẮC
P02/A: BƠM TÁCH CẮT - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TU

- PH-01: DẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÙN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIỂU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÙN SINH HỌC

- P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỐ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM :

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ :
Số 348 Linh Lang, P. Cống Vị, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1632 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIẢI ĐỌC:


 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MÔI TRƯỜNG
 ĐÔ THỊ HÀ NỘI
 04 Đ. ĐINH - TP. HÀ NỘI
 NGUYỄN HỒNG CẨM

KỸ THUẬT :


LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ :

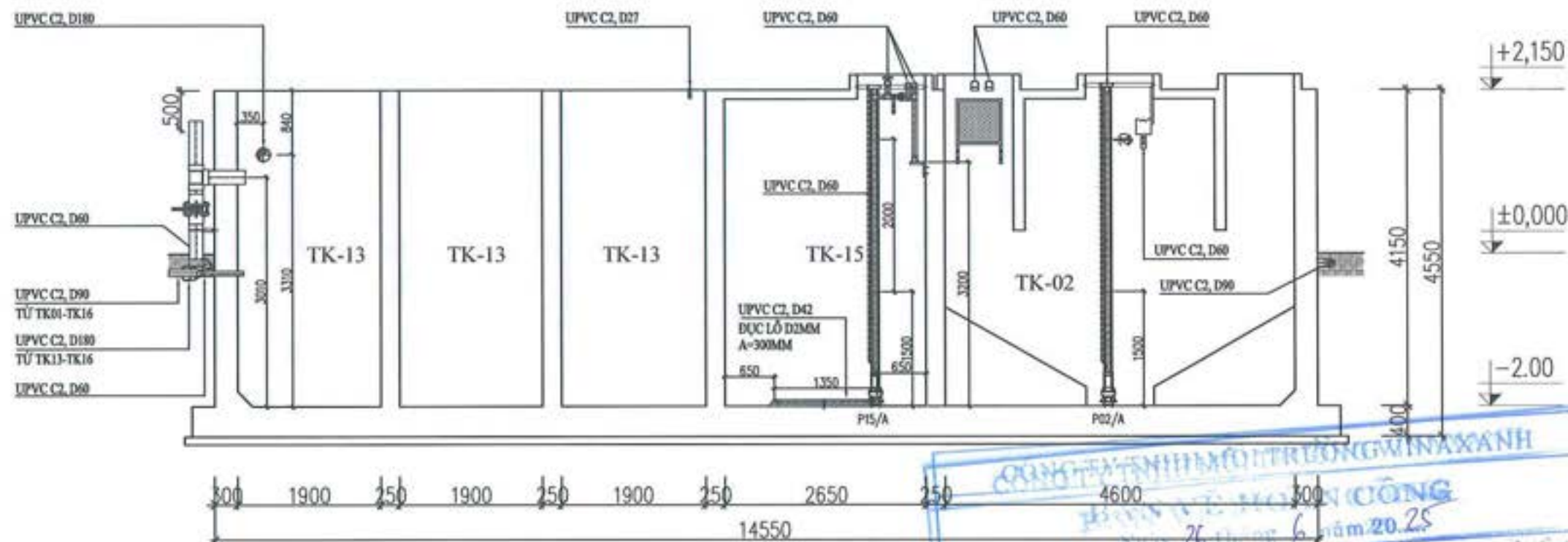
MẶT CẮT 5-5

NOTES

all authors

CN-18

MẶT CẮT 6-6



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BÉ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẮN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ DO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH
HÀNH VIỆT MÔI TRƯỜNG CÔNG
Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng công trường	Giám sát chủ đầu tư
Đinh Văn Hury	Vũ Ngọc Trường	Nguyễn Bảo Đình

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Nam, P. Cổ Nhuế, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: 024.6296.1802 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
HÀ NỘI - TP HÀ NỘI
NGO HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT 6-6

Ngày in bản vẽ	Số hiệu bản vẽ
	CN-19

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 300M³/NGÀY ĐÊM



Address/Địa chỉ :
Số 34B Linh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinacash.net
Email: info.vinacash@gmail.com


NGÔ HỒNG CẨM


LƯƠNG VĂN LỮ

MẮT CẮT 7-7

all employees

CN-20

Architectural cross-section drawing of a wastewater treatment plant building. The drawing shows three main rooms: **PHÒNG MÁY ÉP BÚN** (Sludge Dewatering Machine Room), **PHÒNG HÓA CHẤT** (Chemical Room), and **P. MÁY KHÍ** (Aeration Machine Room), followed by a **TRẠM QUAN TRẮC** (Control Station). The building has a total width of 16600mm and a total height of 4200mm. Various components are labeled, including electrical panels (MĂNG ĐIỆN), pipes (UPVC, ống mica), and machinery (MEB-01, P. MÁY KHÍ). Dimensions for room widths and heights are provided along the bottom and left sides.

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÓNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

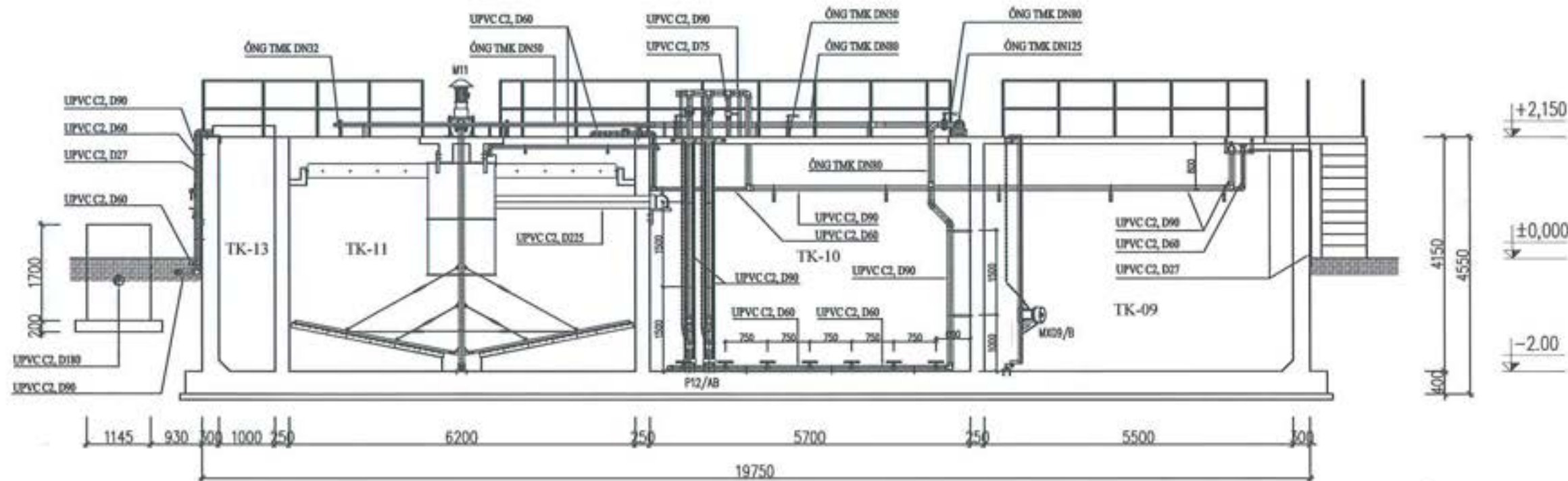
TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIỂU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

SCR: SONG CHÂN RẮC
RTR: RỌ TÁCH RẮC
P02/A: BƠM TÁCH CÁT - CẦN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

M06: MOTOR KHUẤY BÉ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÙN BÉ LÃNG
P08/AB: BƠM BÉ TÁCH BÙN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BÉ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIỂU KHÍ
M11: MÔTƠ GẠT BÙN BÉ LÃNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÙN SINH HỌC

P15/A: BƠM BÊ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHIUẨY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TẢI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

MẶT CẮT 8-8



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIỆU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỐ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ DO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: 24 tháng 6 năm 2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trường	Giám sát chủ đầu tư
PH-01: DẤU ĐO PH ONLINE M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG P08/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ	<i>[Signature]</i> Tổ Công Trường	P14/A: BƠM BẾ CHỨA BÚN SINH HỌC P15/A: BƠM BẾ CHỨA BÚN HÓA LÝ MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT DP01/02/03/04/05/AB: BƠM ĐIỀU HÒA CHẤT AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN P13/A: BƠM RỬA BẢNG TẢI DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỐ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 300M3/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 148 Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Đa Định, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - Hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
NOO HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

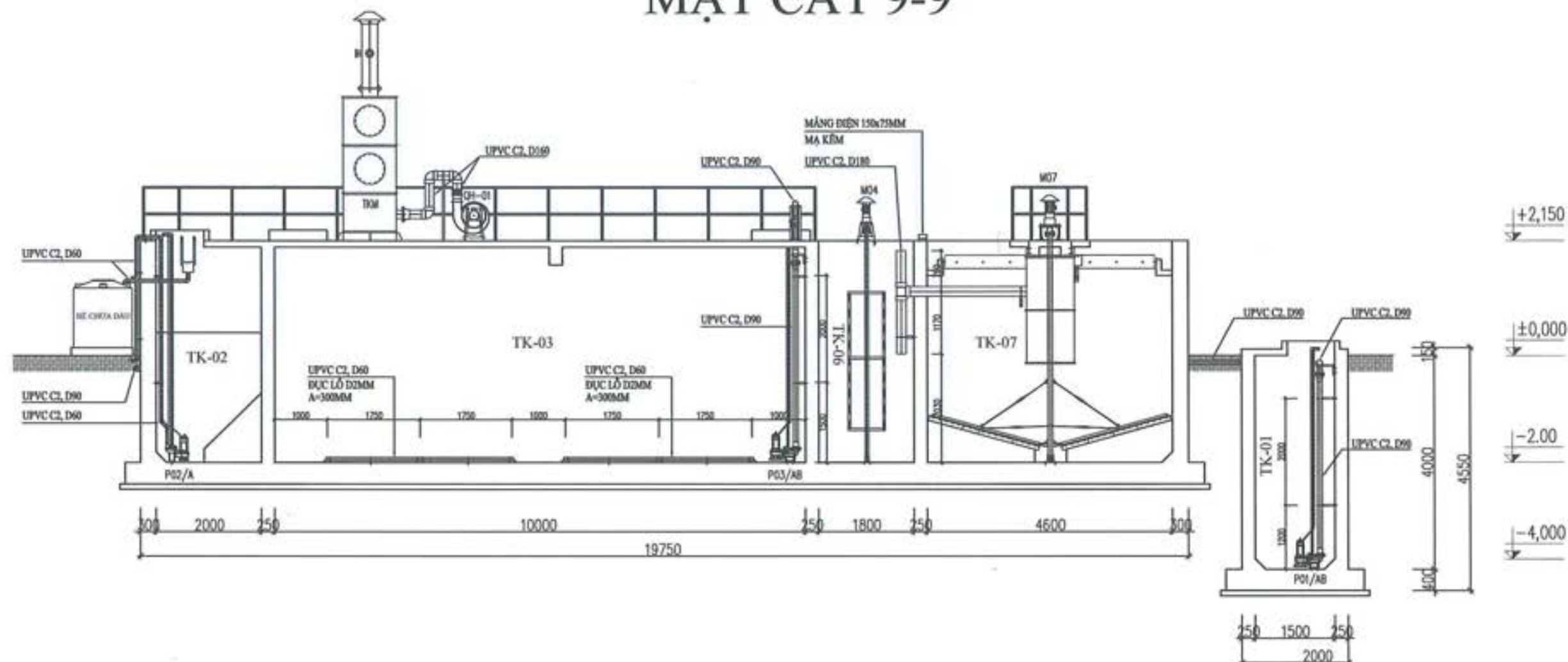
[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT 8-8

MÃ SỐ BẢN VẼ	SỐ MỤC BẢN VẼ
	CN-21

MẶT CẮT 9-9



CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM.
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU.
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA.
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG.
TK-05: BỂ BẾ KEO TỤ.
TK-06: BỂ TẠO BÔNG.
TK-07: BỂ LẮNG HÓA LÝ.
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ.

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ.
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ.
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC.
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC.
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG.
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC.
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ.
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RƠ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày: 26 tháng 6 năm 2025

Người lập: *[Signature]*
Chủ trì: *[Signature]*
Kiểm tra: *[Signature]*
Thẩm định: *[Signature]*
Phê duyệt: *[Signature]*

PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÓA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TÁCH BÚN HÓA LÝ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÓA LÝ
MC01/02/03/04/05/06/07: MOTOR KHUẤY HÓA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM ĐL HÓA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BĂNG TÁ
DP06/A: BƠM ĐL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 340 Linh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - Hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
NGÔ HỒNG CẨM

KÝ THUẬT:

[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT 9-9

HOẠT ĐỘNG: *[Blank]* SỐ MẪU BẢN VẼ: CN-22

CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ TẠI HỒ SỰ CỎ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 300M3 NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 148 Lĩnh Nam, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÔNG VI
CÁI LẠNH - TP HÀ NỘI
NGÔ HỒNG CẨM

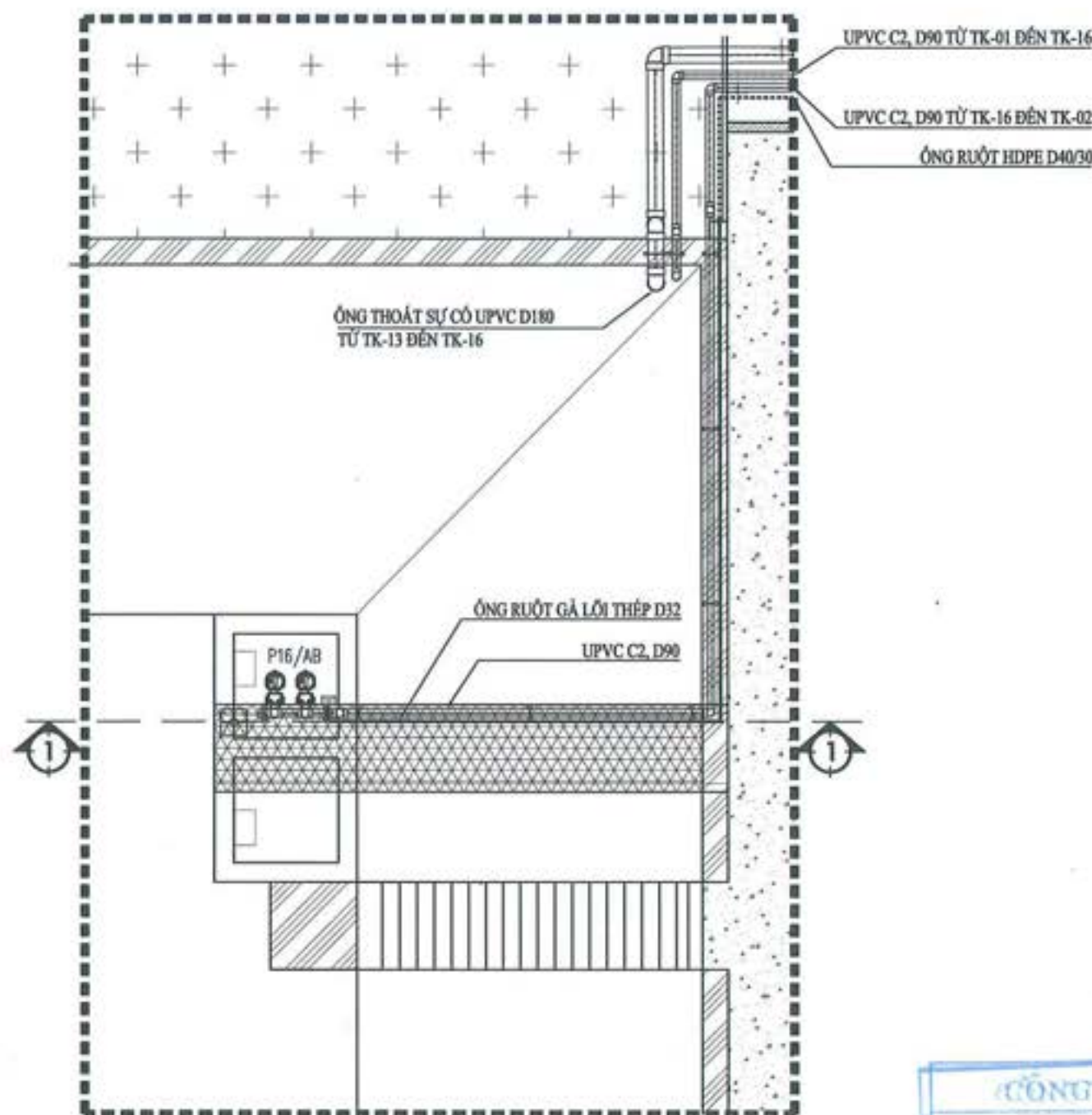
KỸ THUẬT:

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ
TẠI HỒ SỰ CỎ

Ngày hoàn thành: số hiệu bản vẽ:
CN-23



MẶT BẰNG

CHÚ THÍCH:

TK-01: BỂ THU GOM
TK-02: BỂ TÁCH CẶN - DẦU
TK-03: BỂ ĐIỀU HÒA
TK-04: BỂ PHẢN ỨNG
TK-05: BỂ BÈ KEO TỤ
TK-06: BỂ TẠO BÔNG
TK-07: BỂ LẮNG HÒA LÝ
TK-08: BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ

TK-09: BỂ THIỂU KHÍ
TK-10: BỂ HIẾU KHÍ
TK-11: BỂ LẮNG SINH HỌC
TK-12: BỂ TÁCH BÚN SINH HỌC
TK-13: BỂ KHỬ TRÙNG
TK-14: BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
TK-15: BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ
TK-16: HỒ SỰ CỎ

KÝ HIỆU THIẾT BỊ

P01/AB: BƠM THU GOM
SCR: SONG CHẶN RÁC
RTR: RỌ TÁCH RÁC
P02/A: BƠM TÁCH CẶN - CẶN
P03/AB: BƠM ĐIỀU HÒA
FM-01: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG BỂ ĐIỀU HÒA
M04: MOTOR KHUẤY BỂ PHẢN ỨNG
M05: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ

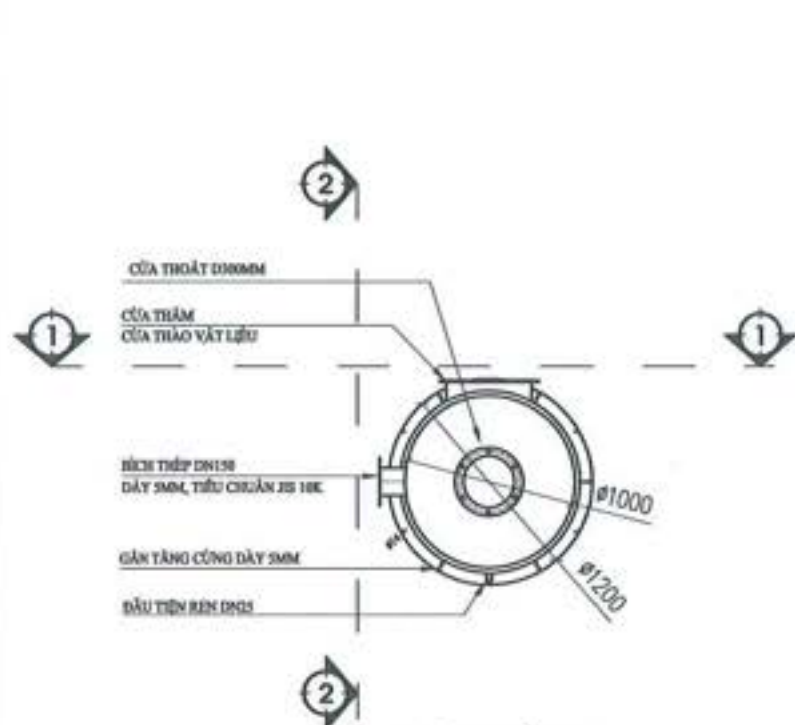


PH-01: ĐẦU ĐO PH ONLINE
M06: MOTOR KHUẤY BỂ TẠO BÔNG
M07: MOTOR KHUẤY BỂ LẮNG HÒA LÝ
P08/AB: BƠM BỂ TÁCH BÚN HÒA LÝ
MX09/AB: MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
P10/AB: BƠM TUẦN HOÀN HIẾU KHÍ
M11: MOTOR GẠT BÚN BỂ LẮNG SINH HỌC
P12/AB: BƠM TÁCH BÚN SINH HỌC

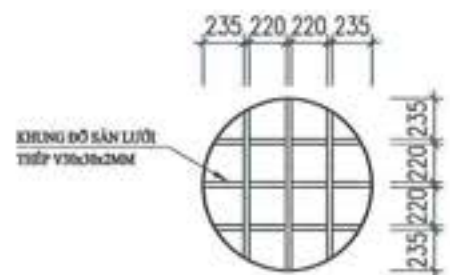
P14/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN SINH HỌC
P15/A: BƠM BỂ CHỨA BÚN HÒA LÝ
MC01,02,03,04,05,06,07: MOTOR KHUẤY HÒA CHẤT
DP01,02,03,04,05/AB: BƠM DL HÒA CHẤT
AC-01: MÁY NÉN KHÍ, MEB-01: MÁY ÉP BÚN
P13/A: BƠM RỬA BẰNG TÁI
DP06/A: BƠM DL POLYMER MÁY ÉP BÚN
P16/AB: BƠM HỒ SỰ CỎ

CHIT TIẾT THÉP KHỬ MÙI

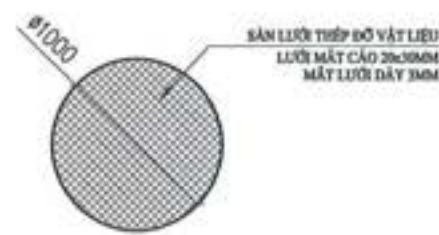
SỐ LƯỢNG: 1 BỘ



MẶT BẰNG

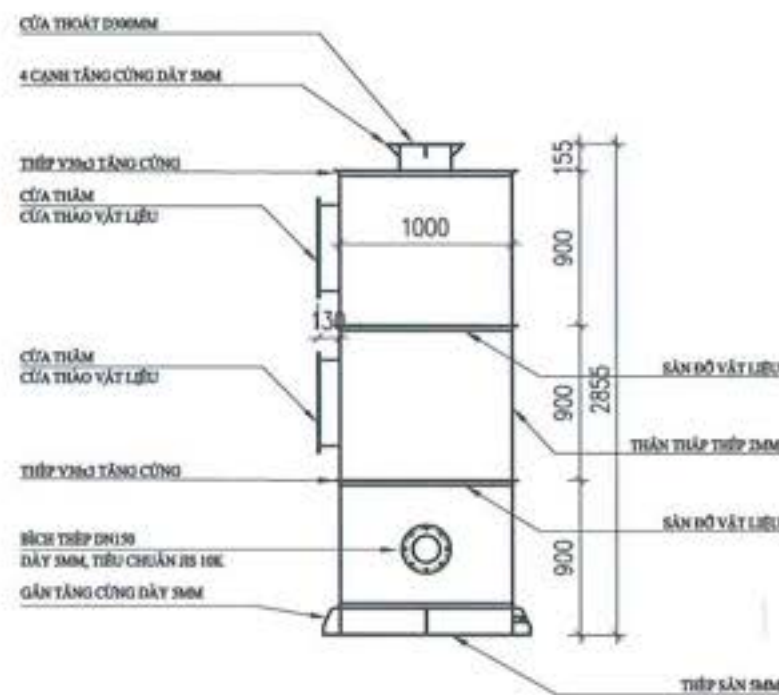


MẶT BẰNG KHUNG SÀN ĐỖ VẬT LIỆU

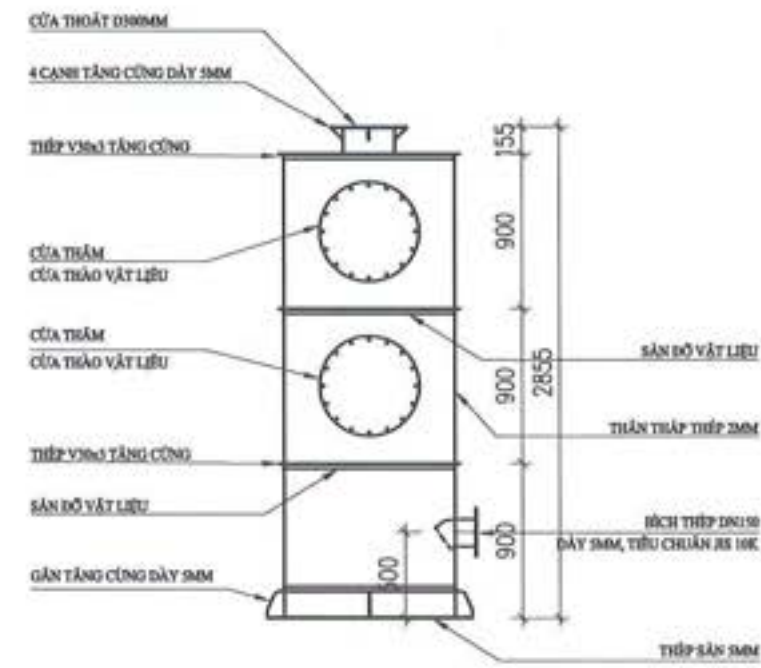


MẶT BẰNG SÀN LƯỚI ĐỖ VẬT LIỆU

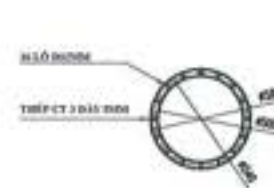
LƯU Ý: THÂN THÁP LÀM BẰNG THÉP CT3 DÀY 2MM
THÁP ĐƯỢC SƠN PHỦ EXPOXY
KHI VẬN CHUYỂN PHẢI BỌC NILON TRÁNH XƯỚC SƠN



MẶT CẮT 1-1



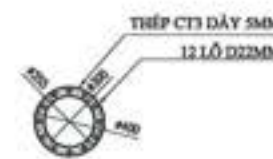
MẶT CẮT 2-2



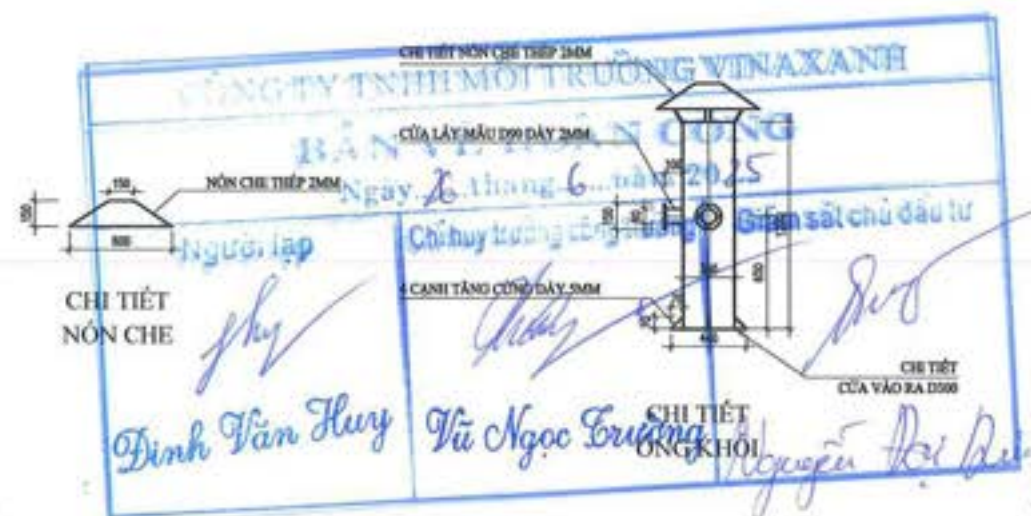
CHI TIẾT CỬA THÂM
SL: 2 CÁI



CHI TIẾT CỬA THOÁT KHÍ RA D300



CHI TIẾT CỬA LẤY MẪU



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 348 Lĩnh Lang, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 034.6296.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

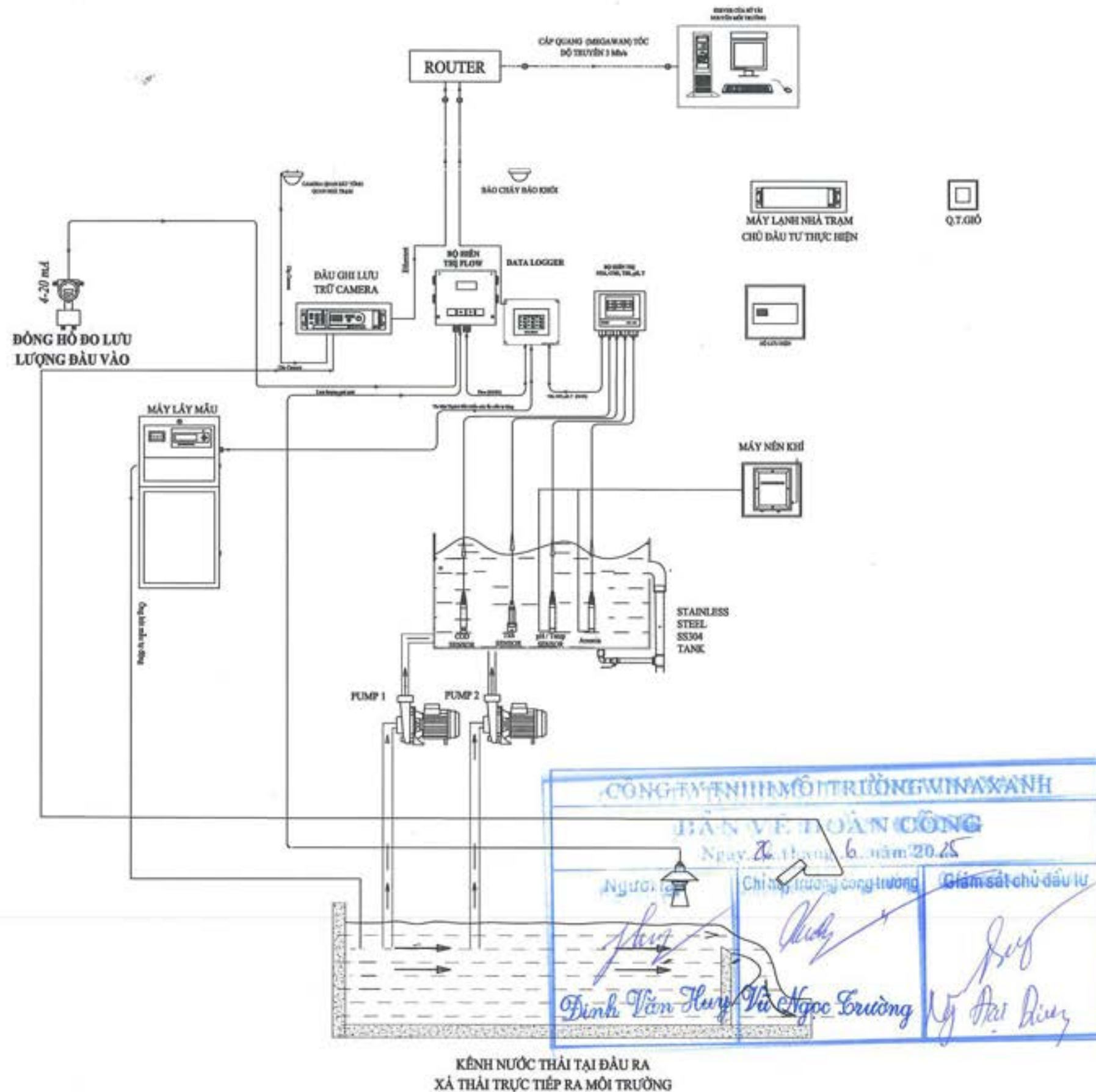
GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
VINAXANH
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
LƯƠNG VĂN LUÂN

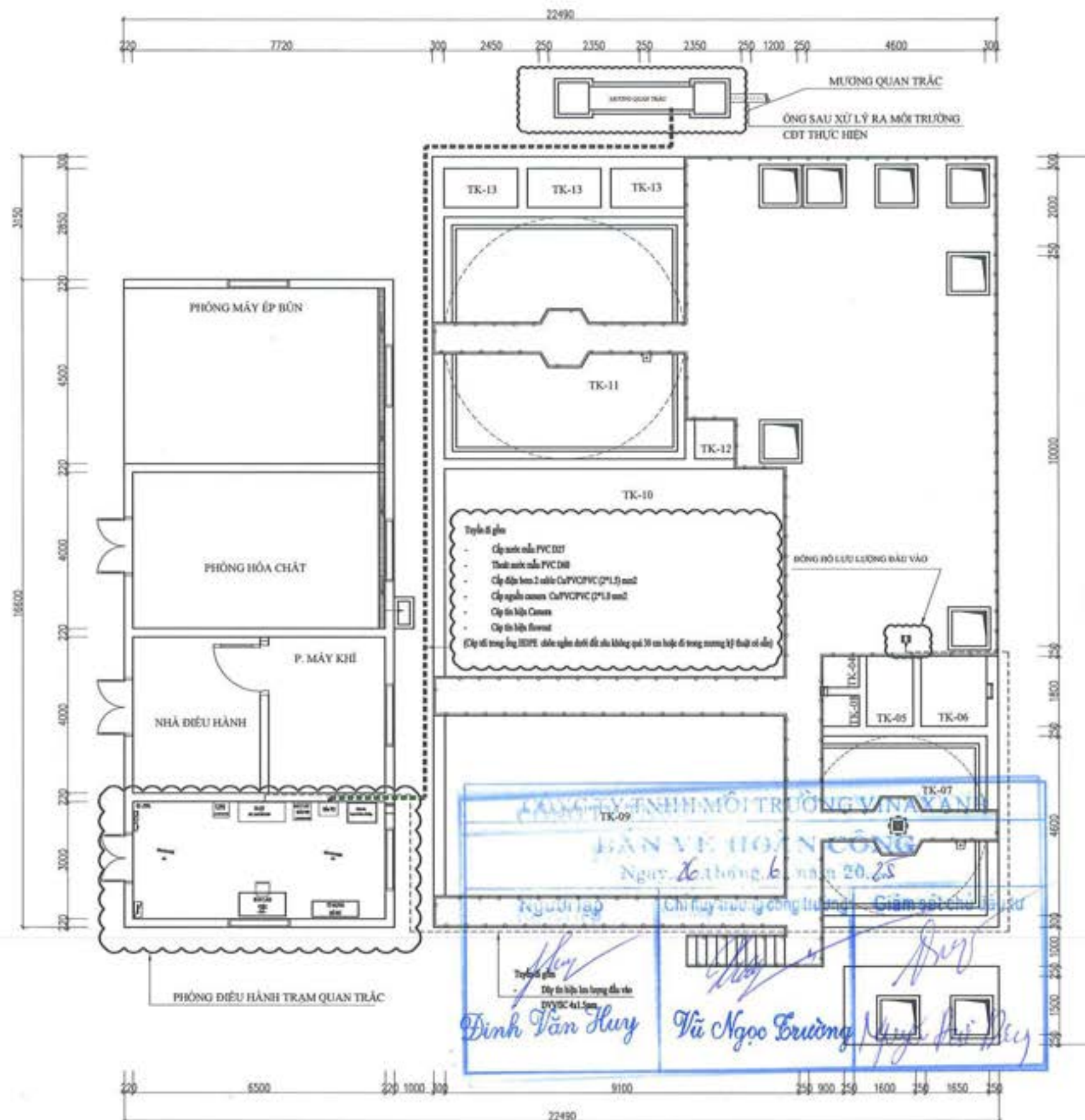
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CƠ KHÍ
THÁP KHỬ MÙI

THUYẾT MINH BẢN VẼ
SỐ NỘI BẢN VẼ
CK-18

HẠNG MỤC V: TRẠM QUAN TRẮC ONLINE



QT-02



MẶT BẰNG BỐ TRÍ NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM QUAN TRẮC

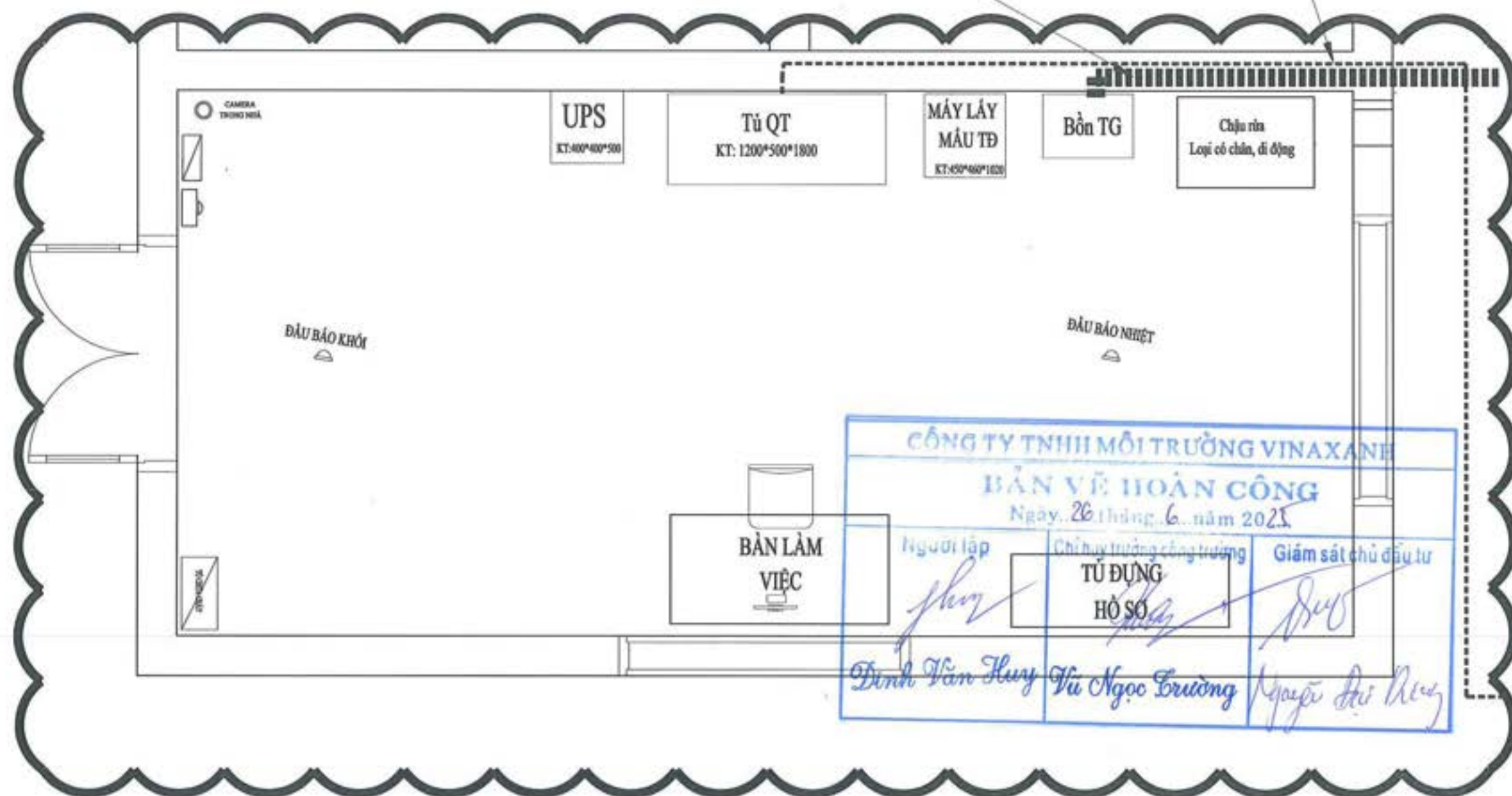
Tuyến đi gồm

- Cấp nước mẫu PVC D27
- Thoát nước mẫu PVC D60
- Cấp điện bơm 2 cable Cu/PVC/PVC (2*1.5) mm2
- Cấp nguồn camera Cu/PVC/PVC (2*1.0 mm2)
- Cấp tín hiệu Camera
- Cấp tín hiệu flowout

(Cấp tín hiệu trong ống HDPE chôn ngầm dưới đất sâu không quá 30 cm hoặc đi trong mương kỹ thuật có sẵn)

Tuyến đi gồm

- Dây tín hiệu lưu lượng đầu vào
- DVV/SC 4x1.5mm



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM :

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3 NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Địa chỉ :
Số 34B Lĩnh Nam, P. Cộng VL, Q. Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1013 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC :

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
VINAXANH
HÀ NỘI - TP. HÀ NỘI

NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT :

Signature

LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ :

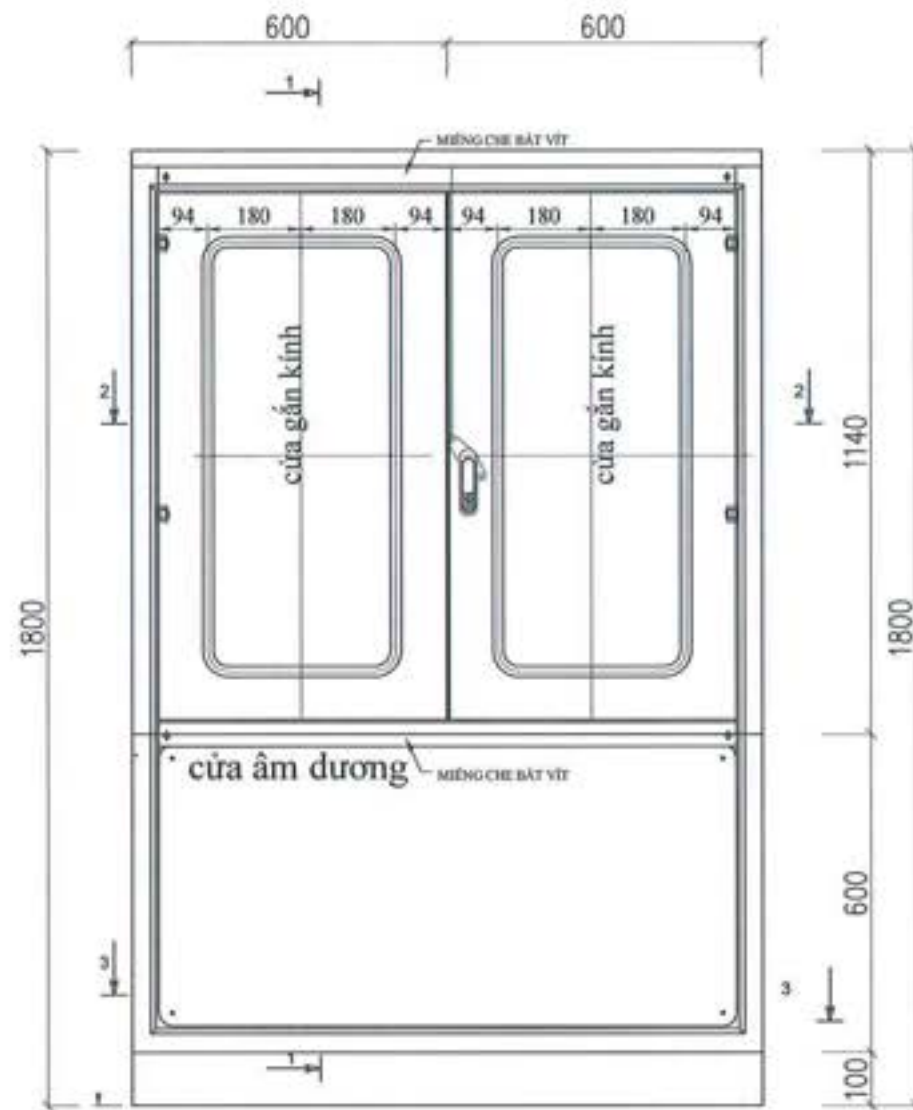
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
NHÀ ĐIỀU HÀNH
TRẠM QUAN TRẮC

MÃ SỐ BẢN VẼ

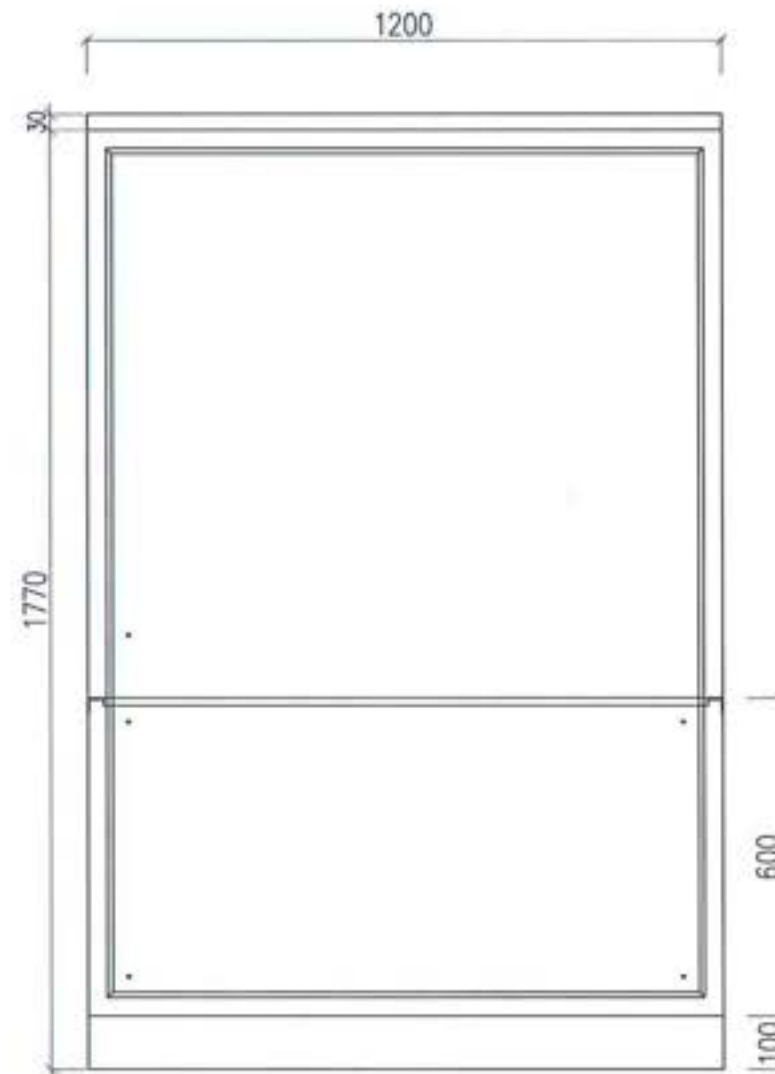
SỐ NỘI BẢN VẼ

QT-03

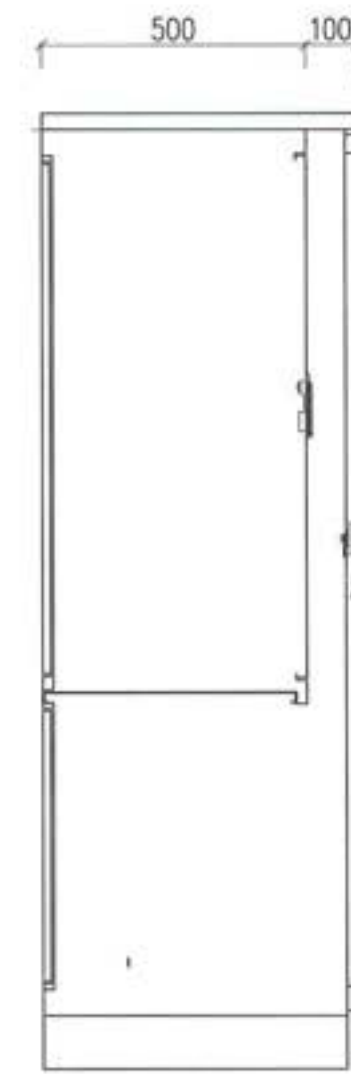
BV TỦ ĐIỆN



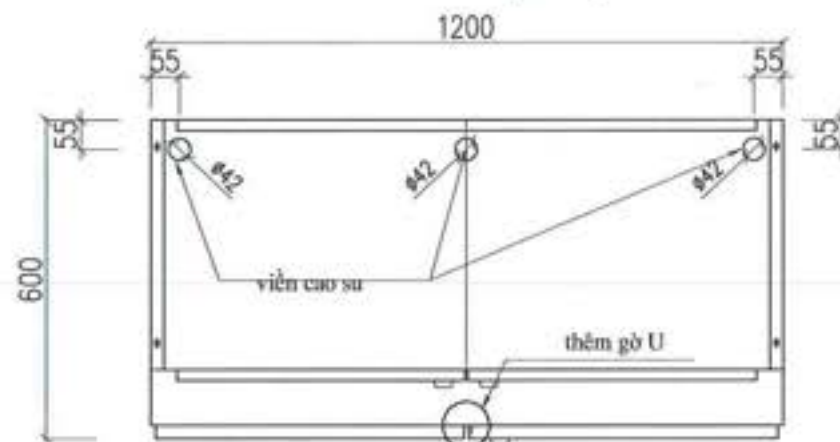
MẶT NẠ



TẦM ĐỂ THIẾT BỊ



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3
CHI TIẾT TẦM ĐỂ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ:
Số 34B Lĩnh Nam, P. Cộng Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.vn
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

(Signature)
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:

(Signature)
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:

TỦ QUAN TRÁC

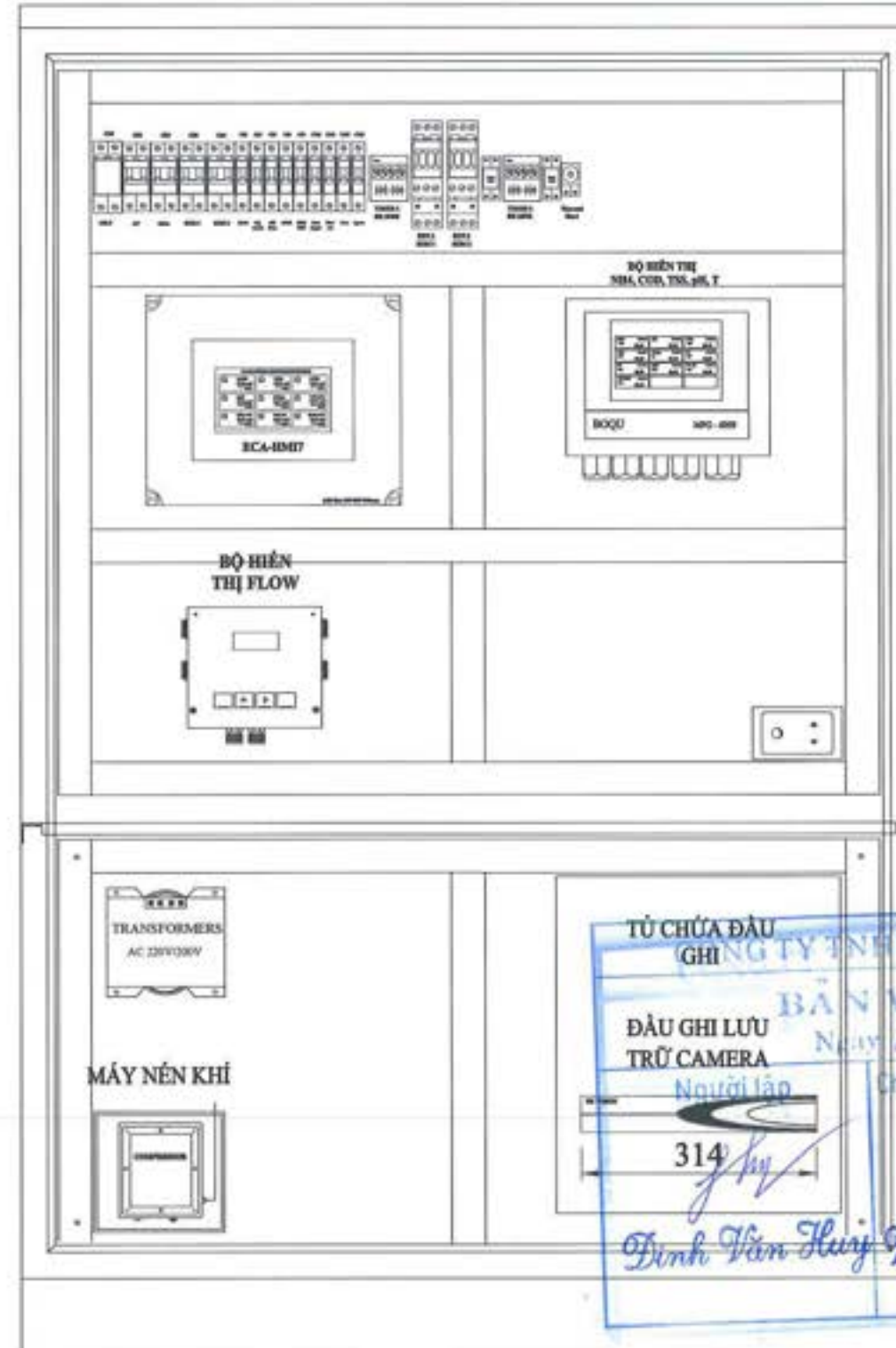
HỌ TÊN THÀNH VIÊN	SỐ BIỆT BẢN VẼ
	QT-04

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRÊN TỦ QT

1200

30

1770



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Người lập: *[Signature]*

Chỉ huy trưởng công trường: *[Signature]*

Giám sát chủ đầu tư: *[Signature]*

Dinh Văn Hùng và Ngọc Trường

Nguyễn Đại Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 5000M³/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/Địa chỉ:
Số 34B Linh Lang, P. Cổng Vẽ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1602 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

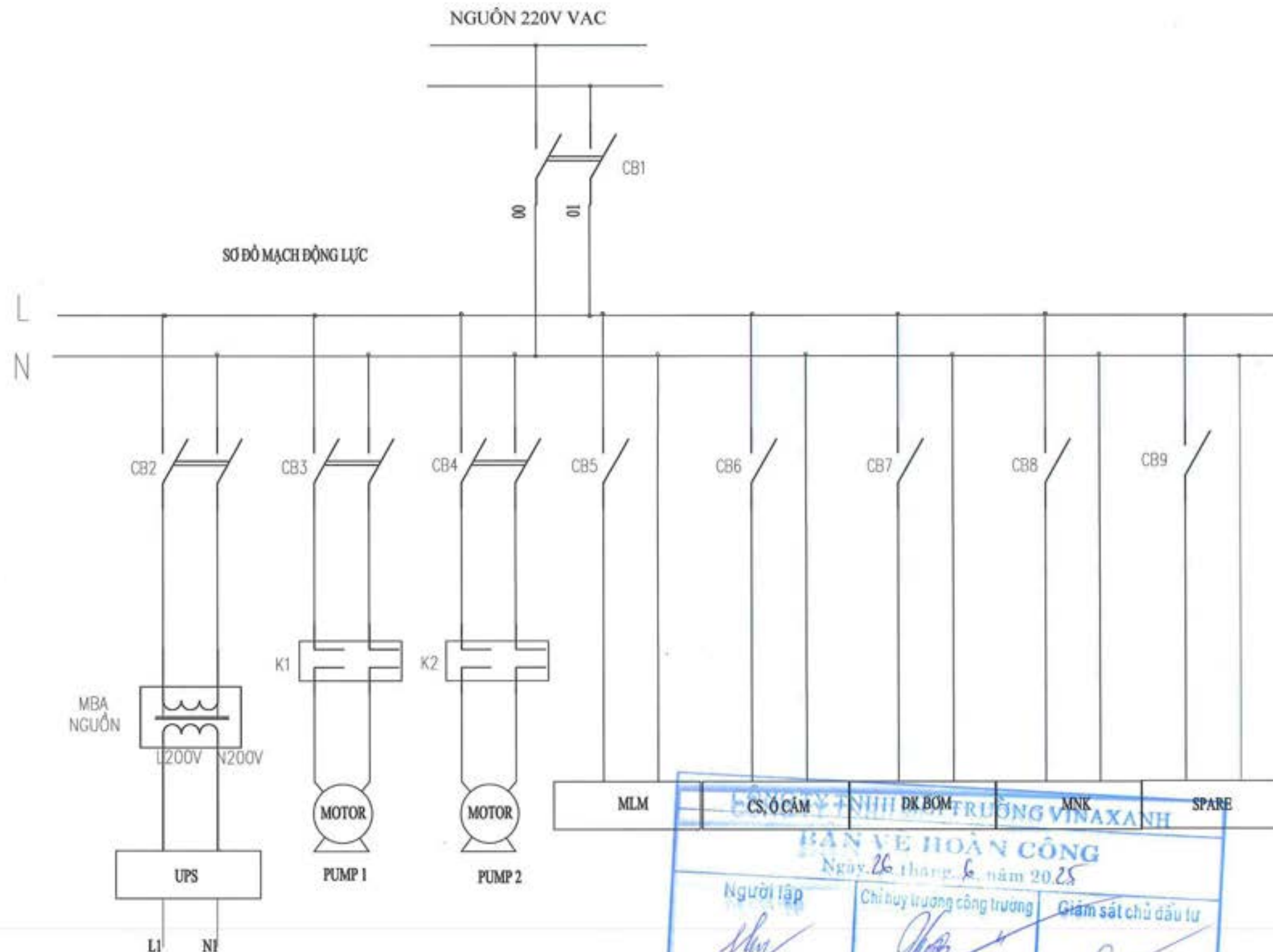
GIÁM ĐỐC:
[Signature]
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
THIẾT BỊ TỦ QUAN TRẮC

Ngày xuất bản: *[Blank]* Số hiệu bản vẽ: QT-05

SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng công trường	Giám sát chủ đầu tư
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Đinh Văn Huy	Vũ Ngọc Trường	Lý Đức Mạnh

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM:
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐỒNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN:
HỆ THỐNG XỬ LÝ MƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/Địa chỉ:
Số 340 Linh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

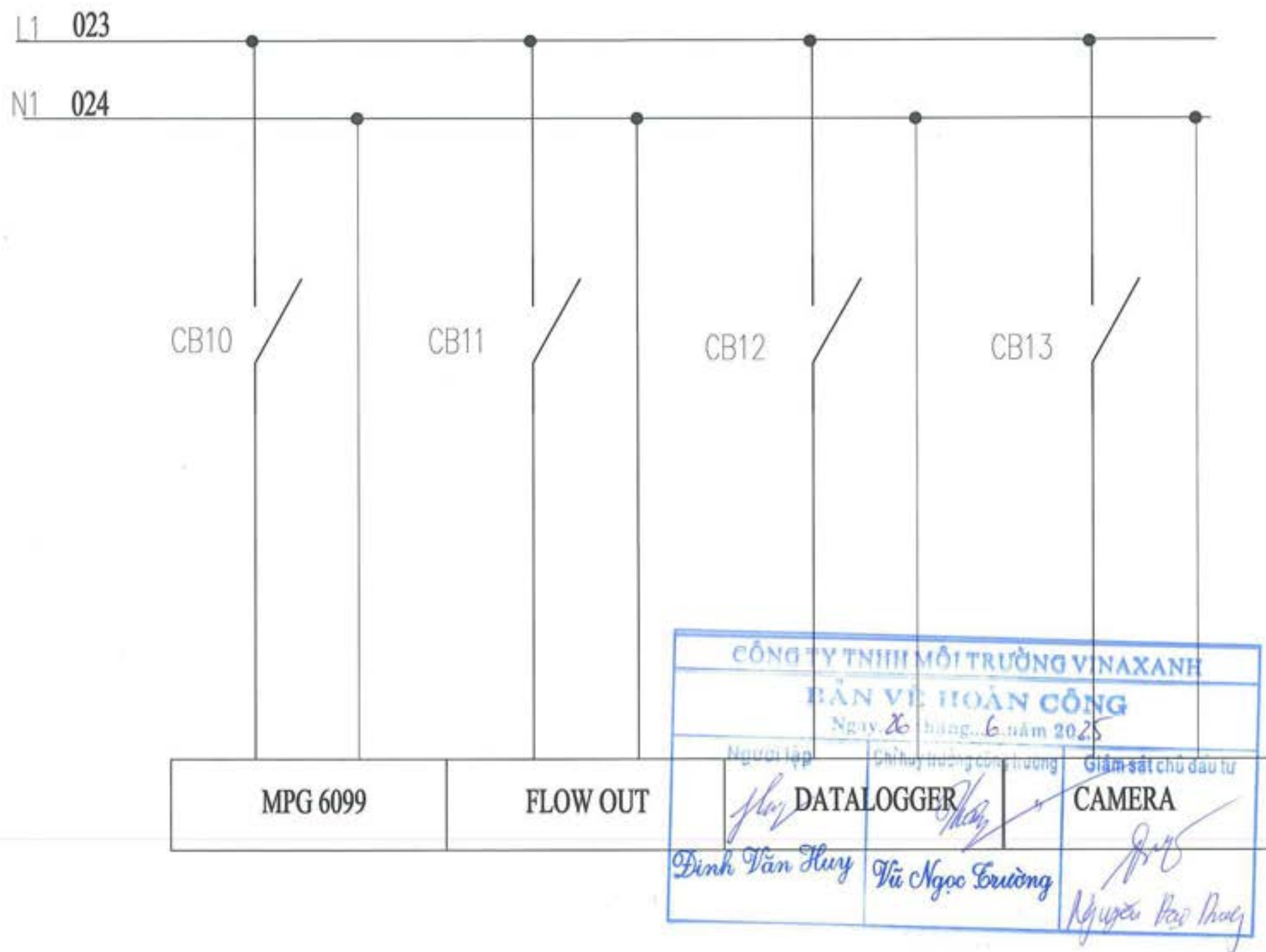
GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VINAXANH
[Signature]
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT:
[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC

NGÀY HOÀN THÀNH	SỐ MẸP BẢN VẼ
	QT-06

SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM :
CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN :
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 500M3/NGÀY ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ :
Số 34B Lĩnh Lang, P. Cổng Vĩ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1882 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.net
Email: info.vinaxanh@gmail.com

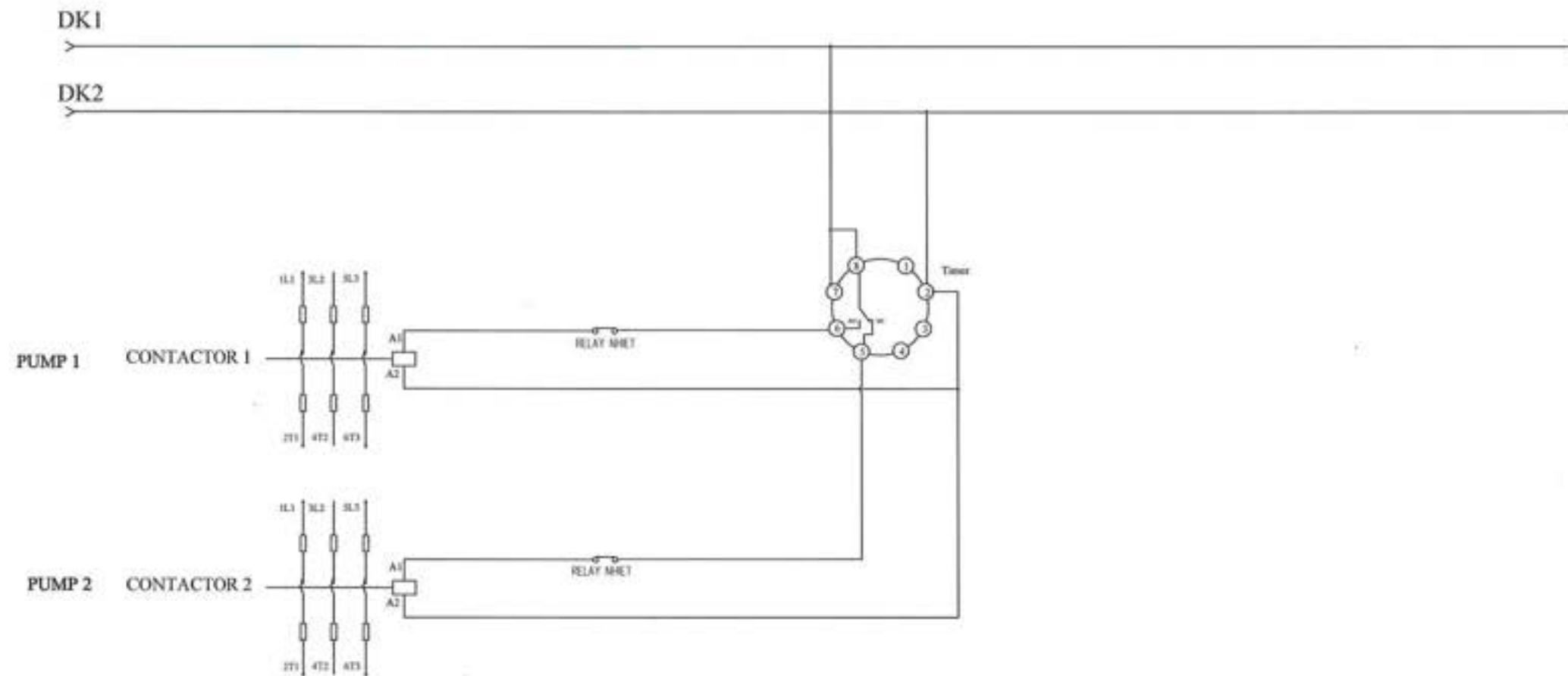
GIÁM ĐỐC :
[Signature]
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
024 ĐÌNH - TP HÀ NỘI
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT :
[Signature]
LƯƠNG VĂN LUÂN

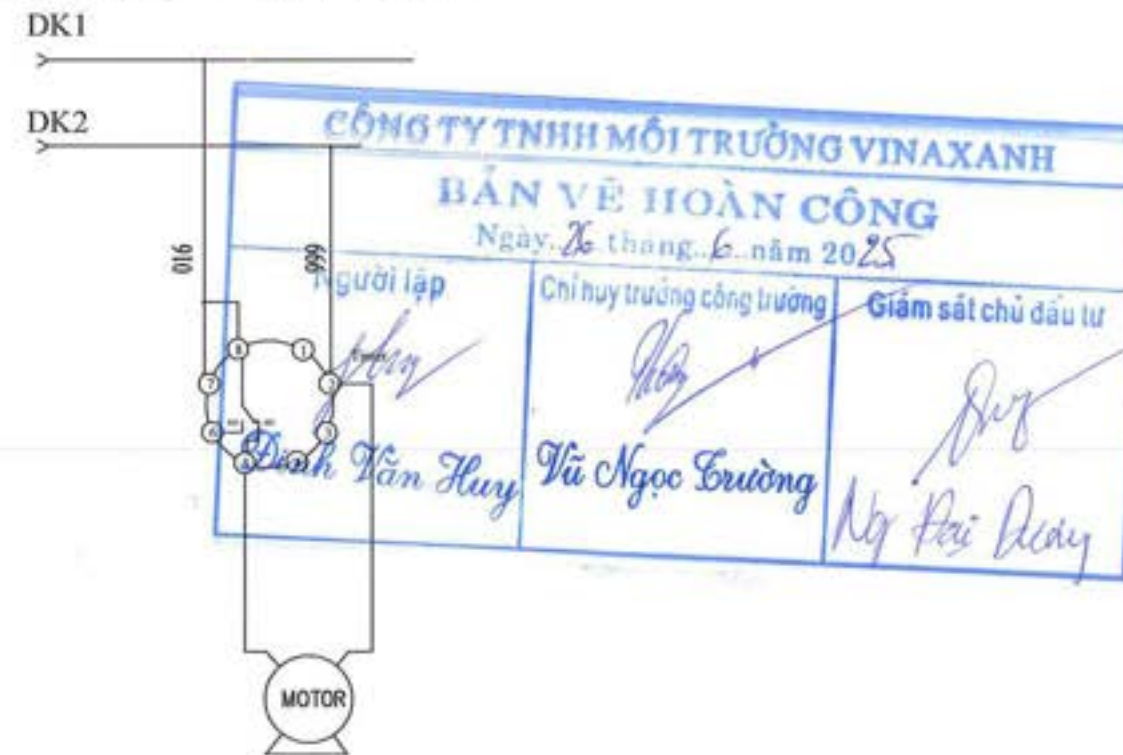
TÊN BẢN VẼ :
SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC

HOẠT ĐỘNG THAM	SỐ QUÂN BẢN VẼ
	QT-07

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN BƠM



SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN MNK



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
THANH BÌNH

ĐỊA ĐIỂM :

CCN THUY LÂM - XÃ THUY LÂM
HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI

DỰ ÁN :

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 300M3 NGÀY ĐỔM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
VINAXANH



Address/ Địa chỉ :
Số 54B Lĩnh Lang, P. Công Vi, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Tel: 024.6286.1682 - hotline: 0966.873.866
Website: www.vinaxanh.vn
Email: info.vinaxanh@gmail.com

GIÁM ĐỐC :

(Signature)
NGÔ HỒNG CẨM

KỸ THUẬT :

(Signature)
LƯƠNG VĂN LUÂN

TÊN BẢN VẼ :

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN

THAY BẢN TRẠNG
HỒ SƠ BẢN VẼ
QT-08

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

SỐ: 02/YCNT/TXLNT

Công trình: Trạm xử lý nước thải CCN Thụy Lâm- Đông Anh
Hạng mục: Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m³/ ngày đêm và hệ thống xử lý mùi
Địa điểm xây dựng: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

Đơn vị thi công đã hoàn thành công việc lắp đặt, sửa chữa, bảo trì đã tiến hành kiểm tra và nghiệm thu nội bộ đảm bảo yêu cầu thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đơn vị thi công đề nghị chủ đầu tư, nghiệm thu công việc như sau:

Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m³/ ngày đêm.

Thời gian nghiệm thu: 10h 00, ngày 20 tháng 6 năm 2025

ĐƠN VỊ THI CÔNG


Nguyễn Tuấn Khôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---0000---

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT
SỐ: 02 / NTCV/ TXLNT

Công trình: Trạm xử lý nước thải CCN Thụy Lâm- Đông Anh
Hạng mục: Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m³/ ngày đêm và hệ thống xử lý mùi
Địa điểm xây dựng: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m³/ ngày đêm.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

+ Ông: Nguyễn Đại Dương

Chức vụ: Chủ tịch

+ Ông:

Chức vụ:

2.2. Đại diện nhà thầu thi công: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

+ Ông: Nguyễn Tuấn Khôi

Chức vụ: GBT

+ Ông:

Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

+ Bắt đầu: 20/06 ngày 20 tháng 6 năm 2025

+ Kết thúc: 20/06 ngày 20 tháng 6 năm 2025

Tại: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 17102024 - VNX /HĐKT

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Hồ sơ xuất xứ, Chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng, kết quả thí nghiệm mẫu kiểm nghiệm chất lượng;

- Kết quả trình mẫu vật liệu & phê duyệt mẫu vật liệu;

- Danh mục tính năng kỹ thuật của các đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công số 02/YCNT/NTLD;

- Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:
 - + TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong
 - + TCVN 33 - 2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;
 - + TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong
 - + TCVN 5957:2008: Thoát nước, mạng lưới bên ngoài và công trình

b. Về chất lượng yêu cầu kỹ thuật lắp đặt

Đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

c. Khối lượng nghiệm thu:

I	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
A	Bể thu gom			
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: $Q_{max} = 39m^3/giờ$. - Cột áp: $H_{max} = 17m$. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: $N = 1,5Kw$ - Điện áp: $E = 03phase, 380V$.	2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam	2	Cái	
3	Song tách rác thô - Sản xuất: Việt Nam - Kích thước: theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304 - Chi tiết theo thiết kế của vinaxanh	1	bộ	
4	Phao mực nước - Sản xuất: Châu Á - Loại: Phao quả - Chiều dài: 5m	2	bộ	
B	BỂ TÁCH CẶN - DẦU			
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: $Q_{max} = 27,6m^3/giờ$. - Cột áp: $H_{max} = 12,5m$. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: $N = 0,75Kw$ - Điện áp: $E = 03phase, 380V$.	1	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam	1	Cái	
3	Rọ tách rác - Sản xuất: Việt Nam - Kích thước: 600x600x600mm - Vật liệu: Inox 304 - Chi tiết theo thiết kế của vinaxanh	1	Cái	

4	Hộp thu văng nổi - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304		1	Cái	
	Bồn chứa văng dầu - Nước sản xuất: Tân Á - Việt Nam - Bồn chứa: V= 1000lít. - Vật liệu: Nhựa PP/PE/PVC		1	Cái	
	BỂ ĐIỀU HÒA				
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: Qmax= 39m3/giờ. - Cột áp: Hmax= 17m. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: N= 1,5Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V.		2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam		2	Cái	
3	Phao mực nước - Sản xuất: Châu Á - Loại: Phao quả - Chiều dài: 5m		2	bộ	
4	Đồng hồ điện tử đo lưu lượng - Nước sản xuất: Taiwan - Chất liệu: thân gang. - Kết nối: Lắp bích. - Kích thước: DN80 - Áp suất làm việc: 16 kg/cm2 - Nhiệt độ làm việc: Max 150 độ C - Tín hiệu: 4-20mA - Lớp lót đồng hồ: PTFE - Tiếp điểm: SUS304		1	Cái	
D	BỂ PHẢN ỨNG				
1	Motor khuấy giảm tốc bể phản ứng - Nước sản xuất: Taiwan - Tỉ số truyền: i = 25 - Công suất: N= 0,4Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V, 50Hz.		1	cái	
2	Cánh khuấy - Sản xuất: Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh - Kích thước: Theo bản vẽ thi công - Vật liệu: trục và cánh Inox 304, củ trục thép		1	cái	

3	Bộ điều khiển pH - Sản xuất: Taiwan - Màn hình điều khiển , 2 relay, 135 x 135 x 195mm - Đầu dò pH Sentix XO, WTW/Đức - Dây dẫn 10m - Thanh bảo vệ đầu dò & Junction box - Bao gồm cột, vỏ tủ , phụ kiện lắp đặt		1	bộ	
E	BỂ KEO TỤ				
1	Motor khuấy giảm tốc bể keo tụ - Nước sản xuất: Taiwan - Tỉ số truyền: i = 25 - Công suất: N= 0,4Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V, 50Hz.		1	cái	
2	Cánh khuấy - Sản xuất: Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh - Kích thước: Theo bản vẽ thi công - Vật liệu: trục và cánh Inox 304, củ trục thép		1	cái	
F	BỂ TẠO BÔNG				
1	Motor khuấy giảm tốc bể tạo bông - Nước sản xuất: Taiwan - Tỉ số truyền: i = 60 - Công suất: N= 0,4Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V, 50Hz.		1	cái	
2	Cánh khuấy - Sản xuất: Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh - Kích thước: Theo bản vẽ thi công - Vật liệu: trục và cánh Inox 304, củ trục thép		1	cái	
G	BỂ LẮNG HÓA LÝ				
1	Ống lắng trung tâm - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304, 1mm		1	bộ	
2	Tấm chắn bùn nổi, máng răng cưa - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304, 1,5mm		1	bộ	
3	Hệ thống cần gạt bùn ly tâm. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Kích thước: theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304 - Cần gạt bùn: Củ trục trên thép, Củ trục dưới inox 304, Trục inox 304, cánh gạt bùn bằng inox 304, chổi gạt cao su. - Phụ kiện: Khung định vị, giá treo cần gạt, Bulong liên kết cấu trúc neo cần gạt.		1	Bộ	

4	Motor gạt bùn ly tâm - Nước sản xuất: Taiwan - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380v/50hz - Motor giảm tốc: 9-12 vòng/ giờ - Phụ kiện kèm theo: bộ đỡ motor bằng thép chi tiết theo bản vẽ thi công	1	Cái	
5	Hộp thu váng nổi - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304	1	Cái	
H	BỂ TÁCH BÙN HÓA LÝ			
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: Qmax= 27,6m3/giờ. - Cột áp: Hmax= 12,5m. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: N= 0,75Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V.	2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam	2	Cái	
I	BỂ THIẾU KHÍ			
1	Motor khuấy trộn chìm bể thiếu khí - Nước sản xuất: Taiwan - Công suất: 1.5kw - Điện áp: 380v/50hz	2	Cái	
2	Phụ kiện lắp đặt motor khuấy chìm - Nối sản xuất: Vinaxanh - Thanh dẫn hướng, xích kéo - Inox 304	2	Cái	
K	BỂ HIẾU KHÍ			
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: Qmax= 39m3/giờ. - Cột áp: Hmax= 17m. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: N= 1,5Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V.	2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam	2	Cái	
3	Hệ thống đĩa phân phối khí hoà tan. - Nước sản xuất: USA - Hình dạng: Đĩa tròn, D= 241mm - Lưu lượng khí: Qk = 5m3/giờ	1	Gói	
L	BỂ LẮNG SINH HỌC			
1	Ống lắng trung tâm Bể lắng. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Kích thước: theo thiết kế - Vật liệu: inox 304, d= 1mm. - Phụ kiện: Khung định vị, giá treo ống lắng, Bulong liên kết cấu trúc neo ống.	1	Bộ	

2	Tấm chắn bùn nổi, máng răng cưa - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304, 1,5mm		1	Bộ	
3	Hệ thống cần gạt bùn ly tâm. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Kích thước: theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304 - Cần gạt bùn: Cù trục trên thép, Cù trục dưới inox 304, Trục inox 304, cánh gạt bùn bằng inox 304, chổi gạt cao su. - Phụ kiện: Khung định vị, giá treo cần gạt, Bulong liên kết cầu trục neo cần gạt.		1	Bộ	
4	Motor gạt bùn ly tâm - Nước sản xuất: Taiwan - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380v/50hz - Motor giảm tốc: 9-12 vòng/ giờ - Phụ kiện kèm theo: bộ đỡ motor bằng thép chi tiết theo bản vẽ thi công		1	Cái	
5	Hộp thu váng nổi - Sản xuất: Gia công - Việt Nam - Kích thước theo thiết kế - Vật liệu: Inox 304		1	Cái	
M	BỂ TÁCH BÙN				
1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: Qmax= 27,6m3/giờ. - Cột áp: Hmax= 12,5m. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: N= 0,75Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V.		2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam		2	Cái	
O	HỆ THỐNG MÁY ÉP BÙN				
1	Bơm bùn về máy ép bùn - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: Qmax= 27,6m3/giờ. - Cột áp: Hmax= 12,5m. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: N= 0,75Kw - Điện áp: E= 03phase, 380V.		2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam		2	Cái	

3	Phao mực nước - Sản xuất: Châu Á - Loại: Phao quả - Chiều dài: 5m		2	bộ	
4	Bơm rửa băng tải - Bơm nước: Taiwan - Qmax: 3.8m ³ /h - Hmax: 5 bar - Công suất điện 1.5Kw		1	Cái	
5	Bồn pha chế hóa chất - Xuất xứ: Tân Á - Việt Nam - Vật liệu: PVC/PE/HDPE - Bồn chứa: V= 1000lit.		1	bộ	
6	Bơm định lượng hóa chất. - Nước sản xuất: Ý - Lưu lượng: Q= 0 - 155 l/h. - Áp suất: P=10 bar - Công suất: N= 0.25 kW - Điện áp: E= 3pha/380V/50Hz.		1	Cái	
7	Motor khuấy trộn hóa chất - Nước sản xuất: Taiwan hoặc tương đương . - Công suất: 0.2kw - Điện áp: 380v/50hz - Tỉ số truyền i = 25		1	cái	
8	Cánh khuấy khuấy trộn hóa chất - Sản xuất: Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh - Kích thước: theo bản vẽ thi công - Vật liệu: Cánh khuấy và trục khuấy Inox 304, củ trục thép		1	cái	
9	Máy ép bùn băng tải - Sản xuất: Việt Nam - Kiểu: băng tải đôi, Loại chỉnh băng tự động bằng khí nén, Chiều rộng băng tải: 800mm, Vật liệu băng tải: sợi P.E.S Taiwan, Vật liệu cấu tạo máy: Thép không gỉ SUS 304, Vật liệu bể chứa bùn: Thép không gỉ SUS 304, Vật liệu drum vắt nước: Thép không gỉ SUS 304, Vật liệu máng thu nước: Thép không gỉ SUS 304 - Công suất motor hộp số drum vắt nước: 1/2 HP, Công suất motor khuấy trộn: 1/2 HP, Tốc độ băng tải: 2-8 m/phút - Hệ thống li tâm drum tách nước và bùn thải, làm tăng hàm lượng bùn trong nước trước khi vào băng tải, Chỉnh băng tự động bằng ben khí Công suất xử lý: 2.5 - 5 m ³ /giờ (tùy thuộc vào tính chất của lượng bùn)		1	hệ	
10	Máy nén khí: Thông số kỹ thuật: - Công suất: 1.5 kW - Điện áp: 220V/1pha/50Hz Hãng sản xuất: Fusheng - Châu Á		1	Cái	
P	THIẾT BỊ HỒ SỰ CỎ				

1	Bơm nước thải chìm - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: $Q_{max} = 39m^3/giờ$. - Cột áp: $H_{max} = 17m$. - Chất liệu: Thân Inox, cánh gang. - Công suất: $N = 1,5Kw$ - Điện áp: $E = 03phase, 380V$.		2	Cái	
2	Phụ kiện bơm chìm - Auto coupling: Sản xuất - Việt Nam - Gia công: Thanh trượt, xích kéo: inox 304 - Việt Nam		2	Cái	
4	Phao mực nước - Sản xuất: Châu Á - Loại: Phao quả - Chiều dài: 5m		1	bộ	
Q	CHI PHÍ CHUNG				
1	Máy cung cấp dưỡng khí - Nước sản xuất: Taiwan - Lưu lượng: $Q_{tk} = 7,52m^3/ phút$. - Cột áp: $H_{tk} = 5m$. - Động cơ Elektrim-Singapore, Công suất: $N = 15HP$ - Điện áp: 03phase, 380V, 50Hz. - Phụ kiện sản xuất Việt Nam: Ống hút khí đầu vào đầu ra. Bộ chân đế, dây coroa...		2	Bộ	
2	Hệ thống ống cấp khí - Nước sản xuất: Việt Nam - Nhiệm vụ: Dẫn khí trong hệ thống - Ống dẫn: Thép mạ kẽm trên mặt nước, dưới nước UPVC C2 - Phụ kiện: Van, co, tee, giảm, bích... phù hợp với vật liệu và chủng loại ống.		1	Gói	
3	Hệ thống ống công nghệ trạm xử lý nước thải - Nước sản xuất: Việt Nam - Nhiệm vụ: Dẫn nước, hóa chất trong hệ thống. - Bao gồm ống dẫn nước thải trong toàn bộ hệ thống xử lý, không bao gồm đường ống thu gom nước thải tại các điểm phát sinh. - Không bao gồm hệ thống ống thoát nước thải sau xử lý. - Ống dẫn: PVC loại C2 - Ống dẫn hóa chất PVC loại C2 - Phụ kiện: Van, co, tee, giảm, bích... phù hợp với vật liệu và chủng loại ống.		1	Gói	
4	Bồn pha chế hóa chất - Xuất xứ: Tân Á - Việt Nam - Vật liệu: PVC/PE/HDPE - Bồn chứa: $V = 1000lit$.		5	bộ	

5	Bơm định lượng hóa chất. - Nước sản xuất: Ý - Lưu lượng: Q= 0 - 155 l/h. - Áp suất: P=10 bar - Công suất: N= 0.25 kW - Điện áp: E= 3pha/380V/50Hz.	10	Cái	
6	Motor khuấy trộn hóa chất - Nước sản xuất: Taiwan hoặc tương đương . - Công suất: 0.2kw - Điện áp: 380v/50hz - Tỉ số truyền i = 25	5	cái	
7	Cánh khuấy trộn hóa chất - Sản xuất: Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh - Kích thước: theo bản vẽ thi công - Vật liệu: Cánh khuấy và trục khuấy Inox 304, củ trục thép	5	cái	
8	Hệ thống giá đỡ bơm định lượng, máy khuấy - Vật liệu thép + Sơn chống rỉ - Khung giá đỡ - Chế tạo theo bản vẽ thiết kế	1	Bộ	
9	Hệ thống tủ điện điều khiển trạm xử lý nước thải. - Linh kiện chính: Linh kiện chính sản xuất theo tiêu chuẩn Japan, Một số linh kiện sản xuất tại China, Taiwan... - Lắp đặt: Vinaxanh. - Tủ điện điều khiển: Tủ điện, MCB, Khởi động từ, atomat bảo vệ từng thiết bị, Relay trung gian, Đèn chiếu sáng, công tắc hành trình, cầu đấu, công tắc khẩn cấp, bảo vệ pha, phao không chế mực nước, công tắc chuyển mạch...	1	Bộ	
10	Đường điện kỹ thuật kết nối thiết bị ở trạm xử lý. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Hãng sản xuất: Cadisun. - Truyền tải điện, dẫn tín hiệu điều khiển thiết bị - Bao gồm máng cáp, ống dẫn PVC, HPDE, ống ruột gà, hộp đấu nối...	1	Gói	
11	Hệ thống ke đỡ ống toàn bộ hệ thống. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Vật liệu: inox 304 - Kích thước: Phụ thuộc vào đường kính ống, địa hình đi ống và độ hở của ống với thành.	1	Gói	

12	Ba lãg xích kéo thiết bị cho việc kiểm tra sửa chữa - Xuất xứ: China - Loại Pa lãg móc kéo - Tốc độ nâng: Kéo tay - Trọng lượng nâng tối đa: 1 Tấn - Chiều cao nâng tiêu chuẩn: 3m - Chiều cao nâng tối đa: 30m - Xích tiêu chuẩn được sử dụng: G80 mạ kẽm - Vật liệu: hợp kim thép	1	Gói	
13	Nhân công lắp đặt - Nhân công kỹ thuật lắp đặt thiết bị công nghệ. - Nhân công kỹ thuật lắp đặt đường ống công nghệ. - Kỹ sư quản lý cài đặt tham số vận hành và vận hành ổn định hệ thống, kiểm tra theo dõi ổn định trong quá trình vận hành thử. - Kỹ sư theo dõi, bảo hành, bảo trì,... - Chi phí quản lý khác	1	Gói	
14	Chi phí tư vấn, thiết kế - Khảo sát chi tiết trong quá trình thiết kế - Thiết kế sơ bộ và lập dự toán công trình - Thiết kế chi tiết thi công công trình - Thuyết minh kỹ thuật và lập hồ sơ hoàn công công trình - Các thủ tục giấy tờ khác,...	1	Gói	
15	Chi phí vận chuyển máy móc thiết bị	1	Gói	
16	Chi phí vật tư phụ khác	1	Gói	

d) Các ý kiến khác nếu có.

5. Kết luận:

☒ Chấp thuận nghiệm thu. ☐ Không chấp thuận nghiệm thu.

- Lý do không chấp thuận nghiệm thu:

- Các sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa:

- Thời hạn khắc phục các sai sót và các khiếm khuyết:

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

CHỦ ĐẦU TƯ


 Nguyễn Văn Đạt

ĐƠN VỊ THI CÔNG


 Nguyễn Tuấn Khôi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

SỐ: 03/YCNT/TXLNT

Công trình: Trạm xử lý nước thải CCN Thụy Lâm- Đông Anh
Hạng mục: Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m3/ ngày đêm và hệ thống xử lý mùi
Địa điểm xây dựng: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

Đơn vị thi công đã hoàn thành công việc lắp đặt, sửa chữa, bảo trì đã tiến hành kiểm tra và nghiệm thu nội bộ đảm bảo yêu cầu thiết kế và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đơn vị thi công đề nghị chủ đầu tư, nghiệm thu công việc như sau:

Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý mùi cho trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp Thụy Lâm -Đông Anh công suất 500m3/ ngày đêm.

Thời gian nghiệm thu: 11 h 00, ngày 20 tháng 6 năm 2025

ĐƠN VỊ THI CÔNG


Nguyễn Tuấn Khôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oo0oo---

Hà nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT
SỐ:03 /NTCV/TXLNT

Công trình: Trạm xử lý nước thải CCN Thụy Lâm- Đông Anh
Hạng mục: Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải Cụm Công Nghiệp Thụy Lâm- Đông Anh công suất 500m3/ ngày đêm và hệ thống xử lý mùi
Địa điểm xây dựng: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý mùi cho trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp Thụy Lâm -Đông Anh công suất 500m3/ ngày đêm.

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

2.1. Đại diện Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG THANH BÌNH

+ Ông: Nguyễn Đại Dương

Chức vụ: Chủ tịch

+ Ông:

Chức vụ:

2.2. Đại diện nhà thầu thi công: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VINAXANH

+ Ông: Nguyễn Tuấn Khô

Chức vụ: G.B.K.T

+ Ông:

Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

+ Bắt đầu: 10h00 ngày 20 tháng 6 năm 2025

+ Kết thúc: 11h00 ngày 20 tháng 6 năm 2025

Tại: CCN Thụy Lâm - xã Thụy Lâm - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 17102024 -VNX /HĐKT

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;

- Hồ sơ xuất xứ, Chứng chỉ kỹ thuật xuất xưởng, kết quả thí nghiệm mẫu kiểm nghiệm chất lượng;

- Kết quả trình mẫu vật liệu & phê duyệt mẫu vật liệu;

- Danh mục tính năng kỹ thuật của các đối tượng nghiệm thu;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công...../YCNT/NTLD;

- Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng;

- + TCVN 4513:1988: Cấp nước bên trong
- + TCVN 33 - 2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;
- + TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong
- + TCVN 5957:2008: Thoát nước, mạng lưới bên ngoài và công trình

b. Về chất lượng yêu cầu kỹ thuật lắp đặt

Đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

c. Khối lượng nghiệm thu:

II	Hệ thống xử lý mùi	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Hệ thống tháp xử lý mùi - Sản xuất: Việt Nam - Kích thước: D1000xH2700 (mm) - Vật liệu: Thép CT3 - Vật liệu đệm: Than hoạt tính - Bao gồm thang, sàn lấy mẫu: thép CT3	1	cái	
2	Quạt hút mùi - Sản xuất: Việt Nam - Kiểu: ly tâm - Lưu lượng: 1000-1500m ³ /h - Áp lực làm việc: 200-400Pa - Công suất: 0,75kW; 380V/3ph/50Hz	1	cái	
3	Đường ống công nghệ - Nước sản xuất: Việt Nam - Vật liệu ống: uPVC C2. - Nhiệm vụ: Thu gom vận chuyển mùi về tháp xử lý	1	Gói	
4	Hệ thống điều khiển vào tủ trung tâm - Linh kiện chính: Japan - India - Korea - Linh kiện phụ: Malaysia - Taiwan - China - Việt Nam. - Lắp đặt: Vinaxanh.	1	Gói	
5	Đường điện kỹ thuật kết nối thiết bị ở trạm xử lý. - Nước sản xuất: Việt Nam. - Hãng sản xuất: Cadisun. - Truyền tải điện, dẫn tín hiệu điều khiển thiết bị	1	Gói	
6	Hệ thống ống đi dây điện đấu nối thiết bị trạm xử lý - Nước sản xuất: Việt Nam - Vật liệu ống: ống uPVC C2, ống ruột gà... - Nhiệm vụ: luồn dây điện hệ thống	1	Gói	

7	Nhân công kỹ thuật công nghệ lắp đặt (kỹ sư công nghệ) - Nhân công kỹ thuật lắp đặt thiết bị công nghệ. - Nhân công kỹ thuật lắp đặt đường ống công nghệ. - Nhân công cài đặt tham số vận hành cho toàn bộ hệ thống.	1	Gói	
8	Chi phí phân tích mẫu kiểm tra - nghiệm thu - Chỉ tiêu: H ₂ S, CO ₂ , CH ₄ , Amoniac (theo Quyết định phê duyệt ĐTM)	1	Gói	
9	Chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị, vật tư đến công trình	1	Gói	

d) Các ý kiến khác nếu có.

5. Kết luận:

☒ Chấp thuận nghiệm thu. ☐ Không chấp thuận nghiệm thu.

– Lý do không chấp thuận nghiệm thu:

– Các sai sót còn tồn tại và các khiếm khuyết cần sửa chữa:

– Thời hạn khắc phục các sai sót và các khiếm khuyết:

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

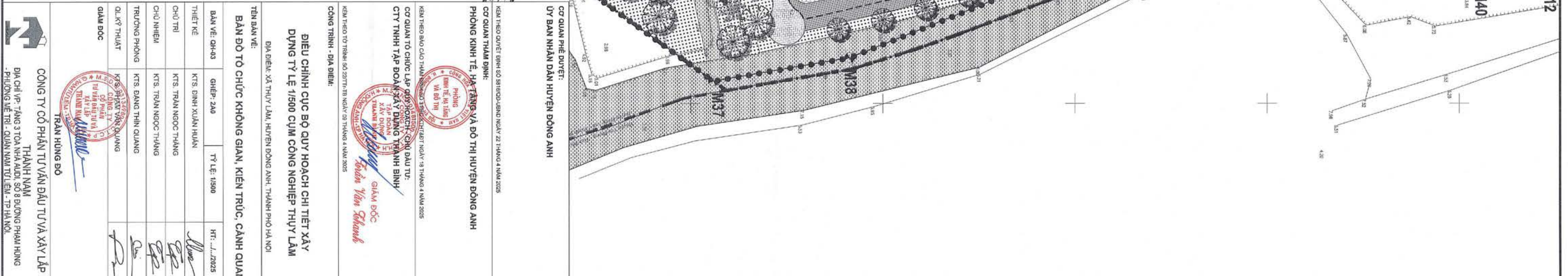
CHỦ ĐẦU TƯ


Nguyễn Đức Huy

ĐƠN VỊ THI CÔNG


Nguyễn Tuấn Khơ





THUYẾT MINH THIẾT KẾ

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng
 - Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết kế giao thông đô thị;
 - QCVN01:2021/BDX "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng";
 - QCVN 07-4:2023/BDX "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông";
 - Đường đô thị yêu cầu thiết kế TCXDVN 104 : 2007;
 - Đường ô tô yêu cầu thiết kế TCVN 4054 : 2005;
 - Áo đường cứng đường ô tô tiêu chuẩn thiết kế 22 TCN 211-06;
 - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản pháp quy khác có liên quan được phép áp dụng theo quy định hiện hành...
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan.
- Nguyên tắc thiết kế
 - Tuân thủ mạng lưới quy hoạch giao thông theo Quy hoạch điểm dân cư nông thôn xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt. Cấu trúc mạng lưới đường và tổ chức giao thông phù hợp với tổ chức mặt bằng không gian kiến trúc cảnh quan của Cụm công nghiệp Thụy Lâm.
 - Tuân thủ các quy hoạch liên quan đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.
 - Xác định các bãi đỗ xe tập trung phục vụ cho nhu cầu đỗ xe của khu vực và phân tán cho khu vực kể cả các bãi đỗ xe cho nhà hành chính, dịch vụ, các bãi đỗ xe bố trí kết hợp tại các khu đất cây xanh tập trung
- Giải pháp thiết kế
 - Hệ thống đường giao thông được quy hoạch theo mạng lưới ô bản cũ. Hệ thống các trục đường khu vực, phân khu vực tạo thành mạng xương sống cho toàn dự án.
 - Các hệ thống trục đường giao thông thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, hệ thống các trục đường được phân cấp rõ ràng tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.
 - Giao thông đối ngoại :
 - Phía Tây khu quy hoạch giáp đường Dục Tú (ngã rẽ giới nghiêm cũ) mặt cắt ngang đường rộng 20.5m (5.0+5.25x2+5.0)m (mặt cắt A-A).
 - Đường khu vực đông vai trò trục chính tiếp cận cụm công nghiệp (trong ranh giới nghiêm cũ), hướng tuyến chạy từ phía Tây Nam khu quy hoạch đi xã Phú Khê mặt cắt ngang E-B bề rộng mặt cắt ngang 17m (3.5+10.5+3.0)m.
 - Đường Đông Bắc khu quy hoạch đi QL3 mới mặt cắt ngang C-C bề rộng mặt cắt ngang 17m (5.0+7.0+5.0)m.
 - Giao thông nội bộ phục vụ khu công nghiệp : gồm các tuyến đường có mặt cắt 1-1, mặt cắt 2-2:
 - Đường giao thông có mặt cắt ngang 1-1 (đường chính cụm công nghiệp):
 - Chi giới đường đỏ: 17.5 m
 - Mặt đường xe chạy: 11.5 m
 - Hệ đường: 3m x 2 = 6m
 - Đường giao thông có mặt cắt ngang 2-2 (đường chính cụm công nghiệp):
 - Chi giới đường đỏ: 13.5 m
 - Mặt đường xe chạy: 7.5 m
 - Hệ đường: 3m x 2 = 6m
 - Đường giao thông có mặt cắt ngang 3-3 (đường nhánh cụm công nghiệp):
 - Chi giới đường đỏ: 9 m
 - Mặt đường xe chạy: 5 m
 - Hệ đường: 3m x 2 = 6m
 - Đường giao thông có mặt cắt ngang 4-4 (đường FCCC):
 - Chi giới đường đỏ: 3.5 - 4.0m
 - Mặt đường xe chạy: 3.5 - 4.0m
 - Hệ đường: 3m x 2 = 6m
 - Thiết kế nút giao thông
 - Trong khu vực lập quy hoạch các giao cắt chủ yếu là ở các ngã ba, ngã tư, tuy nhiên với quy mô mặt cắt ngang đường vừa phải và việc phân cấp mạng lưới đường mạch lạc, hợp lý (xung đột giữa các luồng giao thông nhỏ) nên chỉ bố trí các nút giao thông cùng mức. Hình thái nút giao thông cùng mức này vừa giảm được chi phí xây dựng đồng thời vẫn đảm bảo được khả năng lưu thông tốt của các phương tiện giao thông.
 - Bán kính bó vỉa trong phạm vi nút trung bình 12m (tối thiểu không nhỏ hơn 8m).
 - Bãi đỗ xe
 - Trên toàn bộ diện tích dự án quy hoạch bố trí 2 bãi đỗ xe tập trung tại các vị trí đất cây xanh cảnh quan có tổng diện tích 4.241m². Ngoài ra trong từng đơn vị ở và các công trình công cộng, thương mại dịch vụ đều có bố trí đỗ xe tự đảm bảo nhu cầu cho từng đơn vị.



- + Tiêu chuẩn ngành QCVN 01/2023/BXD: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- + TCVN 4447-2012: công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 7957-2023: tiêu chuẩn thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.
- Quy hoạch thoát nước mưa
- Hướng thoát nước chính của dự án: Thoát về tuyến mương tiêu thoát nước khu vực phía Đông Nam khu đất dự án.
- Bảo vệ khoảng cách trung bình giữa các giếng theo quy định hiện hành.
- Phân chia lưu vực thoát nước chính:
- Khu đất quỹ hoạch được phân chia thành 2 lưu vực thoát nước chính:
- Lưu vực 1: Gồm khu vực phía Bắc tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 5,92ha.
- Lưu vực 2: Gồm khu vực phía Nam tuyến đường nhựa hiện có, diện tích lưu vực khoảng 11,08ha.
- Mạng lưới thoát nước mưa:
- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn: nước mưa riêng, nước bẩn riêng.
- Mạng lưới thoát nước mưa được tính toán thiết kế đảm bảo thu gom và vận chuyển nước mưa ra khỏi lưu vực một cách nhanh nhất, tránh ứng dụng đường phố và các công trình ngầm.
- Nước mưa được thu gom và vận chuyển thẳng vào khu vực, thuận lợi cho phân kỳ xây dựng.
- Đảm bảo nước thoát ra khu vực dân cư đảm bảo an toàn các đường nội thành và khu vực đô thị lân cận.
- Sử dụng công trình đường kính từ D600 - D1200 để thu gom thoát nước mưa sau đó thoát về mương. Hệ thống mương được trong dự án được thoát ra kênh mương hiện trạng có thể thông công năng Bbox= 2x35x3m.
- 2. Quy hoạch san nền
- Cao độ xây dựng lưu vực cho khu vực dự án được lưu vực chọn tuân thủ theo định hướng cao độ bằng chế của khu vực từ 2,0 m đến 6,60m.
- Cao độ các ô đất san nền được vượt một cao độ nhất định tiếp via hệ các tuyến đường hiện trạng trong dự án.
- Phân tích giúp cao độ đất xây dựng với khu vực ven kênh tiêu thoát nước sử lý bằng hệ tiêu thoát đảm bảo an định cho nền đất.



1. Nguồn cấp:
 - Nguồn nước cấp chủ yếu được lấy từ tuyến ống cấp nước của dự án cấp nước sạch cho khu vực Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch số 1 AQUACON là khu dân cư. Trong giai đoạn tiếp theo, Chủ đầu tư xây dựng HTKT cụm công nghiệp cần liên hệ với cơ quan quản lý nước sạch để thỏa thuận đầu nối. Vị trí đầu nối cụ thể sẽ do cơ quan quản lý nước sạch thỏa thuận chi tiết.
2. Mạng lưới cấp nước:
 - Thiết kế mạng lưới cấp nước dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh cụt, đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn cho khu vực.
 - Thiết kế mạng lưới đường ống công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt và cấp nước cho nhà.
 - Vật liệu ống cấp nước trong dự án lấy là ống HDPE cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng.
3. Các ống cấp nước được đặt trên bề, đảm bảo khoảng cách quy định với các tuyến hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định hiện hành.
3. Cấp nước cứu hỏa:
 - Dọc các tuyến đường có đường ống cấp nước có đường kính 110mm trở lên, bố trí các trụ cứu hỏa. Khoảng cách các trụ cứu hỏa trên mạng lưới được bố trí theo quy định hiện hành.



CAO TỐC HÀ NỘI - THÁI NGUYÊN

TỦ TRẠM CẤP NƯỚC HÀ LÂM TÔI

BỂ CHỨA NƯỚC DỰNG TÍCH: 650M³

TRẠM BƠM TĂNG ÁP
CS: 1000M³/NG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

ĐƯỜNG BÊ TÔNG

THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC

STT HẠNG MỨC ĐƠN VỊ LƯỢNG KHỐI

1 Ông HOPE D90 m 1020

2 Ông HOPE D110 m 2080

3 Trụ cứu hộ m 11

4 Trạm bơm + Cầu cạn cs: 1

5 Hệ thống nước: 650m³/ng

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

79

80

81

82

83

84

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97

98

99

100

101

102

103

104

105

106

107

108

109

110

111

112

113

114

115

116

117

118

119

120

121

122

123

124

125

126

127

128

129

130

131

132

133

134

135

136

137

138

139

140

141

142

143

144

145

146

147

148

149

150

151

152

153

154

155

156

157

158

159

160

161

162

163

164

165

166

167

168

169

170

171

172

173

174

175

176

177

178

179

180

181

182

183

184

185

186

187

188

189

190

191

192

193

194

195

196

197

198

199

200

201

202

203

204

205

206

207

208

209

210

211

212

213

214

215

216

217

218

219

220

221

222

223

224

225

226

227

228

229

230

231

232

233

234

235

236

237

238

239

240

241

242

243

244

245

246

247

248

249

250

251

252

253

254

255

256

257

258

259

260

261

262

263

264

265

266

267

268

269

270

271

272

273

274

275

276

277

278

279

280

281

282

283

284

285

286

287

288

289

290

291

292

293

294

295

296

297

298

299

300

301

302

303

304

305

306

307

308

309

310

311

312

313

314

315

316

317

318

319

320

321

THUYẾT MINH THIẾT KẾ

1. **Trạm xử lý nước thải:**
 - Dự kiến xây dựng trạm xử lý nước thải có bộ cho dự án tại phía Nam Cụm công nghiệp trong khu dân cư kỹ liệu HTKT2. Công suất trạm xử lý dự kiến khoảng 1.000m³/ngày đêm. Trạm xử lý áp dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn về sinh môi trường theo quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước bên ngoài.
2. **Mạng lưới thoát nước:**
 - Mạng lưới thoát nước thải cụm công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng.
 - Nước thải sản xuất trong nhà máy xử lý nước thải theo tiêu chuẩn Thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của cụm công nghiệp rồi dẫn về trạm xử lý tập trung. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn về sinh môi trường được xả ra hệ thống thoát nước mưa.
 - Mạng lưới thoát nước thải dòng tròn HDPE đi trên hè, có đường kính công D300 có chiều sâu chôn ống tối thiểu là 1,0m tính từ mặt hè đến đáy ống.
3. **Vệ sinh môi trường:**
 - Koli lượng chất rắn của dự án khoảng 4,25 tấn/ngày đêm.
 - Chất rắn rắn tại cụm công nghiệp, bất trước phải phân loại tại nguồn, bỏ đi các thùng đựng chất rắn có nắp đậy kín. Sau khi thu gom tại nguồn, chất thải được đưa tới khu xử lý hệ thống đã lập thu, phân loại. Sau đó được vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của Thành phố và khu vực.
4. **Nhà vệ sinh công cộng:**
 - Trên các trục đường chính, các khu dịch vụ công cộng, khu cây xanh và các nơi công cộng khác... phải bố trí nhà vệ sinh công cộng, đảm bảo khoảng cách theo quy định.

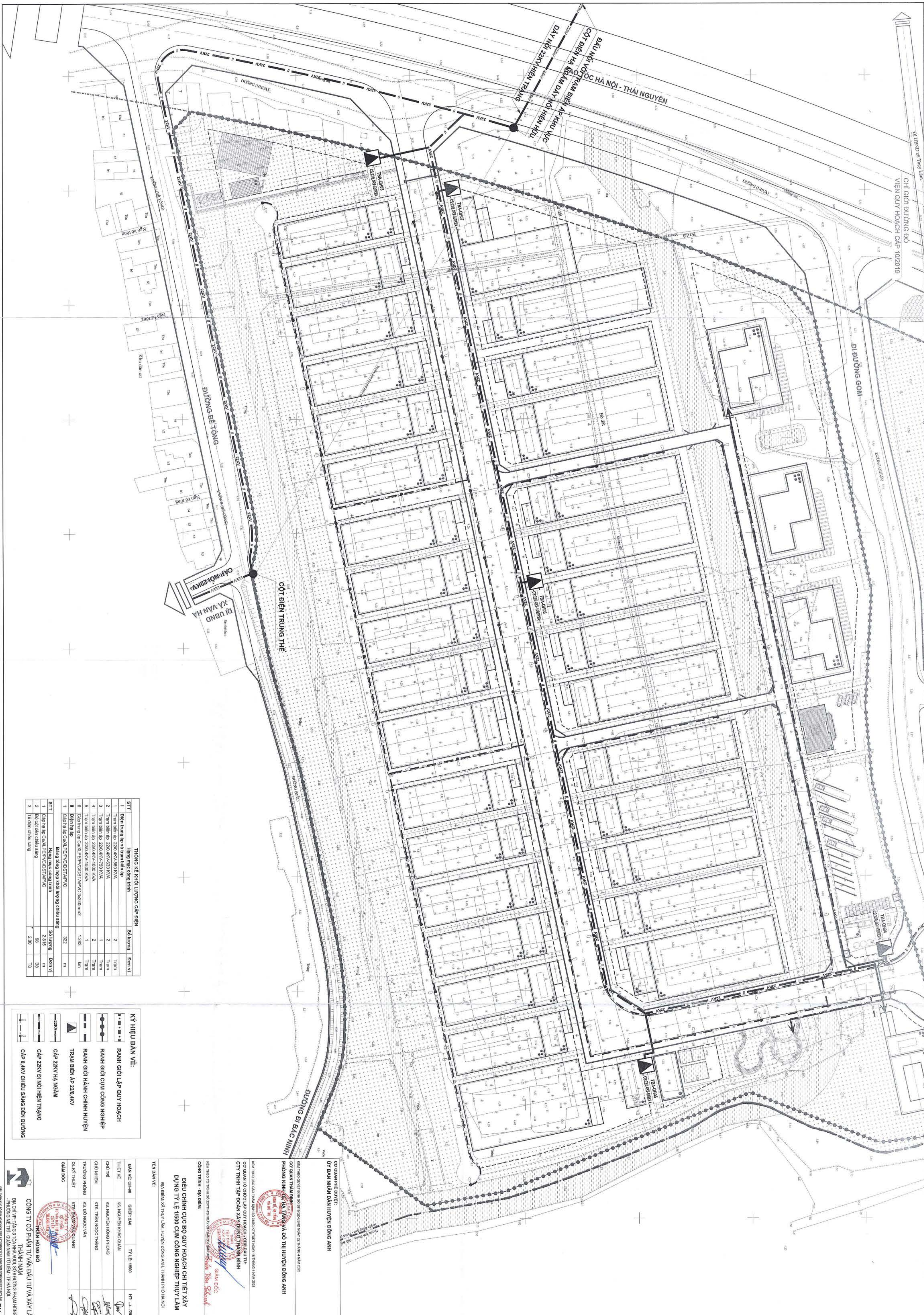
định.



L. THUYẾT MINH THIẾT KẾ

1. Nguồn cấp:
 - Nguồn điện cấp cho Cụm công nghiệp từ trạm 110KV Đồng Anh tỉnh.
 - Tổng nhu cầu dự kiến khoảng 5MW.
2. Lưu lượng và trạm biến áp
 - Đường cấp điện cho khu vực quy hoạch là đường cáp ngầm 22KV được thiết kế ở dạng mạch vòng vận hành hồ.
 - Phương án cấp điện: Dự kiến xây dựng trạm biến áp riêng và trạm cắt trung thế cho từng ô đất trong Cụm công nghiệp để chờ đầu nối điện cho trạm biến áp của các ô đất công nghiệp sau này.
3. Trạm biến áp phân phối:
 - Dự kiến xây dựng 1 trạm bus 150KV/A đặt tại khu đất cấp xanh để cấp điện cho các khu công trình công cộng, trạm xử lý, bến xe, chiếu sáng đường, khu cây xanh.
 - Lưu lượng thế có cấp điện áp 380/220V, gồm các tuyến cáp ngầm 0,4KV xuất phát từ ra hạ thế của trạm biến áp đến các khu công cộng, cây xanh....
4. Chiếu sáng:
 - Nguồn điện chiếu sáng cho đến được lấy ra từ trạm 2 trạm biến áp TBA-CH01 và TBA-CH04. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực.
 - Đèn đường được bố trí trên trục đường, phương án chiếu sáng đường vào để chờ yêu cầu và kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường.
 - Sử dụng đèn Led làm nguồn sáng để chiếu sáng đường đi, vườn hoa.





THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG CẤP BIÊN			
STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị
I. Bảng tổng hợp khối lượng cấp biên			
1	Đường bê tông cấp biên	2	Tuyến
2	Tuyến bê tông cấp biên	2	Tuyến
3	Tuyến bê tông cấp biên	1	Tuyến
4	Tuyến bê tông cấp biên	2	Tuyến
5	Tuyến bê tông cấp biên	1	Tuyến
6	Tuyến bê tông cấp biên	1	Tuyến
II. Bảng tổng hợp khối lượng cấp biên			
1	Cấp biên cấp biên	322	m
Bảng tổng hợp khối lượng cấp biên			
STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Đơn vị
1	Cấp biên cấp biên	2.815	m
2	Cấp biên cấp biên	98	B0
3	Tổ diện chiếu sáng	2.200	T0

KÝ HIỆU BAN VẼ:

- — — — — RÀNG GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- — — — — RÀNG GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP
- — — — — RÀNG GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN
- — — — — TRẠM BIÊN ÁP 220KV
- — — — — CẤP 220KV VÀ NGÃM
- — — — — CẤP 220KV ĐÓNG TRẮNG
- — — — — CẤP 0,4KV CHIỀU SÁNG ĐƯỜNG

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 CỤM CÔNG NGHIỆP THỤY LÂM

ĐƠN VỊ: XÃ THỤY LÂM, HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BAN VẼ:

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH ĐÔ THỊ HUYỆN ĐÔNG ANH

PHÒNG KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH ĐÔ THỊ HUYỆN ĐÔNG ANH

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 CỤM CÔNG NGHIỆP THỤY LÂM

ĐƠN VỊ: XÃ THỤY LÂM, HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BAN VẼ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP

THÀNH NAM

ĐƠN VỊ: XÃ THỤY LÂM, HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BAN VẼ: